



Tổ chức
Lao động
Quốc tế

VCCI
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



► Tài liệu hướng dẫn cho Giảng viên

Khóa tập huấn doanh nghiệp
về Phòng ngừa và giảm thiểu
lao động trẻ em



Làm kinh doanh đồng thời đảm bảo
tôn trọng quyền trẻ em là doanh nghiệp
không có lao động trẻ em



Tổ chức
Lao động
Quốc tế



► Tài liệu hướng dẫn cho Giảng viên

Khóa tập huấn doanh nghiệp
về Phòng ngừa và giảm thiểu
lao động trẻ em

LÀM KINH DOANH ĐỒNG THỜI ĐẢM BẢO TÔN TRỌNG QUYỀN
TRẺ EM LÀ DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ LAO ĐỘNG TRẺ EM



Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế [2020]

Xuất bản lần đầu tháng 7 năm 2020

Tái bản lần 2 (có sửa đổi) tháng 9 năm 2020



Đây là ấn phẩm truy cập mở được phân phối theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Attribution 4.0 (<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>). Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ, điều chỉnh và viết lại dựa trên tác phẩm gốc, theo chi tiết trong Giấy phép. ILO phải được ghi nhận là chủ sở hữu của tác phẩm gốc. Người dùng không được phép sử dụng biểu tượng của ILO trong công việc của mình.

Trích dẫn – Ấn phẩm này cần được trích dẫn như sau: *Tài liệu hướng dẫn cho Giảng viên - Khóa tập huấn doanh nghiệp về Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em*, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2020.

Bản dịch – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Bản dịch này không phải là bản dịch của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO) và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO không chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch này.*

Bản điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa phương – Bản điều chỉnh của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản điều chỉnh của tác phẩm gốc của Văn phòng Lao động Quốc tế (ILO). Trách nhiệm đối với các quan điểm và ý kiến được thể hiện trong bản điều chỉnh chỉ thuộc về (các) tác giả của bản điều chỉnh và không được ILO phê chuẩn.*

Các câu hỏi về quyền và cấp phép xin gửi về Nhà xuất bản ILO (Quyền và Cấp phép), CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc qua email rights@ilo.org.

Tài liệu hướng dẫn cho Giảng viên - Khóa tập huấn doanh nghiệp về Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, Tổ chức Lao động Quốc tế, 2020.

ISBN: 9789220320570 (Print), 9789220320426 (Web PDF)

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và ILO không chứng thực cho những ý kiến được đưa ra trong ấn phẩm.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó, và việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó.

Truy cập trang web www.ilo.org/publns để có thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO.

Sản phẩm này được thực hiện từ nguồn hỗ trợ Bộ Lao động Hoa Kỳ tài trợ theo Thỏa thuận Hợp tác số IL-26682-14-75-K-11. Một trăm phần trăm tổng chi phí Dự án do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ với tổng số tiền là 10 triệu đô la. Tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm hay các chính sách của Bộ Lao động Hoa Kỳ, cũng như việc đề cập đến thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào không có nghĩa bao hàm sự chứng thực của Chính phủ Hoa Kỳ.

In tại Việt Nam

Lời nói đầu

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng thì việc đáp ứng các tiêu chuẩn và cam kết quốc tế về lao động, đặc biệt là các vấn đề về lao động trẻ em càng được các Doanh nghiệp chú trọng và thực hiện mạnh mẽ hơn.

Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại Châu Á và thứ hai trên Thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em của Liên Hợp Quốc năm 1990. Việt Nam cũng là một trong những nước phê chuẩn các công ước của Tổ chức Lao Động Quốc tế số 182 (năm 1999) về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và số 138 (năm 1973) về Độ tuổi tối thiểu. Việt Nam đã và đang cam kết thực hiện các biện pháp để giải quyết lao động trẻ em thông qua việc xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách và hỗ trợ thể chế để thực hiện. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã thiết lập một khung pháp lý vững chắc để phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế và thực hiện một số chương trình và dự án để giảm thiểu lao động trẻ em tại các cấp trung ương và địa phương.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) có vai trò là tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam. Một trong những nhiệm vụ của VCCI là tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, nâng cao trách nhiệm xã hội, đạo đức và văn hóa kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa và ổn định, bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động xã hội khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Văn phòng Giới sử dụng Lao động/Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (BEA/VCCI) với sự hỗ trợ của dự án Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em tại Việt Nam (ENHANCE) của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xây dựng và hoàn thiện tài liệu: “Hướng dẫn Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho Doanh nghiệp”.

Tài liệu được xây dựng dựa trên những hướng dẫn của Chương trình Quốc tế về Xóa bỏ Lao động Trẻ em (ILO - IPEC) và cập nhật phù hợp với thực tế Việt Nam. Tài liệu giúp Doanh nghiệp có góc nhìn tổng quan lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong kinh doanh. Đồng thời, tài liệu cung cấp những kiến thức cơ bản để nhận biết thế nào là lao động trẻ em, gợi ý những hành động thiết thực của doanh nghiệp để loại trừ những nguy cơ và hậu quả khi sử dụng lao động trẻ em.

Văn phòng Giới sử dụng lao động - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam xin trân trọng cảm ơn Dự án ENHANCE/ILO, Cục Trẻ em - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, chuyên gia tư vấn (bà Nguyễn Hương Trà) và đặc biệt là những người sử dụng lao động các tỉnh/thành phố đã dành thời gian đóng góp nhiều ý kiến cho việc xây dựng và hoàn thiện tài liệu.

Mục lục

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ BỘ TÀI LIỆU	1
1.1. Giới thiệu chung về bộ tài liệu	2
1.2. Mục tiêu của bộ tài liệu	2
1.3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu	2
1.4. Đối tượng mục tiêu bộ tài liệu hướng tới	3
1.5. Cấu trúc và hướng dẫn sử dụng tài liệu	3
1.6. Các lưu ý khi sử dụng bộ tài liệu	4
 PHẦN 2. KHÓA TẬP HUẤN DOANH NGHIỆP VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM	5
2.1. Mục tiêu khóa tập huấn doanh nghiệp	6
2.2. Phân bố chương trình gợi ý	6
2.3. Mở đầu khóa học - Bài mở đầu: Kỳ vọng của doanh nghiệp, mục tiêu và nội dung của khóa học	11
 PHẦN 3. THIẾT KẾ BÀI HỌC THAM KHẢO	13
MÔ-ĐUN 1. Nhận thức về lao động trẻ em	14
Bài 1: Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em	15
Bài 2: Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em	43
Bài 3: Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	48
Bài 4: Pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	62
 MÔ-ĐUN 2. Lập kế hoạch hành động của doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	81
Bài 5: Vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	82
Bài 6: Tổng quan về hành động của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	102
Bài 7: Đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng	112

Bài 8: Xây dựng cam kết chính sách của doanh nghiệp	124
Bài 9: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.....	133
Bài 10: Kiểm soát chuỗi cung ứng	147
Bài 11: Giám sát đánh giá công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	159
Bài 12: Cung cấp thông tin về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho các bên liên quan	173
Bài 13: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em	180
Bài 14: Tổng kết các bước hành động của doanh nghiệp	187
MÔ-ĐUN 3. Sáng kiến cụ thể của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	193
Bài 15: Hội thi sáng kiến của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.....	194
 PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC	199
Phụ lục 1. Các khái niệm cơ bản và tiêu chí xác định lao động trẻ em	200
Phụ lục 2. Danh mục các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên	207
Phụ lục 3. Các trường hợp ngoại trừ theo Công ước số 138 của ILO.....	236
Phụ lục 4. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	237
Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng	239
Phụ lục 6. Ví dụ cam kết chính sách về lao động trẻ em của doanh nghiệp.....	241
Phụ lục 7. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em	242



Phần 1. Tổng quan về bộ tài liệu



1.1. Giới thiệu chung về bộ tài liệu

Bộ tài liệu Hướng dẫn giảng viên cho khóa tập huấn doanh nghiệp về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em là tài liệu hướng dẫn giảng dạy cho doanh nghiệp về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Trong năm 2019, bộ tài liệu này đã được chuyên gia của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) phối hợp biên soạn và hiệu chỉnh phù hợp với điều kiện Việt Nam. Nhóm chuyên gia biên soạn bao gồm các giảng viên cao cấp SIYB: Nguyễn Hương Trà; Nguyễn Thị Kim Dung; Phạm Ngọc Chính. Bộ tài liệu gồm có:

1. Sách hướng dẫn giáo viên; và
2. Bộ slide dành cho giáo viên sử dụng trong lớp tập huấn

Tài liệu gốc được sử dụng để phát triển sách hướng dẫn này là cuốn “ILO-IOE Child Labour Guidance Tool for Business” (dịch ra tiếng Việt là “Công cụ hướng dẫn về lao động trẻ em dành cho doanh nghiệp”) do Chương trình quốc tế về xóa bỏ lao động trẻ em (ILO-IOE) của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xuất bản lần đầu vào năm 2015.

1.2. Mục tiêu của bộ tài liệu

Mục tiêu của bộ tài liệu nhằm:

- Hỗ trợ giáo viên giảng dạy khóa tập huấn doanh nghiệp về nâng cao nhận thức và hành động phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trong kinh doanh;
- Cung cấp nguồn tài liệu tham khảo về vấn đề phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em tiện dụng cho giáo viên, tập huấn viên giảng dạy doanh nghiệp, và cán bộ các doanh nghiệp muốn giảng dạy lại cho cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp, đối tác kinh doanh và các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng của mình; và
- Cung cấp nguồn tài liệu truyền thông, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sử dụng lao động về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em.

1.3. Đối tượng sử dụng bộ tài liệu

Đối tượng sử dụng trực tiếp của bộ tài liệu này là:

- Giáo viên, tập huấn viên cho doanh nghiệp;
- Cán bộ các doanh nghiệp phụ trách nhân sự, tuân thủ, đào tạo, tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm xã hội;
- Ban tổ chức khóa tập huấn doanh nghiệp của các tổ chức đào tạo, hiệp hội

doanh nghiệp có thể tham khảo để xây dựng chương trình và chuẩn bị hậu cần cho khóa đào tạo;

- Các giáo viên, tập huấn viên, cán bộ đào tạo khác quan tâm và mong muốn đưa các nội dung về lao động trẻ em vào công việc đào tạo của mình có thể tham khảo cách giảng dạy; và
- Các tổ chức đại diện người sử dụng lao động (NSDLĐ), vận động chính sách về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em.

1.4. Đối tượng mục tiêu bộ tài liệu hướng tới

Đối tượng mục tiêu bộ tài liệu này hướng tới là:

- Lãnh đạo các doanh nghiệp;
- Cán bộ nhân viên doanh nghiệp trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em; và
- Đối tác kinh doanh, nhà cung cấp, các tổ nhóm sản xuất vệ tinh cho các doanh nghiệp.

1.5. Cấu trúc và hướng dẫn sử dụng tài liệu

Sách Hướng dẫn giáo viên cho khóa tập huấn doanh nghiệp về phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em gồm có ba phần:

Phần 1. Tổng quan về bộ tài liệu

Phần này giới thiệu tổng quan, mục tiêu, đối tượng, cấu trúc và hướng dẫn sử dụng tài liệu

Phần 2. Khóa tập huấn dành cho doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Phần này giới thiệu mục tiêu khóa tập huấn doanh nghiệp, gợi ý các phương án thời khóa biểu phù hợp với thời gian có thể tổ chức tập huấn doanh nghiệp, cách mở đầu khóa học hiệu quả.

Phần 3. Thiết kế bài học tham khảo

Phần này gồm thiết kế gợi ý của toàn bộ 15 bài học trong khóa tập huấn dành cho doanh nghiệp, tương ứng với thời khóa biểu 1 thực hiện trong 5 ngày. Các bài học được phân bố trong 3 mô-đun như sau:

- Mô-đun 1. Nhận thức về lao động trẻ em: 4 bài;
- Mô-đun 2. Lập kế hoạch hành động của doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: 10 bài;
- Mô-đun 3. Sáng kiến cụ thể của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em: 1 bài (dưới hình thức hội thi).

Phần 4. Các phụ lục

Phần này cung cấp thêm các thông tin làm phong phú cho bài giảng của Giảng viên và nguồn tham khảo cho học viên.

Bộ slide gồm 3 phần tương ứng với 3 mô-đun của khóa đào tạo. Bộ slide được thiết kế theo đúng 15 bài học đã nêu ở Phần 3. Thiết kế bài học tham khảo của Sách hướng dẫn giáo viên để tiện cho các bạn sử dụng. Các giáo viên, cán bộ tập huấn có thể sử dụng toàn bộ, hoặc điều chỉnh slide cho phù hợp với bài giảng thực tế của mình.

1.6. Các lưu ý khi sử dụng bộ tài liệu

Giáo viên đặc biệt lưu ý:

- Trong trường hợp khóa học ngắn hơn 5 ngày, giáo viên và ban tổ chức có thể chọn lọc các bài học, nội dung và điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với nhu cầu và thời gian của doanh nghiệp và điều kiện tổ chức của mình.
- Các thiết kế bài học là phương án tham khảo để giáo viên thực hiện khóa học 5 ngày. Các giáo viên, cán bộ đào tạo được khuyến khích nghiên cứu kỹ tài liệu hướng dẫn giáo viên, bộ slide và các nguồn tài liệu liên quan khác. Các bạn có thể điều chỉnh các bước thực hiện cho phù hợp với phương pháp và phong cách giảng dạy của mình cũng như yêu cầu và thời gian thực tế của khóa học.



Phần 2.

Khóa tập huấn doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em



2.1. Mục tiêu khóa tập huấn doanh nghiệp

Sau khi kết thúc khóa học này, học viên có thể:

- Phân tích được khái niệm lao động trẻ em, vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em;
- Xác định và lựa chọn được các hành động mà doanh nghiệp có thể thực hiện; và
- Đề ra và lập kế hoạch triển khai các sáng kiến phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em phù hợp với doanh nghiệp của mình.

2.2. Phân bố chương trình gợi ý

Phần này cung cấp hai thời khóa biểu tham khảo. **Thời khóa biểu 1** gồm 15 bài với thời lượng khóa học dự kiến là 5 ngày. **Thời khóa biểu 2** thể hiện nội dung các bài học chính, bạn có thể áp dụng trong trường hợp thời gian có ít và toàn bộ khóa học dự kiến chỉ kéo dài 1,5-2 ngày.

Chú ý: Đơn vị tổ chức tùy theo thời gian có thể mời doanh nghiệp và nhu cầu của họ để chọn phương án thời khóa biểu phù hợp. Có thể chia một khóa dài ngày thành nhiều khóa ngắn ngày hơn để đảm bảo cả thời gian của doanh nghiệp và nội dung khóa học. Đơn vị tổ chức cũng có thể thiết kế thời khóa biểu mới dựa trên tham vấn nhu cầu đào tạo với doanh nghiệp và quỹ thời gian họ có thể dành cho khóa học.

MỘT VÀI THỜI KHÓA BIỂU THAM KHẢO

Phương án thời khóa biểu 1 (gợi ý)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Ngày 1	
8:00-8:30	Đón tiếp và đăng ký đại biểu
8:30-8:45	Khai mạc
8:45-9:15	Làm quen. Kỳ vọng của doanh nghiệp, mục tiêu và nội dung của khóa học
9:15-10:15	MÔ-ĐUN 1: NHẬN THỨC VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM Bài 1: Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em
10:15-10:30	Giải lao
10:30-11:30	Bài 1: Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em (tiếp) Bài tập tình huống: Trường hợp này có phải lao động trẻ em hay không?
11:30-13:30	Ăn trưa
13:30-13:45	Khởi động đầu giờ
13:45-14:30	Bài 2: Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em.
14:30-15:15	Bài 3: Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
15:15-15:30	Giải lao
15:30-16:15	Bài 4: Pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
16:15-16:30	Ôn tập: Các nội dung đã học trong ngày
Ngày 2	
8:00-8:15	Khởi động đầu giờ
8:15-9:00	MÔ-ĐUN 2: LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHẪM PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM Bài 5: Vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
9:00-9:45	Bài 6: Tổng quan về hành động của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
9:45-10:00	Giải lao

10:00-11:30	Bài 7: Đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng
11:30-13:30	Ăn trưa
13:30-13:45	Khởi động đầu giờ
13:45-14:45	Bài 8: Xây dựng cam kết chính sách của doanh nghiệp
14:45-15:15	Bài 9: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
15:15-15:30	Giải lao
15:30-16:15	Bài 9: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em (tiếp)
16:15-16:30	Ôn tập: Các nội dung đã học trong ngày

Ngày 3

8:00-8:15	Khởi động đầu giờ
8:15-9:45	Bài 10: Kiểm soát chuỗi cung ứng
9:45-10:00	Giải lao
10:00-11:30	Bài 11: Giám sát đánh giá công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
11:30-13:30	Ăn trưa
13:30-13:45	Khởi động đầu giờ
13:45-15:15	Bài 12: Cung cấp thông tin về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho các bên liên quan
15:15-15:30	Giải lao
15:30-16:15	Bài 13: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
16:15-16:30	Ôn tập: Các nội dung đã học trong ngày

Ngày 4

8:00-8:15	Khởi động đầu giờ
8:15-9:00	Bài 13: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em (tiếp)
	Bài 14: Tổng kết các bước hành động của doanh nghiệp
9:00-9:45	• Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong cơ sở của doanh nghiệp • Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp

9:45-10:00	Giải lao
10:15-11:30	MÔ-ĐUN 3: SÁNG KIẾN CỤ THỂ CỦA DOANH NGHIỆP VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM Bài 15: Hội thi sáng kiến của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em Thông báo thể thức hội thi sáng kiến của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em (bài tập thực hành lớn theo doanh nghiệp) Các doanh nghiệp làm bài tập nhóm để chuẩn bị sáng kiến trình bày trong hội thi doanh nghiệp
11:30-13:30	Ăn trưa
13:30-13:45	Khởi động đầu giờ
13:45-16:30	Các doanh nghiệp tham vấn giáo viên và tiếp tục chuẩn bị sáng kiến trình bày trong hội thi doanh nghiệp (Giải lao 15' trong khoảng 15:15-15:30)

Ngày 5

8:00-11:30	Tuyên bố khai mạc hội thi sáng kiến của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp thể hiện sáng kiến cụ thể của mình nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo hình thức hội thi (Giải lao 15' trong khoảng 9:45-10:00)
11:30-13:30	Ăn trưa
13:30-15:00	Các doanh nghiệp thể hiện sáng kiến cụ thể của mình nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo hình thức hội thi (tiếp)
15:00-15:15	Giải lao
15:15-15:45	BGK thống nhất và công bố kết quả hội thi sáng kiến của doanh nghiệp
15:45-16:15	Tổng kết: Các nội dung đã học và kế hoạch triển khai sáng kiến cụ thể của doanh nghiệp
16:15-16:30	Nhận xét, trao chứng chỉ và bế mạc

Phương án thời khóa biểu 2 (khóa rút gọn gợi ý)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Ngày 1	
8:00-8:30	Đón tiếp và đăng ký đại biểu
8:30-8:45	Khai mạc
8:45-9:15	Làm quen. Kỳ vọng của doanh nghiệp, mục tiêu và nội dung của khóa học
9:15-10:15	NHẬN THỨC VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em
10:15-10:30	Giải lao
10:30-11:15	Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em (tiếp) Bài tập tình huống: Trường hợp này có phải lao động trẻ em hay không?
11:15-12:00	Pháp luật quốc gia và quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
12:00-13:30	Ăn trưa
13:30-14:15	LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHẪM PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM
14:15-15:00	Vai trò và hành động của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em
15:00-15:15	Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong cơ sở của doanh nghiệp
15:15-16:30	Giải lao
16:30-16:45	Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp
16:30-16:45	Ôn tập: Các nội dung đã học trong ngày
Ngày 2	
8:30-10:00	SÁNG KIẾN CỤ THỂ CỦA DOANH NGHIỆP VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM Doanh nghiệp đề ra sáng kiến và lập kế hoạch hành động nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

10:00-10:15	Giải lao
10:15-11:15	Doanh nghiệp trình bày kế hoạch triển khai sáng kiến
11:15-11:30	Tổng kết: Các nội dung đã học và kế hoạch triển khai sáng kiến cụ thể của doanh nghiệp
11:30-11:45	Nhận xét, trao chứng chỉ và bế mạc
12:00-13:30	Ăn trưa

2.3. Mở đầu khóa học - Bài mở đầu: Kỳ vọng của doanh nghiệp, mục tiêu và nội dung của khóa học



Mục tiêu

Đây là bài rất quan trọng để mở đầu khóa tập huấn. Mục tiêu của bài này là để học viên:

- Hiểu rõ tên và doanh nghiệp, cơ quan của những học viên khác tham gia khóa tập huấn;
- Thấy rõ những kỳ vọng nào của mình sẽ được đáp ứng qua khóa tập huấn;
- Hiểu được mục tiêu và các nội dung của khóa tập huấn; và
- Xây dựng và thống nhất các nội quy lớp tập huấn.

Đây là những mục tiêu rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả của khóa học. Học viên từ doanh nghiệp cần hiểu rõ những mong muốn nào của mình sẽ được đáp ứng qua khóa học, mong muốn nào còn cần phải tiếp tục học hỏi và hành động về sau. Đặc biệt, học viên sẽ ở một tâm thế phù hợp để lĩnh hội tầm quan trọng và tính ứng dụng của các nội dung về lao động trẻ em với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, bởi vì nội dung này thông thường chưa được các doanh nghiệp quan tâm đầy đủ.



Thời gian dự kiến

30 phút



Phương pháp (gợi ý) và các bước tiến hành

- Làm mẫu
- Nhóm lớn

Phần này giáo viên có thể sử dụng phương pháp rất linh hoạt để đảm bảo hiệu quả và tạo không khí vui vẻ hòa đồng trong lớp mà vẫn ngắn gọn. Với các phương pháp gợi ý trên, có thể thực hiện như sau:

- Giáo viên làm mẫu cách giới thiệu trong thời gian chày của một que diêm. Nội dung giới thiệu gồm:
 1. Họ và tên
 2. Bạn đến từ cơ quan nào
 3. Bạn muốn đạt được gì từ khóa học này

Hết phần giới thiệu lấy bút dạ ghi to tên mình vào thẻ ZOPP hoặc thẻ tên và gắn lên áo.

- Mời một học viên xung phong làm theo, nhấn mạnh cần đầy đủ ba nội dung giới thiệu như trên. Khi học viên giới thiệu xong, bắt nhịp cho cả lớp hô to tên bạn cho nhớ, trong lúc người đó viết thẻ tên. Để cho vui, gợi ý học viên có thể sử dụng tên gọi vui ngắn gọn, không nhất thiết phải sử dụng tên thật của mình. Nói với học viên là chúng ta cần làm quen và thân thiết để hiểu và làm việc hiệu quả cùng nhau trong thời gian khóa học và hy vọng về sau còn giữ được quan hệ trong công việc và đời sống. Khi học viên giới thiệu, giáo viên ghi lại kỳ vọng trên giấy A0.
- Sau khi học viên giới thiệu hết, sử dụng phần ghi trên giấy A0 để làm rõ những kỳ vọng nào sẽ được đáp ứng ngay trong khóa học (ví dụ: hiểu rõ thế nào là LĐTE và làm thế nào để xóa bỏ, làm quen bạn mới...), những kỳ vọng nào sẽ được thực hiện về sau nhờ nỗ lực của học viên (ví dụ: triển khai biện pháp cụ thể, mở rộng quan hệ, hỗ trợ nhau trong công việc ...).
- Thống nhất các nội quy của khóa học. Nên thống nhất với cả lớp một số quy tắc quan trọng về:
 1. Giờ giấc: vào lớp, tan lớp, nghỉ giải lao, nghỉ trưa
 2. Điện thoại: tắt hoặc để điện thoại ở chế độ rung, ra ngoài lớp nếu nhất thiết phải nhận cuộc gọi
 3. Phạt: phạt tiền khi đi muộn, nghỉ học, về sớm... Tiền phạt sẽ được sử dụng vào mục đích gì, thường lớp sẽ thống nhất để liên hoan cuối khóa.

Nên bầu lớp trưởng để tự điều hành phần này. Ghi nội quy lên giấy A0 và dán lên tường, giữ ở đó suốt khóa học để thực hiện.



Tài liệu và giáo cụ

1. Tài liệu phát tay
2. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
3. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ, số lượng bằng một nửa số học viên trong lớp
4. Thẻ ZOPP các màu hoặc thẻ tên
5. Một hộp diêm



Phần 3. Thiết kế bài học tham khảo



MÔ-ĐUN 1. Nhận thức về lao động trẻ em

Mục tiêu: Sau khi kết thúc mô-đun này học viên có khả năng:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề lao động trẻ em và áp dụng được các tiêu chí xác định lao động trẻ em trong hình huống thực tế;
- Mô tả được hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả của lao động trẻ em; và
- Xác định được hệ thống văn bản pháp luật quốc tế và Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và hiểu rõ các nội dung có liên quan tới doanh nghiệp.

Mô-đun này gồm 4 bài tập huấn sau đây:

Bài 1: Khái niệm và cách xác định lao động trẻ em

Bài 2: Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em

Bài 3: Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 4: Pháp luật Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Dưới đây là thiết kế các bài tương ứng.



KHÁI NIỆM VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Trình bày và phân biệt được các khái niệm trẻ em, người chưa thành niên, người lao động chưa thành niên, và lao động trẻ em;
- Phân tích được những tiêu chí xác định lao động trẻ em; và
- Áp dụng các tiêu chí để xác định các tình huống thực tế có phải là lao động trẻ em hay không.



Thời gian dự kiến

120 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Khái niệm trẻ em, người chưa thành niên và người lao động chưa thành niên	Động não Thuyết trình	45'
2	Khái niệm và những tiêu chí xác định lao động trẻ em	Xem video clip Nhóm lớn Thuyết trình	30'
3	Áp dụng các tiêu chí vào tình huống cụ thể	Nhóm nhỏ Bài tập tình huống	40'
4	Tổng kết bài	Quả bóng tuyết	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Phụ lục 1 và 2
2. Bộ bài tập tình huống: Trường hợp này có phải lao động trẻ em hay không? – tình huống 1 - 12 và bộ đáp án
3. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
4. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng

5. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ
6. Quả bóng tuyết: cuộn 1 quả bóng bằng giấy, tốt nhất là tận dụng giấy đã dùng rồi, dùng băng dính quấn lại để cố định



Chuẩn bị của giáo viên

Trước bài học, GV đọc kỹ các văn bản pháp luật Việt Nam và quốc tế liên quan¹ và trích ra các nội dung cần thiết để cung cấp tài liệu cho học viên, gồm:

- Tất cả các văn bản pháp luật nêu trong Phụ lục 2; và
- Công ước 138 của ILO: Điều 5-6



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Khái niệm trẻ em, người chưa thành niên và người lao động chưa thành niên

- Chia lớp thành 3-4 nhóm. Phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 và bút dạ đủ cho mỗi người 1 bút. Hướng dẫn các nhóm chia tờ giấy thành 4 ô. Giáo viên (GV) chuẩn bị cho mình bảng tỷ số các vòng thi nhóm trên giấy A0 (hoặc slide) để công khai cho cả lớp. Chú ý: KHÔNG phát tài liệu trước bài tập này.
- Tuyên bố thể lệ cuộc thi động não. GV sẽ hô to một khái niệm đồng thời chiếu trên slide. Các nhóm sẽ thi đua trong vòng 30 giây tìm ra càng nhiều TỪ thể hiện khái niệm đó càng tốt, ghi vào một ô trên tờ giấy A0. Tất cả các thành viên nhóm đều có quyền ghi trong cùng 1 lúc. Sau 30 giây, GV sẽ chuyển sang từ khác. Nhóm thắng là nhóm động não ra nhiều từ nhất, các từ trùng lặp của thành viên trong nhóm sẽ tính là một từ cho nhóm.
- Sau khi các nhóm đã sẵn sàng, GV bắt đầu nêu khái niệm để các nhóm thi động não, lần lượt từ “trẻ em”, “người chưa thành niên”, “người lao động chưa thành niên” và “lao động trẻ em”. Sau đó giáo viên cùng cả lớp đếm số từ và ghi tên đội nhất theo từng khái niệm và sơ kết cuộc thi động não bằng bảng tỷ số vòng 1. Nói với các nhóm rằng sẽ thi tiếp trong phần sau và tỷ số sẽ được cập nhật.
- Phân tích từng khái niệm: Giáo viên hướng dẫn cả lớp lấy ý từ kết quả động não của 4 nhóm để rút ra định nghĩa của từng khái niệm. Chú ý để lại khái niệm “lao động trẻ em” đến phần sau. Sau khi định nghĩa “trẻ em” và “người chưa thành niên” thì hỏi học viên các câu sau:

¹ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; <http://vanban.chinhphu.vn/>;

- Tiêu chí nào thường được sử dụng để phân biệt giữa “người lớn” “người chưa thành niên” và “trẻ em”? (độ tuổi)
 - Một người trong độ tuổi nào có thể được coi là trẻ em? Là người chưa thành niên? (Trẻ em: người dưới 18 tuổi theo luật pháp quốc tế, người dưới 16 tuổi theo luật Việt Nam; Người chưa thành niên: không có định nghĩa theo luật pháp quốc tế, người chưa đủ 18 tuổi theo luật Việt Nam)
 - Định nghĩa ‘trẻ em’ theo Công ước LHQ về quyền trẻ em có gì khác so với pháp luật Việt Nam? (khác nhau về độ tuổi, trẻ em theo Công ước LHQ về quyền trẻ em là người dưới 18 tuổi, còn theo pháp luật Việt Nam là người dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, Công ước LHQ cho phép pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn nên pháp luật Việt Nam vẫn phù hợp với Công ước mà Việt Nam đã ký và phê chuẩn áp dụng).
- Sau khi phân loại thể động não về khái niệm “người lao động chưa thành niên” thì hỏi như sau:
- Tiêu chí nào được sử dụng để xác định một người có phải là “người lao động chưa thành niên” hay không? (người lao động và độ tuổi)
 - “Người lao động chưa thành niên” có bao gồm “trẻ em” hay không? Tại sao? (có thể, trẻ em tham gia lao động là người dưới 16 tuổi tham gia lao động nên có bao gồm trong người lao động chưa thành niên)

Giáo viên ghi tóm tắt các câu trả lời lên bảng để phân tích.

■ Thuyết giảng

- Theo Điều 1, Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua ngày 20/11/1989 (gọi tắt là CRC) xác định: “Trẻ em là những người dưới 18 tuổi, trừ phi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Điều 2, Công ước của ILO số 182, thông qua năm 1999 về Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (gọi tắt là Công ước ILO 182), cũng quy định: “Trong Công ước này, thuật ngữ “trẻ em” sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi”. Việt Nam đã tham gia cả hai công ước này.
- Trong pháp luật Việt Nam, Điều 1, Luật Trẻ em năm 2016, đã có hiệu lực từ ngày 1/6/2017 (gọi tắt là Luật Trẻ em) định nghĩa: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.
- Bên cạnh khái niệm trẻ em (TE), pháp luật Việt Nam còn có khái niệm “người chưa thành niên”. Tùy theo các ngành luật (dân sự, hành chính, hình sự, hôn nhân gia đình, lao động...), khái niệm “người chưa thành niên” được sử dụng ít nhiều khác nhau, song có một dấu hiệu chung đó là người dưới 18 tuổi.²

² Ví dụ, Điều 18 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Người chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên.

- Gắn với khái niệm “người chưa thành niên” là khái niệm “người lao động chưa thành niên”. Theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Lao động 2012: “Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”.

2. Khái niệm và những tiêu chí xác định lao động trẻ em (LĐTE)

2.1. Khái niệm “lao động trẻ em”

- Thảo luận nhóm nhỏ:
 - Nói với cả lớp rằng bây giờ sẽ chiếu một số video clip. Các nhóm sẽ xem và ghi lại các thông tin sau để làm bài tập nhóm:
 - (1) Độ tuổi của trẻ em tham gia làm việc;
 - (2) Điều kiện làm việc của trẻ;
 - (3) Số giờ làm việc của trẻ; và
 - (4) Ảnh hưởng của việc lao động trong video tới việc học hành của trẻ.
 - Chiếu hai video clip về một số hình thức lao động trẻ em ở trên thế giới và ở Việt Nam (tìm và tải về trên Internet).³
 - Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những công việc trẻ em thường làm hàng ngày mà các thành viên trong nhóm cho rằng CÓ thể chấp nhận và KHÔNG thể chấp nhận được với trẻ em, tại sao, dựa trên những thông tin đã ghi lại. Gợi ý các nhóm chia cột theo 4 loại thông tin đó để giải thích tại sao.
- Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết tóm tắt kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện trình bày trước cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về phần trình bày của nhóm khác.
- Quay lại bài thi động não của các nhóm về “lao động trẻ em”. Hỏi học viên:
 - Những ý chúng ta đã động não trước đây có những điểm gì trùng với kết quả vừa thảo luận?
 - Còn những ý gì cần bổ sung?

Tóm tắt ý kiến của học viên để dẫn tới khái niệm “lao động trẻ em” ở bước sau.
- Thuyết giảng: Tổng kết khái niệm “lao động trẻ em”

³ Về bối cảnh lao động trẻ em trên thế giới, có thể tải video clip tại đây: <https://www.youtube.com/watch?v=jjw1JlV6ijU>. Về bối cảnh lao động trẻ em, có thể tải video clip tại đây: <https://www.youtube.com/watch?v=bPJTjW-gSmI>.

- Trên thế giới, “lao động trẻ em” (tiếng Anh là child labour) là thuật ngữ thường dùng để chỉ tình trạng một người dưới 18 tuổi làm các công việc có hại đến thể chất, tinh thần, xã hội, đạo đức và thậm chí là cả phẩm giá của các em. Hoặc các em phải làm việc từ độ tuổi nhỏ hay thời gian dài khiến cho các em mất đi tuổi thơ và cơ hội học tập, phát triển.
- Mời một học viên đọc to khái niệm quốc tế về “lao động trẻ em” trong tài liệu phát tay: Lao động trẻ em là công việc khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, và có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường. Nó bao gồm những công việc:
 - nguy hiểm và gây hại cho trẻ em về mặt tinh thần, thể chất, xã hội hay đạo đức; và
 - cản trở việc học tập của trẻ em do
 - > lấy đi của các em cơ hội học tập;
 - > buộc các em phải nghỉ học sớm; hay
 - > buộc các em phải kết hợp việc học với làm việc nặng nhọc và trong nhiều giờ⁴.
- Ở Việt Nam: Lao động trẻ em được hiểu là trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động, tham gia lao động mà hoạt động lao động đó cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự phát triển toàn diện của các em.⁵
- Xét về nội dung, hai khái niệm nêu trên cơ bản là giống nhau.

2.2. Những tiêu chí xác định lao động trẻ em

- Liên hệ lại các nhận xét qua video và phần thi động não về LĐTE. Nói với học viên rằng nhiều ý kiến của họ đã thể hiện các tiêu chí xác định LĐTE.
- Thuyết giảng: Những tiêu chí xác định lao động trẻ em

⁴ ILO - IPEC <http://www.ilo.org/ipec/facts/lang--en/index.htm>

⁵ Bộ LĐTB&XH, Tài liệu tập huấn về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em (dành cho giảng viên), 2018

- Không phải công việc nào do trẻ em thực hiện cũng là LĐTE. LĐTE chỉ được xác định khi nào vi phạm một trong các tiêu chí về độ tuổi, thời giờ làm việc, loại công việc, nơi làm việc mà được xem là nguy hại cho người dưới 18 tuổi theo pháp luật quốc tế và Việt Nam quy định. Cần lưu ý rằng để không phải là LĐTE, cả bốn tiêu chí cùng phải đồng thời được thỏa mãn. Cơ sở đưa ra các tiêu chí này là các Công ước ILO số 138 và 182 và các điều khoản có liên quan của Bộ luật Lao động năm 2019 của Việt Nam.
- Bốn tiêu chí cụ thể như sau:

Tiêu chí thứ nhất - Loại công việc và nơi làm việc (theo nhóm tuổi)

Loại công việc được giới hạn theo 3 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc theo nhóm tuổi) như sau:

Dưới 13 tuổi	Làm những công việc ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật lao động năm 2019 và “Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc” quy định tại khoản 6 Điều 3, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và “Các trường hợp ngoại trừ” theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4).
Đủ 13 – dưới 15 tuổi	Làm những công việc ngoài “Danh mục công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc” quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và “Các trường hợp ngoại trừ” theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4).
Đủ 15 – dưới 18 tuổi	Tham gia mọi công việc và hoạt động kinh tế mà vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều 147 Luật Lao động năm 2019 và Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

Tuy nhiên, nếu những CÔNG VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công ước 138 của ILO (Phụ lục 4), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Tiêu chí thứ hai: Nơi làm việc

Giới hạn theo nơi làm việc như sau:

- Những nơi làm việc bị cấm quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ Luật Lao động năm 2019, cụ thể:
 - Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;

- Công trường xây dựng;
 - Cơ sở giết mổ gia súc;
 - Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
 - Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
- b) Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên quy định tại Phụ lục IV, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

Tuy nhiên, nếu những NƠI LÀM VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công ước 138 của ILO (Phụ lục 4), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Tiêu chí thứ 3: Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc sau đây:

- a) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang;
- b) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
- c) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan;
- d) Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ.

(Theo Điều 3 Công ước 182 của ILO năm 1999)

4. Tiêu chí thứ tư: Thời giờ làm việc

Giới hạn theo ngày và theo tuần cho 2 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc quy định tại Điều 146 Luật lao động năm 2019) như sau:

Dưới 15 tuổi	Không quá 4 giờ/ngày và 20 giờ/tuần
Từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi	Không quá 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần (mọi công việc trừ công việc vi phạm tiêu chí thứ hai và ba)

- Chiếu slide Tóm tắt cách áp dụng 4 tiêu chí bằng slide - Đây là lao động trẻ em cần xóa bỏ. Đề nghị học viên nhận xét các ô có tô màu thể hiện tiêu chí nào đã bị vi phạm. Phân tích để học viên thấy rằng chỉ có các ô trắng thì mới thỏa mãn cả bốn tiêu chí và không phải là lao động trẻ em.

3. Áp dụng các tiêu chí vào tình huống cụ thể

- Bài tập tình huống: Nói với các nhóm là các nhóm sẽ tiếp tục thi vòng 2. Nội dung là áp dụng bốn tiêu chí vào những tình huống thực tế và xác định xem đó có phải là lao động trẻ em hay không.
- Phát bài tập tình huống và tài liệu cho các nhóm (lưu ý các nhóm rằng trong tình huống học viên chỉ cần trả lời các câu hỏi dành cho Bài 1). Các nhóm có thời gian 20 phút để làm việc trong nhóm, thống nhất câu trả lời và chuẩn bị trình bày trên lớp trong vòng 1 phút.
- Sau khi kết thúc làm việc nhóm nhỏ, mời các nhóm báo cáo kết quả cho cả lớp. Giáo viên điều hành phần hỏi đáp sau mỗi phần trình bày của nhóm. Cần làm rõ các tiêu chí nào bị vi phạm và/hoặc điều kiện nào của định nghĩa LĐTE đã bị ảnh hưởng trong tình huống.
- Tổng kết điểm thi nhóm vòng 2, cộng với vòng 1 để lấy điểm cả ngày và trao thưởng. Phần thưởng có thể là một trò chơi vui, ví dụ như các nhóm thua phải hát và nhảy múa mừng nhóm thắng. Nên để cho nhóm thắng ra yêu cầu với các nhóm khác.

4. Tổng kết bài

- Quả bóng tuyết: Giáo viên đặt câu hỏi về các khái niệm và tiêu chí xác định lao động trẻ em trong bài và tung bóng. Bóng trúng học viên nào thì học viên đó trả lời ngắn gọn câu hỏi. Chuyển bóng trong lớp cho đến khi câu trả lời đầy đủ chính xác.

Bài tập tình huống:**Trường hợp này có phải lao động trẻ em hay không?****Tình huống 1: Câu chuyện của Yến**

Yến là một em gái 13 tuổi sống với cha mẹ và em trai ở vùng ven thành phố. Ngày ngày em đạp xe đi học và em học rất chăm chỉ. Bố mẹ của Yến có mở một xưởng làm miến sạch tại gia đình để cung cấp cho một công ty trên địa bàn. Cơ sở không lớn nhưng hàng ngày cũng có 15 đến 20 người đến làm công cho bố mẹ của Yến. Những buổi chiều rảnh, Yến thường tự nguyện giúp mẹ tham gia làm miến. Cũng có những hôm Yến mải miết làm công việc này giúp mẹ tới một giờ đồng hồ tại xưởng trong khuôn viên của gia đình mặc dù mẹ của Yến không đòi hỏi phải làm.

*Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa***Câu hỏi dùng cho Bài 1:**

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Yến thường xuyên làm mỗi ngày 2 giờ vào các buổi chiều sau giờ học?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 2: Câu chuyện của Mai

Mai là một em gái 14 tuổi. Bố của Mai không may mất sớm, từ khi em mới 8 tuổi. Gia đình của Mai sống gần khu du lịch và thường xuyên có du khách trong và ngoài nước tới thăm. Mai thương mẹ và đã tự đi bán hàng cùng các bạn trong bản để kiếm thêm tiền đưa cho mẹ. Lúc đầu Mai chỉ tranh thủ bán hàng những lúc rảnh rỗi. Bây giờ, hàng ngày Mai đi bán hàng 5 tiếng buổi chiều và nhiều hôm đông khách em còn bỏ cả những tiết học buổi sáng để đi bán hàng. Mai rất bận rộn và nhiều hôm còn không kịp cả ăn trưa.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Mai tự nguyện làm việc như vậy nhưng không phải để hỗ trợ kinh tế gia đình mà để kiếm tiền tiêu riêng?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 3: Câu chuyện của Thành

Thành năm nay đã đủ 16 tuổi. Mặc dù tuổi chưa lớn nhưng Thành có thân hình rất khỏe mạnh. Thành và gia đình sống trong làng nghề đúc đồng truyền thống. Thành tự nhận thấy năng lực học của bản thân có hạn chế và Thành rất yêu nghề của địa phương. Học hết lớp 9, Thành ở nhà và đi làm tại một cơ sở đúc đồng trong làng nghề. Do còn nhỏ đang phải học nghề, bạn được giao phụ tháo dỡ khuôn và làm sạch sản phẩm đúc. Thu nhập cũng ổn định, có thể hỗ trợ thêm cho phát triển kinh tế của gia đình vì Thành thường làm mỗi ngày 6 giờ và thông thường Thành làm việc 6 ngày/tuần.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Thành mới 14 tuổi?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 4: Câu chuyện của Hoa

Hoa là một em gái đã đủ 12 tuổi. Hoa sống cùng bố mẹ và anh trai trong một gia đình ở vùng nông thôn. Mặc dù gia đình Hoa không khá giả nhưng cuộc sống rất hạnh phúc. Mẹ của Hoa đi làm công cho một cơ sở sản xuất gốm sứ ở làng bên, cùng trên địa bàn xã. Hoa đang học trung học phổ thông nên thông thường hằng ngày chỉ tới trường một buổi sáng. Buổi chiều Hoa theo mẹ đến làm tại bộ phận chăm men gốm. Mỗi ngày Hoa làm việc 4 giờ và chỉ đi làm 5 buổi chiều/tuần vì có những ngày Hoa phải đi học thêm.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Hoa năm nay đã đủ 14 tuổi?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 5: Câu chuyện của Huyền

Huyền là một em gái 17 tuổi. Mặc dù còn là học sinh phổ thông trung học nhưng Huyền đã xác định là sau này sẽ khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực giải trí. Huyền nghĩ là mình cần chuẩn bị một khoản tiền vốn ban đầu và tích lũy kinh nghiệm cho việc thực hiện ý tưởng trong tương lai, vì vậy Huyền tự nguyện đi làm tiếp viên cho một quán bar-karaoke vào các buổi tối. Thời gian làm việc ở quán là từ 18 giờ đến 24 giờ hằng ngày. Huyền vừa làm buổi tối vừa đi học ở trường vào ban ngày như các bạn. Em rất cố gắng và đạt kết quả học tập rất tốt. Khi làm việc ở quán bar, Huyền phải ăn mặc gợi cảm và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi dùng cho Bài 1:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Huyền chỉ làm công việc dọn dẹp vệ sinh từ 17:30 đến 0:30 hàng ngày tại quán và không liên quan đến việc tiếp khách?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?

Câu hỏi dùng cho Bài 3:

4. Trường hợp này liên quan đến điều khoản nào trong Công ước số 138 và 182 của ILO? Hãy áp dụng điều khoản đó để giải thích tại sao trường hợp này có thể hoặc không thể coi là lao động trẻ em.

Tình huống 6: Câu chuyện của A Páo

A Páo là một em trai 13 tuổi sống với cha mẹ và chị gái ở huyện Krông Pa, vùng chăn nuôi buôn bán và chế biến thịt bò nổi tiếng thuộc tỉnh Gia Lai. Gia đình em có đàn bò lớn và có giết mổ bò để bán và chế biến bò một nắng. A Páo rất nhanh nhẹn và thường giúp cha mẹ đi chăn bò ngoài giờ học. Tuy nhiên ngày nào nhiều nhất thì A Páo cũng chỉ làm hai giờ cho công việc này.



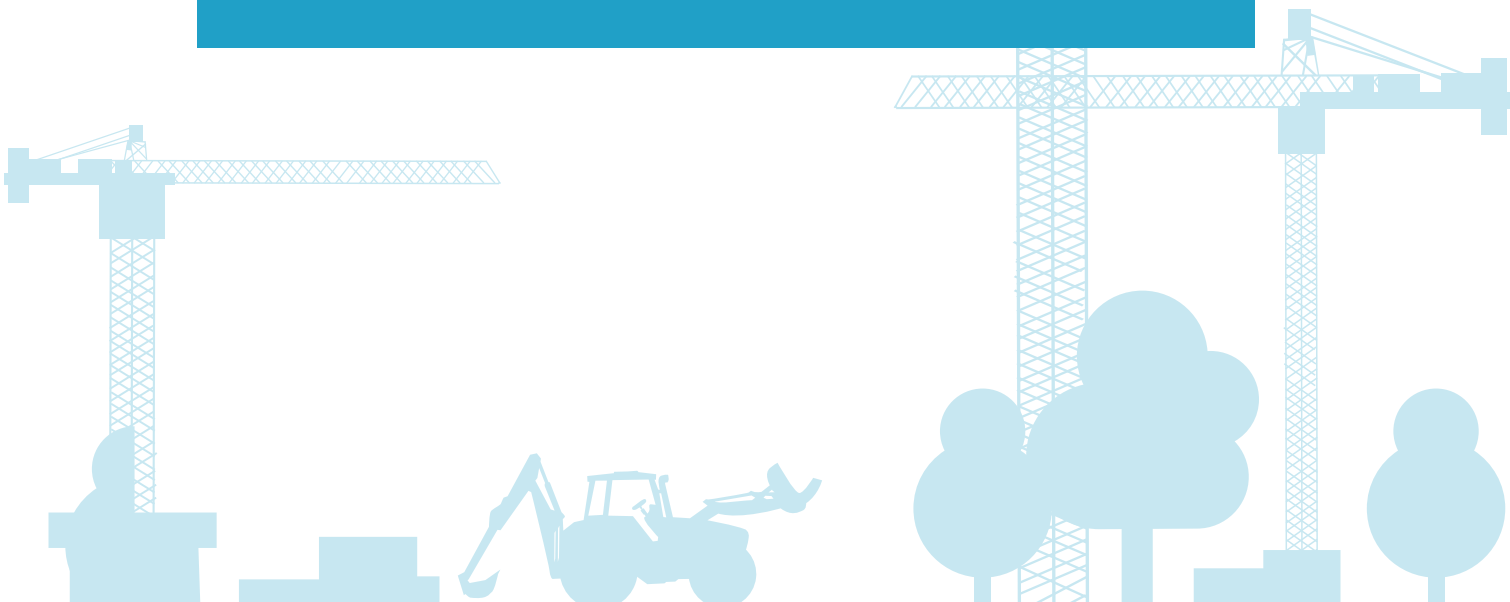
Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi dùng cho Bài 1:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu A Páo thường xuyên làm phụ giúp cha mẹ trong việc chăn nuôi và giết mổ bò mỗi ngày 3 giờ vào tất cả các buổi chiều trong tuần, kể cả thứ 7 và chủ nhật?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?

Câu hỏi dùng cho Bài 3:

4. Trường hợp này liên quan đến điều khoản nào trong Công ước số 138 và 182 của ILO? Hãy áp dụng điều khoản đó để giải thích tại sao trường hợp này có thể hoặc không thể coi là lao động trẻ em.



Tình huống 7: Câu chuyện của Quang

Quang là một cậu bé 12 tuổi sống với cha mẹ ở vùng nông thôn. Gia đình Quang có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Cha em bị bệnh hiểm nghèo đã nhiều năm, vì vậy mẹ em đã phải vay nợ nhiều lần lên tới một khoản tiền rất lớn của một người cho vay nặng lãi ở làng bên cạnh để chữa trị cho ông. Quang còn nhỏ nhưng đã hiểu là nhà em không có nguồn thu nhập để trả nợ. Vì vậy, Quang đã tự nguyện làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ. Người chủ của Quang bắt em phải bỏ học và phải làm việc nhiều giờ trong ngày, và phải làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa của nhà chủ.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi dùng cho Bài 1:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Quang đã đủ 16 tuổi?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?

Câu hỏi dùng cho Bài 3:

4. Trường hợp này liên quan đến điều khoản nào trong Công ước số 138 và 182 của ILO? Hãy áp dụng điều khoản đó để giải thích tại sao trường hợp này có thể hoặc không thể coi là lao động trẻ em.

Tình huống 8: Câu chuyện của Mây

Mây là một bé gái 11 tuổi được sinh ra trong một gia đình ở một vùng nông thôn nghèo. Mây lại là con gái thứ năm của gia đình. Do gia cảnh nghèo khó, đồng con nên bố mẹ Mây đã gửi gắm Mây cho gia đình người dì sống ở thành phố. Mây không phản đối mà còn thấy háo hức với việc đó. Dì nuôi Mây ăn học nhưng khi về nhà thì Mây phải phụ giúp việc nhà khoảng 2 giờ mỗi ngày. Mây cảm thấy mình là người may mắn so với các bạn cùng lứa ở quê thường không có điều kiện tiếp tục đi học sau tiểu học. Mây rất chăm chỉ và thường sớm làm xong việc nhà để ngồi vào bàn học đúng 8 giờ tối.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu người dì không cho Mây đi học và em phải làm việc nhà 5 giờ/ngày?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 9: Câu chuyện của Ngân

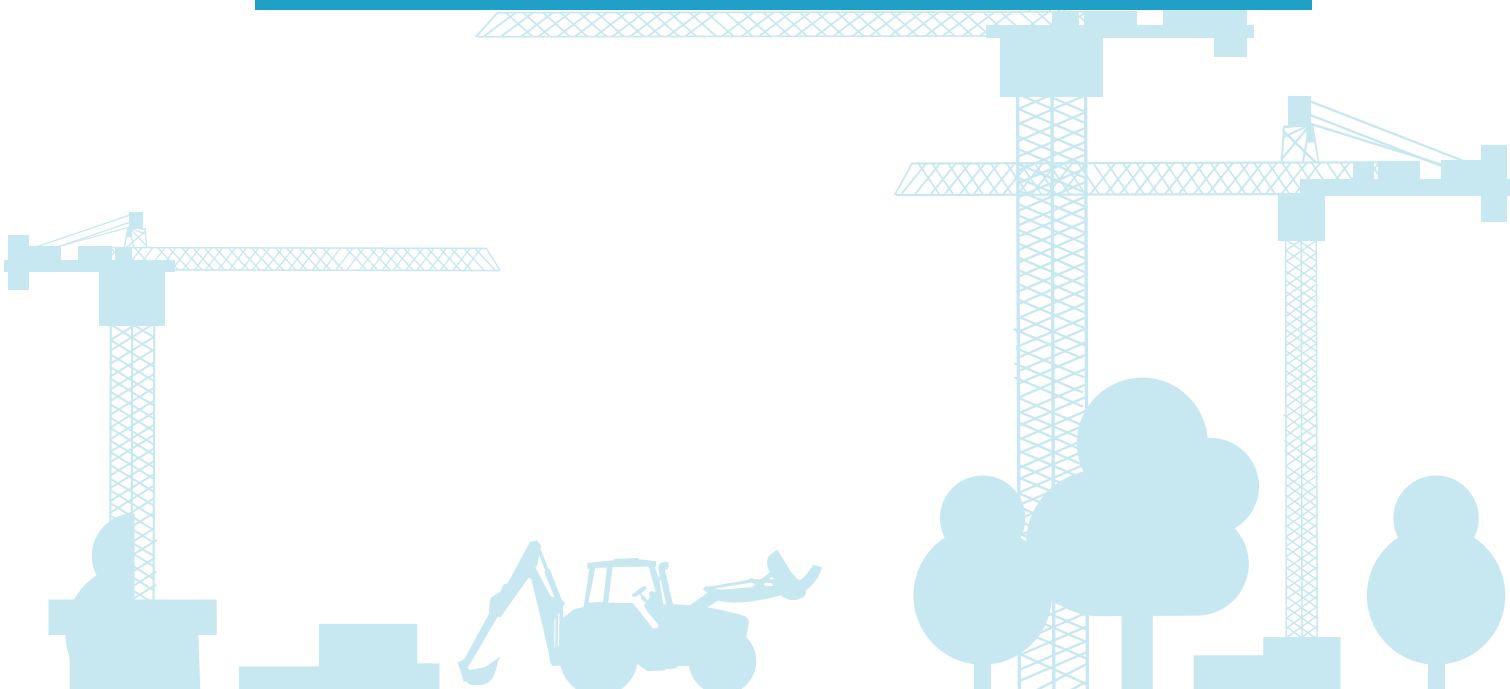
Ngân được sinh ra trong một gia đình nghệ sĩ xiếc chuyên nghiệp. Từ nhỏ em đã thường xuyên được xem ông bà bố mẹ biểu diễn và sớm nuôi ước mơ được đứng trên sân khấu. Thấy con có năng khiếu, bố mẹ đã truyền dạy và luyện tập cho em từ nhỏ bộ môn xiếc thú. Năm nay Ngân 11 tuổi, em đã đạt đến trình độ như một nghệ sĩ thực thụ. Hiện tại, một tuần Ngân có 4 suất diễn xiếc với chó mất khoảng 1 tiếng một buổi diễn từ 20 giờ. Hàng ngày, em chăm sóc huấn luyện chó 2 giờ/ngày vào các buổi chiều sau giờ học.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi dùng cho Bài 1:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Ngân chăm sóc huấn luyện và biểu diễn xiếc với rắn hổ mang?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 10: Câu chuyện của Nga

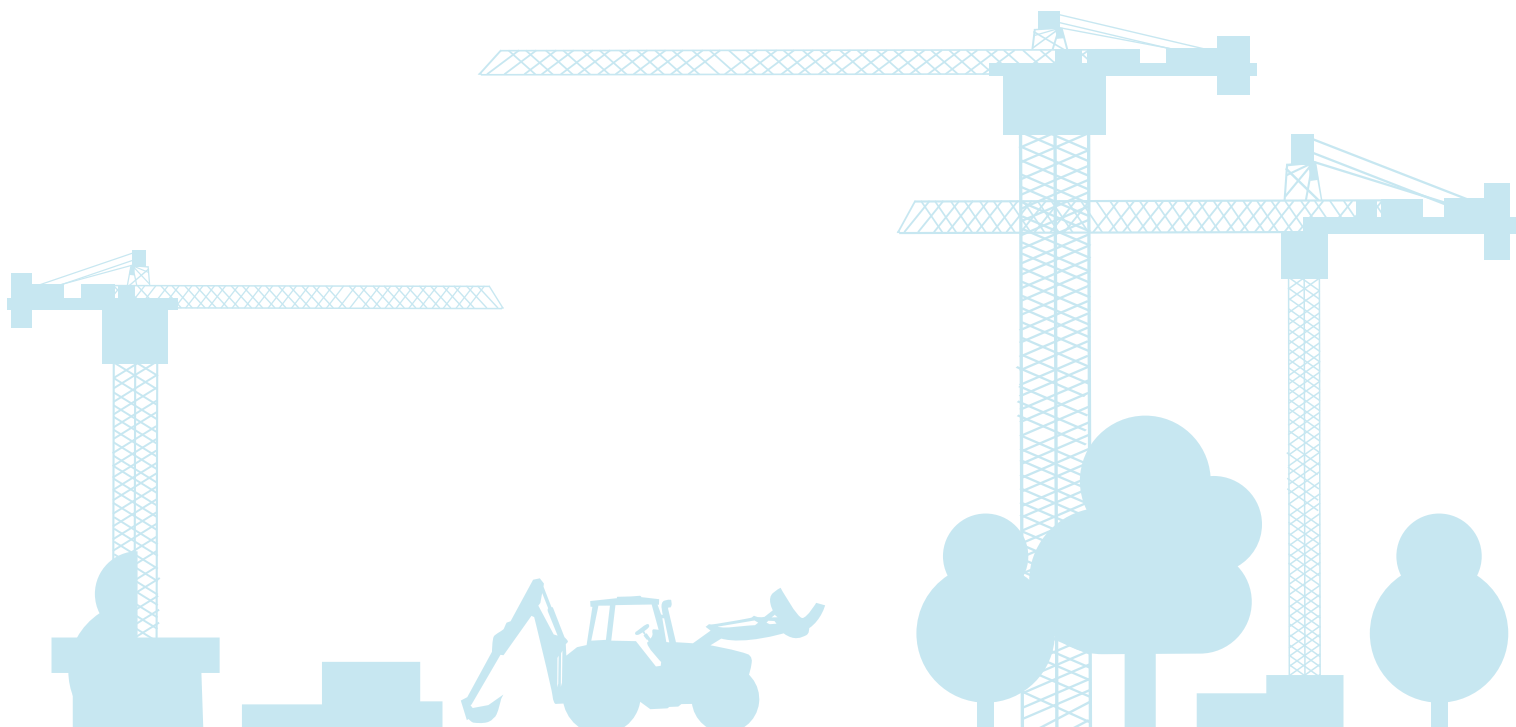
Nga là một cô bé 16 tuổi sống với anh trai và chị dâu vì bố mẹ của Nga không may đã bị mất trong một tai nạn giao thông cách đây 5 năm. Anh trai và chị dâu rất quan tâm chăm sóc Nga, tuy nhiên em cũng có ý thức tự lập sớm. Nga đi làm cho một cơ sở sản xuất mây tre đan trong làng nghề. Mỗi ngày Nga làm việc 8 tiếng và thường làm đủ 5 ngày/tuần. Mặc dù thu nhập không cao nhưng Nga rất vui vì đi làm luôn có nhiều các chị xung quanh mình.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Nga năm nay mới 14 tuổi?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Tình huống 11: Câu chuyện của Hải

Hải năm nay 16 tuổi, em đang học nghề pha chế đồ uống tại trường trung cấp nghề du lịch khách sạn tại Quảng Nam. Từ thứ Hai đến thứ Sáu, em làm việc khoảng 4 tiếng trong quán bar thuộc khách sạn thực hành của trường; đây là một phần trong chương trình thực hành kỹ năng bartender.



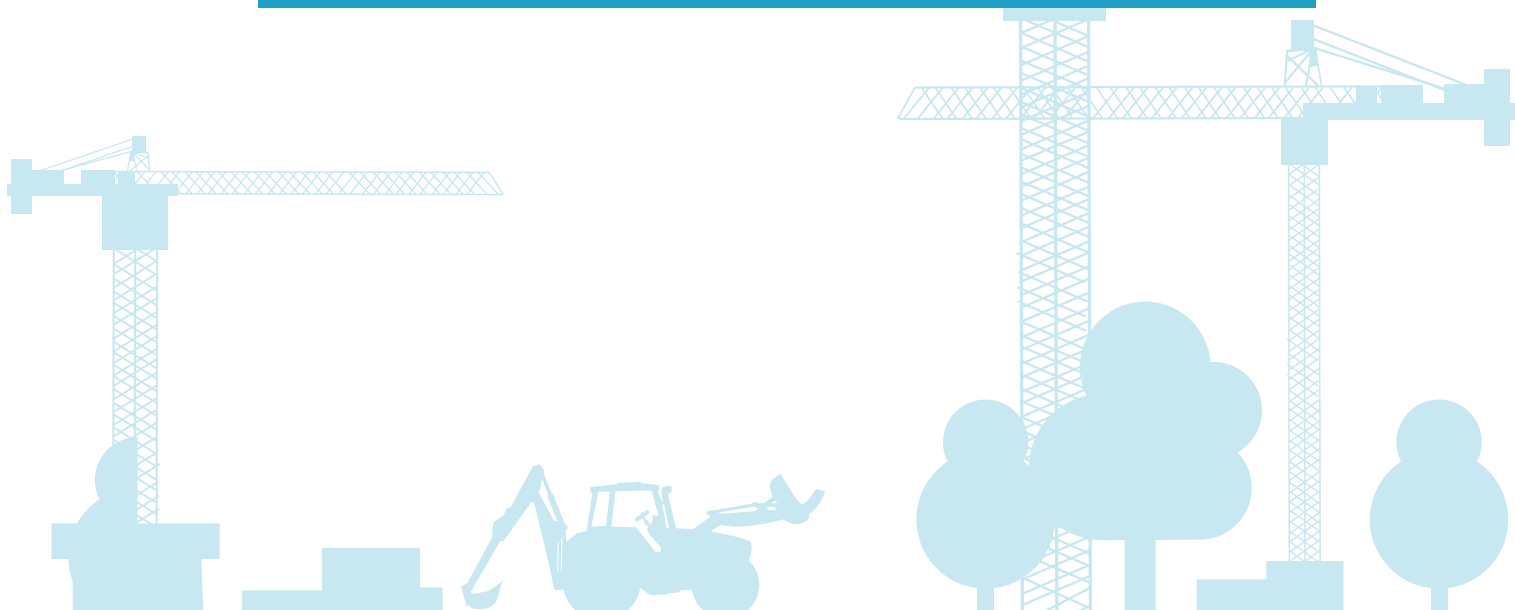
Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi dùng cho Bài 1:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu cuối tuần Hải còn làm thêm công việc pha chế và chạy bàn tại một quán bar ở khu du lịch gần trường, theo ca từ 14:00 – 18:00 hoặc từ 18:00 – 22:00?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?

Câu hỏi dùng cho Bài 3:

4. Trường hợp này liên quan đến điều khoản nào trong Công ước số 138 và 182 của ILO? Hãy áp dụng điều khoản đó để giải thích tại sao trường hợp này có thể hoặc không thể coi là lao động trẻ em.



Tình huống 12: Câu chuyện của Liên

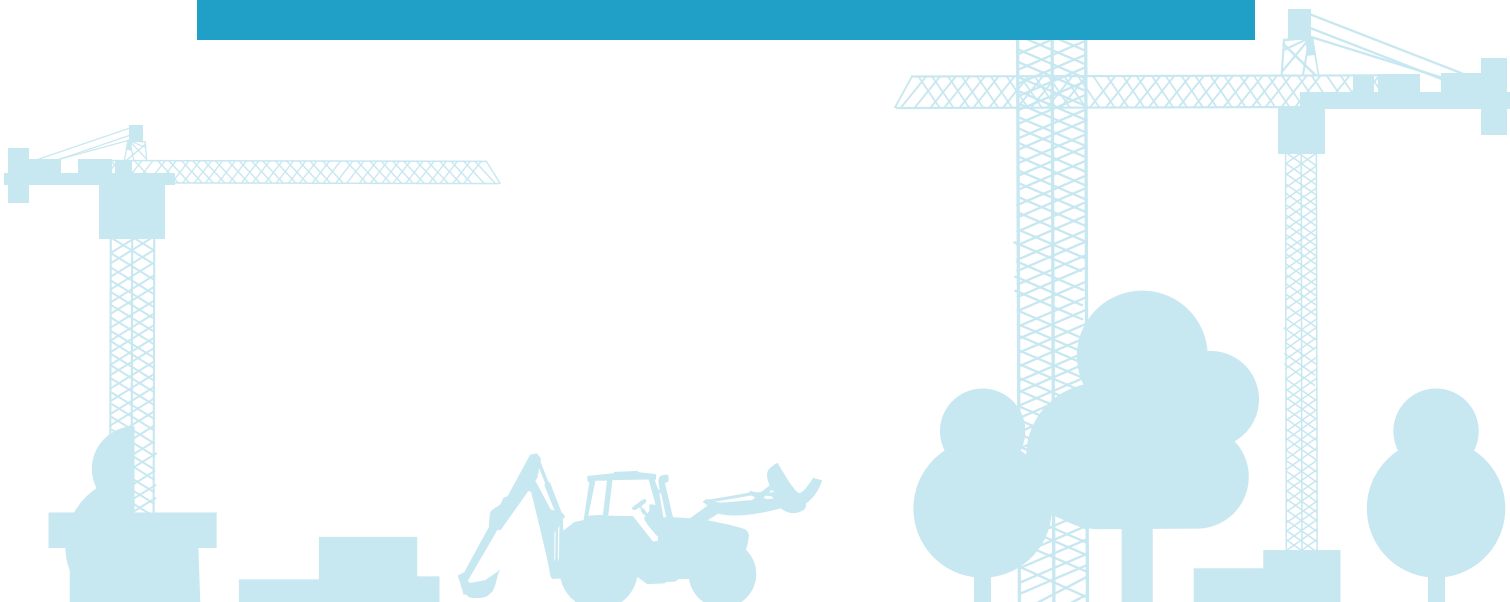
Liên là một em gái được sinh ra trong một gia đình rất nghèo khó tại vùng núi cao Tây Bắc. Cách đây hai năm, bố mẹ em quyết định đưa gia đình di cư về Hà Nội để mưu cầu cuộc sống tốt hơn. Liên cùng em trai theo bố mẹ về Hà Nội, gia đình Liên thuê một phòng trọ ở ngoại thành. Năm nay Liên 14 tuổi. Thấy hoàn cảnh khó khăn, hàng ngày em đi học ở trường vào các buổi sáng, buổi chiều em tự nguyện đăng ký đi làm tại một cơ sở thêu, chuyên gia công các chi tiết thêu trên mũ và áo quần thể thao. Liên đi làm 5 ngày/tuần, mỗi ngày 4 giờ. Nhờ đó, hàng tháng em đều có thêm một khoản thu nhập ổn định để chi tiêu cá nhân và phụ thêm với mẹ trang trải công việc gia đình.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Câu hỏi:

1. Liệu có thể coi đây là một trường hợp lao động trẻ em không? Tại sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Liên đi làm cả 7 buổi chiều/tuần với mỗi buổi làm việc 4 giờ?
3. Trong câu hỏi 1, trường hợp này nằm ở ô nào trong bảng tóm tắt 4 tiêu chí xác định lao động trẻ em? Trong câu hỏi 2, vị trí của trường hợp này có thay đổi không và thay đổi sang ô nào?



Đáp án bài tập tình huống

Tình huống 1: Câu chuyện của Yến

1. Trường hợp của Yến sẽ không được xem là lao động trẻ em vì em chỉ làm giúp mẹ khi rảnh, không phải là lao động của cơ sở, về bản chất ở đây không có quan hệ lao động. Công việc làm miến cũng thuộc danh mục công việc nhẹ, và không ảnh hưởng tới sức khỏe, nhân phẩm và việc học tập của em. Như vậy, cả bốn tiêu chí đều không bị vi phạm.
2. Trong trường hợp Yến thường xuyên làm mỗi ngày 2 giờ sau giờ học thì có thể coi em là một lao động bán thời gian của cơ sở. Tuy nhiên, cũng không thể coi đây là lao động trẻ em vì:
 - Công việc làm miến vẫn thuộc danh mục công việc nhẹ được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc, không vi phạm tiêu chí 1, 2 và 3 về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi, công việc nguy hại và các trường hợp LĐTE tối tệ nhất.
 - Yến đã đủ 13 tuổi và em làm việc dưới 4 giờ/ngày và dưới 20 giờ/tuần, không vi phạm tiêu chí 4 về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi; và
 - Công việc không ảnh hưởng đến việc học tập của em.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 2: Câu chuyện của Mai

1. Trường hợp của Mai được xem là lao động trẻ em vì:
 - Ở độ tuổi 14 em làm việc hàng ngày tới 5 giờ, cao hơn mức 4 giờ/ngày, vi phạm tiêu chí 4 về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi;
 - Nhiều hôm em bận không kịp cả ăn trưa nên có thể gây hại cho em về mặt thể chất; và
 - Nhiều khi đông khách em còn nghỉ học cả buổi sáng để bán hàng nên đã ảnh hưởng đến việc học tập của em.
2. Kể cả trong trường hợp Mai tự nguyện làm việc để kiếm tiền tiêu riêng thì vẫn được xem là lao động trẻ em vì khái niệm lao động trẻ em không phân biệt động cơ của trẻ em khi tham gia làm việc.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 3: Câu chuyện của Thành

1. Trường hợp của Thành 16 tuổi được xem là lao động trẻ em vì đúc đồng là công việc nặng nhọc nằm trong danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam (Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH) nên đã vi phạm tiêu chí 1 về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi và tiêu chí 2 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm áp dụng cho mọi nhóm tuổi. Trường hợp này không vi phạm tiêu chí 3 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác và tiêu chí 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
2. Nếu Thành mới 14 tuổi thì càng được xem là lao động trẻ em vì em làm việc tới 36 giờ/tuần, vượt quá mức 20 giờ/tuần cho nhóm tuổi từ đủ 13 đến dưới 15 tuổi nên không đáp ứng cả tiêu chí 4 về thời giờ làm việc, ngoài việc đã vi phạm tiêu chí 1 và 2 như đã nói ở trên.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 4: Câu chuyện của Hoa

1. Trường hợp của Hoa 12 tuổi được xem là lao động trẻ em vì công việc chấm men gốm không thuộc danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc theo luật pháp Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH). Như vậy, trường hợp này vi phạm tiêu chí 1 về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi. Trường hợp này không vi phạm các tiêu chí 2 và 3 vì không phải là công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và không phải các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác. Về mặt thời gian làm việc, ở độ tuổi 12 tuổi em thường xuyên làm việc 4 giờ/ngày vào 5 ngày trong tuần, không vi phạm tiêu chí 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
2. Nếu Hoa đã đủ 14 tuổi thì sẽ không được xem đây là lao động trẻ em vì công việc chấm men gốm thuộc danh mục công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc theo luật pháp Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH) và không còn vi phạm tiêu chí 1 về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 5: Câu chuyện của Huyền

- Trường hợp của Huyền được xem là lao động trẻ em vì:
 - Mới 17 tuổi nhưng Huyền làm tiếp viên ở quán bar-karaoke, là nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam, vi phạm tiêu chí thứ 3 công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - Mặc dù Huyền chỉ làm việc 6 giờ/ngày nhưng có thời gian làm việc rơi vào khoảng thời gian từ sau 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau, cũng vi phạm tiêu chí thứ 3 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - Huyền phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem, vi phạm tiêu chí thứ 4 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác theo pháp luật quốc tế;
 - Công việc của Huyền đòi hỏi làm việc ban đêm liên tục và ăn mặc gợi cảm, có thể gây hại cho em về mặt tinh thần, thể chất và đạo đức.
- Kể cả khi Huyền chỉ làm công việc dọn dẹp vệ sinh và không liên quan đến việc tiếp khách, thì đây vẫn là lao động trẻ em vì mặc dù em chỉ làm việc 7 giờ/ngày từ 17:30 đến 0:30 nhưng vẫn có khoảng thời gian làm việc sau 10 giờ đêm liên tục hàng ngày; đồng thời nơi làm việc vẫn thuộc danh mục cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật lao động Việt Nam. Như vậy, trường hợp này vẫn vi phạm tiêu chí thứ 3 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
- Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 6: Câu chuyện của A Páo

- Trường hợp của A Páo không được xem là lao động trẻ em vì:
 - A Páo giúp cha mẹ đi chăn bò ngoài giờ đi học, không ảnh hưởng đến việc học tập của em, không có quan hệ lao động;
 - Tính chất công việc và thời gian làm việc không vi phạm các tiêu chí thứ 1, 2 và 3;
 - Ở độ tuổi 12, ngày nào nhiều nhất thì A Páo cũng chỉ làm 2 giờ/ngày, tức là tối đa 14 giờ/tuần, không vi phạm tiêu chí 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
- Nếu A Páo thường xuyên phụ giúp cha mẹ trong việc chăn nuôi và giết mổ bò mỗi ngày 3 giờ vào tất cả các buổi chiều trong tuần và cả thứ 7 và chủ nhật thì phải xem đây là lao động trẻ em vì:
 - Cơ sở giết mổ gia súc là nơi làm việc cấm sử dụng người chưa thành niên theo quy định của pháp luật Việt Nam (Khoản 2 Điều 147 BLLĐ 2019). Như vậy, trường hợp này vi phạm tiêu chí thứ 2 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - Hơn nữa ở độ tuổi 12, em đã thường xuyên làm việc hơn 20 giờ/tuần, vi phạm tiêu chí 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
- Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 7: Câu chuyện của Quang

1. Trường hợp của Quang được xem là lao động trẻ em vì:
 - Mặc dù em tự nguyện, thực chất Quang làm việc dưới hình thức lao động gán nợ, là một trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất theo pháp luật quốc tế (Điều 3, Công ước 182, 1999 của ILO), vi phạm tiêu chí thứ 3 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất;
 - Quang phải làm cả những công việc như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ..., đây là những công việc nguy hiểm hoặc nặng nhọc, nằm trong danh mục các công việc cấm sử dụng lao động dưới 18 tuổi theo pháp luật Việt Nam, vi phạm tiêu chí thứ 2 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
 - Quang bị người chủ bắt phải bỏ học và làm việc nhiều giờ trong ngày, như vậy đã sớm tước đi cơ hội học tập của em ở độ tuổi 12.
2. Kể cả khi Quang đã đủ 16 tuổi thì vẫn xem là lao động trẻ em vì em vẫn là lao động gán nợ, vi phạm tiêu chí thứ 3 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, đồng thời cơ hội học tập của em vẫn bị tước đi. Về tiêu chí thứ 2, nếu Quang làm công việc cưa xẻ gỗ bằng phương pháp thủ công 2 người kéo và các thanh gỗ xẻ em bê vác thường xuyên không vượt quá 30kg thì công việc của em không phải là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm với độ tuổi đã đủ 16 của em. Tuy nhiên, nếu trọng lượng gỗ vượt quá 30kg, hoặc em cưa xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa hoặc máy cưa vòng thì đây là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm cấm sử dụng lao động chưa thành niên nên vi phạm thêm tiêu chí thứ 2.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 8: Câu chuyện của Mây

1. Trường hợp của Mây không được xem là lao động trẻ em vì Mây chỉ làm việc nhà khoảng 2 giờ/ngày, không quá 20 giờ/tuần, không vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi; đồng thời làm việc nhà không ảnh hưởng đến sức khỏe, sự phát triển và việc học tập của em.
2. Nếu người dì không cho Mây đi học và em phải làm việc nhà 5 giờ/ngày thì sẽ bị xem là lao động trẻ em vì thời gian làm việc đã vượt quá 20 giờ/tuần, vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi; mặt khác em đã phải nghỉ học sớm khi mới 11 tuổi và có thể bị ảnh hưởng lâu dài đến tiềm năng phát triển.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 9: Câu chuyện của Ngân

1. Trường hợp của Ngân không được xem là lao động trẻ em vì:
 - Công việc biểu diễn xiếc với chó của em thuộc danh mục công việc được phép sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc theo pháp luật Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH), thỏa mãn tiêu chí 1 về loại công việc và nơi làm việc; đồng thời không phải là công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm và không là hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác, thỏa mãn tiêu chí 2 và 3.
 - Tổng thời gian Ngân làm các công việc chăm sóc, huấn luyện và biểu diễn khoảng 18 giờ/tuần, ngày biểu diễn cũng không quá 3 giờ/ngày, như vậy chưa vượt quá 4 giờ/ngày và 20 giờ/tuần, không vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
2. Nếu Ngân tham gia biểu diễn với rắn hổ mang thì sẽ bị xem là lao động trẻ em vì rắn hổ mang là động vật có nọc độc nên công việc của em là công việc nặng nhọc, nguy hiểm thuộc danh mục cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH), vi phạm tiêu chí thứ 2 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 10: Câu chuyện của Nga

1. Trường hợp của Nga có bị coi là lao động trẻ em hay không phụ thuộc vào công việc cụ thể em làm tại cơ sở sản xuất mây tre đan trong làng nghề là gì. Nếu em làm công việc đan lát thì không bị coi là lao động trẻ em vì đây là công việc được sử dụng lao động từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi theo pháp luật Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH). Ở độ tuổi 16, Nga làm việc 8 giờ/ngày vào 5 ngày trong tuần, thời gian làm việc của em không vượt quá 40 giờ/tuần. Như vậy, trường hợp này đã thỏa mãn tiêu chí 1 và 4 về loại công việc/nơi làm việc và thời gian làm việc theo nhóm tuổi và không vi phạm các tiêu chí khác.

Tuy nhiên, nếu tại cơ sở mây tre đan Nga làm công việc sơ chế nguyên liệu mây tre thì công việc của em vi phạm tiêu chí thứ 3 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và sẽ bị xem là lao động trẻ em, mặc dù vẫn thỏa mãn tiêu chí 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
2. Trường hợp nếu Nga mới 14 tuổi thì sẽ được xem đây là lao động trẻ em dù em làm công việc đan lát hay sơ chế nguyên liệu vì thời gian làm việc đã vượt quá 20 giờ/tuần, vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 11: Câu chuyện của Hải

1. Trường hợp của Hải không được xem là lao động trẻ em vì:
 - Công việc của Hải được thực hiện trong chương trình đào tạo nghề thuộc trách nhiệm của trường trung cấp nghề du lịch khách sạn tại Quảng Nam. Đây là trường hợp loại trừ theo pháp luật quốc tế (Điều 6 Công ước số 138 của ILO);
 - Ở độ tuổi 16, Hải làm việc khoảng 4 giờ/ngày, 20 giờ/tuần, không vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi.
2. Nếu cuối tuần Hải làm công việc pha chế và chạy bàn tại một quán bar ở khu du lịch gần trường theo ca từ 14:00 – 18:00 hoặc từ 18:00 – 22:00, thì mặc dù em chỉ làm khoảng 4 giờ/ngày, 8 giờ/tuần và không có thời gian làm việc sau 10 giờ tối, nhưng vẫn bị coi là lao động trẻ em vì quán bar nằm trong danh mục nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH), vi phạm tiêu chí thứ 2 về công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
3. Xem bảng tóm tắt.

Tình huống 12: Câu chuyện của Liên

1. Trường hợp của Liên không được coi là lao động trẻ em vì:
 - Công việc thuê em làm thuộc danh mục các công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi theo pháp luật Việt Nam (Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH), đáp ứng tiêu chí 1 về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi;
 - Ở độ tuổi 14 em làm việc 20 giờ/tuần, đáp ứng tiêu chí thứ 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
2. Trường hợp Liên đi làm 7 ngày/tuần và mỗi ngày 4 giờ thì sẽ bị coi là lao động trẻ em vì mặc dù tính chất công việc không thay đổi, nhưng ở độ tuổi 14 Liên đã làm việc tới 28 giờ/tuần, vượt quá 20 giờ/tuần, vi phạm tiêu chí thứ 4 về thời gian làm việc theo nhóm tuổi.
3. Xem bảng tóm tắt.

Đáp án câu 3: Xác định tình huống có phải là lao động trẻ em không

4

≤ 8 giờ/ngày & 40 giờ/tuần		≤ 4 giờ/ngày & 20 giờ/tuần					
1	TH11: Hải 1	4	TH10: Nga 1 (đơn lát)	7	10	13	16
2	TH6: A Páo 1	5		8	11	14	17
3	TH8: Mây 1 TH8: Mây 2	6	TH9: Ngân 1	9	12	15	18

2

3

Chữ XANH: Không phải là lao động trẻ em

Chữ ĐỎ: là lao động trẻ em



THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ CỦA LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Mô tả được một cách khái quát thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam;
- Phân tích được những nguyên nhân chính của lao động trẻ em; và
- Trình bày được những hậu quả của lao động trẻ em đối với bản thân trẻ, đối với gia đình, cộng đồng và đất nước.



Thời gian dự kiến

45 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam	Thuyết giảng	10'
2	Nguyên nhân và hậu quả của lao động trẻ em	Xem các video clip và thảo luận nhóm Thuyết trình của nhóm	30'
3	Tổng kết bài	Hỏi đáp	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình.
2. Các video clip về những trường hợp lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam.



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

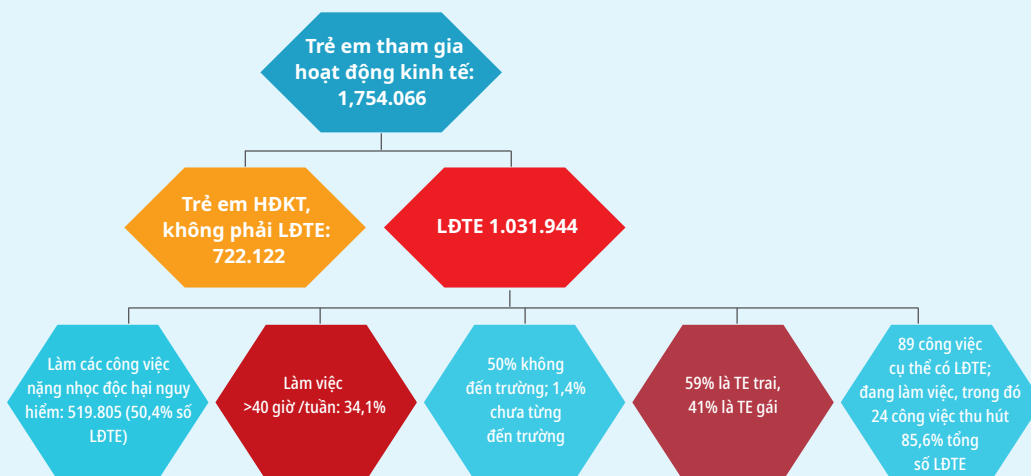
1. Thực trạng lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam

Thuyết giảng (kết hợp với chiếu slide)

Lao động trẻ em (LĐTE) là vấn đề xã hội xuất hiện ở mọi châu lục, mọi quốc gia, chỉ khác nhau về mức độ. Theo ILO, vào năm 2016 trong số trẻ em từ 5 đến 17 tuổi trên toàn thế giới có 152 triệu lao động trẻ em, trong đó 73 triệu làm các công việc nguy hại. Châu Phi có tỷ lệ lao động trẻ em cao nhất với 19,6%, sau đó đến khu vực châu Á-Thái Bình Dương (7,4%), châu Mỹ (5,3%), châu Âu và Trung Á (4,1%) và các nước A-rập (2,9%). 88 triệu lao động trẻ em là trai, chiếm 58%, và 64 triệu lao động trẻ em là gái, chiếm 42%. Lĩnh vực nông nghiệp vẫn là nơi có nhiều lao động trẻ em nhất (chiếm trên 70,9%), sau đó là đến các lĩnh vực dịch vụ (17,2%) và công nghiệp (11,9%). Lao động trẻ em trên thế giới có độ tuổi khá nhỏ, trẻ từ 5-11 tuổi chiếm tới 48%, từ 12-14 tuổi chiếm 28% và từ 15-17 tuổi chiếm 24%.⁶

Giống như nhiều quốc gia đang phát triển khác, ở Việt Nam cũng xuất hiện những trường hợp LĐTE. Do sự quan tâm và nỗ lực của Nhà nước và xã hội, LĐTE trong những năm qua ngày càng giảm đi. Mặc dù vậy, hiện nay, LĐTE vẫn còn tồn tại ở một số khu vực và địa phương. Cụ thể, cuộc Điều tra quốc gia về LĐTE do Bộ LĐ-TB&XH kết hợp với Tổng cục Thống kê và ILO Hà Nội tiến hành năm 2018 cho thấy, ở thời điểm điều tra, tình hình trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và LĐTE ở nước ta thể hiện như sau:

Trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và LĐTE ở Việt Nam (2018)



⁶ https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_575499/lang--en/index.htm

Theo số liệu từ “Điều tra Quốc gia về Lao động trẻ em năm 2018” Việt nam có 1.031.944 trẻ em từ 5-17 tuổi là LĐTE, chiếm 5,4% tổng dân số trẻ em từ 5 đến 17 tuổi (19.254.271 trẻ), trong đó có 51,2% thuộc nhóm 15-17 tuổi; 18% ở nhóm 13-14 tuổi và 30,8% ở nhóm từ 5-12 tuổi; 41% số LĐTE là trẻ em gái.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, giống như nhiều quốc gia trên thế giới, LĐTE ở Việt Nam sinh sống chủ yếu ở khu vực nông thôn (trên 84,0%). Về mô hình phân bố theo khu vực kinh tế cho thấy 53,6% LĐTE làm việc trong nông nghiệp, 23,7% trong công nghiệp và xây dựng, gần 21% trong các ngành nghề dịch vụ.

Trong số LĐTE, hiện có khoảng 352.385 trẻ (34,2%) làm việc trên 40h/tuần. Bên cạnh đó, có 519.000 chiếm 50,4% tổng số LĐTE đang làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, trong đó 27,7% tiếp xúc với bụi, rác, khói; 11,5% làm việc trong tiếng ồn lớn; 11% trong môi trường quá nóng hoặc quá lạnh; 8% tiếp xúc với hóa chất và 3,2% làm việc ở công trường, 3% làm việc dưới nước.

Về nguyên nhân tham gia lao động thì gần 30% LĐTE cho biết mục đích tham gia lao động là để tạo thu nhập. Hiện có 89 công việc cụ thể có LĐTE đang làm việc, trong đó có 24 công việc thu hút 85,6% tổng số LĐTE.

Quy mô và cơ cấu của lao động trẻ em ở Việt Nam (2012)

Khu vực	Số trẻ em	Tỷ lệ (%) trên tổng số TE từ 5-17 tuổi	Theo giới tính, %	
			Nam	Nữ
Toàn quốc	1.031.944	5,4%	59,0%	41,0%
Thành thị	161.621	2,6%	57,5%	42,5%
Nông thôn	870.323	6,6%	59,3%	40,7%

2. Nguyên nhân của lao động trẻ em

- Giao bài tập nhóm: Chia cả lớp thành 3-4 nhóm. Nói rằng cả lớp sẽ cùng xem một số video clip và sau đó các nhóm sẽ trả lời các câu hỏi theo chủ đề:
 - Trẻ em đang làm công việc gì? Vì sao các em phải làm những công việc đó?*
 - Các công việc đó có thể gây hậu quả gì đối với sự phát triển của trẻ em? Có thể có hậu quả gì đối với gia đình, cộng đồng và quốc gia?*
- Chiếu hai video clip về những trường hợp lao động trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam (tìm và tải về trên Internet).⁷

⁷ Về tình hình lao động trẻ em trên thế giới, có thể tải video của ILO tại <http://www.ilo.org/public/english/bureau/inf/wdacl/english.htm>, hoặc của World Vision tại <https://www.youtube.com/watch?v=Bcl4l3arrHI>. Về tình hình lao động trẻ em tại Việt Nam, có thể tải về từ <https://www.youtube.com/watch?v=rDRSS2ait6g>, <https://www.youtube.com/watch?v=57oIZQHMN9w>

- Các nhóm thảo luận trong 15 phút. Giáo viên quan sát trong quá trình thảo luận để chọn nhóm có câu trả lời tương đối hoàn lên trình bày.
- Chọn một nhóm trình bày kết quả trả lời câu hỏi 1.
(1) *Trẻ em đang làm công việc gì? Vì sao các em phải làm những công việc đó?*
- Mời các nhóm khác đóng góp bổ sung.
- Giáo viên tóm tắt các nguyên nhân của LĐTE (sử dụng các slide liên quan):

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến LĐTE, có thể tóm tắt theo 2 cách phân loại:

- Từ góc độ xã hội học: có các nhóm “nguyên nhân bên trong” và “nguyên nhân bên ngoài”; và
- Từ góc độ kinh tế học: có các nhóm nguyên nhân liên quan đến “cung” và “cầu” về LĐTE của thị trường lao động.

Nhấn mạnh rằng:

- Dù theo cách phân loại nào thì đói nghèo cũng là nguyên nhân nguyên nhân hàng đầu, tuy không phải là nguyên nhân duy nhất.
- Ngoài ra, còn có các nguyên nhân khác phát sinh và ảnh hưởng đến tình hình LĐTE với mức độ khác nhau trong các hoàn cảnh khác nhau. Ví dụ như khả năng tiếp cận và chất lượng của dịch vụ giáo dục; nhận thức về LĐTE của cha mẹ và cộng đồng; sự phân biệt đối xử về giới; hiệu lực và hiệu quả của chính sách, pháp luật phòng ngừa giảm thiểu LĐTE; ảnh hưởng của HIV/AIDS, xung đột vũ trang, thiên tai...

Ở Việt Nam, theo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2018, ba nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc trẻ em tham gia hoạt động kinh tế và LĐTE là: (i) Về kinh tế (gia đình nghèo khiến trẻ phải đi làm sớm), (ii) Về giáo dục (trẻ không có điều kiện tiếp cận với giáo dục, chương trình giáo dục thiếu phù hợp khiến cho một số trẻ em không thích đi học, học kém) và (iii) Về nhận thức/tâm lý (trẻ mong muốn tự lập, thể hiện ở việc muốn đi làm, đi học nghề). Ngoài ra, giống như trên thế giới, LĐTE ở Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi các nguyên nhân liên quan đến nhận thức của cha mẹ, phân biệt đối xử về giới, hiệu lực và hiệu quả của chính sách pháp luật, khủng hoảng gia đình, đô thị hóa quá nhanh...

3. Hậu quả của lao động trẻ em

- Chọn một nhóm trình bày kết quả trả lời câu hỏi 2.
(2) *Các công việc đó có thể gây hậu quả gì đối với sự phát triển của trẻ em? Có thể có hậu quả gì đối với gia đình, cộng đồng và quốc gia?*

- Mời các nhóm khác đóng góp bổ sung.
- Giáo viên tóm tắt các hậu quả của LĐTE đối với bản thân trẻ em, đối với gia đình, cộng đồng và quốc gia nơi trẻ sinh sống (sử dụng các slide liên quan):

- Đối với bản thân trẻ em: có các hậu quả tiêu cực về thể chất, tâm lý, nhận thức và giáo dục.
- Đối với gia đình, cộng đồng: tăng tình trạng đói nghèo, thất nghiệp trong gia đình và ở cộng đồng theo vòng luẩn quẩn: đói nghèo - trẻ em nghỉ học sớm để lao động – trẻ em không được giáo dục và đào tạo - khó có công việc ổn định và lương cao khi trưởng thành – đói nghèo, thất nghiệp trong các gia đình và cộng đồng có lao động trẻ em.
- Đối với quốc gia: tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực: LĐTE phổ biến – lao động phổ thông (lao động chân tay) chiếm tỷ lệ cao – chất lượng nguồn nhân lực thấp – khó có thể phát triển thành quốc gia giàu mạnh.

4. Tổng kết bài

- Quả bóng tuyết: Giáo viên đặt câu hỏi về thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của LĐTE đã tóm tắt trong bài và tung bóng cho các nhóm. Bóng trúng nhóm nào thì học viên nhóm đó trả lời ngắn gọn câu hỏi.
- Sau đó, nhóm có quyền đặt câu hỏi tiếp theo và chuyền bóng cho các nhóm khác.
- Tiếp tục chuyền bóng trong lớp cho đến khi câu trả lời đầy đủ chính xác.



PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này học viên có khả năng:

- Kể ra được những văn bản pháp luật quốc tế chủ yếu về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; và
- Trình bày được các nội dung có liên quan tới doanh nghiệp của Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO.



Thời gian dự kiến

45 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Khái quát những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em	Thuyết giảng Sơ đồ tư duy	10'
2	Các nội dung chủ yếu có liên quan tới doanh nghiệp của Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO	Cặp đôi Sơ đồ tư duy	20'
3	Đào sâu: Vận dụng các điều khoản liên quan của hai Công ước của ILO vào một số tình huống cụ thể	Bài tập tình huống	10'
4	Tổng kết bài	Thuyết giảng	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Toàn văn bản dịch các Công ước số 138 và 182 của ILO⁸
2. Khung sơ đồ tư duy 1, 2 và 3 (trên giấy A4)
3. Bài tập tình huống 5, 6, 7 và 11.

⁸ Tải về (miễn phí) từ một số trang web, ví dụ <http://thuvienphapluat.vn/>, http://hr.law.vnu.edu.vn/hr_master

4. Giấy giao việc cho cặp
5. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
6. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Khái quát những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

- Phát cho mỗi học viên một bản khung sơ đồ tư duy 1 và đề nghị học viên ghi lại vào các ô trống tên các điều ước quốc tế và văn tắt nội dung liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE trong khi nghe giáo viên trình bày theo slide.
- Thuyết giảng (kết hợp với slide)

Từ khi thành lập (năm 1919), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua nhiều công ước đề cập đến việc phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE, trong đó có hai công ước quan trọng nhất và hiện đang có hiệu lực áp dụng là Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu, 1973 (kèm theo là Khuyến nghị số 146) và Công ước số 182 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ mọi hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999 (kèm theo là Khuyến nghị số 190). Hai Công ước này đều nằm trong danh mục 8 công ước cơ bản (fundamental conventions) của ILO⁹.

Bên cạnh đó, vấn đề xóa bỏ LĐTE còn được ILO đề cập trong Tuyên bố về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, 1998. Tuyên bố này xác định bốn nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động¹⁰. Các nguyên tắc và quyền cơ bản trên được thể hiện trong bốn cặp công ước cơ bản, trong đó có cặp Công ước 138 và 182 về xóa bỏ một cách có hiệu quả LĐTE. Trong Tuyên bố này, ILO đã khẳng định là các quốc gia thành viên, dù đã hoặc chưa phê chuẩn, đều có nghĩa vụ phải tôn trọng, thúc đẩy và hiện thực hóa một cách có thành ý tám công ước cơ bản đã nêu này.

Ngoài ILO, vấn đề xóa bỏ LĐTE còn được đề cập trong một số văn kiện quốc tế về quyền con người do Liên hợp quốc (LHQ) thông qua. Tiêu biểu là Công ước về quyền trẻ em, 1989 (CRC) quy định các quyền của trẻ em trên tất cả các lĩnh vực mà đều có ý nghĩa bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng và bóc lột. Đặc biệt, CRC có Điều 32

⁹ Nguồn: <http://www.ilo.org/global/standards/introduction-to-international-labour-standards/conventions-and-recommendations/lang--en/index.htm>

¹⁰ Bao gồm i) quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể; ii) quyền tự do không bị cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động; iii) xóa bỏ một cách có hiệu quả LĐTE; và iv) quyền được đối xử bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp

quy định riêng về quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi bị bóc lột về kinh tế. Liên hợp quốc cũng thông qua các Nghị định thư về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em và Nghị định thư về việc sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang¹¹. Đây là hai nghị định thư bổ sung Công ước về quyền trẻ em, đề cập đến việc xóa bỏ hai trong số những hình thức LĐTE tồi tệ nhất là buôn bán, xâm hại tình dục trẻ em và sử dụng trẻ em trong hoạt động chiến sự. Việt Nam đã tham gia tất cả các điều ước quốc tế nêu trên của ILO và của Liên hợp quốc, vì vậy có nghĩa vụ thực hiện những công ước đó.

2. Các nội dung chủ yếu có liên quan tới doanh nghiệp của Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO và vận dụng vào tình huống cụ thể

- Đề nghị các học viên ngồi cạnh nhau ghép thành một cặp đôi. Phát cho mỗi cặp đôi bản dịch các Công ước số 138 và 182 của ILO, khung sơ đồ tư duy 2 và 3, và bài tập tình huống số 5 và 6 hoặc số 7 và 11. Đề nghị các cặp trả lời câu hỏi của tình huống dành cho bài 3.
- Làm bài tập theo cặp trong vòng 20 phút (viết nhiệm vụ trên giấy giao việc cho từng người trong cặp): Trong mỗi cặp, người thứ nhất sẽ đọc Công ước 138, điền sơ đồ tư duy số 2 và giảng lại cho người kia. Người thứ hai sẽ đọc Công ước 182, điền sơ đồ tư duy số 3 và giảng lại cho người thứ nhất. Sau đó cả hai người sẽ cùng nghiên cứu các bài tập tình huống và trả lời câu hỏi. Trong quá trình các cặp làm việc, giáo viên quan sát, hỗ trợ và chọn trước hai cặp trả lời tốt nhất để mời trình bày sau đó.
- Hết 20 phút, giáo viên mời một cặp lên trình bày sơ đồ tư duy số 2 về các nội dung liên quan đến doanh nghiệp của Công ước số 138 và giải bài tập tình huống. Mời cặp thứ hai lên trình bày sơ đồ tư duy số 3 về các nội dung liên quan đến doanh nghiệp của Công ước số 182 và giải bài tập tình huống theo cách của mình. Mời cả lớp bình luận, nhận xét sau các phần trình bày.
- Giáo viên chữa và tóm tắt bằng đáp án sơ đồ tư duy (đưa trên slide) và phân tích thêm về các bài tập tình huống.

¹¹ Toàn văn bản dịch chính thức trên <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nghi-hi-dinh-thu-khong-bat-buoc-bo-sung-Cong-uoc-quyen-tre-em-ve-buon-ban-mai-dam-tre-em-2000-276359.aspx>;

3. Tổng kết bài

- Giáo viên củng cố lại những nội dung chính của bài học cần nhớ:

Những văn bản pháp luật quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em: Có nhiều văn bản pháp luật quốc tế đề cập đến việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó có ba công ước chính hỗ trợ cho nhau đó là:

1. Công ước số 138 của ILO (C138) quy định các độ tuổi lao động tối thiểu, qua đó phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng trẻ em phải lao động từ sớm và phải làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
2. Công ước số 182 của ILO (C182) yêu cầu các quốc gia phải thực hiện ngay những biện pháp thích hợp để xoá bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, qua đó đặt ra những ưu tiên trong hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em;
3. Công ước về quyền trẻ em của LHQ (CRC) xác định một hệ thống quyền của trẻ em, bao gồm quyền được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động.

Nội dung Công ước số 138 của ILO: Xác lập những mức tuổi lao động tối thiểu cần tuân thủ để phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng trẻ em phải lao động từ sớm và phải làm các công việc nặng nhọc, độc hại, bao gồm ba mức:

- i) Tuổi lao động tối thiểu chung phải không thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc và không được dưới 15 (Khoản 3, Điều 2). Đối với các nước mà nền kinh tế và các điều kiện giáo dục còn kém phát triển thì có thể không dưới 14 tuổi trong giai đoạn đầu (Khoản 4, Điều 2);
- ii) Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nguy hại là không dưới 18 (Khoản 1, Điều 3). Các quốc gia có thể quy định không dưới 16 tuổi, với điều kiện an toàn và đạo đức của thanh thiếu niên được bảo vệ đầy đủ và các em được hướng dẫn, đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (Khoản 3, Điều 3);
- iii) Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ là từ 13 - 15 (Khoản 1, Điều 7). Các nước đã áp dụng tuổi tối thiểu chung là không dưới 14 thì có thể áp dụng tuổi tối thiểu đối với công việc nhẹ là từ 12-14 (Khoản 4, Điều 7).

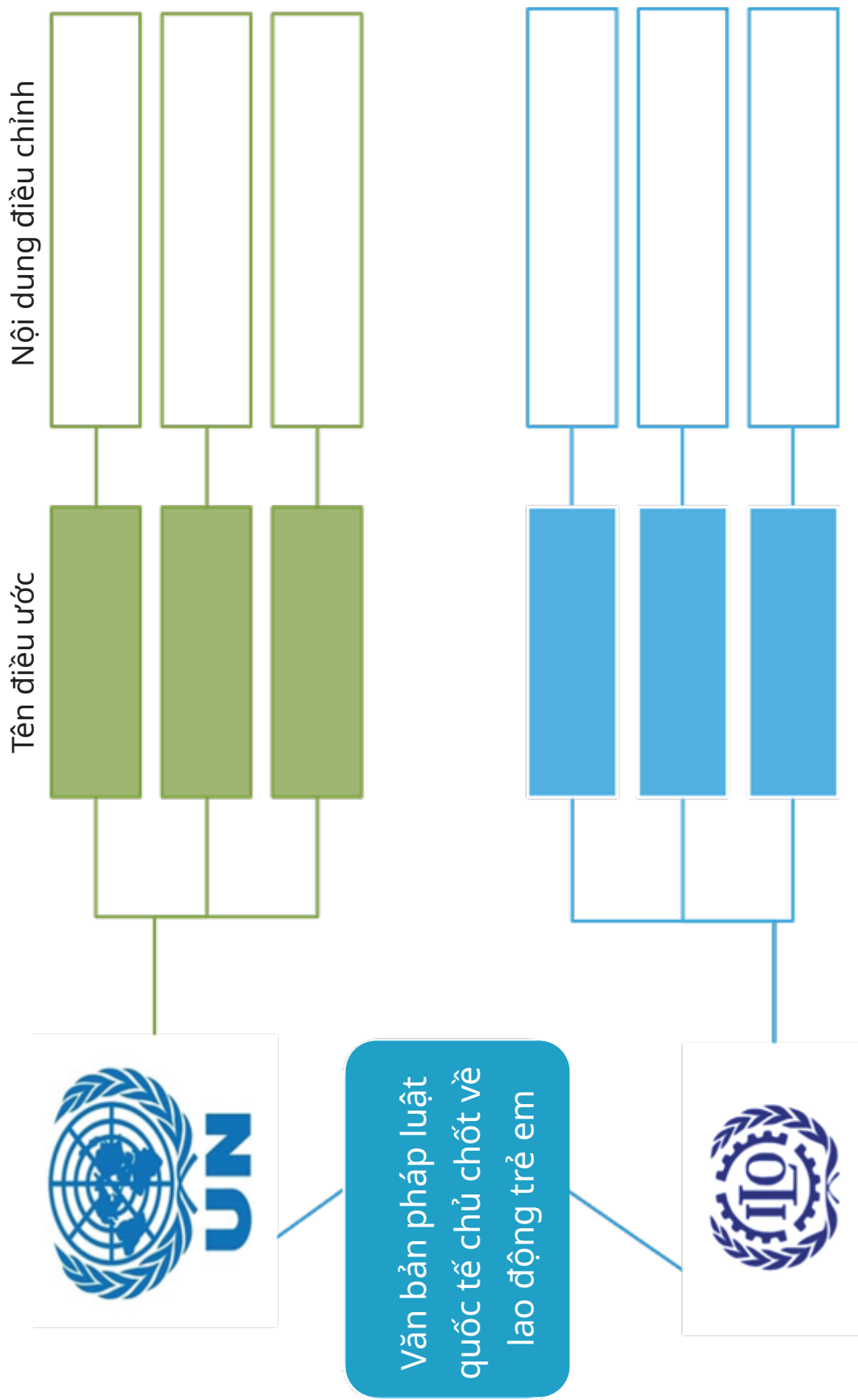
Khái niệm công việc nguy hại được hiểu là bất kỳ công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên (Khoản 1, Điều 3), các công việc này do luật quốc gia quy định (Khoản 2, Điều 3). Khái niệm công việc nhẹ được hiểu là những công việc không có khả năng gây tổn hại đến sức khỏe, sự phát triển, việc học tập, đào tạo nghề, hướng nghiệp hoặc các cơ hội giáo dục khác của trẻ em (Khoản 1, Điều 7). Các công việc này cũng do luật quốc gia quy định, cùng với số giờ và điều kiện lao động (Khoản 3, Điều 7).

Nội dung Công ước số 182 của ILO: Quy định phải hành động ngay lập tức để xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm:

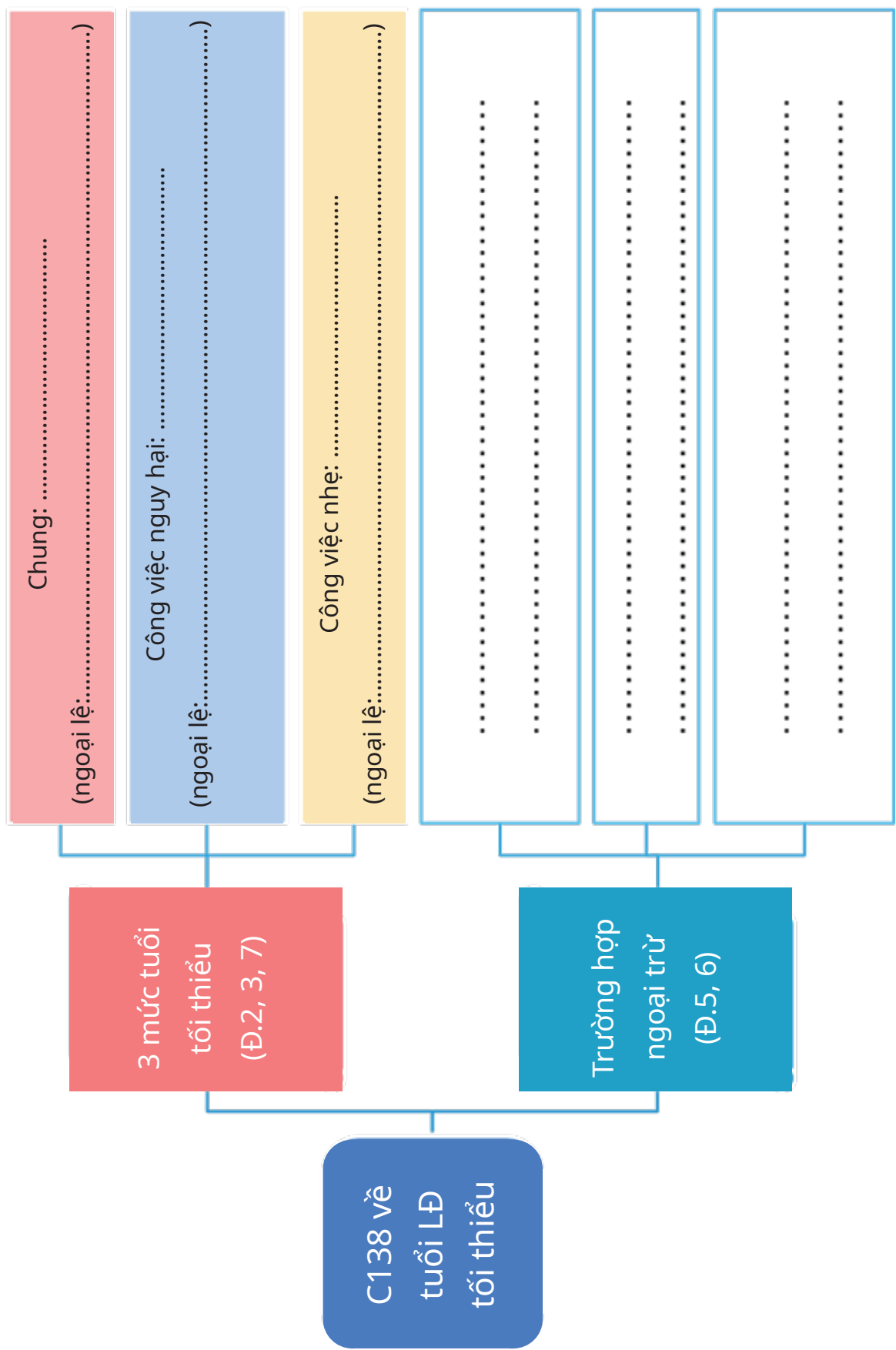
- iv) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang;
- v) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em làm mại dâm, tham gia sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
- vi) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan;
- vii) Sử dụng trẻ em trong những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em.

Cần chú ý rằng các Công ước số 138 và 182 của ILO áp dụng với mọi khu vực kinh tế và mọi dạng nghề nghiệp, việc làm, bất kể đó là công việc có hợp đồng hoặc không có hợp đồng, công việc làm công ăn lương hoặc tự quản lý, công việc có được hoặc không được trả công, công việc trong hoặc ngoài môi trường gia đình. Việt Nam đã tham gia cả hai Công ước này và không quy định tuổi lao động tối thiểu thấp hơn các mức áp dụng cho mọi quốc gia, như ta đã học trong Bài 1.

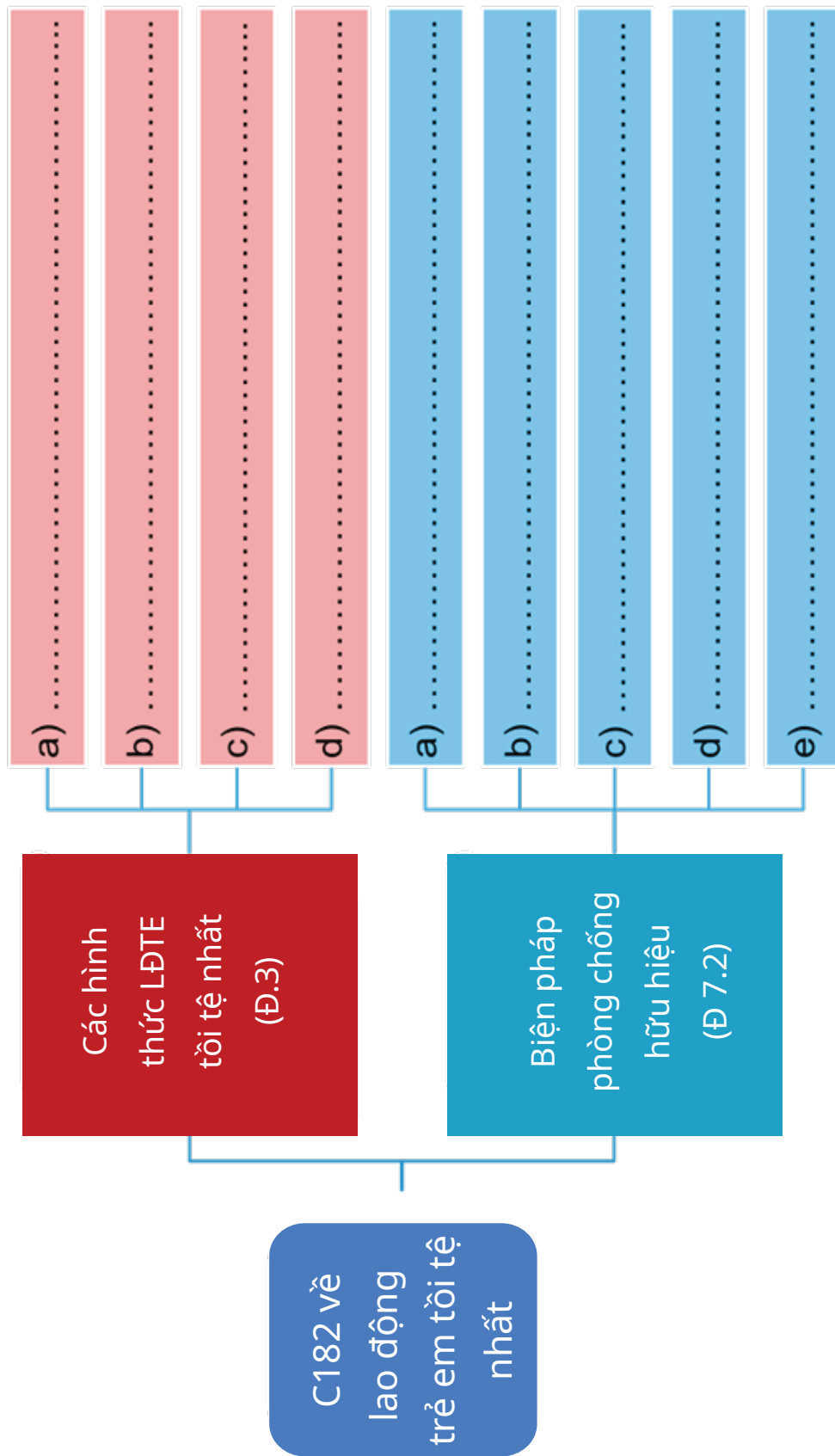
Khung sơ đồ tư duy 1



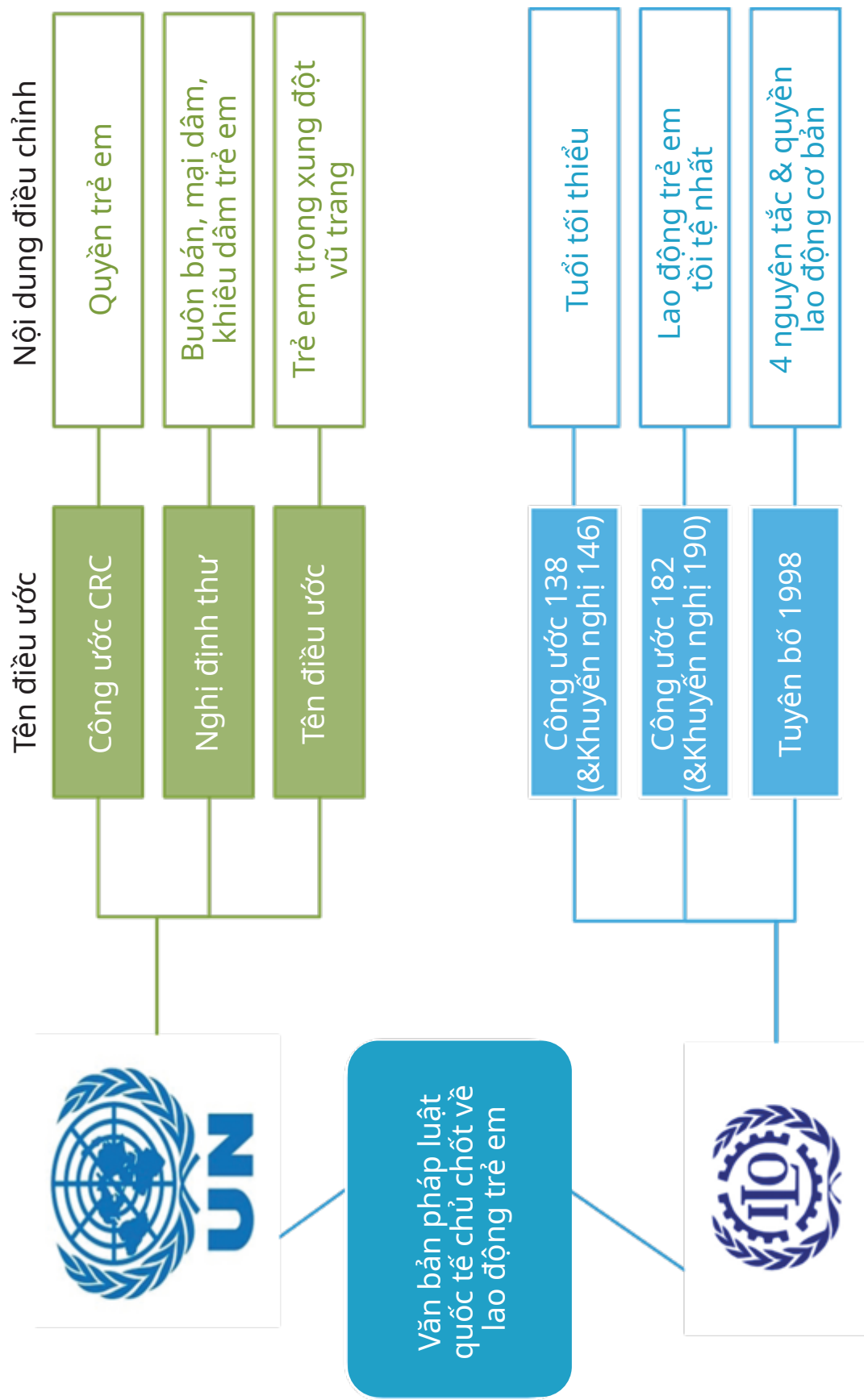
Khung sơ đồ tư duy 2



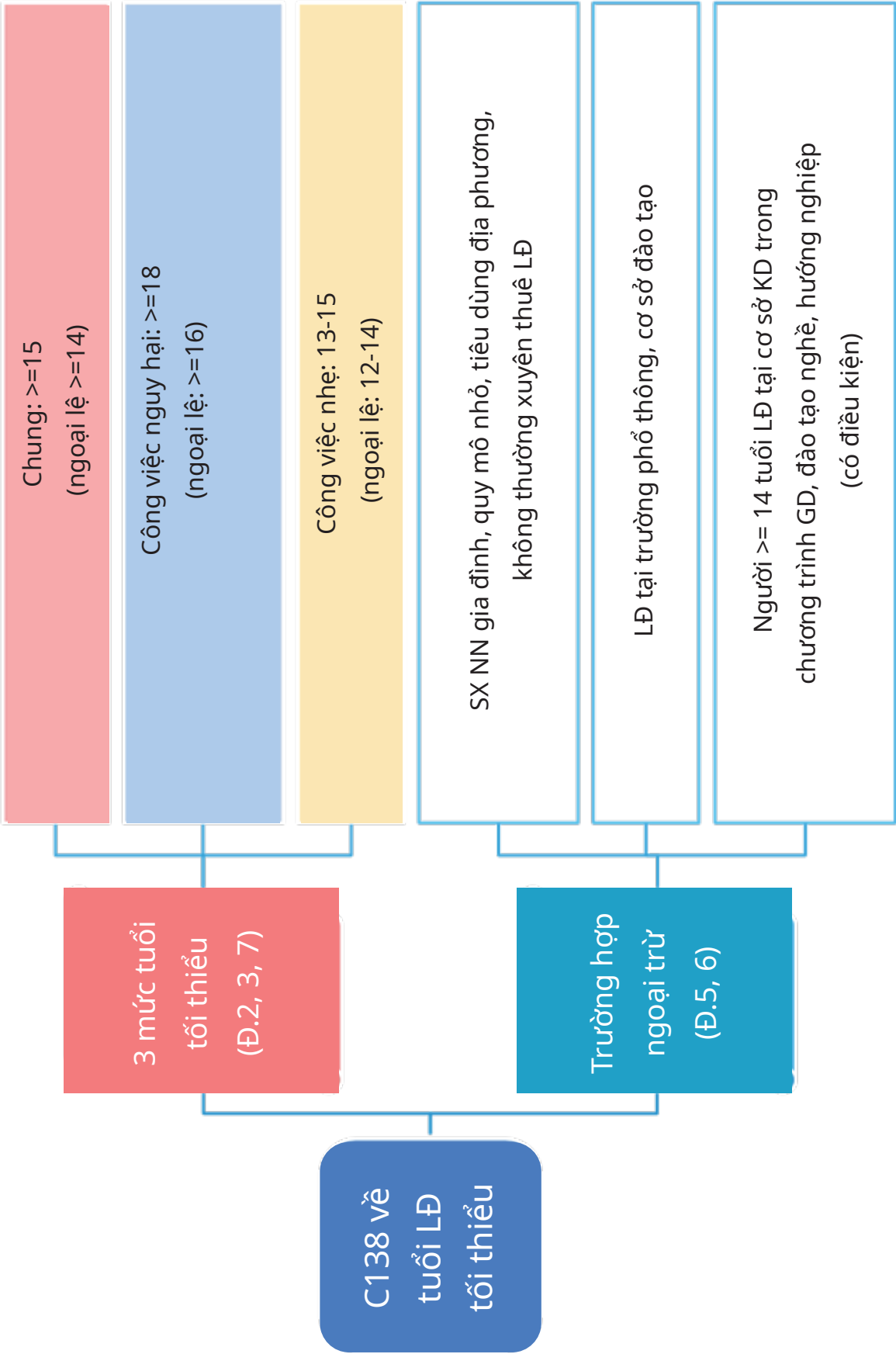
Khung sơ đồ tư duy 3



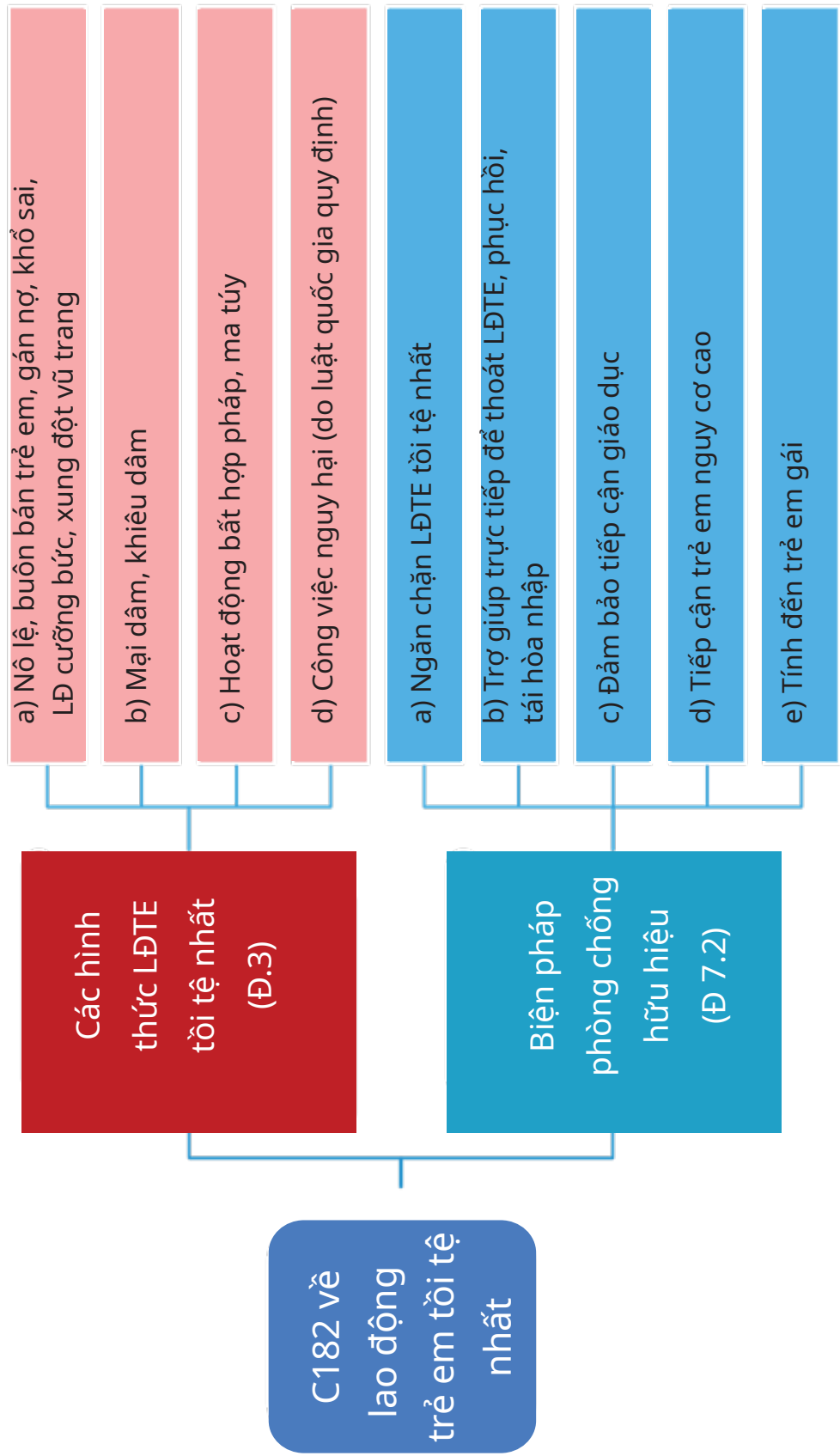
Đáp án sơ đồ tư duy 1



Đáp án sơ đồ tư duy 2



Đáp án sơ đồ tư duy 3



Đáp án bài tập tình huống

Tình huống 5: Câu chuyện của Huyền

Trường hợp của Huyền liên quan trực tiếp đến Khoản (b) và (d), Điều 3, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ mọi hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999. Điều này quy định rằng: "...các hình thức LĐTE tồi tệ nhất bao gồm ... sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm" (Khoản b) và "...những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ" (Khoản d). Trong câu hỏi 1, Huyền đi làm tiếp viên buổi tối từ 18 giờ đến 24 giờ hàng ngày tại quán bar-karaoke, phải ăn mặc gợi cảm và biểu diễn khiêu dâm cho khách xem. Như vậy, em được sử dụng vào hoạt động biểu diễn khiêu dâm, vi phạm Khoản b, và tính chất công việc, trang phục, môi trường và giờ làm việc có hại cho đạo đức và có thể là cả sức khỏe và sự an toàn của em, vi phạm Khoản d. Ở độ tuổi 17, Huyền đã làm công việc thuộc một trong những hình thức LĐTE tồi tệ nhất bị cấm theo Công ước 182 mà Việt Nam đã tham gia, vì vậy trường hợp này bị coi là LĐTE.

Trong câu hỏi 2, Huyền không liên quan đến việc tiếp khách nên em không phải ăn mặc gợi cảm và biểu diễn khiêu dâm. Tuy nhiên, em làm công việc dọn dẹp vệ sinh từ 17:30 đến 0:30 hàng ngày tại quán bar-karaoke có biểu diễn khiêu dâm. Môi trường và giờ làm việc vẫn có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức, nhất là khi em làm việc khuya, về khuya và không tránh khỏi có thể nhìn thấy hoặc chạm mặt với những người khách và tiếp viên ăn mặc gợi cảm và có cử chỉ không chuẩn mực đối với người chưa thành niên ở độ tuổi 17 của em. Vì vậy trường hợp này vẫn bị coi là LĐTE theo Khoản d, Điều 3, Công ước số 182 của ILO.

Cần chú ý rằng ngoài Công ước số 182, Công ước số 138 của ILO cũng có Khoản 1, Điều 3 quy định rằng: "Đối với bất kỳ công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên thì mức tuổi LĐ tối thiểu không được dưới 18 tuổi." Mặc dù Công ước 138 cho phép các quốc gia lựa chọn áp dụng tuổi tối thiểu từ độ tuổi 16 đối với loại công việc này, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước này mà không áp dụng tuổi tối thiểu thấp hơn 18. Vì vậy, việc em Huyền ở tuổi 17 đã được sử dụng trong công việc có thể có hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của em là vi phạm các Công ước số 182 và 138 của ILO nên phải coi là LĐTE, thuộc một trong những hình thức LĐTE tồi tệ nhất cần phải xóa bỏ.

Tình huống 6: Câu chuyện của A Páo

Trường hợp của A Páo liên quan đến Khoản 3, Điều 5, Công ước số 138 của ILO về tuổi lao động tối thiểu, 1973. Khoản này quy định rằng: "Phạm vi áp

dụng Công ước... loại trừ những cơ sở sản xuất nông nghiệp mang tính chất gia đình hoặc có quy mô nhỏ, sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở địa phương và không thường xuyên thuê mướn lao động.” Điều này đúng với tình huống của A Páo trong câu hỏi 1. Em giúp cha mẹ chăn bò sau giờ đi học với thời gian không cố định thì đây là công việc sản xuất nông nghiệp mang tính chất gia đình, không có quan hệ lao động. Vì vậy đây là trường hợp không áp dụng Công ước 138 nên không thể coi là lao động trẻ em.

Tình huống có thay đổi trong câu hỏi 2, sau giờ học A Páo thường xuyên phụ giúp cha mẹ trong việc chăn nuôi và giết mổ bò 3 giờ/ ngày vào cả 7 ngày trong tuần. A Páo trong trường hợp này có thể coi như làm việc cố định bán thời gian trong cơ sở của bố mẹ và như vậy đã vi phạm Khoản 1, Điều 3, Công ước số 138 của ILO. Giết mổ là công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của em được quy định trong luật của Việt Nam là công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, nên theo Công ước 138 tuổi lao động tối thiểu không được dưới 18 tuổi.

Tình huống 7: Câu chuyện của Quang

Trường hợp của Quang liên quan trực tiếp đến Khoản (a) và (d), Điều 3, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ mọi hình thức LĐTE tồi tệ nhất, 1999. Điều này quy định rằng: "...các hình thức LĐTE tồi tệ nhất bao gồm ... mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, LĐ khổ sai, LĐ cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang" (Khoản a) và "...những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ" (Khoản d). Trong câu hỏi 1, Quang phải bỏ học đi làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ nên thực chất đây là hình thức LĐ gán nợ, vi phạm Khoản a. Đồng thời, em phải làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa nên có thể có hại cho sức khỏe và sự an toàn của Quang, hiện đang ở độ tuổi rất nhỏ là 12 tuổi, vi phạm Khoản d. Quang đang làm công việc thuộc một trong những hình thức LĐTE tồi tệ nhất bị cấm theo Công ước 182 mà Việt Nam đã tham gia, vì vậy trường hợp này bị coi là LĐTE.

Tình huống có thay đổi trong câu hỏi 2 với giả định là Quang đã đủ 16 tuổi. Với em trai ở độ tuổi này, có thể công việc cưa cắt, bê vác gỗ xẻ ... không có hại cho sức khỏe và sự an toàn của em, không còn vi phạm Khoản d. Tuy nhiên, về bản chất em vẫn là LĐ gán nợ, vi phạm Khoản a, Điều 3, Công ước số 182 của ILO, nên vẫn phải coi là LĐTE, thuộc một trong những hình thức LĐTE tồi tệ nhất cần phải xoá bỏ.

Cần chú ý rằng ngoài Công ước số 182, Công ước số 138 của ILO cũng có Khoản 1, Điều 3 quy định rằng: "Đối với bất kỳ công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, an

toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên thì mức tuổi LĐ tối thiểu không được dưới 18 tuổi.” Công việc, cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... đối với em Quang 12 tuổi là công việc nguy hại, có thể có hại cho sức khỏe và an toàn của em. Vì vậy trong câu hỏi 1, trường hợp này phải coi là LĐTE do vi phạm cả hai công ước:

- là công việc nguy hại theo Khoản 1, Điều 3, Công ước 138 và Khoản (d), Điều 3, Công ước số 182; và
- là LĐ gán nợ, theo Khoản (a), Điều 3, Công ước số 182.

Trong câu hỏi 2, công việc, cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... đối với Quang là em trai 16 tuổi có phải công việc nguy hại hay không thì cần phải căn cứ vào pháp luật Việt Nam, do các công ước của ILO đều quy định rằng những loại công việc nào là nguy hại sẽ do luật pháp và quy định của quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức người LĐ và người sử dụng LĐ liên quan (Khoản 1, Điều 4 Công ước số 182 và Khoản 2, Điều 3 Công ước số 138).

Tình huống 11: Câu chuyện của Hải

Trường hợp của Hải liên quan đến Khoản a, Điều 6, Công ước số 138 của ILO về tuổi LĐ tối thiểu, 1973. Khoản này quy định rằng: “Công ước này không áp dụng ... với những công việc do những người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện trong các cơ sở kinh doanh, nếu được thực hiện theo đúng những điều kiện mà nhà chức trách có thẩm quyền quy định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng LĐ và người LĐ có liên quan, và là một phần không tách rời của: ... một chương trình giáo dục hoặc đào tạo nghề mà trách nhiệm trước hết thuộc một trường hoặc một cơ sở đào tạo nghề”. Hải 16 tuổi và hàng ngày làm việc tại quán bar thuộc khách sạn thực hành như một phần trong chương trình thực hành kỹ năng bartender của trường trung cấp nghề du lịch khách sạn em đang theo học. Các chương trình dạy nghề hệ trung cấp ở Việt Nam đều nằm trong khung chương trình do bộ chủ quản ban hành. Như vậy, đây là trường hợp không áp dụng Công ước 138 nên không thể coi là LĐTE.

Cũng là công việc pha chế đồ uống (bartender) do Hải làm nhưng tình huống đã thay đổi hoàn toàn trong câu hỏi 2. Vào cuối tuần, Hải làm thêm công việc pha chế và chạy bàn tại một quán bar ở khu du lịch. Đây không còn là công việc được thực hiện như một phần của chương trình đào tạo nghề thuộc trách nhiệm của trường nữa mà là quan hệ LĐ được hình thành giữa LĐ chưa thành niên là Hải 16 tuổi và cơ sở kinh doanh là quán bar. Như vậy, công việc cuối tuần của Hải không còn là trường hợp loại trừ theo Công ước 138 của ILO. Có thể coi đây là LĐTE hay không thì phải căn cứ vào pháp luật Việt Nam về loại công việc cấm sử dụng LĐ ở độ tuổi của em, phù hợp với Khoản 1, Điều 4 Công ước số 182 và Khoản 2, Điều 3 Công ước số 138 của ILO



PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này học viên có khả năng:

- Kể ra được những văn bản pháp luật chính của Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; và
- Áp dụng được những quy định về độ tuổi, thời gian làm việc, công việc và nơi làm việc và chế tài xử phạt liên quan đến lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam để phân tích và xử lý các tình huống phát sinh.



Thời gian dự kiến

45 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Những văn bản pháp luật chính của Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Thuyết giảng Sơ đồ tư duy Đóng vai	10'
2	Những quy định chủ yếu liên quan đến việc sử dụng lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam	Nhóm nhỏ Bài tập tình huống	30'
3	Tổng kết bài	Thuyết giảng	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Phụ lục 4.
2. Tài liệu phát tay và bài tập tình huống 5, 7.
3. Bài tập. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam (trang 77, 78).
4. Khung vẽ sơ đồ tư duy trên giấy A4.

5. Biển tên nhóm, giấy giao việc và bảng biểu trên giấy A0
6. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
7. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
8. Bảng dính giấy và bút dạ loại không xóa được, màu xanh và đỏ, kéo



Chuẩn bị của giáo viên

Trước bài học, GV đọc kỹ các bộ luật, luật, nghị định và thông tư liên quan¹² và trích ra các nội dung cần thiết làm tài liệu phát cho các nhóm làm bài tập, gồm:

- Bộ luật Lao động 2019, Chương XI
- Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH
- Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT
- Nghị định 95/2013/NĐ-CP: Điều 19
- Luật trẻ em 2016
- Nghị định 144/2013/NĐ-CP: Điều 22, 23, 25, 26, 27, 29 và 30
- Bộ luật Hình sự 2017: Điều 296, 297



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

Bố trí phòng học

- Trước bài học, bố trí lớp như sau: Kê 3 bàn tách nhau tạo thành 1 khoảng hình chữ nhật ở giữa lớp để lấy chỗ cho phần đóng vai. Dẹp gọn bàn ghế thừa. Trong bài này học viên sẽ làm việc quanh 3 khối bàn này là chủ yếu.
- Chuẩn bị sẵn 3 tập tài liệu, giấy khổ lớn và bút trên 3 bàn giữa lớp để làm chỗ cho 3 nhóm đứng làm việc. Đặt biển tên nhóm. Đặt bên cạnh một phong bì kín gồm các tài liệu sau: giấy giao việc, tài liệu phát tay và bảng biểu phù hợp theo nhóm, giấy A0, bút và đầu bài bài tập tình huống. Các tài liệu cần thiết như sau:
 - Nhóm 1: Bảng 2, toàn văn Điều 19 Nghị định 95/2013/NĐ-CP, Điều 22, 23, 25, 26, 27, 29, 30 Nghị định 144/2013/NĐ-CP và Điều 296 BLHS 2017, bài tập tình huống 5 và 7
 - Nhóm 2: Bài đọc 2, bài tập tình huống 5 và 7
 - Nhóm 3: Toàn văn Điều 145, 146, 147 BLLĐ năm 2019, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT, bài tập tình huống 5 và 7. Ngoài phong bì để thêm mẫu bảng 2 in trên giấy khổ lớn.

¹² Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; <http://vanban.chinhphu.vn>

- Nói với cả lớp rằng trong bài học này cả lớp sẽ tham gia xử lý một vài trường hợp sử dụng lao động chưa thành niên qua một phần đóng vai. Mời 4 học viên xung phong đóng 2 vai người sử dụng lao động và 2 luật sư tư vấn cho họ trong 2 tình huống. Để 4 học viên này ngồi cùng nhau ở chỗ trống giữa 4 bàn của 4 nhóm. Chia tất cả học viên còn lại vào 3 nhóm, ngồi quanh 3 bàn. Đề nghị các nhóm không mở phong bì ra trước khi giáo viên yêu cầu.

Các bước thực hiện

1. Những văn bản pháp luật chính của Việt Nam về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

- Phát khung sơ đồ tư duy 4 cho học viên. Giới thiệu rằng trước khi xử lý tình huống, các nhóm cũng như NSDLĐ cần nắm được pháp luật Việt Nam về phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Vì vậy, giáo viên sẽ điểm lại những văn bản pháp luật quốc gia cơ bản nhất điều chỉnh vấn đề này. Trong lúc giáo viên trình bày, đề nghị các học viên điền ô trống trong khung sơ đồ tư duy để tóm tắt các nội dung quy định của các văn bản pháp luật liên quan đến phòng ngừa giảm thiểu LĐTE.
- Thuyết giảng (kết hợp với slide).

Việt Nam đã ký và phê chuẩn tất cả các điều ước quốc tế chủ chốt về phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE đã đề cập trong bài trước, vì vậy có nghĩa vụ thực hiện cam kết đó. Giống như phần lớn quốc gia khác, Việt Nam không áp dụng trực tiếp các điều ước này, mà chuyển hoá (nội luật hoá) vào hệ thống pháp luật quốc gia để thực hiện. Nhà nước Việt Nam đã ban hành và sửa đổi nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, đặc biệt là Bộ luật Lao động, tạo lập được một khuôn khổ pháp luật khá toàn diện để phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE. Nổi bật là các văn bản sau đây:

1. **Bộ luật Lao động 2019 (BLLĐ 2019)** có riêng Chương XI, Mục 1, từ Điều 143-147, quy định về LĐ chưa thành niên. Những nội dung chính là: quy định về độ tuổi được xem là LĐ chưa thành niên, thời gian làm việc, các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng LĐ chưa thành niên, các nguyên tắc và nghĩa vụ của NSDLĐ. Một số quy định của BLLĐ 2019 được cụ thể hoá trong:

1.1. **Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT** quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng LĐ dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm;

1.2. **Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH** ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng LĐ là người chưa thành niên; danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc

2. **Luật Trẻ em 2016** quy định khái niệm trẻ em và quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi rơi vào hoàn cảnh LĐTE. Cụ thể là Điều 26 xác định rõ quyền của trẻ em được bảo vệ để: "... không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm...; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện..." Luật nghiêm cấm một loạt hành vi gắn liền với vấn đề LĐTE¹³; quy định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó bao gồm các nhóm¹⁴ thuộc về hoặc có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh LĐTE; quy định 25 nhóm quyền của trẻ em, trong đó bao gồm những quyền có tác dụng trực tiếp tới việc bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào hoàn cảnh LĐTE¹⁵.
3. Các vi phạm có thể bị xử lý hành chính hoặc hình sự theo các văn bản pháp luật sau đây:
- 3.1. **Nghị định số 95/2013/NĐ-CP** quy định chế tài hành chính xử lý các vi phạm theo Bộ luật lao động;
- 3.2. **Nghị định số 144/2013/NĐ-CP** quy định chế tài hành chính xử lý các vi phạm theo Luật trẻ em; và
- 3.3. **Bộ luật Hình sự 2017** (BLHS 2017) theo Điều 296 quy định chế tài hình sự xử lý "Tội vi phạm quy định về sử dụng NLD dưới 16 tuổi". Tội hình sự thường được xác định sau khi đã áp dụng chế tài phạt hành chính mà còn tái phạm và/ hoặc gây hậu quả nghiêm trọng. Ngoài ra, trong các điều luật khác của BLHS còn quy định một số tội danh liên quan đến các hình thức LĐTE tồi tệ nhất với các chế tài nghiêm khắc.

¹³ Bao gồm: Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn; Sử dụng, rủ rờ, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật...; Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền; Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi; Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm... (Điều 6, Luật trẻ em, 2016)

¹⁴ Như trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

¹⁵ Như quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột sức lao động, không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn...

Bên cạnh đó, còn một số luật, pháp lệnh, nghị định và thông tư khác của Việt Nam trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh vấn đề bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào hoàn cảnh LĐTĐ¹⁶.

2. Những quy định chủ yếu liên quan đến việc sử dụng lao động chưa thành niên trong pháp luật Việt Nam

- Nói với cả lớp rằng bây giờ phần đóng vai xử lý các trường hợp sử dụng LĐ chưa thành niên sẽ bắt đầu. Đề nghị các nhóm mở phong bì nhận nhiệm vụ đã ghi và các công cụ kèm theo. Các nhóm sẽ có 10 phút đọc tài liệu, chuẩn bị bài tập, ghi trên giấy và phân công trong nhóm để sẵn sàng đưa ý kiến của mình trước lớp.
- Các nhóm được giao nhiệm vụ (viết sẵn trên giấy) như sau:

¹⁶ Chủ yếu nhất là Luật phổ cập giáo dục tiểu học 1991 và Luật Giáo dục 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): quy định chi tiết về quyền học tập của trẻ em, gồm quyền được học tiểu học miễn phí; Luật hôn nhân và gia đình 2014: nhấn mạnh việc đối xử bình đẳng với con trai và con gái, trẻ em được sinh ra trong và ngoài giá thú; Luật nghĩa vụ quân sự 2016: quy định độ tuổi nhập ngũ là 18 tuổi và các biện pháp nhằm đảm bảo không tuyển người dưới 18 tuổi; Luật phòng chống mua bán người 2011: nghiêm cấm các hành vi mua bán người và quy định các biện pháp phòng ngừa, giải cứu, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, trong đó có trẻ em; Pháp lệnh phòng chống mại dâm 2003: quy định trách nhiệm của cơ sở dịch vụ ký hợp đồng lao động bằng văn bản; đăng ký lao động và không sử dụng NLĐ dưới 18 tuổi làm những công việc ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực, trí lực và nhân cách của các em; Luật an toàn, vệ sinh lao động 2015: các quy định và chính sách chế độ về ATVSLĐ áp dụng với mọi NSDLĐ và NLĐ cũng được áp dụng với lao động chưa thành niên và người sử dụng các em.

Nhóm 1: Loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi

Tài liệu phát tay: Điều 145, 146, 147 BLLĐ năm 2019, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT, bài tập tình huống 5 và 7

1. Hãy nêu ngắn gọn các quy định của pháp luật Việt Nam về loại công việc và nơi làm việc theo các nhóm tuổi: i) dưới 13 tuổi, ii) từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi, iii) từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi. Ghi rõ điều luật quy định các nội dung đó.
2. Áp dụng các điều khoản pháp luật đã nêu với bài tập tình huống: Trường hợp này có vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến LĐ chưa thành niên không? Hãy trích dẫn điều khoản luật để giải thích.

Nhóm 2: Thời giờ làm việc và trách nhiệm của người sử dụng lao động

Tài liệu phát tay: Bài đọc 2, bài tập tình huống 5 và 7

1. Hãy nêu ngắn gọn các quy định của pháp luật Việt Nam về thời giờ làm việc theo các nhóm tuổi: i) dưới 15 tuổi, ii) từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi. Ghi rõ điều luật quy định các nội dung đó.
2. Áp dụng các điều khoản pháp luật đã nêu với bài tập tình huống: Trường hợp này có vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến LĐ chưa thành niên không? Hãy trích dẫn điều khoản luật để giải thích.

Nhóm 3: Xử phạt hành chính các vi phạm về lao động trẻ em

Tài liệu phát tay: Bảng 2, toàn văn Điều 19 Nghị định 95/2013/NĐ-CP, Điều 22, 23, 25, 26, 27, 29, 30 Nghị định 144/2013/NĐ-CP và Điều 296 BLHS 2017, bài tập tình huống 5 và 7

1. Hãy đọc Điều 19 của Nghị định số 95/2013/NĐ-CP, Điều 22, 23, 25, 26, 27, 29, 30 Nghị định 144/2013/NĐ-CP, và Điều 296 Bộ luật Hình sự 2017, xác định các hành vi vi phạm về vấn đề lao động trẻ em và điền Bảng 2.
2. Áp dụng các điều khoản pháp luật đã nêu với bài tập tình huống: Hành vi nào có thể bị xử phạt và xử phạt như thế nào? Hãy trích dẫn điều khoản luật để giải thích.

- Trong lúc 3 nhóm làm việc, giáo viên chia 4 bạn ở giữa làm 2 cặp, mỗi cặp được phát một trong hai bài tập tình huống 5 và 7. Đề nghị mỗi cặp phân vai: bạn đóng vai NSDLĐ sẽ phụ trách đọc tình huống trước lớp, bạn đóng vai luật sư tư vấn đưa ra các lập luận để bảo vệ thân chủ của mình sau khi 3 nhóm nêu cách xử lý tình huống. Đề nghị các bạn nghiên cứu tình huống và sau đó sẽ nhập vai như thật.
- Hết 10 phút, giáo viên mời các nhóm dán kết quả thảo luận nhóm lên tường theo thứ tự nhóm. Tuyên bố với học viên là bây giờ cả lớp sẽ bắt đầu áp dụng pháp luật Việt Nam để quyết định có hành vi vi phạm và có xử phạt người sử dụng lao động trong các tình huống được nêu hay không. Quy trình ra quyết định xử phạt như sau:
 1. Lần lượt Nhóm 1 và 2 sẽ rà soát tình huống và quyết định NSDLĐ có vi phạm điều luật nào trong các điều luật nhóm tìm hiểu hay không. Nếu có Nhóm 1 và 2 sẽ đưa ra yêu cầu cho Nhóm 3 xử phạt.
 2. Nhóm 3 sẽ dựa trên trình bày của Nhóm 1 và 2 và các văn bản pháp luật mình mới nghiên cứu để xem vi phạm đó có thể là vi phạm hành chính hay cấu thành tội hình sự, sau đó quyết định chế tài xử phạt.
- Điều hành học viên trong các phần đóng vai theo trình tự sau:
 1. Trước hết một NSDLĐ đọc tình huống 5.
 2. Nhóm 1 rà soát tình huống và xác định có vi phạm về độ tuổi, loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi hay không và giải thích bằng điều khoản pháp luật. Đề nghị Nhóm 3 xử phạt.
 3. Nhóm 2 rà soát tình huống và xác định có vi phạm về thời gian làm việc theo nhóm tuổi hay không và giải thích bằng điều khoản pháp luật. Đề nghị Nhóm 3 xử phạt.
 4. Nhóm 3 xác định các hành vi là vi phạm hành chính hay cấu thành tội hình sự, sau đó đưa ra các chế tài xử phạt và giải thích bằng điều khoản pháp luật.
 5. Luật sư tư vấn của NSDLĐ và chính NSDLĐ đưa ra lập luận bào chữa.
 6. Cuối cùng cả 3 nhóm quyết định có xử phạt hay không và xử phạt như thế nào.
 7. Lặp lại từ bước 1 với tình huống 7.

Khuyến khích học viên nhập vai tự nhiên như trong đời sống thực tế.

- Kết thúc phần đóng vai, học viên đóng vai NSDLĐ bị xử phạt và luật sư sẽ thực hiện một hoạt động vui do cả lớp quyết định (ví dụ như múa hát một bài, diễn hoạt cảnh đi cải tạo ...). Giáo viên cảm ơn các nhóm thanh tra lao động và công an đã phối hợp tích cực để giải quyết tình huống phát sinh.
- Phân tích cho học viên cách xử lý đúng luật trong các trường hợp.

3. Tổng kết bài

Mời học viên điểm lại các văn bản pháp luật chính của Việt Nam và các nội dung quy định theo sơ đồ tư duy 4 và rút ra kinh nghiệm qua trò chơi đóng vai.

Tài liệu cần thiết để thực hiện bài giảng

1. Bài đọc, đủ cho số học viên chia vào nhóm 2 (các nhóm khác không sử dụng bài đọc này)
2. Toàn văn Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT¹⁷.
3. Điều 296, Bộ luật Hình sự 2017 số 01/VBHN-VPQH; Điều 19 Nghị định 95/2013/NĐ-CP; và các Điều 22, 23, 25, 26, 27, 29 và 30 Nghị định 144/2013/NĐ-CP¹⁸.
4. Khung sơ đồ tư duy 4 trên giấy A4, đủ cho mỗi học viên 1 bản
5. Bảng 2 in trên giấy A0, 1 bản cho nhóm 3

Bài đọc 1. Độ tuổi lao động, thời giờ làm việc và trách nhiệm của người sử dụng lao động khi sử dụng người lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam

- Bộ luật Lao động của Việt Nam năm 2019 và các nghị định, thông tư hướng dẫn tạo ra khung pháp lý về việc sử dụng LĐ chưa thành niên. Đây là những quy định pháp luật lao động quốc gia liên quan trực tiếp nhất đến vấn đề LDTE. Có thể tóm tắt như sau.

1. Độ tuổi lao động

- Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động. (Khoản 1 Điều 3 BLLĐ 2019)
- Người lao động chưa thành niên là NLĐ dưới 18 tuổi. (Khoản 1, Điều 143 BLLĐ 2019)
- Lao động chưa thành niên chỉ được làm công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách (Khoản 1 Điều 144 BLLĐ 2019)

¹⁷ Có thể tải các văn bản này từ nhiều website, ví dụ như <http://thuvienphapluat.vn/>; <http://vanban.chinhphu.vn>

¹⁸ Tài văn bản và cắt từ website, ví dụ <http://thuvienphapluat.vn/>; <http://vanban.chinhphu.vn>

- NSDLĐ chỉ được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ LĐTB&XH quy định Khoản 2, Điều 145 BLLĐ 2019). Không được sử dụng LĐ là người dưới 13 tuổi làm việc trừ một số công việc cụ thể do Bộ LĐTB&XH quy định¹⁹. (Khoản 3, Điều 145 BLLĐ 2019).

2. Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên

- Thời giờ làm việc của người dưới 15 tuổi không được quá 4 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần và không được sử dụng làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm. (Khoản 1, Điều 146 BLLĐ 2019)

Khi sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc thì NSDLĐ phải bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học của trẻ em. (Khoản 1,b Điều 145 BLLĐ 2019)

- Thời giờ làm việc của NLD chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không được quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần. (Khoản 2, Điều 146 BLLĐ 2019)

Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định của Bộ LĐTB&XH. (Khoản 2, Điều 146 BLLĐ 2019)

Các nghề và công việc cho phép làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm đối với người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được quy định tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

3. Trách nhiệm của NSDLĐ khi sử dụng NLD chưa thành niên

- Chỉ được sử dụng NLD chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động. (Khoản 2, Điều 144 BLLĐ 2019)

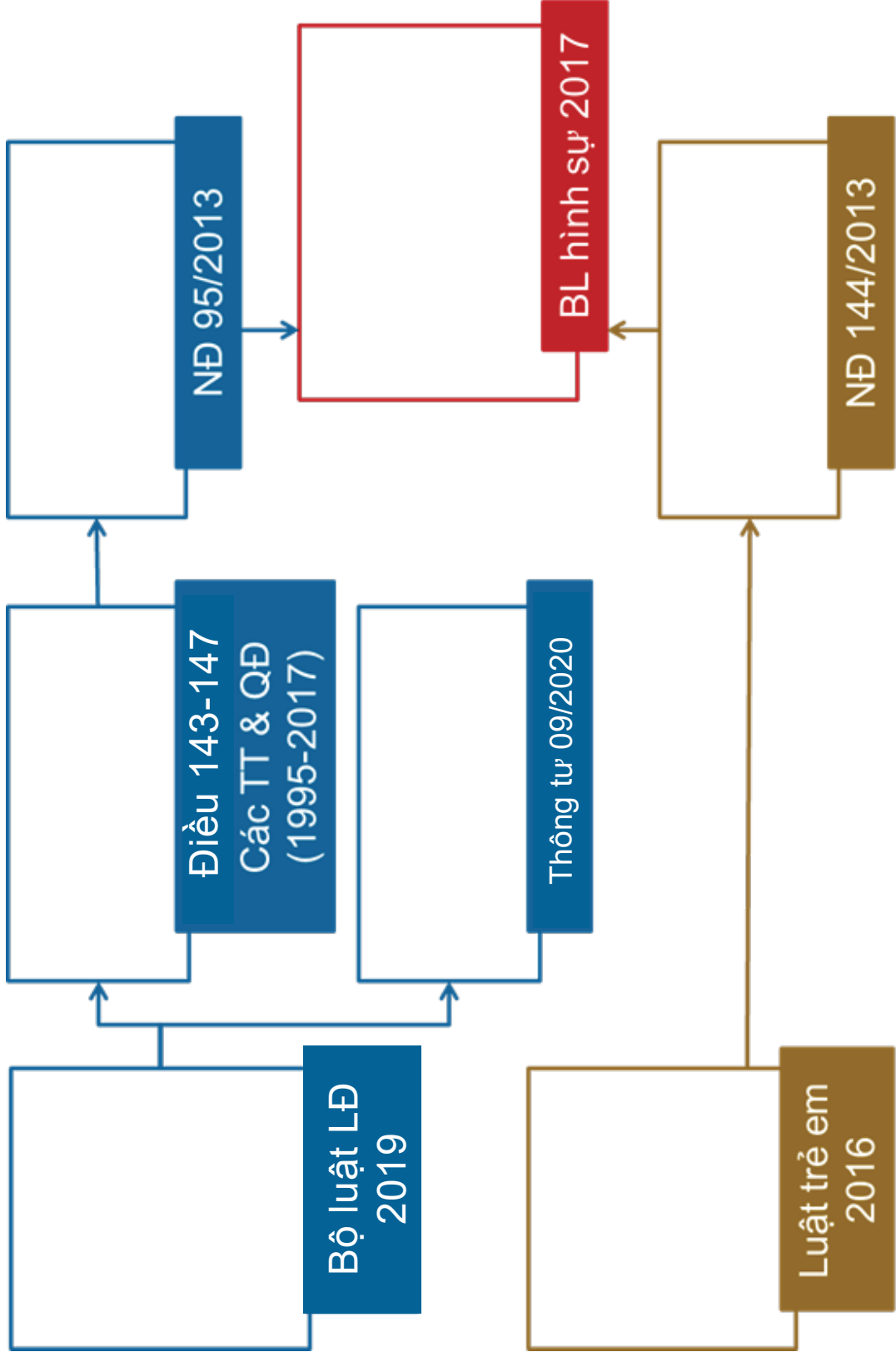
¹⁹ Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH

- Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khỏe định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. (Khoản 3 Điều 144 BLLĐ 2019)
- Tạo cơ hội để người lao động chưa thành niên và người dưới 15 tuổi tham gia lao động được học văn hoá. (Khoản 4 Điều 144 BLLĐ 2019)
- Rà soát các công việc và nơi làm việc LĐ chưa thành niên đang làm; không được bố trí LĐ chưa thành niên làm các công việc hoặc nơi làm việc bị cấm (Phụ lục III, Phụ lục IV Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH); nếu có NLĐ dưới 18 tuổi đang làm công việc không được phép thì phải bố trí công việc khác cho phù hợp (Khoản 1.2, Điều 1, Mục II Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT).
- Phổ biến, tuyên truyền nội dung Thông tư đến người lao động thuộc quyền quản lý (Khoản 1.1, Điều 1, Mục II Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT).

Hơn nữa, khi sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc, NSDLĐ có thêm những trách nhiệm bổ sung sau (Điều 145 BLLĐ 2019):

- Phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật và phải được sự đồng ý của người lao động dưới 15 tuổi. (Khoản 1.a)
- Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học của trẻ em. (Khoản 1.b)
- Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn LĐ, vệ sinh LĐ phù hợp với lứa tuổi. (Khoản 1.d)

Khung sơ đồ tư duy 4

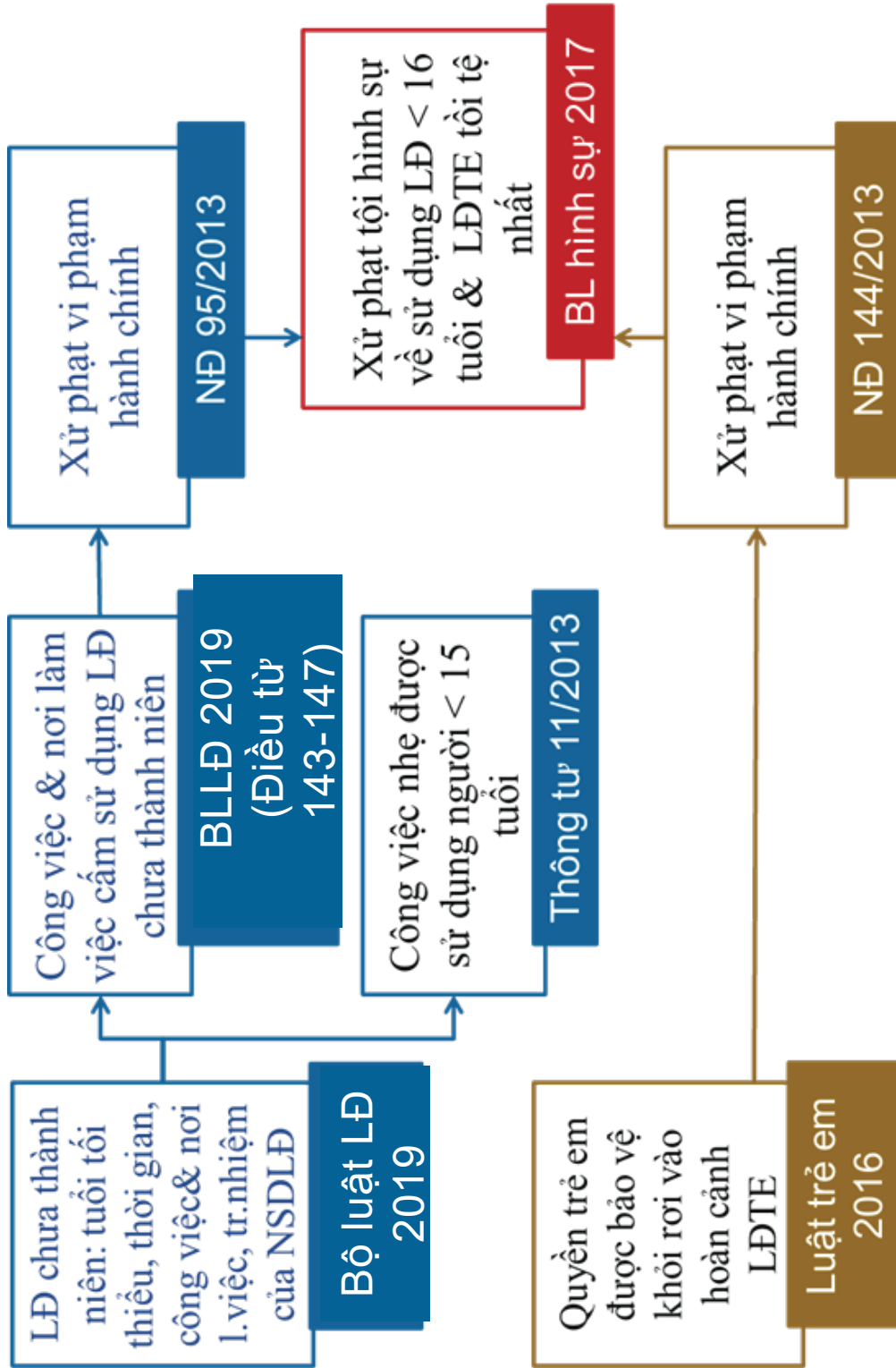


Bài tập. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
Vi phạm hành chính theo Bộ luật lao động 2019 được xử lý theo quy định tại Nghị định 95/2013/NĐ-CP		
1.	Không lập sổ theo dõi riêng khi sử dụng LĐ chưa thành niên hoặc không xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu	
2.	Sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng LĐ bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật	
3.	Sử dụng LĐ chưa thành niên làm việc quá thời giờ làm việc quy định	
4.	Sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm	
5.	Sử dụng LĐ là người chưa thành niên làm công việc, tại nơi làm việc bị cấm	
6.	Sử dụng người dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép	
Vi phạm hành chính theo Luật trẻ em 2016 được xử lý theo quy định tại Nghị định 144/2013/NĐ-CP		
7.	Cha, mẹ, người giám hộ, người nuôi dưỡng bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí và sự phát triển của trẻ em	

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
8.	Sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng hóa, hàng giả, hàng trốn thuế, tiền tệ trái phép	
9.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học	
10.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ nhà đi lang thang	
11.	Cha, mẹ, người giám hộ ép buộc trẻ em đi lang thang kiếm sống; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi	
12.	Tổ chức, ép buộc, cho thuê, cho mượn, sử dụng trẻ em để xin ăn	
13.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tham gia phục vụ đánh bạc, chứng kiến việc đánh bạc hoặc việc sử dụng trái phép chất ma túy	
14.	Đưa hình ảnh của trẻ em vào sản phẩm văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung khiêu dâm, bạo lực, kinh dị	
Nếu hành vi vi phạm cấu thành tội hình sự sẽ bị xử lý theo quy định trong Bộ luật Hình sự 2017		
15.	Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi	

Đáp án sơ đồ tư duy 4



Tình huống 5: Câu chuyện của Huyền

Nội dung do Nhóm 1 phụ trách (độ tuổi, loại công việc và nơi làm việc):

- Trong tình huống ở câu hỏi 1:** Huyền là em gái 17 tuổi được sử dụng làm tiếp viên quán bar-karaoke từ 18 giờ đến 24 giờ hằng ngày, khi làm việc phải ăn mặc gợi cảm và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem. Như vậy NSDLĐ có hành vi vi phạm về độ tuổi tối thiểu đối với công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và về loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi. Việc làm tiếp viên tiếp đãi, hát và nhảy trình diễn không nghệ thuật (biểu diễn khiêu dâm) cho khách trong quán bar-karaoke là công việc và nơi làm việc có độ tuổi LĐ tối thiểu là 18, trường hợp này vi phạm Khoản 1.h và khoản 2.d Điều 147 BLLĐ 2019 và Điều 2, Khoản 2.1 và 2.2 Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT, 2004 quy định cấm sử dụng người dưới 18 tuổi tại các quán bar, karaoke trong phòng hát làm các công việc điều khiển thiết bị âm thanh, ánh sáng, hát với khách và nhảy trình diễn. Đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.
- Trong tình huống ở câu hỏi 2:** Em Huyền 17 tuổi được sử dụng làm công việc dọn dẹp vệ sinh từ 17:30 đến 0:30 hàng ngày tại quán bar-karaoke. Như vậy, so với tình huống trên, NSDLĐ không còn vi phạm về độ tuổi tối thiểu, loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi như trên vì công việc dọn dẹp vệ sinh tại quán bar-karaoke không nằm trong danh mục các công việc bị cấm sử dụng LĐ dưới 18 tuổi theo BLLĐ 2019 và các thông tư hướng dẫn thực hiện. Không đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.

Nội dung do Nhóm 2 phụ trách (thời giờ làm việc):

- Trong tình huống ở câu hỏi 1:** Huyền là em gái 17 tuổi được sử dụng làm tiếp viên quán bar-karaoke từ 18 giờ đến 24 giờ hằng ngày. Như vậy NSDLĐ có hành vi vi phạm về thời gian làm việc theo nhóm tuổi. Mặc dù Khoản 2 Điều 146 BLL 2019 quy định: “Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định tại Phụ lục V, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH Bộ LĐTB&XH”.
- Trong tình huống ở câu hỏi 2:** Em Huyền 17 tuổi được sử dụng làm công việc dọn dẹp vệ sinh từ 17:30 đến 0:30 hàng ngày tại quán bar-karaoke. Như vậy so với tình huống trên, NSDLĐ vẫn vi phạm về thời gian làm việc theo nhóm tuổi vì em vẫn có thời gian làm việc sau 22:00. Đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.

Nội dung do Nhóm 3 phụ trách (chế tài xử phạt):

- **Trong tình huống ở câu hỏi 1:** Các hành vi có thể bị xử phạt và chế tài xử phạt theo pháp luật Việt Nam như sau:
 1. Hành vi của NSDLĐ sử dụng em Huyền 17 tuổi làm tiếp viên quán bar-karaoke, ăn mặc gợi cảm và biểu diễn khiêu dâm cho khách như Nhóm 1 xác định là vi phạm pháp luật Việt Nam. Đây là vi phạm hành chính và theo Điều 19, Khoản 3, Mục a, Nghị định 95/2013/NĐ-CP, có thể bị xử phạt hành chính như sau: “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với NSDLĐ ... sử dụng LĐ là người chưa thành niên làm công việc, tại nơi làm việc bị cấm sử dụng theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật lao động”.
 2. Hành vi của NSDLĐ sử dụng em Huyền 17 tuổi từ 18 giờ đến 24 giờ hằng ngày như Nhóm 2 xác định là vi phạm pháp luật Việt Nam. Đây là vi phạm hành chính và theo Điều 19, Khoản 2, Mục c, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể bị xử phạt hành chính như sau: “Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với NSDLĐ... sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm...”.
 3. Do em Huyền đã 17 tuổi nên các hành vi vi phạm nêu trên không cấu thành tội vi phạm quy định về sử dụng NLĐ dưới 16 tuổi theo Điều 296 BLHS 2017.
- **Trong tình huống ở câu hỏi 2:** Các hành vi có thể bị xử phạt và chế tài xử phạt theo pháp luật Việt Nam như sau:
 1. Hành vi của NSDLĐ sử dụng em Huyền 17 tuổi từ 17:30 giờ đến 0:30 giờ hằng ngày là vi phạm hành chính và có thể xử lý phạt tiền tương tự như ý 2 ở câu hỏi 1.
 2. Hành vi vi phạm không cấu thành tội hình sự tương tự như câu hỏi 1.

Tình huống 7: Câu chuyện của Quang

Nội dung do Nhóm 1 phụ trách (độ tuổi, loại công việc và nơi làm việc):

- **Trong tình huống ở câu hỏi 1:** Quang là cậu bé 12 tuổi được sử dụng làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ, bị chủ bắt bỏ học, làm việc nhiều giờ trong ngày, và làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa. Như vậy NSDLĐ đã có một số hành vi vi phạm pháp luật lao động Việt Nam về độ tuổi, loại công việc và nơi làm việc theo nhóm tuổi. Em mới 12 tuổi tức là đã bắt đầu LĐ ở dưới tuổi tối thiểu chung theo Khoản 1 Điều 3 BLLĐ 2019. Ở độ tuổi dưới 13 của Quang, NSDLĐ không được sử dụng “... trừ một

số công việc cụ thể do Bộ LĐTB&XH quy định” theo Khoản 4 Điều 143 và Khoản 3 Điều 145 BLLĐ 2019. Tuy nhiên, công việc giúp việc, cưa cắt, bê vác gỗ xẻ của Quang không nằm trong Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc theo quy định của Bộ LĐTB&XH trong Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH. Như vậy, NSDLĐ đã vi phạm cả ba điều khoản pháp luật nói trên. Đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.

- Trong tình huống ở câu hỏi 2: Quang là em trai đã đủ 16 tuổi được sử dụng làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ, bị chủ bắt bỏ học, làm việc nhiều giờ trong ngày, và làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa.
 1. Như vậy, so với tình huống trên, NSDLĐ không còn vi phạm ba điều khoản pháp luật đã nêu.
 2. Tuy nhiên, công việc, cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... đối với Quang là em trai 16 tuổi có phải công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hay không thì cần phải căn cứ vào các Điều 147 BLLĐ 2019, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT. Nếu em cưa cắt gỗ xẻ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng và/ hoặc thường xuyên mang, vác, nâng các tấm gỗ xẻ có trọng lượng $\geq 30\text{kg}$ thì đây là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm, không được phép sử dụng LĐ chưa thành niên nên vi phạm quy định về loại công việc theo nhóm tuổi theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH. Đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.
 3. Tuy nhiên, nếu em cưa xẻ gỗ bằng phương pháp thủ công 2 người kéo (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên) và/ hoặc bê vác gỗ xẻ có trọng lượng dưới 30kg thì đây không phải là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và không vi phạm pháp luật. Không đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.

Nội dung do Nhóm 2 phụ trách (thời giờ làm việc):

- Trong tình huống ở câu hỏi 1: Quang là cậu bé 12 tuổi được sử dụng làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ, bị chủ bắt bỏ học, làm việc nhiều giờ trong ngày, và làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa. Như vậy NSDLĐ có một số vi phạm pháp luật lao động Việt Nam như sau:
 1. Vi phạm về thời giờ làm việc theo nhóm tuổi. Mặc dù đầu bài không nói rõ em làm bao nhiêu giờ một ngày, nhưng việc em phải bỏ học cho thấy NSDLĐ đã vi phạm Khoản 1.b Điều 145 BLLĐ 2019 quy định: “Khi sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc thì NSDLĐ phải bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học tại trường học của trẻ em.”

2. Theo đầu bài Quang bỏ học làm việc cho chủ nợ để trừ nợ của cha mẹ nên có thể giả định hợp lý rằng em không được ký hợp đồng LĐ, được trả lương và lập sổ theo dõi riêng. Vì vậy, NSDLĐ có thể đã vi phạm thêm Khoản 1.a Điều 145, Khoản 3 Điều 144 BLLĐ 2019 về trách nhiệm ký hợp đồng LĐ với người đại diện theo pháp luật (trường hợp này là mẹ Quang) với sự đồng ý của em, và lập sổ theo dõi riêng để xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
3. Đề nghị Nhóm 3 xác định chế tài xử phạt.
 - Trong tình huống ở câu hỏi 2: Quang là em trai đã đủ 16 tuổi được sử dụng làm giúp việc cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ, bị chủ bắt bỏ học, làm việc nhiều giờ trong ngày, và làm cả những công việc khá nặng như cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa.
 1. Quang đã đủ 16 tuổi nên NSDLĐ không còn vi phạm Khoản 1.b Điều 145 BLLĐ 2019 về bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến giờ học của người dưới 15 tuổi như ý 1 ở tình huống trên.
 2. Đầu bài không nói rõ làm việc nhiều giờ cụ thể là bao nhiêu, trong khi ở nhóm đủ 15 – dưới 18 như Quang thời gian làm việc là không quá 8 giờ/ ngày và 40 giờ/ tuần, không được làm thêm giờ và không được làm việc ban đêm. Vì vậy, không có đủ thông tin để xác định NSDLĐ có vi phạm về thời gian làm việc theo nhóm tuổi hay không.
 3. NSDLĐ bắt Quang bỏ học nên vẫn vi phạm Khoản 2 và khoản 4 Điều 144 BLLĐ 2019 về trách nhiệm quan tâm chăm sóc LĐ chưa thành niên về học tập và tạo điều kiện cho em được học văn hóa, tương tự như ý 2 của tình huống trên.
 4. Ngoài ra, NSDLĐ vẫn có thể vi phạm các quy định pháp luật về ký hợp đồng và lập sổ theo dõi như ý 3 của tình huống trên.

Nội dung do Nhóm 3 phụ trách (chế tài xử phạt):

- Trong tình huống ở câu hỏi 1: Các hành vi của NSDLĐ có thể bị xử phạt theo pháp luật Việt Nam như sau:
 1. Hành vi không lập sổ theo dõi riêng khi sử dụng LĐ chưa thành niên là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 19, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt cảnh cáo.
 2. Hành vi sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng LĐ bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 19, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt tiền 10-15 triệu đồng.
 3. Hành vi sử dụng LĐ chưa thành niên làm việc quá thời giờ làm việc quy định (sử dụng Quang làm việc nhiều giờ trong ngày ở độ tuổi 12)

là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 19, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt tiền 10-15 triệu đồng.

4. Hành vi ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 30, Nghị định 144/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt tiền 1-3 triệu đồng.
5. Hành vi sử dụng người dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép (công việc cưa cắt, bê vác gỗ xẻ... trong xưởng cưa, không thuộc danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc) là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 19, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt tiền 20-25 triệu đồng.
6. Đồng thời, hành vi này cũng có thể cấu thành tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi do đây là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm cấm sử dụng người ở độ tuổi của em. Theo Điều 296, BLHS 2017 có thể bị phạt tiền từ 30-200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Ngoài ra, tội này còn có thể bị phạt tiền từ 10-50 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm. Trong các trường hợp nghiêm trọng hơn, như phạm tội lần 2 trở lên, gây chết người, thương tích, tổn hại sức khỏe thì có thể phạt tù từ 3 năm đến 12 năm.

■ **Trong tình huống ở câu hỏi 2:** Nếu Quang đã đủ 16 tuổi thì so với tình huống trên:

1. NSDLĐ vẫn có thể bị xử phạt hành chính như đã nêu trong ý 1 ở trên.
2. Do Quang đã 16 tuổi nên theo luật không còn là trẻ em, NSDLĐ không còn vi phạm hành chính theo ý 2 và 4.
3. Với ý 3, như Nhóm 2 kết luận nếu Quang đủ 16 tuổi thì không có đủ thông tin để xác định NSDLĐ có vi phạm về thời gian làm việc theo nhóm tuổi hay không nên chưa có cơ sở xác định vi phạm và chế tài xử phạt.
4. Với ý 5, đối với Quang là em trai 16 tuổi, nếu cưa cắt gỗ xẻ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng và/ hoặc thường xuyên mang, vác, nâng các tấm gỗ xẻ có trọng lượng $\geq 30\text{kg}$ thì đây là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm, không được phép sử dụng LĐ chưa thành niên. Vì vậy, hành vi của NSDLĐ là hành vi vi phạm hành chính, theo Điều 19, Nghị định 95/2013/NĐ-CP có thể xử lý phạt tiền 20-25 triệu đồng.
5. Tuy nhiên, nếu em cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên) và/ hoặc bê vác gỗ xẻ có trọng lượng dưới 30kg thì đây không phải là công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm, không xác định hành vi là vi phạm hành chính và không bị xử phạt.
6. Với ý 6, cũng do Quang đã 16 tuổi, hành vi của NSDLĐ không cấu thành tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi theo Điều 296, BLHS 2017 và sẽ không bị xử lý hình sự.

MÔ-ĐUN 2. Lập kế hoạch hành động của doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Mục tiêu: Sau khi kết thúc mô-đun này học viên có khả năng:

- Chỉ rõ được lợi ích và vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em;
- Xác định và lựa chọn được các hành động mà doanh nghiệp có thể thực hiện.

Mô-đun này gồm 10 bài học sau đây:

Bài 5: Vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 6: Tổng quan về hành động của doanh nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 7: Đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

Bài 8: Xây dựng cam kết chính sách của doanh nghiệp

Bài 9: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 10: Kiểm soát chuỗi cung ứng

Bài 11: Giám sát đánh giá công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 12: Cung cấp thông tin về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho các bên liên quan

Bài 13: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Bài 14: Tổng kết các bước hành động của doanh nghiệp

Dưới đây là thiết kế các bài tương ứng:



VAI TRÒ VÀ LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này học viên có khả năng:

- Liệt kê được các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em đối với doanh nghiệp; và
- Chỉ rõ được vai trò cụ thể của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu về lao động trẻ em.

Thời gian dự kiến

45 phút

Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em đối với doanh nghiệp	Nhóm lớn Thuyết trình Bộ thẻ	5'
2	Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em	Nhóm lớn Thuyết trình	8'
3	Xác định mối liên quan của doanh nghiệp tới vi phạm về lao động trẻ em	Nhóm nhỏ Giấy giao việc Bài tập tình huống	20'
4	Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em	Nhóm nhỏ Thuyết trình	7'
5	Tổng kết bài học	Nhóm lớn Thuyết trình	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Bộ thẻ: Lợi ích của doanh nghiệp
2. Bộ bài tập tình huống: Mối liên quan của doanh nghiệp tới vi phạm về lao động trẻ em trong trường hợp này là gì? - 6 tình huống và bộ đáp án
3. Giấy giao việc
4. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
5. Bảng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em đối với doanh nghiệp

- Giảng viên mời học viên trả lời câu hỏi:
- Các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em đối với doanh nghiệp là gì?
- Giảng viên mời một số học viên phát biểu ý kiến, một số học viên khác bổ sung.
- Giảng viên dán bộ thẻ lợi ích lên bảng để học viên so sánh với ý kiến của mình hoặc chiếu SLIDE để kết luận nội dung 1.
- Các lợi ích chính đối với doanh nghiệp khi tiến hành phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, gồm:
 - Lợi ích thứ nhất - Tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại thế hệ mới mà VN tham gia (CPTPP, EVFTA)
 - Lợi ích thứ hai - Tuân thủ luật pháp Việt Nam
 - Lợi ích thứ ba - Mở rộng cơ hội kinh doanh
 - Lợi ích thứ tư - Đảm bảo hiệu suất hoạt động lâu dài
 - Lợi ích thứ năm - Cải thiện công tác quản trị rủi ro
 - Lợi ích thứ sáu - Thể hiện đạo đức kinh doanh và xây dựng uy tín



Phần giải thích:



Lợi ích
thứ nhất

Tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại thế hệ mới

Việt Nam đang trong tiến trình tham gia đàm phán ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Trong đó, các hiệp định đã ký kết là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đều yêu cầu phải thông qua và duy trì các quyền được nêu trong Tuyên bố năm 1998 của ILO, bao gồm cả việc xóa bỏ lao động trẻ em theo hai công ước cơ bản là Công ước ILO số 138 và 182. Các hiệp định đang đàm phán như RCEP, FTAAP cũng xem xét những nội dung tương tự. Đây là xu thế không thể đảo ngược. Đáp ứng các tiêu chuẩn lao động, trong đó có không sử dụng lao động trẻ em là một trong những điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có thể chuẩn bị sẵn sàng cho những cơ hội thương mại và đầu tư mới trong các FTA.



Lợi ích
thứ hai

Tuân thủ luật pháp

Doanh nghiệp cần tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề lao động trẻ em. Các hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính và cả hình sự nếu có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội hình sự. Hơn nữa, nhiều khách hàng nước ngoài, đặc biệt là các thương hiệu lớn như Addidas, Nike, có thể yêu cầu nhà cung cấp áp dụng các điều kiện phòng ngừa lao động trẻ em cao hơn luật. Không tuân thủ có thể dẫn tới cắt giảm đơn hàng, thậm chí là loại bỏ khỏi chuỗi cung ứng. Chứng minh được mình tuân thủ luật pháp quốc gia giúp doanh nghiệp: (i) tránh được các chi phí và hậu quả pháp lý; (ii) hành xử minh bạch trong các đợt thanh kiểm tra, các hoạt động, chiến dịch do Nhà nước hay người tiêu dùng phát động; (iii) xây dựng mối quan hệ hợp tác cởi mở chứ không mang tính đối phó với các cơ quan công quyền.



Mở rộng cơ hội kinh doanh

Khách hàng và đối tác hiểu rõ rằng họ sẽ gặp ít rủi ro hơn khi hợp tác với một doanh nghiệp có khả năng kiểm soát tốt về lao động trẻ em, vốn là vấn đề nhân quyền được đặc biệt chú ý trong kinh doanh và tiêu dùng trên toàn thế giới. Những người mua lớn và khách hàng nước ngoài luôn đòi hỏi chuỗi cung ứng không sử dụng lao động trẻ em trong chính doanh nghiệp cũng như hệ thống kinh doanh của mình. Nhiều khách hàng, thương hiệu lớn như Addidas, Nike, có thể yêu cầu nhà cung cấp áp dụng các điều kiện phòng ngừa lao động trẻ em cao hơn luật. Không tuân thủ có thể dẫn tới cắt giảm đơn hàng, thậm chí là loại bỏ khỏi chuỗi cung ứng.

Trong đầu tư và huy động vốn, giới đầu tư hiện nay ngày càng quan tâm hơn tới nhân quyền và sẵn sàng ghi nhận tích cực nếu doanh nghiệp thể hiện nỗ lực trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Luật quốc gia của nhiều nước đối tác của Việt Nam như Hoa Kỳ, Anh, Liên minh châu Âu và quy định của các thị trường chứng khoán trên thế giới như Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Nam Phi... đều có xu hướng tăng yêu cầu công bố thông tin về hệ thống quản lý nhân quyền của doanh nghiệp.

Đây là những quy định điều chỉnh hành vi của khách hàng hiện tại và tương lai của doanh nghiệp của bạn. Vì vậy, chính doanh nghiệp của bạn cũng có thể chịu ảnh hưởng của những quy định này thông qua hoạt động rà soát ban đầu, thanh kiểm tra và báo cáo của khách hàng.



Lợi ích
thứ tư

Đảm bảo hiệu suất hoạt động lâu dài

Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, thường sử dụng lao động chưa thành niên để tiết kiệm chi phí trước mắt. Tuy nhiên, về lâu dài hiệu suất hoạt động sẽ giảm do nguồn nhân lực chưa được đào tạo và phát triển đầy đủ. So với người trưởng thành, lao động chưa thành niên có thời gian tập trung ngắn hơn, ít quan tâm đến chất lượng và khó vận hành máy móc thiết bị hiệu quả. Các em nhìn chung cũng có thể trạng yếu hơn và dễ bị tai nạn thương tật hơn. Vì vậy lao động trẻ em dễ làm tăng chi phí khắc phục, tuyển dụng và đào tạo lao động thay thế. Đặc biệt với các hộ sản xuất kinh doanh, sử dụng lao động là con em dưới tuổi thành niên sẽ làm giảm cơ hội học tập đào tạo giúp các em mang lại hiệu suất lớn hơn và thu nhập cao hơn khi tiếp quản công việc kinh doanh lúc trưởng thành.



Lợi ích
thứ năm

Cải thiện công tác quản trị rủi ro

Lao động trẻ em trong hoạt động kinh doanh hay chuỗi cung ứng có thể khiến doanh nghiệp và khách hàng của bạn gặp rắc rối với báo chí, dư luận, các chiến dịch phản đối của các tổ chức và phong trào phi chính phủ, dẫn tới tổn thất về uy tín doanh nghiệp, khả năng thu hút và giữ chân người lao động, cũng như khả năng duy trì và phát triển thị trường, thị phần và thu hút nhà đầu tư và cổ đông.



Thể hiện đạo đức kinh doanh và xây dựng uy tín

Giải phóng trẻ em và trẻ vị thành niên khỏi công việc lao động trong thời gian dài hay công việc nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại, tạo điều kiện cho các em được học tập và vui chơi, phát triển thể chất và tinh thần đúng độ tuổi là việc cần thiết và đúng đắn. Áp dụng các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em là một khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh. Nó góp phần xây dựng và nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Nhìn rộng ra, hành động này không chỉ có lợi cho doanh nghiệp của bạn, mà còn giúp xây dựng uy tín của cả ngành, tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường và thu hút đầu tư cho mọi doanh nghiệp.

2. Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em

- Giảng viên mời học viên trả lời câu hỏi:
Các trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em là gì?
- Giảng viên mời một số học viên phát biểu ý kiến, một số học viên khác bổ sung.
- Giảng viên tổng hợp ý kiến phát biểu của học viên và chiếu SLIDE để kết luận nội dung 2:

Bảng 2. Ba trường hợp doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em

Nội dung	Phương pháp
Doanh nghiệp làm phát sinh/sử dụng lao động trẻ em hoặc có nguy cơ làm như vậy thông qua hành động hoặc quyết định của mình.	Doanh nghiệp tuyển dụng trẻ em dưới tuổi lao động tối thiểu không phải cho công việc nhẹ. Doanh nghiệp sử dụng người chưa thành niên làm công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm.

Nội dung	Phương pháp
Doanh nghiệp có thể <i>góp phần làm phát sinh</i> vi phạm về lao động trẻ em qua một mối quan hệ kinh doanh (ví dụ, với nhà cung cấp, khách hàng), hoặc qua tương tác giữa hành động của doanh nghiệp và hành động của các bên khác.	Doanh nghiệp liên tục thay đổi yêu cầu đặt hàng với nhà cung cấp mà không điều chỉnh thời hạn hoặc giá mua phù hợp khiến họ phải tìm cách thuê thầu phụ có sử dụng lao động trẻ em. Doanh nghiệp góp phần gây ô nhiễm nước sông dẫn tới cá chết hàng loạt, khiến nông dân nuôi các mất nguồn thu nhập và phải cho trẻ em đi làm kiếm thêm thu nhập để bù đắp.
Vi phạm về lao động trẻ em <i>có liên quan</i> đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua hành vi của đối tác kinh doanh, mặc dù doanh nghiệp không làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh vi phạm.	Họa tiết thêu trên hàng may mặc của thương hiệu thời trang được nhà cung cấp thuê gia công từ các hộ có lao động trẻ em. Đây là hành vi vi phạm hợp đồng gia công và bị cấm theo chính sách của thương hiệu bán lẻ. Thu mua trực tiếp hoặc qua đại lý các nguyên vật liệu thô và nông sản do lao động trẻ em sản xuất.

3. Xác định mối liên quan của doanh nghiệp tới vi phạm về lao động trẻ em

- Giảng viên chia lớp làm 3 nhóm, cho mỗi nhóm bốc thăm 2 tình huống trong 6 bài tập tình huống được đưa ra.
 - Thời gian: thảo luận nhóm 10 phút; thời gian trình bày tối đa 2 phút/nhóm
 - Công cụ: Bài tập tình huống 5; giấy A0, băng dính, bút dạ
 - Nhiệm vụ cụ thể trong giấy giao việc cho nhóm để thực hiện bài tập tình huống - bài 5)
- Kết thúc phần trình bày từng tình huống của học viên, giảng viên đưa ra đáp án cho tình huống đó.
- Kết luận:

Mối liên quan của doanh nghiệp tới vi phạm về lao động trẻ em, gồm

- Đã hoặc có thể làm phát sinh vi phạm
- Đã hoặc có thể góp phần làm phát sinh vi phạm
- Đã hoặc có thể có hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan đến vi phạm thông qua quan hệ kinh doanh.

4. Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Sau khi làm rõ 3 mối liên quan của doanh nghiệp tới vi phạm về lao động trẻ em trong 6 tình huống ở mục 3, giảng viên yêu cầu các nhóm nhỏ tiếp tục thảo luận về vai trò của doanh nghiệp tương ứng với các mối liên quan đó là gì?

Yêu cầu: Mỗi nhóm thảo luận và trình bày về vai trò của doanh nghiệp cho một mối liên quan trong thời gian là 2 phút/nhóm.

- Giảng viên tổng hợp ý kiến phát biểu của học viên và chiếu SLIDE để kết luận nội dung 4 - Bảng 3. Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em



Phần giải thích:

Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

Doanh nghiệp đóng vai trò then chốt trong việc phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong kinh doanh. Bạn thực hiện vai trò đó nhờ triển khai những biện pháp hiệu quả nhằm phát hiện, giảm thiểu, khắc phục hậu quả các vi phạm về sử dụng lao động trẻ em và phòng ngừa rủi ro này phát sinh trong cả doanh nghiệp và chuỗi giá trị của mình. Việc này phải xây dựng và triển khai có hệ thống, có thể là hệ thống độc lập hoặc lồng ghép vào một trong các hệ thống hiện thời. Không thể bù đắp việc không tuân thủ bằng đóng góp tích cực ở những lĩnh vực khác.

Trước hết, doanh nghiệp cần đảm bảo tuân thủ pháp luật quốc gia. Nếu pháp luật quốc gia thấp hơn các tiêu chuẩn quốc tế về lao động trẻ em thì nên ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng nếu doanh nghiệp của bạn là nhãn hàng, thương hiệu quốc tế và quốc gia nổi bật, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp xuất khẩu, gia công xuất khẩu và doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ hay tư vấn

tham gia cung ứng và đầu tư với đối tác nước ngoài hay đang chuẩn bị cho hoạt động này. Điều này cũng rất quan trọng với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh vì bạn không chỉ muốn kinh doanh nhỏ lẻ với khách hàng trong nước, mà còn tận dụng các cơ hội kinh doanh với đối tác, người mua, khách du lịch nước ngoài và mở rộng ra quy mô cả trong nước, khu vực và quốc tế.

Vai trò trách nhiệm cụ thể mà doanh nghiệp cần thực hiện phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có trực tiếp hay gián tiếp làm phát sinh lao động trẻ em hay không và bản chất của mối liên quan đó là gì. Có ba trường hợp mà doanh nghiệp có thể liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em là: (i) làm phát sinh/ sử dụng lao động trẻ em, (ii) góp phần làm phát sinh vi phạm về lao động trẻ em, và (iii) vi phạm có liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp. Bạn sẽ hiểu rõ ba cách liên quan đó sau khi đọc ví dụ trong Bảng 2 ở nội dung 2 ở trên.

Nếu doanh nghiệp làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em thông qua hoạt động của mình, vai trò của doanh nghiệp là chấm dứt vi phạm và khắc phục toàn bộ hoặc một phần hậu quả tương ứng với trách nhiệm của mình. Nếu lao động trẻ em có liên quan đến hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp thông qua một mối quan hệ kinh doanh thì vai trò của doanh nghiệp là giảm thiểu nguy cơ vi phạm tiếp tục xảy ra hoặc tái diễn thông qua việc gây ảnh hưởng lên đối tác vi phạm.

Bảng 3. Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

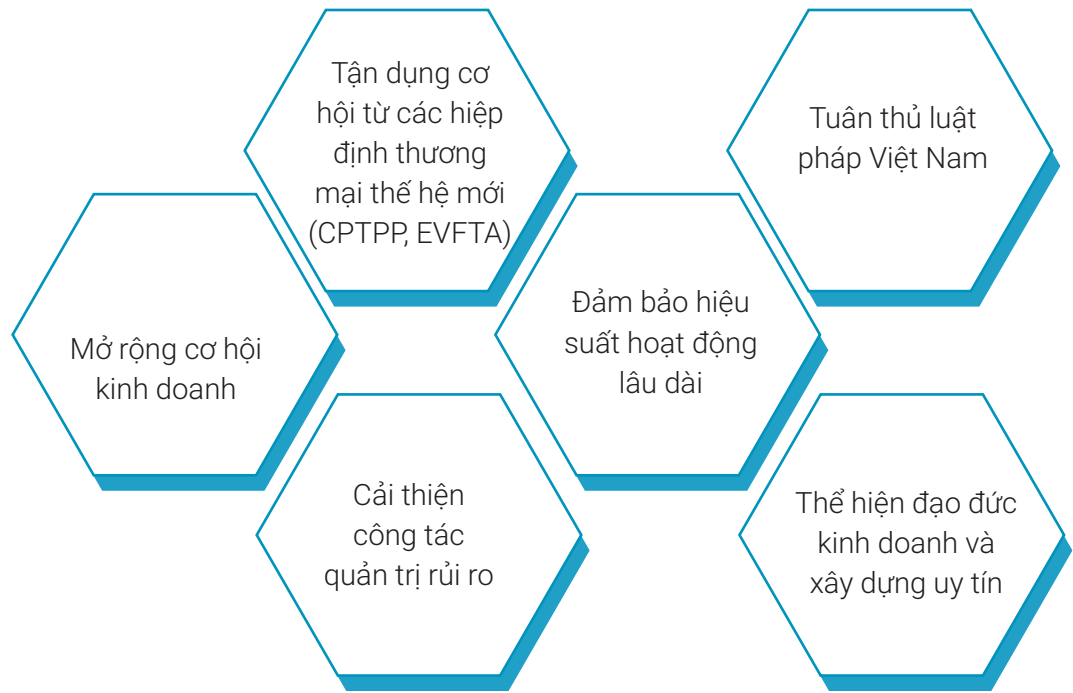
MỐI LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP TỚI LAO ĐỘNG TRẺ EM	VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP	VÀ...	VÀ...
Đã hoặc có thể làm phát sinh vi phạm	Phòng ngừa hoặc giảm thiểu vi phạm		Khắc phục hậu quả nếu vi phạm đã xảy ra.

Đã hoặc có thể góp phần làm phát sinh vi phạm	Phòng ngừa hoặc giảm thiểu hành động của mình dẫn đến vi phạm	Sử dụng hoặc gia tăng ảnh hưởng lên các bên chịu trách nhiệm khác để phòng ngừa hoặc giảm thiểu vi phạm	Góp phần khắc phục hậu quả nếu vi phạm đã xảy ra, tương ứng với phần trách nhiệm của mình
Đã hoặc có thể có hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan đến vi phạm thông qua quan hệ kinh doanh		Sử dụng hoặc gia tăng ảnh hưởng lên các bên chịu trách nhiệm để có biện pháp phòng ngừa hoặc giảm thiểu tác hại	Doanh nghiệp có thể quyết định tham gia khắc phục, mặc dù không có trách nhiệm phải làm như vậy

5. Tổng kết bài học

- Giảng viên chiếu SLIDE câu hỏi tổng kết bài học 5
- Giảng viên yêu cầu các nhóm thi đua phát biểu hoàn thiện nội dung bằng cách điền vào chỗ trống 3 câu hỏi
- Sau mỗi câu các nhóm trả lời, giảng viên chiếu SLIDE đáp án tổng kết cho câu đó.

Bộ thẻ: Lợi ích của doanh nghiệp



Bài tập tình huống

Tình huống 13: Câu chuyện tại cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B

Khi thăm cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B, chúng tôi gặp và thấy có 3 em nhỏ tham gia làm việc trong khâu chuyên sản xuất. Trao đổi về lao động làm việc ở đây, ông N.T.B cho biết: hiện tại ông có 17 người làm việc thường xuyên cho ông. Lao động ở đây có việc làm ổn định thường xuyên trong năm nhưng chỉ có hợp đồng bằng miệng. Khi hỏi về mấy em nhỏ, ông N.T.B nói: mấy cháu này gia đình khó khăn nên đi làm sớm, ba cháu đều ở độ tuổi từ 13 đến dưới 15 tuổi, các cháu còn nhỏ nhưng chăm chỉ làm việc và đã ba tháng nay các cháu đều làm đảm bảo giờ công, ngày công như người lớn (8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần) “ví dụ: em N.M.C ở vị trí xúc đất vào máy đẩy gạch”. Vì thế các cháu cũng có thu nhập tốt để giúp gia đình trang trải chi tiêu.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, việc sử dụng lao động tại cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B có vấn đề gì?
2. Cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B cần làm gì để tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về sử dụng lao động, đặc biệt là vấn đề phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em?

Tình huống 14: Câu chuyện tại Công ty Giày X

Trong một chuyến công tác, đoàn công tác của chúng tôi ghé thăm một Công ty chuyên sản xuất giày với một sản lượng rất lớn và bán chủ yếu ra thị trường nước ngoài (hình ảnh nhà máy trong khu công nghiệp). Trao đổi với bộ phận nhân sự về vấn đề tuyển dụng lao động, cán bộ nhân sự cho biết: Tất cả người lao động ở công ty đều trên 18 tuổi (công ty không sử dụng lao động trẻ em). Khi đi thăm quy trình sản xuất, chúng tôi được hiểu rằng có những công đoạn sản xuất công ty đã giao cho các đơn vị vệ tinh thực hiện. Khi đi thăm cơ sở vệ tinh thực hiện một số công đoạn sản xuất cho công ty giày X, chúng tôi thấy tại các hộ gia công có rất nhiều các em nhỏ tham gia sản xuất. Một chủ hộ gia công sản xuất cho biết: mấy em tầm 8 – 11 tuổi thì chủ yếu là học việc, còn mấy em từ 12 – 13 tuổi thì hai tháng nay các cháu nghỉ hè nên làm liên tục cả ngày. Các cháu cũng có thu nhập đều trong tháng khoảng trên 2 triệu đồng để thêm vào tiền sách vở khi đi học.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, công ty giày X có liên quan gì đến việc sử dụng lao động trẻ em hay không? Nếu có thì việc liên quan đến sử dụng lao động trẻ em của công ty giày X cụ thể như thế nào?
2. Công ty giày X cần làm gì để phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em có liên quan?

Tình huống 15: Câu chuyện tại cụm công nghiệp làng nghề nhuộm vải

Tới thăm doanh nghiệp tư nhân của ông N.Q.H trong khu vực cụm công nghiệp làng nghề nhuộm vải. Khi hỏi về nhân sự làm việc tại doanh nghiệp, ông N.Q.H cho biết: Doanh nghiệp của ông có 22 lao động, tất cả cùng có hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp rất đầy đủ theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp của ông không có liên quan gì đến sử dụng lao động trẻ em. Chúng tôi ghé thăm một cơ sở sản xuất mây tre đan ở gần đó và thấy có các em nhỏ tham gia sản xuất, được một chị công nhân chia sẻ: đây là cậu con trai của tôi và cháu gái kia là con của em gái tôi, hai đứa nó năm nay đều 12 tuổi. Từ năm ngoái tới nay, các doanh nghiệp nhuộm vải xả nước ra đồng ruộng, ao hồ làm cho việc sản xuất nông lâm ngư của chúng tôi không còn thực hiện được, các gia đình chúng tôi đều lâm vào cảnh khó khăn và buộc phải bắt các cháu nghỉ học sớm để đi làm kiếm thêm thu nhập trang trải các công việc của gia đình trong cuộc sống hàng ngày.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, doanh nghiệp tư nhân của ông N.Q.H có liên quan gì đến lao động trẻ em hay không? Nếu có thì việc liên quan cụ thể như thế nào?
2. Doanh nghiệp tư nhân của ông N.Q.H cần làm gì để phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em do có liên quan từ doanh nghiệp?

Tình huống 16: Câu chuyện tại cơ sở chế biến thủy hải sản T

Tới thăm cơ sở chế biến thủy hải sản T, chúng tôi được chủ cơ sở cho biết: hai năm qua, ngư trường khai thác ổn định, đồng thời thị trường đầu ra cho sản phẩm cũng có nên cơ sở sản xuất hoạt động thường xuyên và đạt hiệu quả khá tốt. Lao động thường xuyên tại cơ sở khoảng 30 người, hầu hết là lao động nữ, có một vài em tuổi dưới 18 đến làm theo mẹ nhưng không thường xuyên. Hình thức trả lương là khoán theo sản phẩm hoàn thành chứ cũng không cần biết là họ làm bao nhiêu giờ/ngày. Tình cờ chúng tôi được gặp em Trần.T.H đến giao nguyên liệu đầu vào cho cơ sở chế biến thủy hải sản T. Em cho biết: năm nay em 14 tuổi, em đã tham gia công việc cùng bố trong HTX khai thác thủy sản được gần một năm vì bố em bảo con gái không cần đi học nhiều. khoảng 50% thời gian em ở dưới tàu làm nhiệm vụ phân loại cá, còn 50 % em chịu trách nhiệm đi giao cá là nguyên liệu đầu vào cho các cơ sở chế biến thủy sản. Thậm chí có những ngày em làm đến 10 giờ đồng hồ.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, cơ sở chế biến thủy sản T có liên quan gì đến lao động trẻ em hay không? Nếu có thì việc liên quan cụ thể như thế nào?
2. Cơ sở chế biến thủy sản T cần làm gì để phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em do có liên quan từ cơ sở sản xuất kinh doanh?

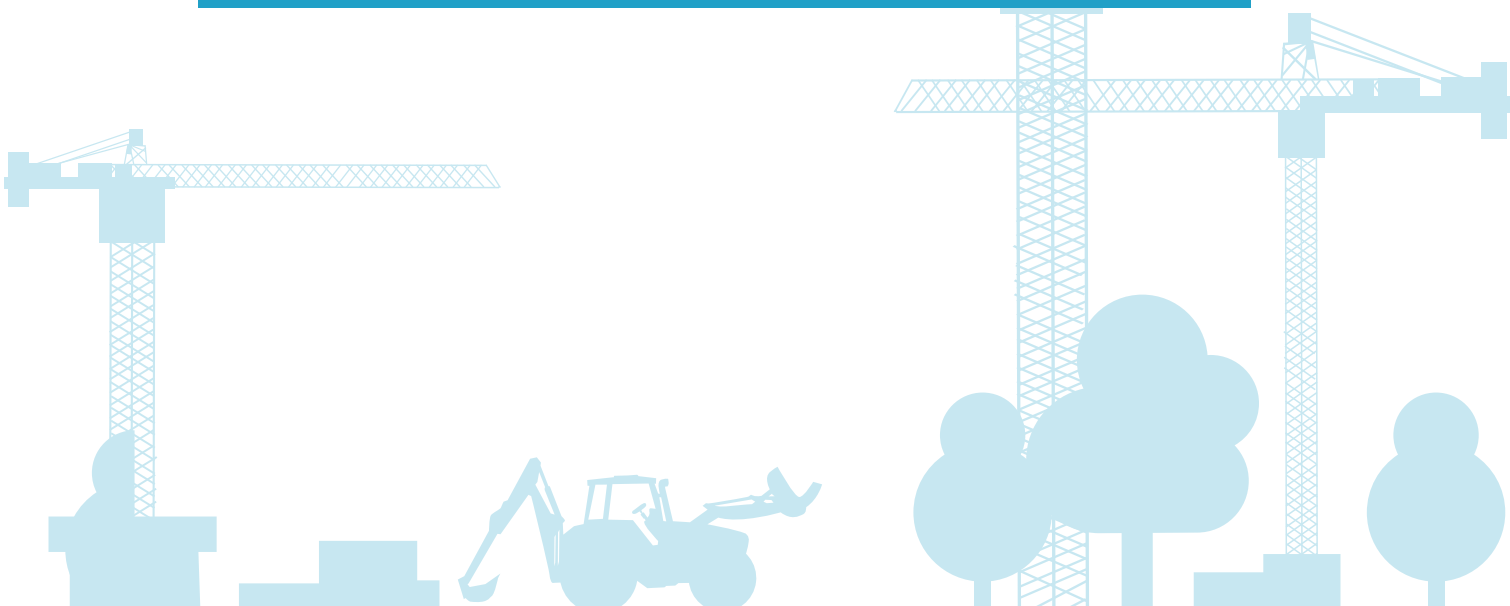
Tình huống 17: Câu chuyện tại công ty TNHH T.P

Tới thăm công ty TNHH T.P tại làng nghề đúc đồng, chúng tôi được giám đốc công ty trao đổi: công ty của anh đã hoạt động hơn mười năm, số lượng lao động dao động khoảng từ 8 – 15 người tùy thuộc vào các thời điểm sản xuất. vì nghề này mang tính chất nặng nhọc, nguy hiểm nên cũng phải trả lương cho người lao động cao hơn một số nghề khác trên cùng địa bàn. Anh còn chia sẻ: Trong số lao động của anh có hai thanh niên 16 tuổi (tên là Phạm V. D và Nguyễn V.T) làm việc rất tích cực và thường có thu nhập cao hơn người khác vì các bạn ấy không vướng việc gia đình và lại thích làm thêm giờ để có thêm thu nhập. Hầu hết các tháng hai bạn này đều làm đủ 30 ngày công và mỗi ngày đều làm đủ 8 tiếng, có thu nhập khoảng 7 – 8 triệu đồng/tháng.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, việc sử dụng lao động tại công ty TNHH T.P có vấn đề gì?
2. Công ty TNHH T.P cần làm gì để tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về sử dụng lao động, đặc biệt là vấn đề phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em?



Tình huống 18: Câu chuyện tại tập đoàn thời trang A & T

Tới thăm tập đoàn thời trang A & T tại Thủ đô Hà Nội, chúng tôi thật may mắn được Chủ tịch tập đoàn trực tiếp đón tiếp và trao đổi thông tin về chính sách cấm sử dụng lao động trẻ em trong chuỗi giá trị sản xuất thương hiệu thời trang của tập đoàn. Thăm cơ sở sản xuất chính của tập đoàn, thật ngưỡng mộ với nơi làm việc và điều kiện làm việc khang trang, sạch đẹp với các nhân viên thể hiện những kỹ năng, tay nghề chuyên nghiệp. Tuy nhiên, tại các cơ sở của tập đoàn đều không có công đoạn thêu các họa tiết trên hàng may thời trang của tập đoàn. Về thăm doanh nghiệp thực hiện hợp đồng thêu họa tiết cho sản phẩm may thời trang của tập đoàn A & T, chủ doanh nghiệp thêu thừa nhận hiện đang có rất nhiều các cháu chưa thành niên làm việc thường xuyên ở đây, đặc biệt là có nhiều em dưới 15 tuổi. Chủ doanh nghiệp thêu giải thích “ở làng nghề các cháu biết thêu từ khi 8, 9 tuổi, nên 11 và 12 tuổi đã tham gia thêu rất tốt rồi”.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, việc sử dụng lao động tại tập đoàn A & T có liên quan gì đến lao động trẻ em không? Giải thích tại sao?
2. Tập đoàn A & T cần làm gì để đảm bảo nhãn hàng của mình không có yếu tố lao động trẻ em khi đặt hàng các đối tác kinh doanh gia công các họa tiết cho sản phẩm của mình?

Đáp án bài tập tình huống

Tình huống 13: Tại cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B

Trong tình huống này, xét về khía cạnh sử dụng lao động, cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B đã vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng lao động (Điều 16 – hình thức hợp đồng lao động; Điều 18 – nghĩa vụ giao kết hợp đồng lao động), bảo hiểm xã hội (khoản 3 – Điều 2, Luật bảo hiểm xã hội 2014) cho người lao động. Đặc biệt là trong tình huống này cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B đã trực tiếp làm phát sinh lao động trẻ em (tuyển dụng trẻ em dưới tuổi lao động tối thiểu theo luật pháp quốc gia không phải cho công việc nhẹ).

Cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B cần ngay lập tức ngừng sử dụng các trường hợp người lao động chưa đủ 15 tuổi, thay vào đó là có thể tạo công việc làm và thu nhập cho bố mẹ của các lao động này. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo pháp luật về hợp đồng lao động, bảo hiểm bắt buộc cho người lao động.

Tình huống 14: Tại công ty giày X

Trong tình huống này, về danh nghĩa tại nhà máy của công ty thì công ty giày X không có yếu tố sử dụng lao động trẻ em. Nhưng trong thực tế, tại các công đoạn mà công ty giày X sử dụng nhà thầu phụ (đơn vị vệ tinh) để gia công sản xuất hàng cho công ty thì đã góp phần làm phát sinh vi phạm sử dụng lao động trẻ em. Cụ thể là công ty giày X đã không có các quy định về sử dụng lao động cho các nhà thầu phụ/đơn vị vệ tinh để đảm bảo không vi phạm pháp luật về sử dụng lao động.

Công ty giày X cần có những quy định cụ thể (quy tắc ứng xử)/cam kết chính sách công khai của doanh nghiệp về việc tôn trọng quyền trẻ em và xóa bỏ lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Phổ biến quy định/chính sách này tới các nhà thầu phụ/đơn vị vệ tinh tham gia sản xuất hàng và yêu cầu họ thực hiện nghiêm ngặt. Ngay lập tức dừng các nhà thầu phụ/đơn vị vệ tinh có sử dụng lao động trẻ em.

Tình huống 15: Tại cụm công nghiệp làng nghề nhuộm vải

Trong tình huống này, doanh nghiệp tư nhân của ông N.Q.H không trực tiếp làm phát sinh lao động trẻ em tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã thực hiện rất tốt những quy định của pháp luật liên quan đến người lao động tại doanh nghiệp. Nhưng doanh nghiệp đã góp phần gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến sinh kế của người nông dân tại địa phương, khiến họ phải bắt con em họ nghỉ học để đi làm kiếm thêm thu nhập đáp ứng cuộc sống gia đình.

Doanh nghiệp tư nhân của ông N.Q.H cần khắc phục hậu quả vi phạm đã để xảy ra tương ứng với phần trách nhiệm của mình, nhanh chóng trả lại môi trường sản xuất cho người dân tại địa phương để họ ổn định sản xuất, có thu nhập ổn định cuộc sống và các cháu có cơ hội học tập hết chương trình phổ cập giáo dục theo quy định của pháp luật. Đồng thời doanh nghiệp có thể có những hỗ trợ phù hợp nhằm tạo sinh kế cho các gia đình nông dân.

Tình huống 16: Tại cơ sở chế biến thủy sản T

Trong tình huống này, về danh nghĩa thì tại cơ sở chế biến thủy sản T không trực tiếp làm phát sinh lao động trẻ em. Nhưng trong thực tế, cơ sở chế biến này đã thu mua nguyên liệu đầu vào của các cơ sở sản xuất kinh doanh có yếu tố sử dụng lao động trẻ em. Như vậy cơ sở chế biến thủy sản T đã góp phần làm phát sinh vi phạm sử dụng lao động trẻ em. Cụ thể là cơ sở chế biến thủy sản T đã không có các quy định giàng buộc với các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào về những yếu tố liên quan đến sử dụng lao động để phòng ngừa việc phát sinh lao động trẻ em tại các cơ sở kinh doanh cung cấp nguồn nguyên liệu.

Cơ sở chế biến thủy sản T cần có những quy định cụ thể đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho mình về những yếu tố cấu thành nên sản phẩm của họ (là nguyên liệu đầu vào cho mình), trong đó phải có những nội dung quy định cụ thể về không sử dụng lao động trẻ em. Cơ sở chế biến thủy sản T cần có biện pháp kiểm soát chuỗi cung ứng để phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em, đồng thời ngay lập tức dừng mua nguyên liệu đầu vào của các cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động trẻ em.

Tình huống 17: Tại công ty TNHH T.P

Trong tình huống này, việc sử dụng lao động của công ty TNHH T.P có vấn đề là: công ty đã trực tiếp làm phát sinh lao động trẻ em (sử dụng lao động chưa thành niên làm việc quá 40 giờ/tuần). Hơn nữa, công ty TNHH T.P đã vi phạm pháp luật lao động (sử dụng lao động chưa thành niên làm công việc và nơi làm việc có yếu tố nặng nhọc, nguy hiểm) được quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH quy định danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.

Công ty TNHH T.P cần ngay lập tức ngừng sử dụng các trường hợp người lao động chưa thành niên (từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi) làm các công việc đúc đồng tại các xưởng đúc đồng của mình. Đồng thời công ty TNHH T.P cần có chính sách cam kết không sử dụng lao động trẻ em.

Tình huống 18: Tại tập đoàn thời trang A & T

Trong tình huống này, tập đoàn thời trang A & T không trực tiếp làm phát sinh lao động trẻ em và cũng không góp phần làm phát sinh lao động trẻ em, nhưng đối tác có quan hệ kinh doanh với tập đoàn đã vi phạm về lao động trẻ em (sử dụng lao động dưới độ tuổi cho phép theo quy định của pháp luật làm các công việc không được quy định trong danh mục công việc nhẹ cho phép sử dụng lao động dưới 15 tuổi – quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH). Đây là hành vi vi phạm hợp đồng gia công và bị cấm bởi thương hiệu thời trang của tập đoàn A & T.

Tập đoàn A & T cần đưa các nội dung chính sách về phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em của tập đoàn vào các hợp đồng gia công và yêu cầu các đối tác kinh doanh tuân thủ thực hiện. Có biện pháp giám sát gây ảnh hưởng lên đối tác kinh doanh để nâng cao hiệu quả việc phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em tại các đối tác kinh doanh.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM ĐỂ THỰC HIỆN BÀI TẬP TÌNH HUỐNG (BÀI 5)



Thời gian

- Thảo luận cho mỗi nhóm 10 phút
- Thời gian trình bày tối đa 02 phút/nhóm.



Công cụ

- Bài tập tình huống (bài 5)
- Giấy A0
- Băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ.



Nhiệm vụ

Các nhóm bốc thăm 2 tình huống để thảo luận trả lời 02 câu hỏi trong tình huống bài 5, gồm:

- Tình huống 13: Câu chuyện tại cơ sở sản xuất gạch của ông N.T.B
- Tình huống 14: Câu chuyện tại công ty giày X
- Tình huống 15: Câu chuyện tại cụm công nghiệp làng nghề nhuộm vải
- Tình huống 16: Câu chuyện tại cơ sở chế biến thủy hải sản T
- Tình huống 17: Câu chuyện tại công ty TNHH T.P
- Tình huống 18: Câu chuyện tại tập đoàn thời trang A & T

Cử đại diện nhóm lên trình bày về nội dung đã thảo luận.



Lưu ý

- Phần trình bày bài tập nhóm được thực hiện luân phiên giữa các thành viên trong nhóm.



TỔNG QUAN VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các nhóm hành động mà doanh nghiệp có thể thực hiện nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng của mình.



Thời gian dự kiến

45 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Nhắc lại nội dung bài học 5: - Các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE đối với doanh nghiệp - Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE	Nhóm lớn Thuyết trình	5'
2	Hộp 1: Các hành động và kết quả cụ thể cần đạt được đối với doanh nghiệp	Nhóm nhỏ Bộ thẻ hành động của doanh nghiệp và kết quả cần đạt	8'
3	Bài tập tình huống: Xác định được các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt mà doanh nghiệp có thể thực hiện nhằm phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE trong hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng của mình.	Nhóm nhỏ Giấy giao việc Bài tập tình huống Thuyết trình	27'
4	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ Thẻ ghép từ hành động và kết quả	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Bài tập tình huống
2. Bộ thẻ: Hành động của doanh nghiệp và kết quả cần đạt
3. Giấy giao việc cho nhóm
4. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
5. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
6. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ.



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Nhắc lại nội dung bài học 5

- Giảng viên mời cả lớp nhớ lại nội dung bài học 5 và nêu câu hỏi:
- Các lợi ích của việc phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE đối với doanh nghiệp là gì?
- Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE?
- Giảng viên tổng hợp những điểm chính trên SLIDE tổng kết bài học 5
- Các lợi ích chính đối với doanh nghiệp khi tiến hành phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em, gồm:
 - Lợi ích thứ nhất - Tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại thế hệ mới mà VN tham gia (CPTPP, EVFTA)
 - Lợi ích thứ hai - Tuân thủ luật pháp Việt Nam
 - Lợi ích thứ ba - Mở rộng cơ hội kinh doanh
 - Lợi ích thứ tư - Đảm bảo hiệu suất hoạt động lâu dài
 - Lợi ích thứ năm - Cải thiện công tác quản trị rủi ro
 - Lợi ích thứ sáu - Thể hiện đạo đức kinh doanh và xây dựng uy tín
- Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE, gồm:
 - Doanh nghiệp có thể làm phát sinh lao động trẻ em thông qua hành động hoặc quyết định của mình.
 - Doanh nghiệp có thể góp phần làm phát sinh vi phạm về lao động trẻ em qua một mối quan hệ kinh doanh (ví dụ, với nhà cung cấp, khách hàng hoặc chính phủ), hoặc qua tương tác giữa hành động của doanh nghiệp và hành động của các bên khác.

- Doanh nghiệp không làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh vi phạm, nhưng đối tác có quan hệ kinh doanh với doanh nghiệp vẫn vi phạm về lao động trẻ em, vì vậy vi phạm có liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp.

2. Hộp 1: Các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt được đối với doanh nghiệp

Sau khi xác định rõ mục tiêu, doanh nghiệp cần tìm biện pháp giải quyết vấn đề lao động trẻ em và xây dựng kế hoạch hành động. Hộp 1 gợi ý các hành động thiết thực cho doanh nghiệp để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong cả hoạt động của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Kết quả cụ thể cần đạt được trong từng hành động cần được nêu rõ:

- Giảng viên thông báo với các học viên, sẽ tổ chức cuộc thi theo nhóm, về việc sắp xếp nội dung hộp 1.
- Điều kiện để nhóm thắng cuộc: Sắp xếp đúng trình tự và nội dung hộp 1, với thời gian nhanh nhất.
- Thời gian thảo luận, sắp xếp của nhóm, gắn thẻ lên A0, treo trên bảng: 3 phút.
- Giảng viên chia lớp làm 3 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ gồm các hành động gợi ý (màu hồng) và kết quả cụ thể cần đạt (màu xanh), một tờ giấy A0 để gắn thẻ.
- Nhiệm vụ của các nhóm sắp xếp hoàn thành hộp 1 với kết quả cần đạt được trong từng hành động đã được nêu rõ trong các tấm thẻ.
- Sau khi hết 3 phút, giảng viên chiếu SLIDE hộp 1 hoặc chuẩn bị sẵn hộp 1 với các tấm thẻ để so sánh kết quả, chọn ra nhóm nhất để phát phần thưởng.

Hộp 1. Các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt đối với doanh nghiệp

Hành động	Kết quả cần đạt
1. Rà soát đánh giá tình hình trong DN và chuỗi cung ứng	Đánh giá chi tiết rủi ro đối với trẻ em (không chỉ với doanh nghiệp) để thiết kế biện pháp giải quyết Triển khai đánh giá lại do rủi ro luôn thay đổi
2. Xây dựng cam kết chính sách	Đưa ra cam kết chính sách công khai của doanh nghiệp về việc tôn trọng quyền trẻ em và xóa bỏ lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng
3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp	Triển khai các biện pháp hiệu quả để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp
4. Kiểm soát chuỗi cung ứng	Gây ảnh hưởng lên hành vi của đối tác trong chuỗi cung ứng để khắc phục, phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
5. Giám sát đánh giá	Đánh giá theo thời gian để i) củng cố biện pháp phòng ngừa; ii) đo lường hiệu quả của biện pháp khắc phục; iii) thu thập thông tin để cung cấp cho các bên liên quan
6. Cung cấp thông tin	Cung cấp đầy đủ thông tin để các bên thực hiện và đánh giá hợp lý các nỗ lực của doanh nghiệp Chủ động công bố thông tin nếu doanh nghiệp liên quan đến vi phạm nghiêm trọng
7. Huy động sự tham gia	Phối hợp chặt chẽ với những trẻ em có khả năng bị ảnh hưởng và gia đình, các nhóm trẻ dễ bị tổn thương, nhà trường, cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan khác để đảm bảo các biện pháp hiệu quả và tranh thủ sự ủng hộ

3. Bài tập tình huống: Xác định được các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt mà doanh nghiệp có thể thực hiện nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng của mình

Sau khi các học viên biết được nội dung của hộp 1, bao gồm các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt, giảng viên yêu cầu các nhóm nhỏ thảo luận về tình huống để làm rõ các nội dung đã trao đổi trong hộp 1.

- Nhiệm vụ cho các nhóm (giấy giao việc cho nhóm để thực hiện bài tập hình hướng - bài 6)
 - Thời gian: thảo luận cho 10 phút/nhóm, thời gian trình bày tối đa 02 phút/nhóm
 - Công cụ: bài tập tình huống số 19; giấy A0, băng dính giấy và bút dạ
 - Nhiệm vụ: các nhóm thảo luận để trả lời 02 câu hỏi trong tình huống số 19
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên tổng hợp ý kiến phát biểu của các nhóm và chiếu SLIDE đáp án của bài tập tình huống

4. Tổng kết bài học

- Giảng viên chiếu SLIDE câu hỏi tổng kết bài học 6
- Phát cho mỗi nhóm 01 bộ thẻ bao gồm các câu, từ cho sẵn
- Giảng viên yêu cầu các nhóm thi đua chọn câu từ phù hợp để hoàn thiện nội dung hộp 1- Các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt đối với doanh nghiệp, bằng cách điền vào chỗ trống
- Thời gian thực hiện tối đa: 3 phút/nhóm
- Kết thúc phần ghép từ của các nhóm, giảng viên chiếu SLIDE đáp án

Đáp án ghép từ:

- (1) HĐ: Rà soát; KQ: Biện pháp giải quyết
- (2) HĐ: Xây dựng; KQ: Cam kết chính sách
- (3) HĐ: Triển khai; KQ: Biện pháp hiệu quả
- (4) HĐ: Kiểm soát; KQ: Gây ảnh hưởng
- (5) HĐ: Giám sát đánh giá; KQ: Thời gian
- (6) HĐ: Thông tin; KQ: Thông tin
- (7) HĐ: Tham gia; KQ: Hiệu quả.

Bài tập tình huống

Tình huống 19: Câu chuyện tại Công ty TNHH HD

Công ty TNHH HD là một doanh nghiệp chuyên chế biến hạt điều xuất khẩu, có trụ sở tại Biên Hòa – Đồng Nai. Nguồn nguyên liệu chính đáp ứng cho việc sản xuất chế biến là hạt điều thô được mua từ các nhà cung cấp là các chủ trang trại vườn rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Đồng Nai. Công ty đã đầu tư một dây chuyền tương đối hiện đại với 500 công nhân làm việc tại trụ sở nhà máy. Ngoài ra để đáp ứng sản lượng lớn hạt điều xuất khẩu, công ty còn sử dụng khoảng trên 20 đơn vị vệ tinh là các chủ cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để gia công sản xuất chế biến hạt điều xuất khẩu theo đơn hàng của công ty. Công ty đang làm ăn rất tốt thì có một số khách hàng lớn từ nước ngoài nói rằng sản phẩm hạt điều của công ty có yếu tố lao động trẻ em và họ dự định cắt hợp đồng (không mua hàng) của công ty vì liên quan đến sử dụng lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

1. Theo các anh/chị, có khả năng có yếu tố lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của công ty TNHH HD hay không? Vì sao?
2. Công ty TNHH HD cần làm gì để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của công ty?

Đáp án bài tập tình huống

Tình huống 19: Câu chuyện tại Công ty TNHH HD

1. Có nhiều khả năng có yếu tố lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của công ty TNHH HD vì:
 - Công ty chưa có chính sách gì liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em;
 - Các nhà cung ứng nguyên liệu đầu vào cho công ty có thể sử dụng lao động trẻ em vì: giá thuê nhân công của trẻ em thấp; trẻ em thường chăm chỉ và làm việc hái hạt điều rất tốt, thậm chí là tốt hơn nhiều người lớn;...
 - Các cơ sở vệ tinh gia công sản xuất hạt điều cho công ty cũng có thể thuê lao động trẻ em vì: tại địa phương họ thường thiếu nhân lực cho sản xuất; trẻ em dễ bảo và dễ quản lý; chi phí nhân công thấp;...
2. Để có thể phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong công ty và chuỗi cung ứng, Công ty cần làm một số công việc cụ thể như:
 - Đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng (xem có đúng là có yếu tố lao động trẻ em như phản ứng của khách hàng hay không);
 - Xây dựng chính sách, cam kết không sử dụng lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng;
 - Phổ biến chính sách, cam kết của doanh nghiệp về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong công ty và yêu cầu các nhà cung cấp, các đơn vị gia công hàng cho công ty cam kết tuân thủ thực hiện chính sách;
 - Phân công trách nhiệm cho bộ phận, cán bộ giám sát thực hiện chính sách liên quan đến lao động trẻ em;
 - Phối hợp với các cơ quan có liên quan (chính quyền địa phương, các hội đoàn thể,...) để nâng cao nhận thức và phát hiện, ngăn ngừa việc sử dụng lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng;
 - Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện chính sách của công ty;
 - Yêu cầu khách hàng độc lập kiểm tra giám sát yếu tố lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của công ty.

Bộ thẻ sử dụng cho nội dung 2

Hộp 1: Các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt đối với doanh nghiệp

HÀNH ĐỘNG

RÀ SOÁT ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG DOANH NGHIỆP VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

XÂY DỰNG CAM KẾT CHÍNH SÁCH

TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP TRONG DOANH NGHIỆP

KIỂM SOÁT CHUỖI CUNG ỨNG

GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ

CUNG CẤP THÔNG TIN

HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Đánh giá chi tiết rủi ro đối với trẻ em (không chỉ đối với doanh nghiệp) để thiết kế biện pháp giải quyết
- Triển khai đánh giá lại do rủi ro luôn thay đổi
- Đưa ra cam kết chính sách công khai của doanh nghiệp về việc tôn trọng quyền trẻ em và xóa bỏ lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng
- Triển khai các biện pháp hiệu quả để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp
- Gây ảnh hưởng lên hành vi của đối tác trong chuỗi cung ứng để khắc phục, phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE
- Đánh giá theo thời gian để:
 - i) Củng cố biện pháp phòng ngừa
 - ii) Đo lường hiệu quả của biện pháp khắc phục
 - iii) Thu thập thông tin để cung cấp cho các bên liên quan
- Cung cấp đầy đủ thông tin để các bên thực hiện và đánh giá hợp lý các nỗ lực của doanh nghiệp
- Chủ động công bố thông tin nếu doanh nghiệp liên quan đến vi phạm nghiêm trọng
- Phối hợp chặt chẽ với những trẻ em có khả năng bị ảnh hưởng và gia đình, các nhóm trẻ dễ bị tổn thương, nhà trường, cộng đồng, chính quyền và các bên liên quan khác để đảm bảo các biện pháp hiệu quả và tranh thủ sự ủng hộ

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM ĐỂ THỰC HIỆN BÀI TẬP TÌNH HUỐNG (BÀI 6)



Thời gian

- Thảo luận cho mỗi nhóm 10 phút
- Thời gian trình bày tối đa 02 phút/nhóm



Công cụ

- Bài tập tình huống số 19: Câu chuyện tại công ty TNHH HD
- Giấy A0
- Băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận để trả lời 02 câu hỏi trong tình huống số 19
- Cử đại diện nhóm lên trình bày về nội dung đã thảo luận.



Lưu ý

- Phần trình bày bài tập nhóm được thực hiện luân phiên giữa các thành viên trong nhóm.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG DOANH NGHIỆP VÀ CHUỖI CUNG ỨNG



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được nội dung, phạm vi, cách triển khai đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng;
- Thực hành thiết kế một cuộc đánh giá về tình hình lao động trẻ em cho doanh nghiệp trong nhóm.



Thời gian dự kiến

90 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Hành động 1: Đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng Sự cần thiết, lý do thực hiện hành động 1	Nhóm lớn Thuyết trình	5'
2	Nội dung đánh giá Phụ lục 5: Kết quả đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và CCƯ	Nhóm nhỏ Động não Giấy giao việc	15'
3	Triển khai đánh giá - Thời gian, con người, phạm vi, lĩnh vực đánh giá - Sai lầm cần tránh khi xác định lĩnh vực ưu tiên trong đánh giá tình hình - Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: vẽ sơ đồ chuỗi cung ứng	Nhóm nhỏ Giấy giao việc	30'
4	Thực hành thiết kế một cuộc đánh giá tình hình LĐTE cho doanh nghiệp trong nhóm	Nhóm nhỏ Giấy giao việc	30'
5	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ	10'



Tài liệu và giáo cụ

1. Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng
2. Giấy giao việc cho nhóm
3. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
4. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
5. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Giới thiệu Hành động 1: Đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

- Giảng viên yêu cầu học viên nhớ lại bảy gợi ý về các hành động thiết thực cho doanh nghiệp để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em đã được đề cập trong Hộp 1: Các hành động gợi ý và kết quả cụ thể cần đạt đối với doanh nghiệp.
- Giảng viên nhắc lại bảy hành động gợi ý đó, gồm: (1) Rà soát đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng; (2) Xây dựng cam kết chính sách; (3) Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp; (4) Kiểm soát chuỗi cung ứng; (5) Giám sát đánh giá; (6) Cung cấp thông tin; (7) Huy động sự tham gia.
- Giảng viên mời học viên trả lời câu hỏi:
 Sự cần thiết thực hiện hành động 1: Tại sao phải đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng?
- Giảng viên tổng hợp những điểm chính trên SLIDE hoặc giải thích, viết trên bảng trắng:

Để giải quyết vấn đề lao động trẻ em, trước hết cần đánh giá tình hình thực tế trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng, vì

- Có thể người chủ, người quản lý của doanh nghiệp, hoặc của nhà cung cấp, cơ sở vệ tinh, hộ gia công biết là có sử dụng lao động dưới 18 tuổi, nhưng họ không biết trường hợp nào là trái luật, trường hợp nào là không trái luật, tùy theo thời gian và tính chất công việc;
- Nhà cung cấp cũng không nắm được tiêu chuẩn lao động của khách hàng, nhất là khi họ không bán trực tiếp mà chỉ cung cấp nguyên vật liệu hàng hóa cho bạn.
- Đối với doanh nghiệp lớn, các nhãn hàng, thương hiệu lớn có thể thuê kiểm toán hoặc công ty có kinh nghiệm bên ngoài. Đối với doanh nghiệp và cơ sở SXKD nhỏ thường là người chủ tự làm hoặc sử dụng nhân viên thu mua, hay quan hệ lao động của doanh nghiệp thực hiện.

2. Nội dung đánh giá

- Giảng viên thông báo với các học viên, cần xác định các nội dung đánh giá trong hành động 1
- Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 3-4 nhóm) tùy theo số lượng học viên để làm bài tập động não
- Giảng viên phát cho các nhóm: Giấy giao việc cho nhóm (bài 7) - nhiệm vụ số 1
 - Thời gian động não: 2 phút; Thời gian trình bày tối đa 2 phút/nhóm
 - Công cụ: giấy A0, băng dính, bút dạ
 - Nội dung chính trong nhiệm vụ số 1 của học viên: Các nhóm động não để đưa ra càng nhiều chi tiết trong nội dung đánh giá càng tốt, cụ thể
 - Về lao động trong doanh nghiệp: Các chi tiết cần đánh giá là gì?
 - Về lao động trong chuỗi cung ứng: Các chi tiết cần đánh giá là gì?
 - Về các nội dung khác: Các chi tiết cần đánh giá là gì?
- Các nhóm động não và trình bày kết quả
- Giảng viên tổng hợp trên SLIDE các nội dung đánh giá phải trả lời được những câu hỏi:
 - Số lượng người chưa thành niên đang lao động, theo các mốc dưới 18, 15 và 13 tuổi, và thời gian làm việc của các em?
 - Công việc có (hoặc có thể) xảy ra vi phạm là gì? Ở đâu? Ảnh hưởng đến những em nào và như thế nào?
 - Địa điểm và nơi làm việc có (hoặc có thể) xảy ra vi phạm ở đâu? Ảnh hưởng đến những em nào và như thế nào?
 - Bản chất mối liên quan của doanh nghiệp tới lao động trẻ em là: (1) Làm phát sinh, (2) góp phần làm phát sinh hay (3) Có liên quan đến vi phạm về lao động trẻ em.
- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Với ba phần chính:
 - Lao động trong doanh nghiệp
 - Lao động trong chuỗi cung ứng
 - Kết luận.
- Giảng viên nói với học viên rằng:

- Học viên có thể tham khảo mẫu đơn giản để tổng hợp kết quả đánh giá nhanh tình hình lao động trẻ em trong Phụ lục 5. Nó thể hiện những vấn đề cơ bản nhất một cách có hệ thống. Công cụ này phù hợp với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Các doanh nghiệp lớn thường phát triển và sử dụng những công cụ chi tiết hơn cho phù hợp với nhu cầu.
- Lưu ý rằng hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ thường sử dụng lao động là con em dưới 18 tuổi. Khi đó, người chủ cần xác định xem theo luật và theo tiêu chuẩn của người mua (nếu có), em nào được phép làm công việc gì và em nào không.

- Giảng viên phát cho học viên Phụ lục 5

3. Triển khai đánh giá

- Giảng viên yêu cầu học viên các nhóm tiếp tục thảo luận bước “Triển khai đánh giá”

Nội dung chính trong nhiệm vụ số 2 của học viên: Các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Thời gian đánh giá định kỳ có thể là bao nhiêu tháng? Vì sao?
- Nhân sự tham gia đánh giá là ai? (người đánh giá?; người được mời để lấy ý kiến, tham khảo ý kiến từ họ?)
- Phạm vi đánh giá? Lĩnh vực đánh giá hay lĩnh vực ưu tiên đánh giá là gì? Tại sao chọn lĩnh vực ưu tiên đó?
 - Thời gian thảo luận nhóm: 10 phút; Thời gian trình bày tối đa 2 phút/nhóm
 - Công cụ: Giấy giao việc (nhiệm vụ số 2) và Giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tổng hợp trên SLIDE kết quả thảo luận nhiệm vụ số 2 hoặc giải thích:

Việc đánh giá phải tiến hành có hệ thống, trong cả doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Nên định kỳ tổ chức đánh giá lại, vì tình hình vi phạm và rủi ro với trẻ em có thể thay đổi. Định kỳ có thể là 6 tháng, một năm hoặc tần suất khác, tùy theo mức độ nghiêm trọng của tình hình, khả năng tái diễn và nhu cầu của doanh nghiệp.

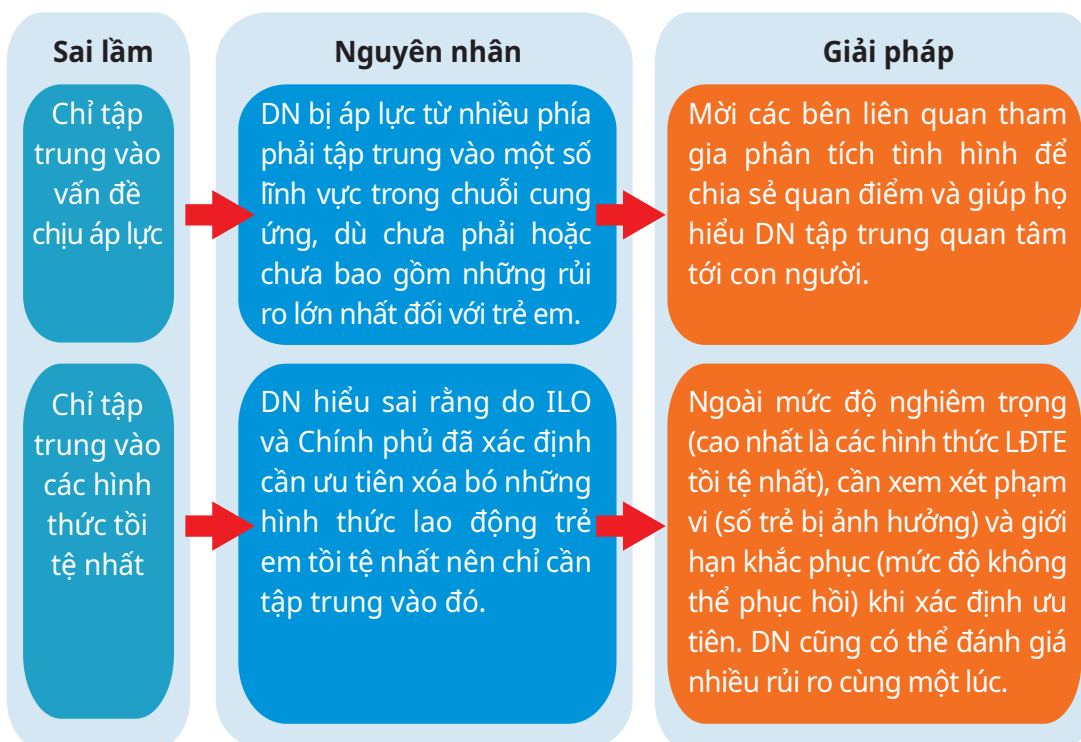
Ngoài người phụ trách đánh giá chính, nhân sự có liên quan cần tham gia đánh giá tình hình. Ví dụ, cần có quản lý sản xuất khi đánh giá rủi ro trong xưởng sản xuất, nhân viên phụ trách mua sắm khi đánh giá rủi ro trong chuỗi cung ứng, nhân viên

đối ngoại khi đánh giá rủi ro với cộng đồng địa phương. Để hiểu rõ vấn đề, doanh nghiệp cũng trao đổi với chính các trẻ em và người chưa thành niên có thể bị ảnh hưởng, người đại diện của các em hoặc người đại diện có uy tín để tham khảo ý kiến nếu không thể tiếp xúc trực tiếp với các em. Nếu cần, doanh nghiệp có thể mời thêm chuyên gia bên ngoài.

Nếu phạm vi đánh giá quá rộng và doanh nghiệp hạn chế về nguồn lực thì nên xác định lĩnh vực ưu tiên để tập trung đánh giá. Lĩnh vực ưu tiên có thể là một số lĩnh vực hoạt động và một số đối tác trong chuỗi cung ứng. Vậy nên tập trung đánh giá ở lĩnh vực nào: lĩnh vực nghi ngờ có nhiều vi phạm xảy ra nhất, lĩnh vực mà doanh nghiệp chịu áp lực chỉ trích nhiều nhất, hay lĩnh vực mà doanh nghiệp có khả năng kiểm soát tốt nhất.

- Giảng viên chiếu SLIDE “Hình 2”

Hình 2. Sai lầm cần tránh khi xác định lĩnh vực ưu tiên trong đánh giá tình hình



- Giảng viên chiếu SLIDE 3 yếu tố để xác định lĩnh vực ưu tiên

Giảng viên cần lưu ý với học viên khi chiếu SLIDE rằng, câu trả lời cần tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ gây tác hại lớn nhất cho trẻ em, chứ không phải cho doanh nghiệp. Để xác định được lĩnh vực này ta cần dựa vào ba yếu tố:

1. **Mức độ** nghiêm trọng của tác hại đối với trẻ dưới 18 tuổi bị ảnh hưởng. Mức độ nghiêm trọng lớn nhất là khi các em tham gia một hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất;
2. **Phạm vi** tác hại, nghĩa là số lượng trẻ bị ảnh hưởng;
3. **Giới hạn khắc phục** tác hại, nghĩa là sau khi tham gia hoạt động bị xác định là lao động trẻ em, có một mức độ mà các em không thể phục hồi lại so với trạng thái ban đầu.

Càng nhiều yếu tố cùng tồn tại, tác hại càng lớn. Nếu **khả năng xảy ra vi phạm** cũng lớn nữa thì vấn đề càng nghiêm trọng. Đây sẽ là lĩnh vực cần tập trung đánh giá nhất. Nhưng giữa tác hại lớn mà ít khả năng xảy ra vi phạm và tác hại nhỏ mà nhiều khả năng xảy ra vi phạm thì ta nên chọn cái nào. Do cần tập trung vào **tác hại đối với trẻ em** nên cần ưu tiên đánh giá (và sau này là xử lý) lĩnh vực gây tác hại lớn đối với trẻ em, kể cả khi vi phạm ít xảy ra.

- Giảng viên chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn.

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp có triển khai đánh giá và đánh giá lại các vi phạm về lao động trẻ em đang hoặc có thể xảy ra hay không?
- ☐ Việc đánh giá và đánh giá lại có được thực hiện trong cả hoạt động của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng hay không?
- ☐ Khi đánh giá tình hình, doanh nghiệp có huy động nhân sự nội bộ và chuyên gia bên ngoài một cách phù hợp hay không?
- ☐ Khi đánh giá tình hình, doanh nghiệp có nghiêm túc hỏi ý kiến các trẻ em và người chưa thành niên chịu ảnh hưởng (hoặc người đại diện của các em) hay không?
- ☐ Khi chọn lĩnh vực ưu tiên đánh giá, doanh nghiệp chọn theo tác hại (mức độ, phạm vi, giới hạn khắc phục) đã gây ra hoặc có khả năng gây ra cho trẻ em và người chưa thành niên hay chọn theo tác hại đối với doanh nghiệp?
- ☐ Doanh nghiệp đã xác định mối liên quan của mình tới lao động trẻ em là gì (làm phát sinh, góp phần làm phát sinh ra hay có liên quan) hay chưa?

- Giảng viên trao đổi với học viên

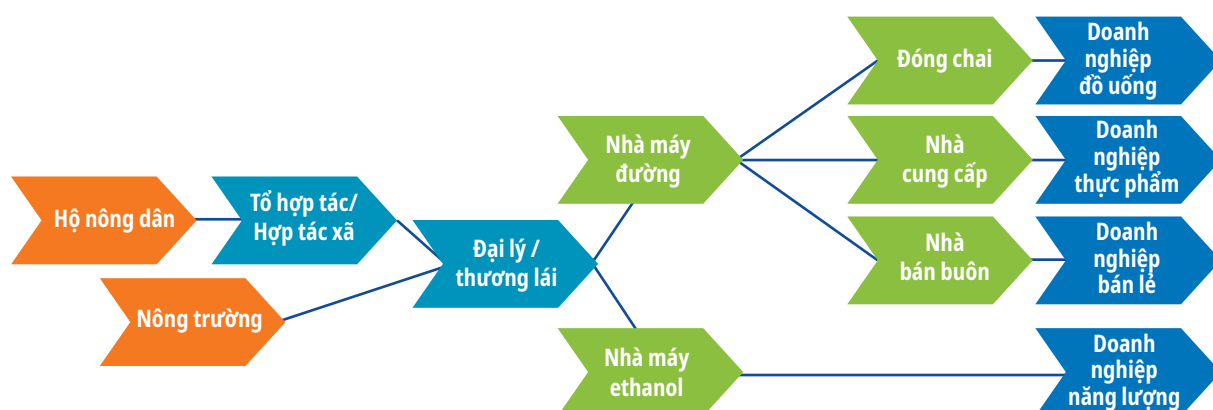
Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: vẽ sơ đồ chuỗi cung ứng

Một số doanh nghiệp đã dùng cách vẽ sơ đồ chuỗi cung ứng khi đánh giá tình hình lao động trẻ em. Sơ đồ này giúp họ không bỏ sót đối tác nào có thể vi phạm về lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của mình, ước tính được số lượng và xác định rõ mối liên quan giữa mình và đối tác đó. Đây cũng là công cụ giúp xác định ai cần tham gia đánh giá, và lĩnh vực cần hành động xử lý về sau.

Sau đó, doanh nghiệp nhờ chuyên gia thử nghiệm sơ đồ. Họ có thể giúp doanh nghiệp xây dựng và điều chỉnh nội dung đánh giá, kể cả xác định lĩnh vực ưu tiên cho phù hợp. Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng chuyên gia này trong quá trình đánh giá và đánh giá lại tình hình, hành động xử lý vi phạm và đánh giá hiệu quả phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em sau khi hành động.

- Giảng viên chiếu SLIDE sơ đồ chuỗi cung ứng cho sản phẩm mía đường

Hình 3. Minh họa vẽ sơ đồ chuỗi cung ứng cho sản phẩm mía đường



- Giảng viên yêu cầu các học viên nhắc lại các yếu tố quan trọng trong đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Bao gồm:
(1) Thời gian đánh giá; (2) Nhân sự tham gia đánh giá; (3) Phạm vi đánh giá; (4) Lĩnh vực ưu tiên đánh giá.

4. Thực hành thiết kế một cuộc đánh giá tình hình LĐTE cho doanh nghiệp trong nhóm

- Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 3-4 nhóm), hoặc chia nhóm theo từng công ty (nếu có các học viên đến cùng một công ty/doanh nghiệp)

Nội dung chính trong nhiệm vụ số 3 của học viên: Các nhóm thực hành thiết kế một cuộc đánh giá về tình hình LĐTE cho doanh nghiệp trong nhóm, cụ thể:

- Vẽ minh họa sơ đồ chuỗi cung ứng cho một sản phẩm lựa chọn

- Các công việc tiếp theo...
 - Thời gian thảo luận nhóm và vẽ : 20 phút; thời gian trình bày tối đa 3 phút/ nhóm
 - Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 3) và giấy A0, băng dính, bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tóm tắt nội dung các nhóm đã trình bày và nhắc nhớ các lưu ý cho các nhóm có trong các SLIDE, như:
 - SLIDE Triển khai đánh giá
 - SLIDE hình 2. Sai lầm cần tránh khi xác định lĩnh vực ưu tiên trong đánh giá tình hình
 - SLIDE Ba yếu tố để xác định lĩnh vực ưu tiên
 - SLIDE Các câu hỏi hướng dẫn

5. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ số 4, bằng cách điền vào chỗ trống (...) có trong 30 câu hỏi để hoàn thiện nội dung trong Phụ lục 5 “Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng”
 - Thời gian thảo luận, trình bày trên giấy và dán trên bảng: 7 phút/nhóm
- Công cụ: giấy giao việc cho nhóm (nhiệm vụ số 4) và giấy A0, băng dính, bút dạ
 - Giảng viên chiếu SLIDE đáp án để so sánh kết quả thảo luận của các nhóm

Đáp án nhiệm vụ số 4:

(1) 18	(11) 18	(21) nơi
(2) giờ	(12) 18	(22) vi phạm
(3) Nơi	(13) Công việc	(23) vi phạm
(4) 13	(14) nơi	(24) biện pháp
(5) giờ	(15) làm việc	(25) người
(6) nơi	(16) Công việc	(26) vi phạm
(7) giờ	(17) nơi	(27) vi phạm
(8) Công việc	(18) Công việc	(28) Biện pháp
(9) nơi	(19) nơi	(29) thời gian
(10) 15	(20) Công việc	(30) người

- Giảng viên chiếu SLIDE tóm tắt nội dung chính Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

Nội dung chính:

- Lao động trong doanh nghiệp
- Lao động trong chuỗi cung ứng
- Kết luận:
 - Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong doanh nghiệp
 - Biện pháp và thời gian khắc phục, người thực hiện
 - Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong chuỗi cung ứng
 - Biện pháp và thời gian khắc phục, người của doanh nghiệp phụ trách đánh giá lại.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 7)

Nhiệm vụ số 1: Các nhóm động não để đưa ra càng nhiều các chi tiết trong nội dung đánh giá càng tốt. (thời gian động não 2 phút, thời gian trình bày 2 phút/nhóm)

Nội dung đánh giá	Các chi tiết cần đánh giá
1. Lao động trong doanh nghiệp	- - -
2. Lao động trong chuỗi cung ứng	- - -
3. Nội dung khác	- - -

Nhiệm vụ số 2: Ở mục “Triển khai đánh giá” các nhóm cần thảo luận để trả lời các câu hỏi dưới đây: (thời gian thảo luận 10 phút, thời gian trình bày 2 phút/nhóm)

- Thời gian đánh giá định kỳ có thể là:.....tháng; Vì sao?
 - Nhân sự tham gia đánh giá là ai?
 - Người đánh giá:.....
 - Người được mời để lấy ý kiến, tham khảo ý kiến từ họ:
 - Phạm vi đánh giá?.....
 - Lĩnh vực đánh giá hay lĩnh vực ưu tiên đánh giá là gì?.....
- Tại sao chọn lĩnh vực ưu tiên đó?.....

Nhiệm vụ số 3: Thực hành thiết kế một cuộc đánh giá về tình hình lao động trẻ em cho doanh nghiệp trong nhóm (thời gian thảo luận và vẽ 20 phút, thời gian trình bày 3 phút/nhóm)

- Vẽ minh họa sơ đồ chuỗi cung ứng cho một sản phẩm lựa chọn

b) Các công việc tiếp theo.....

Nhiệm vụ số 4: Câu hỏi tổng kết bài 7

Hãy điền vào chỗ trống (...) có trong 30 câu, để hoàn thiện nội dung trong Phụ lục 5 “Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng”

Lao động trong doanh nghiệp

1. Số LĐ từ 15-dưới (1)..... tuổi đang làm việc: em

Số (2).....: giờ/ngày (tuần)

Công việc và (3).....làm việc

2. Số LĐ từ (4).....-dưới 15 tuổi đang làm việc: em

Số (5).....:..... giờ/ngày (tuần)

Công việc và (6).....làm việc

3. Số LĐ dưới 13 tuổi đang làm việc: em

Số (7).....:.....giờ/ngày (tuần)

(8).....và (9) làm việc

4. Số con em trong gia đình đang tham gia LĐ và số giờ LĐ:

Dưới 13 tuổi:em

Từ 13-dưới (10)..... tuổi:em

Từ 15-dưới (11)... tuổi:em

5. Số em dưới (12) tuổi đang làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các hình thức lao động “tồi tệ nhất”:.....em

(13)..... và (14) làm việc

6. Số em vừa (15)..... vừa đi học:em

Số em đã bỏ học:em

Bỏ học vì những lý do gì:

Lao động trong chuỗi cung ứng

7. Tình hình lao động chưa thành niên đang làm việc tại nhà cung cấp, cơ sở vệ tinh, hộ gia công (chia theo nhà cung cấp/ cơ sở vệ tinh)

Số LĐ từ 15 - dưới 18 tuổi:..... em Số giờ LĐ:giờ/ngày (tuần)
 (16)..... và (17) làm việc
 Số LĐ từ 13 - dưới 15 tuổi: em Số giờ LĐ: giờ/ngày (tuần)
 (18).....và (19)..... làm việc
 Số LĐ dưới 13 tuổi: em Số giờ LĐ: giờ/ngày (tuần)
 (20).....và (21) làm việc

Kết luận:

8. Các (22).....và nguy cơ (23)trong doanh nghiệp
9. (24).....và thời gian khắc phục, (25).....thực hiện
10. Các (26).....và nguy cơ (27).....trong chuỗi cung ứng
11. (28).....và (29)..... khắc phục, (30)của doanh nghiệp phụ trách đánh giá lại.



XÂY DỰNG CAM KẾT CHÍNH SÁCH CỦA DOANH NGHIỆP



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được nội dung, cách xây dựng và phổ biến cam kết chính sách của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em;
- Thực hành thiết kế một cam kết chính sách cho doanh nghiệp trong nhóm.



Thời gian dự kiến

60 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hành động 2: Xây dựng cam kết chính sách - Những nội dung cần thiết	Nhóm lớn Thuyết trình	5'
2.	Nội dung cam kết - Nội dung và phạm vi (phụ lục 5) - Đồng bộ - Cao hơn luật quốc gia - Riêng biệt hay lồng ghép - Hộp 2: Bộ quy tắc ứng xử về LĐTE	Nhóm nhỏ Thuyết trình Giấy giao việc	20'
3	Xây dựng và phổ biến - Ai tham gia xây dựng - Phê duyệt và cam kết - Phổ biến và công bố (hành động 6) - Thực hành thiết kế một cam kết chính sách về LĐTE của doanh nghiệp. - Bốn nguyên tắc về cam kết chính sách	Nhóm nhỏ Động não Giấy giao việc	30'
4.	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Phụ lục 6. Ví dụ về cam kết chính sách về LĐTĐ của doanh nghiệp
2. Giấy giao việc cho nhóm
3. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
4. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
5. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Giới thiệu Hành động 2: Xây dựng cam kết chính sách

- Giảng viên hỏi học viên: Cần triển khai những nội dung gì trong Hành động 2. Xây dựng cam kết chính sách? Các nội dung đó thường được thể hiện ở văn bản nào của doanh nghiệp?
- Giảng viên tổng hợp những điểm chính trên SLIDE hoặc giải thích và viết trên bảng trắng về các nội dung chính:
 - Nội dung cam kết
 - Xây dựng và phổ biến.

2. Nội dung cam kết

Nội dung và phạm vi:

- Giảng viên yêu cầu các học viên tham khảo phụ lục 6: Ví dụ cam kết chính sách về LĐTĐ của doanh nghiệp
- Giảng viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (khoảng 3-4 nhóm), hoặc chia nhóm theo từng công ty (nếu có các học viên đến cùng một công ty/doanh nghiệp) để thảo luận và trả lời các câu hỏi trong giấy giao việc “nhiệm vụ số 1” của học viên
- Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi:
 - Những căn cứ để xây dựng cam kết là gì để đảm bảo nội dung cam kết phù hợp?
 - Nếu là yêu cầu của một khách hàng cụ thể đối với doanh nghiệp của bạn, bạn cần tuân thủ trong phạm vi sản xuất và cung ứng cho các đơn hàng của khách hàng đó. Nhưng có đưa vào cam kết chính sách áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp và hệ thống cung ứng hay không? Vì sao?

- Thời gian thảo luận nhóm: 5 phút; Thời gian trình bày tối đa 2 phút/nhóm
- Công cụ: giấy giao việc- bài 8 (nhiệm vụ số 1); giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tóm tắt nội dung các nhóm đã trình bày và chiếu SLIDE đáp án “nhiệm vụ số 1” và giải thích

Những căn cứ để xây dựng cam kết:

Bất kể hình thức cam kết là gì, dưới dạng tuyên bố, cam kết, chính sách hay quy tắc ứng xử, nội dung phải được phù hợp với quy định của:

- Pháp luật quốc gia;
- Công ước quốc tế; và

Để đồng bộ, cần

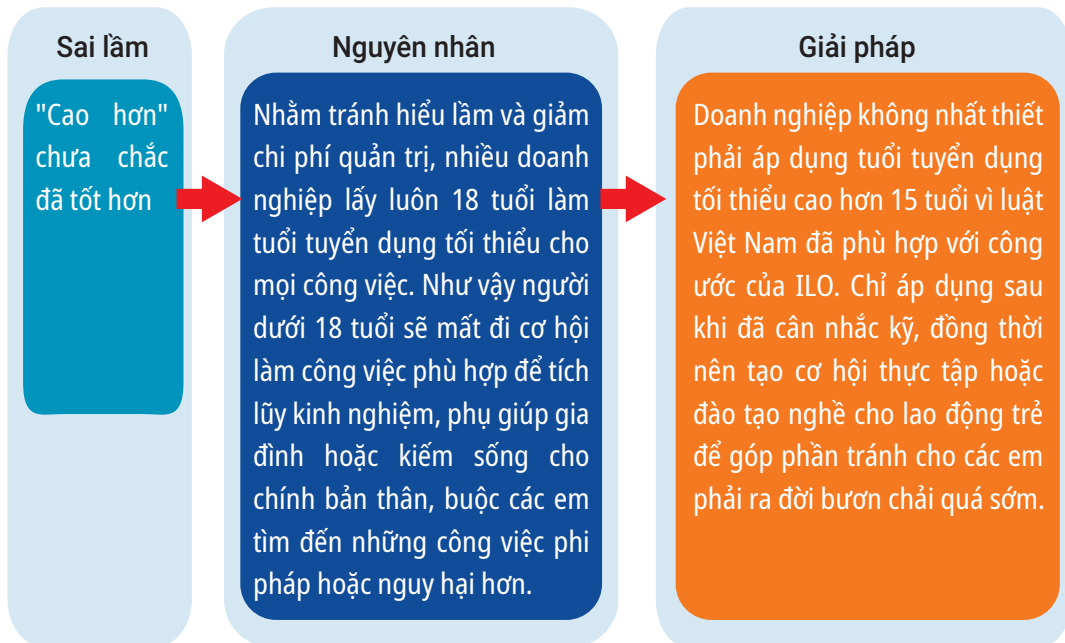
- Rà soát các chính sách, quy trình và hướng dẫn đang áp dụng và điều chỉnh những điểm chưa đồng nhất với cam kết mới về LDTE (cần phải xác định phòng/ban chịu trách nhiệm triển khai cam kết)

Cao hơn luật quốc gia: Một số doanh nghiệp, thường là doanh nghiệp đa quốc gia, có thể cam kết thực hiện các tiêu chuẩn cao hơn luật quốc gia. Nhiều doanh nghiệp dẫn chiếu trực tiếp các tiêu chuẩn quốc tế, ví dụ như thương hiệu bán lẻ IKEA về nội thất và đồ gia dụng. Thậm chí một số doanh nghiệp còn áp dụng cao hơn tiêu chuẩn quốc tế. Để đảm bảo chặt chẽ, doanh nghiệp có thể đưa ra yêu cầu bắt buộc các nhà cung cấp cũng phải tuân thủ.

Nếu đây là yêu cầu của một khách hàng cụ thể đối với doanh nghiệp của bạn, bạn cần tuân thủ trong phạm vi sản xuất và cung ứng cho các đơn hàng của khách hàng đó. Nhưng có đưa vào cam kết chính sách áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp và hệ thống cung ứng hay không thì doanh nghiệp nên cân nhắc kỹ sau khi đọc lập luận nêu ra trong Hình 4. Sai lầm cần tránh trong xây dựng cam kết chính sách.

- Chiếu SLIDE “Hình 4” để các doanh nghiệp cân nhắc xem có đưa vào cam kết hay không:

Hình 4. Sai lầm cần tránh trong xây dựng cam kết chính sách



Riêng biệt hay lồng ghép: Một số doanh nghiệp lựa chọn xây dựng riêng một chính sách hoặc quy tắc ứng xử về lao động trẻ em. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp lại chọn lồng ghép vào các chính sách hiện có, ví dụ như chính sách nhân sự, mua hàng, trách nhiệm xã hội...

Giảng viên giới thiệu SLIDE Hộp 2. Bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em

Hộp 2. Bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em

Ngày càng nhiều doanh nghiệp đưa ra các cam kết chính thức về đạo đức kinh doanh. Nó có thể được gọi là bộ quy tắc ứng xử, cam kết nguyên tắc kinh doanh, tuyên bố đạo đức kinh doanh, hướng dẫn đạo đức kinh doanh, tiêu chuẩn nhà cung cấp hay hướng dẫn mua hàng... Nếu doanh nghiệp đã có sẵn một bộ quy tắc ứng xử, các cam kết về lao động trẻ em cần được đưa vào đây.

Bộ quy tắc ứng xử rất phổ biến đối với các doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành dệt may, da giày và đồ thể thao. Xu hướng hiện nay là cả các lĩnh vực như nông nghiệp, thực phẩm, thuốc lá, khoáng sản, bán lẻ, nhà hàng khách sạn và du lịch cũng đang áp dụng ngày càng nhiều.

Doanh nghiệp cũng có thể lựa chọn tham gia một bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em chung cho mọi doanh nghiệp, hoặc theo ngành nghề, lĩnh vực. Ở Việt Nam, Bộ quy tắc ứng xử về lao động trẻ em đã ra đời vào năm 2018, do Văn phòng Giới sử dụng lao động VCCI phối hợp với các doanh nghiệp và hỗ trợ kỹ thuật của ILO –

IPEC xây dựng dựa trên bản năm 2014. Đây là tuyên bố cam kết của giới sử dụng lao động, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam cũng như các tiêu chuẩn lao động quốc tế, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tán thành và triển khai thực hiện. Bộ quy tắc ứng xử năm 2018 nêu ra cam kết hành vi ứng xử của doanh nghiệp nói chung, đồng thời có những nội dung đặc thù phù hợp với hiện trạng và nhu cầu của doanh nghiệp trong các ngành nghề da giày và may mặc, chế biến thủy hải sản, chế tác đá - gỗ và thủ công mỹ nghệ: mây tre đan, chiếu cói, thêu ren. Nó áp dụng với doanh nghiệp trong những ngành nghề đó cũng như cho giới sử dụng lao động nói chung.

3. Xây dựng và phổ biến

- Giảng viên đặt câu hỏi cho các học viên:
Ai sẽ tham gia xây dựng cam kết chính sách? Ai sẽ phê duyệt cam kết?
- Giảng viên mời một số học viên phát biểu ý kiến, một số học viên khác bổ sung.
- Giảng viên tổng hợp những điểm chính trên SLIDE hoặc giải thích đáp án cho câu hỏi:

Ai tham gia xây dựng:

- Các phòng ban chức năng chính như sản xuất, mua sắm, nhân sự, cán bộ phụ trách kiểm toán nội bộ, quan hệ lao động cần tham gia xây dựng cam kết vì họ chính là người thực hiện.
- Nếu cần thì có thể có thêm chuyên gia bên ngoài. Ngoài ra doanh nghiệp cũng nên tham khảo ý kiến trẻ em và lao động chưa thành niên và người đại diện của các em nếu có thể, công đoàn, và các đối tác kinh doanh dự kiến sẽ áp dụng.

Phê duyệt cam kết: Trong các doanh nghiệp lớn mà lãnh đạo cấp cao không trực tiếp tham gia quá trình xây dựng, thì họ cần phê duyệt cam kết về lao động trẻ em cũng như những điểm điều chỉnh trong các chính sách và quy trình có liên quan.

Phổ biến và công bố: Sau khi đã xây dựng và phê duyệt, cần phổ biến và công bố cam kết chính sách trong và ngoài doanh nghiệp cho các đối tượng phù hợp.

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi trong giấy giao việc “nhiệm vụ số 2”, cụ thể:
Trong nội dung “Xây dựng và phổ biến”, sau khi đã xây dựng và phê duyệt, cần phổ biến và công bố cam kết chính sách trong và ngoài doanh nghiệp cho các đối tác phù hợp. Các nhóm hãy cho biết:
 - Trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng cần cung cấp thông tin cho những đối tượng nào?
 - Đối với bên ngoài, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin cho những đối tượng nào?
- Thời gian thảo luận nhóm: 5 phút; Thời gian trình bày tối đa 2 phút/ nhóm
- Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 2), giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tóm tắt nội dung các nhóm đã trình bày và chiếu SLIDE đáp án “nhiệm vụ số 2” và giải thích

Hành động 6. Cung cấp thông tin, chỉ rõ:

- Trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng, cần cung cấp thông tin cho những đối tượng sau:
 - Toàn thể người lao động;
 - Tất cả các cán bộ quản lý và nhân viên các phòng ban triển khai thực hiện;
 - Công đoàn cơ sở;
 - Những trẻ em chịu ảnh hưởng và gia đình các em;
 - Các nhà cung cấp và đối tác trong chuỗi cung ứng.

Không chỉ dừng ở cung cấp thông tin, các cán bộ chịu trách nhiệm cần được tập huấn kỹ để thực hiện. Nhà cung cấp và đối tác trong chuỗi cung ứng có thể cần được hỗ trợ, khuyến khích hợp lý hoặc yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nội dung của cam kết.

- Đối với bên ngoài, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin cho những đối tượng sau:
 - Khách hàng;
 - Nhà đầu tư;
 - Cộng đồng và chính quyền địa phương nơi trẻ em và gia đình sinh sống.

Trong trường hợp có truyền thông và tổ chức phi chính phủ quan tâm đến vấn đề LĐTE trong khu vực hay trong ngành thì cũng nên cung cấp thông tin cho họ.

- Giảng viên chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn:

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp đã có cam kết chính thức về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em hay chưa? Cam kết có dẫn chiếu các tiêu chuẩn và công ước quốc tế phù hợp²⁰ hay không?
- ☐ Cam kết có cho phép sử dụng người dưới 18 tuổi thực hiện những công việc phù hợp với thời gian phù hợp theo nhóm tuổi hay không?
- ☐ Các chính sách và quy trình vận hành khác đã được rà soát và điều chỉnh đồng bộ với cam kết hay chưa?
- ☐ Quá trình xây dựng có sự tham gia và tham khảo ý kiến của các phòng ban, cán bộ triển khai, các trẻ em và gia đình, các đối tác chịu ảnh hưởng hay không?
- ☐ Cam kết đã được lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp phê duyệt hay chưa?

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thực hiện giấy giao việc (nhiệm vụ số 3): Thực hành thiết kế một cam kết chính sách về lao động trẻ em của doanh nghiệp
- Thời gian thảo luận nhóm: 10 phút; Thời gian trình bày 2 phút/nhóm
- Giảng viên phát cho các nhóm:
 - Giấy giao việc (nhiệm vụ số 3)
 - Giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tóm tắt các ý kiến trình bày của các nhóm và chiếu SLIDE trao đổi về:

Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: Bốn nguyên tắc về cam kết chính sách

Khi xây dựng và triển khai công bố cam kết chính sách về lao động trẻ em, nhiều doanh nghiệp áp dụng triệt để những nguyên tắc sau đây:

Làm quan trọng hơn nói. Đừng cam kết điều gì doanh nghiệp không chắc chắn sẽ thực hiện và kiểm soát được. Doanh nghiệp có cam kết cao chưa chắc đã làm tốt hơn doanh nghiệp cam kết vừa phải hoặc chưa có cam kết.

²⁰ Như Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, Bộ Nguyên tắc hướng dẫn của Liên hợp quốc về kinh doanh và nhân quyền (UNGP), Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Công ước số 138 của ILO về độ tuổi lao động tối thiểu, Công ước số 182 của ILO về những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Giải quyết vấn đề trước khi xây dựng cam kết. Có cam kết mà không thực hiện đúng còn gây hậu quả tiêu cực cho doanh nghiệp hơn là không có cam kết. Doanh nghiệp sẽ tranh thủ xử lý cơ bản một số vấn đề rồi mới đưa ra cam kết.

Tuyên truyền nội bộ trước. Sẽ là sai lầm nếu công bố cam kết ra bên ngoài mà chưa tuyên truyền nội bộ. Doanh nghiệp cần hướng dẫn thật kỹ cho người lao động và quản lý của mình để hiểu nội dung và cách làm trước.

Trong nhà rồi cũng ra ngoài ngõ. Ngay cả khi doanh nghiệp không chủ động công bố rộng rãi, cam kết chính sách cũng dễ dàng trở thành chủ đề công khai thông qua truyền thông và các tổ chức phi chính phủ. Vì vậy, doanh nghiệp cứ coi như là có công chúng giám sát mình để xây dựng và thực hiện đúng nội dung cam kết.

4. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 8 được chiếu trên SLIDE
- Giảng viên chiếu SLIDE đáp án để so sánh ý kiến phát biểu của các nhóm:
a) Làm; b) Giải quyết vấn đề; c) nội bộ trước; d) cũng ra ngoài ngõ.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 8)

Nhiệm vụ số 1: Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi (thời gian 5 phút thảo luận, 2 phút trình bày/nhóm)

- 1.1 Những căn cứ để xây dựng cam kết là gì để đảm bảo nội dung cam kết phù hợp?
- 1.2 Nếu là yêu cầu của một khách hàng cụ thể đối với doanh nghiệp của bạn, bạn cần tuân thủ trong phạm vi sản xuất và cung ứng cho các đơn hàng của khách hàng đó. Nhưng có đưa vào cam kết chính sách áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp và hệ thống cung ứng hay không? Vì sao?

Nhiệm vụ số 2: (Thời gian thực hiện 5 phút/nhóm, 2 phút trình bày/nhóm)

Trong nội dung “Xây dựng và phổ biến”, sau khi đã xây dựng và phê duyệt, cần phổ biến và công bố cam kết chính sách trong và ngoài doanh nghiệp cho các đối tác phù hợp. Các nhóm hãy cho biết:

- 2.1 Trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng cần cung cấp thông tin cho những đối tượng nào?

.....

.....

.....

- 2.2 Đối với bên ngoài, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin cho những đối tượng nào?

.....

.....

.....

.....

Nhiệm vụ số 3: Thực hành thiết kế một cam kết chính sách về LĐTE của doanh nghiệp. (thời gian thảo luận 10 phút, 2 phút trình bày/nhóm).



TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP TRONG DOANH NGHIỆP NHẪM PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Nêu được các biện pháp “4T” hỗ trợ gia đình trẻ em và đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn của khách hàng; và
- Đề xuất các giải pháp cho tình huống doanh nghiệp tạo sinh kế thay thế cho gia đình lao động trẻ em



Thời gian dự kiến

75 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Nhắc lại một số nội dung: Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE (mục C1); Công cụ đánh giá (phụ lục 5)	Nhóm lớn Thuyết giảng	5'
2	Hành động 3: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp - 4T cần làm ngay; - Hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập đào tạo (hành động 7); - Đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn của khách hàng (phụ lục 7).	Nhóm lớn Thuyết trình	25'
3	Bài tập tình huống: Tạo sinh kế thay thế và cơ hội giáo dục cho lao động trẻ em	Nhóm nhỏ Bài tập tình huống Giấy giao việc	35'
4	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ Giấy giao việc	10'



Tài liệu và giáo cụ

1. Phụ lục 7. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em
2. Bài tập tình huống: Tạo sinh kế thay thế và cơ hội giáo dục cho lao động trẻ em – tình huống và đáp án (TH 20)
3. Giấy giao việc cho nhóm
4. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
5. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
6. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Nhắc lại một số nội dung

- Giảng viên yêu cầu cả lớp nhớ lại một số nội dung trong mục C1 và phụ lục 5 và nêu câu hỏi:

Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE?

Trong phụ lục 5: Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Để đưa ra các kết luận gì?

- Giảng viên tổng hợp nội dung trên SLIDE hoặc phát biểu
- Ba trường hợp khiến doanh nghiệp liên quan đến vi phạm về LĐTE:
- Doanh nghiệp có thể làm phát sinh lao động trẻ em thông qua hành động hoặc quyết định của mình.
 - Doanh nghiệp có thể góp phần làm phát sinh vi phạm về lao động trẻ em qua một mối quan hệ kinh doanh (ví dụ, với nhà cung cấp, khách hàng hoặc chính phủ), hoặc qua tương tác giữa hành động của doanh nghiệp và hành động của các bên khác.
 - Doanh nghiệp không làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh vi phạm, nhưng đối tác có quan hệ kinh doanh với doanh nghiệp vẫn vi phạm về lao động trẻ em, vì vậy vi phạm có liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp.

Phụ lục 5: Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Để đưa ra các kết luận:

- Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong doanh nghiệp; Biện pháp và thời gian khắc phục, người thực hiện
- Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong chuỗi cung ứng; Biện pháp và thời gian khắc phục, người của doanh nghiệp phụ trách đánh giá lại.

2. Hành động 3: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

- Giảng viên phát biểu dẫn dắt:
Nếu doanh nghiệp xác định có hoặc có thể có lao động trẻ em trong doanh nghiệp hay chuỗi cung ứng, bản chất mối liên quan của doanh nghiệp (làm phát sinh, góp phần làm phát sinh hay có liên quan) với hành vi vi phạm sẽ quyết định biện pháp phù hợp cần thực hiện. Nếu doanh nghiệp chưa rõ bản chất mối liên quan của mình, nên quay lại xem ba trường hợp mà doanh nghiệp có thể liên quan đến lao động trẻ em ở (mục C1. Vai trò của doanh nghiệp trong phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE) và công cụ đánh giá ở (Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng)
- Phần dưới đây gợi ý cách xử lý khi vi phạm phát sinh hoặc có thể sẽ phát sinh ngay trong doanh nghiệp.

2.1 “4T” cần làm ngay

- Giảng viên đặt câu hỏi cho cả lớp, mọi người có thể đoán 4T là gì?
- Giảng viên tóm tắt phần trả lời của học viên và giải thích 4T kết hợp với chiếu SLIDE.

Sa thải ngay lập tức lao động trẻ em có thể gây hại nhiều hơn cho gia đình và chính các em. Tuy nhiên, có một số việc doanh nghiệp có thể làm ngay để ngăn ngừa và giảm thiểu vấn đề mà không ảnh hưởng tiêu cực đến các em đang làm việc. Đó là phương pháp “4T”, viết tắt của ba chữ: Tuyển dụng – Tồi tệ – Thời giờ²² – Thông báo”. Phương pháp này tập trung vào bốn yếu tố:



1 Tuyển dụng - Chấm dứt việc tuyển dụng thêm trẻ em

Dừng ngay việc thuê thêm trẻ em thì vấn đề sẽ không trầm trọng thêm. Cần quyết định chấm dứt vĩnh viễn chứ không phải tạm dừng việc tuyển dụng trẻ em. Nếu chấm dứt tuyển dụng lao động chưa thành niên dưới một độ tuổi nào đó là cam kết chính sách của doanh nghiệp thì cũng cần bổ sung ngay nội dung này vào quy trình tuyển dụng để cán bộ nhân sự tuân thủ.

²² Điều chỉnh từ 3 “H” trong tiếng Anh gồm: “Hiring” – tuyển dụng, “Hazards” – nguy hại, và “Hour” – thời giờ.

**2****Tồi tệ - Xóa bỏ lao động trẻ em làm các công việc nguy hiểm, độc hại**

Bố trí cho các em dưới 18 tuổi làm việc khác, nếu các em đang làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại, hoặc làm việc trong điều kiện nguy hại cho các em. Đây là một trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Doanh nghiệp có thể căn cứ vào tiêu chí thứ ba ở phần B4 để xác định loại công việc này. Chú ý là sau khi bố trí lại thì phải giám sát xem các em có bị chuyển dần dần về lại công việc nguy hiểm độc hại cũ hay không.

**3****Thời giờ - Giảm thời gian làm việc về đúng mức quy định theo nhóm tuổi**

Giảm thời gian làm việc để đảm bảo các em không làm quá số giờ Bộ luật Lao động 2019 cho phép theo nhóm tuổi trong những công việc không nguy hiểm độc hại. Doanh nghiệp có thể căn cứ vào tiêu chí thứ nhất ở phần B4 để xác định số giờ này. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần giảm số giờ lao động là các em có điều kiện đến trường học tập đầy đủ.



4 Thông báo – Thông báo ngay cho UBND xã/ phường hoặc đường dây nóng 111

Thông báo ngay cho UBND xã/ phường sở tại hoặc đường dây nóng bảo vệ trẻ em quốc gia 111. Theo Luật trẻ em 2016, trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc độc hại nguy hiểm là một trong 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. UBND cấp xã là đơn vị đầu tiên phải có trách nhiệm tiếp cận và giải quyết. Vì vậy, khi doanh nghiệp chủ động phát hiện ra các trường hợp vi phạm, cần phải báo ngay cho UBND. Trong trường hợp UBND xã không tiếp nhận giải quyết kịp thời thì doanh nghiệp gọi điện cho **Tổng đài bảo vệ trẻ em quốc gia 111**. Nếu người lao động dưới 18 tuổi đang lao động trong doanh nghiệp không thuộc loại công việc nặng nhọc độ hại nguy hiểm, doanh nghiệp cũng có trách nhiệm giải thích động viên để các em chủ động dừng công việc và chuyển sang học văn hóa, học nghề phù hợp với độ tuổi, khả năng phát triển và nhu cầu cuộc sống trước mắt.

Trong trường hợp cha mẹ sử dụng lao động của con cái trong nhà thì cũng áp dụng “4T” đầu tiên, đặc biệt chú ý yếu tố thời giờ làm việc. Nên áp dụng triệt để nguyên tắc là làm việc không được ảnh hưởng đến việc học tập của con em mình.

Phương pháp “4T” cũng cần ghi nhớ khi doanh nghiệp áp dụng và gây ảnh hưởng lên các đối tác kinh doanh trong chuỗi cung ứng ở Hành động 4.

- Giảng viên thuyết trình kết hợp với chiếu slide:

Trong trường hợp cha mẹ sử dụng lao động của con cái trong nhà thì cũng áp dụng “4T”, đặc biệt chú ý yếu tố thời giờ làm việc. Nên áp dụng triệt để nguyên tắc là làm việc không được ảnh hưởng đến việc học tập của con em mình.

Phương pháp “3T” cũng cần được thực hiện khi doanh nghiệp áp dụng và gây ảnh hưởng lên các đối tác kinh doanh trong chuỗi cung ứng

Hộp 4: Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra sự thay đổi trong chuỗi cung ứng

Ảnh hưởng là khả năng tạo ra sự thay đổi của một doanh nghiệp đối với những thực hành sai trái của một bên khác làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em.

Đây là khái niệm trung tâm, đóng vai trò then chốt đối với công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp sử dụng ảnh hưởng với đối tác kinh doanh trực tiếp và bên thứ ba. Nếu doanh nghiệp thấy mình chỉ có ảnh hưởng hạn chế đối với bên thứ ba do không ký hợp đồng trực tiếp hoặc lý do nào đó thì có thể chủ động gia tăng ảnh hưởng thông qua hợp tác với đơn vị khác.

Những hình thức gây ảnh hưởng chính bao gồm:

- **Ảnh hưởng thương mại truyền thống:** là ảnh hưởng qua những hoạt động thông thường trong quan hệ thương mại như ký hợp đồng;
- **Ảnh hưởng kinh doanh mở rộng:** là ảnh hưởng doanh nghiệp tự tạo ra qua những hoạt động không thường xuyên trong quan hệ thương mại như xây dựng năng lực, nâng cao nhận thức;
- **Ảnh hưởng kết hợp với các đối tác kinh doanh:** là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động chung với các doanh nghiệp trong cùng ngành hoặc một vài ngành;
- **Ảnh hưởng qua hợp tác hai bên:** là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hợp tác với một hoặc một vài chủ thể khác như chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế;
- **Ảnh hưởng thông qua hợp tác nhiều bên:** là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động tập thể với tất cả các bên gồm chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế.

2.2. Hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập đào tạo

- Giảng viên đặt câu hỏi cho cả lớp:
 - Khi phát hiện trẻ em dưới độ tuổi lao động trong doanh nghiệp, có nên đuổi ngay trẻ đó ra khỏi doanh nghiệp không? Tại Sao?
 - Có các hình thức/cách hỗ trợ nào cho gia đình trẻ em đó để tạo điều kiện cho lao động trẻ chưa thành niên tham gia học tập đào tạo?

- Giảng viên tổng hợp ý kiến của học viên và tóm tắt những điểm chính trên SLIDE và phát biểu một vài giải pháp gợi ý:

Đây vừa là biện pháp khắc phục tác hại, vừa là biện pháp phòng ngừa lao động trẻ em tái diễn:

Hỗ trợ việc làm cho gia đình: Bố trí cha mẹ, người nhà đã thành niên của trẻ em vào làm các công việc phù hợp trong doanh nghiệp hoặc nhà cung cấp (sử dụng ảnh hưởng để khuyến khích họ nhận) để thay thế thu nhập mà lao động trẻ em mang lại. Khi đó cần thống nhất với gia đình chọn thành viên phù hợp và có thể phải kèm cặp dạy nghề, đổi lại gia đình cho con em họ đến trường.

Hỗ trợ vật chất có điều kiện: Cung cấp cho cha mẹ của trẻ những khoản hỗ trợ, bằng tiền mặt hoặc vật chất, thường là một lần hoặc có giới hạn, ví dụ như viện phí cho người nhà bị tai nạn, ốm đau bất thường khiến gia đình khó khăn phải cho trẻ em bỏ học đi lao động. Kèm theo là các điều kiện có liên quan đến phòng chống lao động trẻ em, ví dụ như phải cho con em họ đi học lại...

Hỗ trợ tín dụng và sinh kế: Có thể hỗ trợ một lần và trực tiếp từ doanh nghiệp như một khoản vốn chăn nuôi hoặc buôn bán nhỏ, nhưng thông thường là kết nối gia đình với các chương trình tín dụng ưu đãi, các chính sách chế độ của Nhà nước, dự án của tổ chức phi chính phủ và tổ chức quốc tế tại địa phương. Những chương trình này cung cấp các khoản vay nhỏ không lãi hoặc lãi suất thấp, thậm chí là vốn cho không ban đầu, kèm theo tập huấn kèm cặp để tổ chức sản xuất kinh doanh giúp tăng thu nhập cho hộ.

Để làm được việc này, doanh nghiệp cần có cơ chế ra quyết định và bố trí nguồn lực phù hợp. Đồng thời, để thực hiện được cũng đòi hỏi cam kết và phối hợp rất chặt chẽ với gia đình các em. Doanh nghiệp cũng cần huy động sự tham gia của cộng đồng, nhà trường và chính quyền địa phương nơi gia đình sinh sống để kết nối cho các em đến trường hoặc đi học nghề, bố trí hỗ trợ gia đình và giám sát họ không cho con em đi làm trở lại trước khi đủ tuổi (xem thêm Hành động 7. Huy động sự tham gia)

2.3. Đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn của khách hàng

- Nói với học viên rằng “Nếu khách hàng yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn cao hơn luật quốc gia và các công ước quốc tế của Việt Nam, doanh nghiệp cần phải đảm bảo đáp ứng”; và “Nếu doanh nghiệp của bạn gặp trường hợp như thế này, nên hỏi rõ khách hàng nội dung các tiêu chuẩn của họ”
- Hỏi học viên đó là các tiêu chuẩn cụ thể nào liên quan đến LĐTE?
- Giảng viên thuyết trình kết hợp với chiếu slide “Tham khảo danh mục kiểm tra ở (Phụ lục 7. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến LĐTE) để nắm vững nhu cầu khách hàng”:

- Tuổi tối thiểu đối với công việc thông thường
 - Tuổi tối thiểu đối với công việc nguy hiểm độc hại và các hình thức lao động “tồi tệ nhất”
 - Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, theo quy định của luật Việt Nam
 - Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, theo quy định của khách hàng (nếu khác luật Việt Nam)
 - Quy định của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em
- **Thuyết giảng:**

Việc đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn luật quốc gia và công ước quốc tế đòi hỏi thời gian để doanh nghiệp bố trí lại công việc hoặc thay thế hoàn toàn lao động dưới 18 tuổi, tìm biện pháp hỗ trợ các em và gia đình và tổ chức lại dần dần cả hệ thống tuyển dụng và sản xuất.

Doanh nghiệp nên thống nhất trước với khách hàng dành một khoảng thời gian cho doanh nghiệp để khắc phục. Nếu có thể doanh nghiệp nên đề nghị khách hàng giúp đỡ hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ quản lý của doanh nghiệp để áp dụng. Và cũng có thể trao đổi để khách hàng xem xét hỗ trợ trực tiếp thêm cho các trường hợp lao động dưới 18 tuổi được bố trí lại công việc.

- **Chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn:**

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp đã áp dụng “3T” ngăn ngừa và giảm thiểu vấn đề lao động trẻ em trong doanh nghiệp chưa?
- ☐ Doanh nghiệp làm thế nào để hỗ trợ gia đình tạo điều kiện cho các em tham gia học tập đào tạo?
- ☐ Doanh nghiệp đã phân công trách nhiệm và quyền hạn phù hợp cho những người phụ trách xử lý vấn đề lao động trẻ em trong doanh nghiệp chưa?
- ☐ Doanh nghiệp đã phân bổ đủ nguồn lực nội bộ để đảm bảo triển khai hiệu quả hay chưa?
- ☐ Doanh nghiệp có nắm vững các yêu cầu của khách hàng về lao động trẻ em không? Nếu cao hơn hoặc khác đi so với quy định pháp luật thì doanh nghiệp làm thế nào để xử lý yêu cầu đó?
- ☐ Doanh nghiệp đã đề nghị khách hàng hỗ trợ chưa?

- Giảng viên trao đổi về:

Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: tạo sinh kế thay thế và cơ hội giáo dục để giải quyết nguyên nhân gốc rễ của lao động trẻ em

Một doanh nghiệp chế biến nông sản có các xưởng thu mua và chế biến tại các vùng nguyên liệu tập trung lớn quyết định sẽ kết nối với các chương trình dự án và chính quyền địa phương để giải quyết tổng thể và toàn diện vấn đề về lao động trẻ em tại những cộng đồng có nguy cơ cao:

Doanh nghiệp phối hợp với các trường và trung tâm giáo dục trong chương trình phổ cập trung học cơ sở của địa phương để bố trí cho các lao động dưới 18 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hoàn thành trình độ phổ cập trong các lớp học tối.

Một số gia đình đặc biệt khó khăn được xác nhận hộ nghèo và kết nối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện để vay khoản vay lãi suất thấp cho hộ nghèo và đặc biệt khó khăn để phát triển sản xuất.

Doanh nghiệp cũng bố trí công việc phù hợp cho một số người nhà của các trẻ em trong xưởng của mình và một số nhà cung cấp có xưởng gần nơi họ sống để kiếm thêm thu nhập.

3. Như vậy, việc làm của doanh nghiệp này đã giải quyết nguyên nhân gốc rễ của LĐTE, vì:

(1) Bố trí việc làm cho một số thành viên trong gia đình của trẻ để thay thế thu nhập mà LĐTE mang lại; (2) Xác định hộ nghèo và kết nối, hỗ trợ tín dụng đã tạo điều kiện để gia đình trẻ em phát triển sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho hộ gia đình; (3) Doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở giáo dục của địa phương để tạo cơ hội học tập cho các em, đảm bảo sự hiệu quả trong thực hiện các giải pháp.

Bài tập hình hướng: Tạo sinh kế thay thế và cơ hội giáo dục cho lao động trẻ em

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thực hiện giấy giao việc (nhiệm vụ số 1): Các nhóm thảo luận và trình bày các câu hỏi trong bài tập tình huống 20. Tổng công ty H&Q.
 - Tổng công ty H&Q đã làm thế nào để hỗ trợ gia đình tạo điều kiện cho các em tham gia học tập?
 - Các hoạt động của tổng công ty H&Q có góp phần làm giảm thiểu lao động trẻ em hay không? Giải thích vì sao?
 - Các hoạt động như tổng công ty H&Q đã làm, các doanh nghiệp còn có thể triển khai thực hiện những biện pháp/hoạt động gì khác để tạo sinh kế thay thế cho gia đình lao động trẻ em?

Thời gian thảo luận nhóm: 15 phút; Thời gian trình bày 3 phút/nhóm

Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 3), giấy A0, băng dính và bút dạ

- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên tổng hợp ý kiến phát biểu của các nhóm trình bày đáp án của bài tập tình huống

4. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 9, có trong giấy giao việc (nhiệm vụ 2)

Điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành nội dung có liên quan đến:

- 4 yếu tố của phương pháp 4T - cần làm ngay
 - Khái niệm về ảnh hưởng
 - Những hình thức gây ảnh hưởng chính:
 - Các hình thức hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập đào tạo
- Thời gian làm bài: 5 phút
 - Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi trực tiếp trên phiếu giao việc
 - Giảng viên chiếu SLIDE đáp án để so sánh ý kiến phát biểu của các nhóm

Bài tập tình huống

Tình huống 20: Tổng công ty H&Q

Tổng công ty H&Q là một doanh nghiệp có trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản có nhiều nhãn hàng với thương hiệu nổi tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế. Trong một báo cáo kết quả thực hiện chính sách của tổng công ty về phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em có đoạn viết: “Năm 2016, tổng công ty đã hỗ trợ 300 bộ ngư cụ cho 300 hộ gia đình thuộc hộ nghèo tại tỉnh An Giang và Hậu Giang với điều kiện các gia đình có cam kết cho con em được đi học; tổng công ty đã phối hợp và hỗ trợ kinh phí để một số trường và trung tâm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và tỉnh Bình Định triển khai tổ chức và hoàn thành 46 khóa học phổ cập trung học cơ sở cho 656 em dưới 18 tuổi; tổng công ty đã phối hợp với tỉnh hội phụ nữ của 4 tỉnh khu vực phía Bắc thí điểm tập huấn kiến thức khởi sự kinh doanh cho 200 phụ nữ thuộc thành phần hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và có con nhỏ dưới 18 tuổi, đồng thời hỗ trợ cho vay vốn quy mô nhỏ không lãi suất trong một năm đầu sản xuất kinh doanh cho các phụ nữ đã hoàn thành khóa tập huấn với tổng số tiền là 900 triệu đồng; ngoài ra tổng công ty còn phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Lào Cai để hỗ trợ sửa sang nâng cấp 12 km đường của một số tuyến đường từ thôn bản lên trường để tạo điều kiện thuận lợi đi lại cho các em nhỏ;...”

Câu hỏi:

1. Theo các anh/chị, tổng công ty H&Q đã làm thế nào để hỗ trợ gia đình tạo điều kiện cho các em tham gia học tập?
2. Theo các anh/chị, các hoạt động của tổng công ty H&Q có góp phần làm giảm thiểu lao động trẻ em hay không? Giải thích vì sao?
3. Theo các anh/chị, ngoài các hoạt động như tổng công ty H&Q đã làm, các doanh nghiệp còn có thể triển khai thực hiện những biện pháp/hoạt động gì khác để tạo sinh kế thay thế cho gia đình lao động trẻ em?



Đáp án bài tập tình huống

Bài tập tình huống 20

1. DN đã làm những việc sau để hỗ trợ gia đình tạo điều kiện cho các em học tập:
 - a) Ban hành và thực thi một chính sách rõ ràng nhằm phòng ngừa và xóa bỏ LĐTE;
 - b) Hỗ trợ vật chất có điều kiện (hỗ trợ ngư cụ) cho các hộ gia đình có cam kết duy trì việc học tập của các em;
 - c) Phối hợp tổ chức phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho các em dưới 18 tuổi trên một số địa bàn;
 - d) Hỗ trợ bổ sung kiến thức và vốn kinh doanh ban đầu nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế của các gia đình phụ nữ khó khăn có con nhỏ;
 - e) Hỗ trợ sửa sang nâng cấp đường, tạo điều kiện thuận lợi cho các em tới trường.
2. Có, vì:
 - Các hộ gia đình khó khăn được hỗ trợ có cơ hội để phát triển kinh tế, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống sẽ giúp các em nhỏ có cơ hội được đến trường thường xuyên;
 - Hoạt động của tổng công ty đã thu hút, thúc đẩy các cấp chính quyền, các tổ chức hội đoàn thể, các cơ quan có liên quan cùng tham gia vào các hoạt động nhằm xóa bỏ LĐTE, tạo cơ hội cho các em được học tập;
 - Các hoạt động của tổng công ty đã tác động nâng cao nhận thức trách nhiệm của các doanh nghiệp, các cơ quan/tổ chức, các hộ gia đình và bản thân các em về phòng ngừa và xóa bỏ LĐTE.
3. Ngoài các hoạt động như tổng công ty H&Q, các doanh nghiệp có thể thực hiện thêm các biện pháp/hoạt động khác như:
 - Hỗ trợ tạo việc làm cho bố mẹ, người nhà đã thành niên của trẻ em vào làm các công việc phù hợp trong doanh nghiệp để thay thế thu nhập mà trẻ em mang lại;
 - Hỗ trợ bằng tiền hoặc vật chất cho các gia đình có khó khăn bất thường (tai nạn, ốm đau,...) để giảm cảnh gia đình khó khăn phải bắt trẻ em nghỉ học đi làm;
 - Hỗ trợ trao học bổng cho trẻ em nghèo để các em có cơ hội học tập khi gia đình không có khả năng đóng học phí;
 - Hỗ trợ nâng cao nhận thức về giới để các trẻ em gái cũng có cơ hội tiếp cận với học tập như các trẻ em trai; ...

Đáp án nhiệm vụ số 2

- 1) 4 yếu tố của phương pháp 4T- cần làm ngay
 - Tuyển dụng: **Chấm dứt việc tuyển dụng trẻ em**
 - Tội tệ: **Xóa bỏ lao động trẻ em làm các công việc nguy hiểm, độc hại**
 - Thời giờ: **Giảm thời gian làm việc về đúng mức quy định theo nhóm tuổi**
 - Thông báo: **Ngay cho UBND xã/ phường sở tại hoặc đường dây nóng bảo vệ trẻ em quốc gia 111**
- 2) Khái niệm về ảnh hưởng
 - Ảnh hưởng là khả năng **tạo ra sự thay đổi** của một doanh nghiệp đối với những thực hành sai trái của một bên khác làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em.
- 3) Những hình thức gây ảnh hưởng chính:
 - Ảnh hưởng **thương mại** truyền thống
 - Ảnh hưởng **kinh doanh** mở rộng
 - Ảnh hưởng kết hợp với **các đối tác** kinh doanh
 - Ảnh hưởng qua hợp tác **hai bên**
 - Ảnh hưởng thông qua hợp tác **nhiều bên**.
- 4) Các hình thức hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập đào tạo, gồm:
 - Hỗ trợ **việc làm** cho gia đình
 - Hỗ trợ **vật chất** có điều kiện
 - Hỗ trợ **tín dụng** và sinh kế.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 9)

Nhiệm vụ số 1: (thời gian 15 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi trong bài tập tình huống 20
- Công cụ: giấy A0, bút dạ, băng dính

Nhiệm vụ số 2: (thời gian thực hiện 5 phút)

Dưới đây là các câu hỏi tổng kết bài học 9. Các nhóm hãy điền vào chỗ trống (...) để hoàn thiện các câu sau:

1) 4 yếu tố của phương pháp 4T- cần làm ngay

- Tuyển dụng
- Tội tệ
- Thời giờ
- Thông báo.....

2) Khái niệm về ảnh hưởng

- Ảnh hưởng là khả năng của một doanh nghiệp đối với những thực hành sai trái của một bên khác làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em.

3) Những hình thức gây ảnh hưởng chính:

- Ảnh hưởng truyền thống
- Ảnh hưởng mở rộng
- Ảnh hưởng kết hợp với các kinh doanh
- Ảnh hưởng qua hợp tác
- Ảnh hưởng thông qua hợp tác

4) Các hình thức hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập đào tạo, gồm:

- Hỗ trợ cho gia đình
- Hỗ trợ có điều kiện
- Hỗ trợ và



KIỂM SOÁT CHUỖI CUNG ỨNG



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Mô tả được các bước kiểm soát chuỗi cung ứng đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em; và
- Thiết kế các bước kiểm soát chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp.



Thời gian dự kiến

90 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1	Hành động 4: Kiểm soát chuỗi cung ứng Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện Hộp 3: Xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng – danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện Hộp 4: Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra sự thay đổi trong chuỗi cung ứng Các câu hỏi hướng dẫn trong kiểm soát chuỗi cung ứng	Thuyết giảng Nhóm nhỏ Giấy giao việc	40'
2	Bài tập tình huống: Cải tiến việc kiểm soát chuỗi cung ứng của doanh nghiệp thu mua nông sản	Nhóm nhỏ Bài tập tình huống Giấy giao việc	45'
3	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Hành động 4. Kiểm soát chuỗi cung ứng
2. Bài tập tình huống: Cải tiến việc kiểm soát chuỗi cung ứng của doanh nghiệp thu mua nông sản- tình huống và đáp án (TH 21,22)
3. Giấy giao việc cho nhóm
4. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
5. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
6. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ

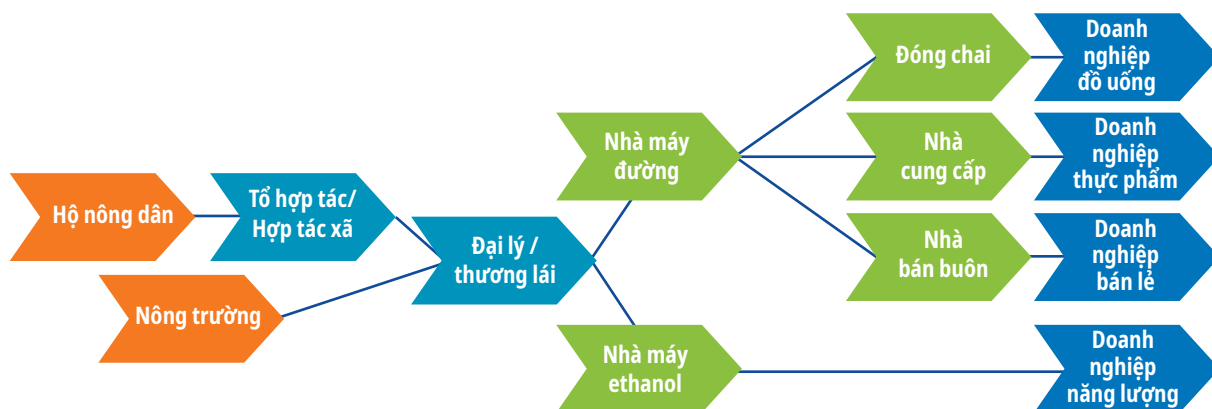


Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hành động 4: Kiểm soát chuỗi cung ứng

- Giảng viên chiếu SLIDE sơ đồ chuỗi cung ứng cho sản phẩm mía đường; và thuyết giảng:

Hình 3. Minh họa vẽ sơ đồ chuỗi cung ứng cho sản phẩm mía đường



- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu

Hộp 3: Xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng- danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Sàng lọc ban đầu đối với nhà cung cấp và đối tác tiềm năng | ☐ |
| 2. Phổ biến cho nhà cung cấp, đối tác cam kết chính sách của doanh nghiệp | ☐ |
| 3. Đưa các quy định vào hợp đồng mua bán, hợp đồng hợp tác | ☐ |
| 4. Hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn | ☐ |
| 5. Giám sát đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất | ☐ |
| 6. Cảnh báo vi phạm | ☐ |
| 7. Loại bỏ nhà cung cấp và đối tác không tuân thủ | ☐ |
| 8. Tổ chức sản xuất tập trung nếu phù hợp | ☐ |

- Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm để làm bài tập trong giấy giao việc (nhiệm vụ số 1). Các nhóm bốc thăm thảo luận 02 câu hỏi ở *Hộp 3. Xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng- danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện*

Thời gian thảo luận: 10 phút/nhóm; Thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm

Công cụ: tài liệu phát tay. Hành động 4. Kiểm soát chuỗi cung ứng; giấy giao việc (nhiệm vụ số 1); giấy A0, băng dính và bút dạ

- Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả
- Giảng viên tổng hợp ý kiến của học viên và chiếu SLIDE thuyết trình đáp án.

(1). **Sàng lọc ban đầu đối với nhà cung cấp và đối tác tiềm năng:** Sàng lọc ban đầu gồm kiểm tra hồ sơ tài liệu, kiểm tra tại chỗ điều kiện lao động và hoạt động thực tế, chỉ ra những vi phạm, nguy cơ và thiếu sót chưa đáp ứng các quy định của luật pháp quốc gia và tiêu chuẩn của doanh nghiệp mua hàng nếu có thể chọn nhà cung cấp, đối tác này. Xem thêm ở (Hành động 5. Giám sát đánh giá, mục 5.2. Nội dung giám sát đánh giá)

(2). **Phổ biến cam kết chính sách của doanh nghiệp:** Nhà cung cấp và đối tác mới cần được phổ biến và hướng dẫn kỹ để nắm được yêu cầu không sử dụng lao động trẻ em. Cần đưa cả văn bản và giải thích bằng lời để họ nhận thức rõ ràng ngay từ đầu. Nội dung phổ biến cần làm rõ:

- Tuổi lao động tối thiểu và các công việc và điều kiện làm việc bị coi là nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo luật quốc gia; các công việc được phép làm và thời giờ làm việc theo các nhóm tuổi thấp hơn 18;

- Yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp mua hàng, nếu cao hơn hoặc khác đi so với luật quốc gia;
- Thống nhất biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm và thiếu sót đã phát hiện qua sàng lọc ban đầu để nâng cao tiêu chuẩn, tuân thủ yêu cầu của doanh nghiệp mua hàng;
- Cách giám sát đánh giá việc tuân thủ;
- Biện pháp xử lý và hậu quả đối với nhà cung cấp và đối tác nếu vi phạm.

Trong trường hợp doanh nghiệp của bạn là bên được đánh giá để trở thành nhà cung cấp, cần làm rõ những nội dung này với khách hàng đang đánh giá và thảo luận với mình.

(3). Đưa các quy định vào hợp đồng mua bán, hợp đồng hợp tác: Cần đưa các nội dung cam kết và biện pháp xử lý nếu vi phạm thành điều khoản hợp đồng. Biện pháp xử lý có thể là chấm dứt hợp đồng, trả tiền phạt, chịu chi phí và trách nhiệm triển khai biện pháp khắc phục... Hầu hết các doanh nghiệp mua hàng đều không chấm dứt hợp đồng ngay mà thống nhất một biện pháp mang tính xây dựng hơn với nhà cung cấp.

(4). Hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn: Có thể lúc đầu nhà cung cấp chưa có nhận thức đúng đắn về lao động trẻ em nên dễ xảy ra vi phạm hoặc nguy cơ vi phạm và có những thiếu sót chưa đáp ứng đúng tiêu chuẩn. Nếu họ có cam kết khắc phục thì doanh nghiệp mua hàng có thể hướng dẫn và hỗ trợ thêm cho nhà cung cấp và đội ngũ quản lý để khắc phục vi phạm và duy trì việc tuân thủ về sau. Cần thống nhất biện pháp và thời gian khắc phục, thời hạn đánh giá lại để được lựa chọn chính thức trở thành nhà cung cấp. Hoạt động này cũng giúp họ nâng cao năng lực quản lý.

Trong trường hợp doanh nghiệp của bạn chính là nhà cung cấp đang được xem xét lựa chọn thì nếu có thể bạn nên chủ động đề nghị khách hàng hướng dẫn hỗ trợ để khắc phục và xây dựng hệ thống đảm bảo tuân thủ về sau.

(5). Giám sát đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất: Có vài cách doanh nghiệp có thể thực hiện giám sát đánh giá đối với nhà cung cấp và sẽ được trình bày kỹ ở (Hành động 5. Giám sát đánh giá, mục 5.1 Phương thức giám sát đánh giá)

(6). Cảnh báo vi phạm: Khi bị phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ, nhà cung cấp cần hiểu rằng doanh nghiệp sẽ xử lý nghiêm nếu để vi phạm diễn ra. Mỗi doanh nghiệp mua hàng có một cách để thực hiện việc này, như giảm lượng đặt hàng toàn bộ năm tới, giảm lượng đặt hàng và cho thời gian khắc phục để đánh giá lại, ngừng đặt hàng một thời gian cho đến khi khắc phục... Thông thường,

khách hàng không loại bỏ nhà cung cấp ngay từ lần đầu tiên phát hiện vi phạm. Cũng có thể doanh nghiệp cần ủng hộ những nhà cung cấp đang gặp khó khăn tạm thời và hợp lý, để họ đáp ứng yêu cầu khắc phục, ví dụ như giãn tiến độ giao hàng hoặc hỗ trợ chi phí cho trẻ học nghề. Nếu bạn ở vị trí của nhà cung cấp bị cảnh báo, hãy thử trao đổi các khó khăn của mình và đề nghị sự giúp đỡ của doanh nghiệp mua hàng.

- (7). Loại bỏ nhà cung cấp và đối tác không tuân thủ: Đây thường là biện pháp cuối cùng, khi nhà cung cấp và đối tác không thực hiện nghiêm túc việc khắc phục, khắc phục không đúng thời hạn, tái diễn nhiều lần. Doanh nghiệp có thể chấm dứt hợp đồng ngay lập tức, chấm dứt hợp đồng và cảnh báo trong ngành, chấm dứt hợp đồng và mọi cơ hội hợp tác về sau, thậm chí là chấm dứt hợp đồng và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm nghiêm trọng.
- (8). Tổ chức sản xuất tập trung (nếu phù hợp): Ở Việt Nam biện pháp này phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thuê gia công qua cơ sở vệ tinh, hay giao nguyên liệu trực tiếp cho hộ để gia công tại nhà, đặc biệt trong các lĩnh vực may mặc, thủ công mỹ nghệ, sơ chế nông sản. Sản xuất phân tán tại hộ gia đình khó giám sát kiểm tra và có nguy cơ sử dụng lao động trẻ em lớn hơn là tập trung tại một điểm.

Khi đánh giá và phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ vi phạm lớn, doanh nghiệp có thể tổ chức sản xuất gia công tập trung tại địa điểm của mình, hoặc yêu cầu các hộ, tổ nhóm tập trung tại một địa điểm trong cộng đồng. Phải kết hợp với giao trách nhiệm cho một đại diện có uy tín của nhóm hộ, đồng thời thống nhất từ đầu với cả nhóm là tất cả các hộ phải liên đới chịu trách nhiệm và hậu quả nếu để vi phạm xảy ra. Doanh nghiệp cũng phải tăng cường giám sát kiểm tra hơn.

Nếu là khách hàng mua của nhà cung cấp này, doanh nghiệp cần sử dụng ảnh hưởng để nhà cung cấp tổ chức lại sản xuất và tăng cường giám sát kiểm tra tại các cơ sở vệ tinh. Có thể kết hợp hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn lại một lần nữa. Tuy nhiên, nếu vi phạm hoặc nguy cơ vẫn tiếp diễn thì có lẽ là lúc nên nghĩ đến việc loại bỏ nhà cung cấp.

- Giảng viên chiếu SLIDE đồng thời giải thích Hộp 4. Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra sự thay đổi trong chuỗi cung ứng:

Hộp 4: Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra sự thay đổi trong chuỗi cung ứng

Ảnh hưởng là khả năng tạo ra sự thay đổi của một doanh nghiệp đối với những thực hành sai trái của một bên khác làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em.

Đây là khái niệm trung tâm, đóng vai trò then chốt đối với công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp sử dụng ảnh hưởng với đối tác kinh doanh trực tiếp và bên thứ ba. Nếu doanh nghiệp thấy mình chỉ có ảnh hưởng hạn chế đối với bên thứ ba do không ký hợp đồng trực tiếp hoặc lý do nào đó thì có thể chủ động gia tăng ảnh hưởng thông qua hợp tác với đơn vị khác.

Những hình thức gây ảnh hưởng chính bao gồm:

Ảnh hưởng thương mại truyền thống: là ảnh hưởng qua những hoạt động thông thường trong quan hệ thương mại như ký hợp đồng;

Ảnh hưởng kinh doanh mở rộng: là ảnh hưởng doanh nghiệp tự tạo ra qua những hoạt động không thường xuyên trong quan hệ thương mại như xây dựng năng lực, nâng cao nhận thức;

Ảnh hưởng kết hợp với các đối tác kinh doanh: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động chung với các doanh nghiệp trong cùng ngành hoặc một vài ngành;

Ảnh hưởng qua hợp tác hai bên: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hợp tác với một hoặc một vài chủ thể khác như chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế;

Ảnh hưởng thông qua hợp tác nhiều bên: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động tập thể với tất cả các bên gồm chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế;

- Giảng viên chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn trong kiểm soát chuỗi cung ứng

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp đã áp dụng biện pháp nào để kiểm soát chuỗi cung ứng không sử dụng lao động trẻ em? Có giao trách nhiệm và quyền hạn cụ thể hay chưa?
- ☐ Doanh nghiệp đã thực hiện biện pháp nào nhằm gây ảnh hưởng khiến nhà cung cấp và đối tác kinh doanh phải tuân thủ các yêu cầu về lao động trẻ em và khắc phục hậu quả khi vi phạm?
Làm thế nào để doanh nghiệp biết các biện pháp nhà cung cấp thực hiện có hiệu quả và đem lại lợi ích tốt nhất cho những trẻ em liên quan?
- ☐ Làm thế nào để doanh nghiệp đảm bảo rằng vi phạm không tái diễn trong tương lai trong chuỗi cung ứng?

- Giảng viên trao đổi về:

Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: xây dựng năng lực cho hộ nông dân và liên kết trực tiếp

Doanh nghiệp thu mua nông sản đã triển khai hệ thống tư vấn nông hộ giúp họ đáp ứng các yêu cầu mua hàng của mình, trong đó có tiêu chuẩn về lao động trẻ em. Các tư vấn viên của doanh nghiệp cũng hỗ trợ hộ phân tích chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản nhằm đảm bảo thu nhập cao hơn cho hộ nông dân, qua đó giảm nhu cầu sử dụng lao động trẻ em của họ.

Doanh nghiệp cũng đã đi đến một quyết định mang tính chiến lược là liên kết trực tiếp nhiều hơn với nông hộ, giảm số lượng mua qua thương lái, đại lý thu mua. Đây gọi là lồng ghép chuỗi cung ứng theo chiều dọc. Phòng mua hàng chịu trách nhiệm trực tiếp xử lý vi phạm về lao động trẻ em nếu xảy ra tại vùng nguyên liệu, giảm thiểu khả năng nông dân tiếp nhận nhiều thông tin trái chiều từ các nguồn khác nhau.

2. Bài tập tình huống: Cải tiến việc kiểm soát chuỗi cung ứng của doanh nghiệp

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thực hiện giấy giao việc (nhiệm vụ số 2):
Các nhóm thảo luận và trình bày các câu hỏi trong Tình huống 21. Tổng công ty TNHH một thành viên HLC.
 - Những khó khăn trong việc kiểm soát chuỗi cung ứng là gì?
 - Tổng công ty TNHH một thành viên HLC cần bổ sung thêm những hoạt động cụ thể nào để việc kiểm soát chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn?

Thời gian thảo luận: 20 phút; Thời gian trình bày 3 phút/nhóm

Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 2), giấy A0, băng dính và bút dạ

- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên tổng hợp ý kiến phát biểu của các nhóm và trình bày SLIDE đáp án của bài tập tình huống.

3. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 10 được chiếu trên SLIDE
- Điền vào chỗ trống (...) để hoàn thiện danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện để xóa bỏ LĐTE trong chuỗi cung ứng được nêu trong “Hộp 3”
 - (1).....ban đầu với nhà cung cấp và đối tác tiềm năng
 - (2).....cho nhà cung cấp, đối tác cam kết chính sách của doanh nghiệp
 - (3).....các quy định vào hợp đồng mua bán, hợp đồng hợp tác
 - (4).....hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn
 - (5).....đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất
 - (6).....vi phạm
 - (7).....nhà cung cấp và đối tác không tuân thủ
 - (8) sản xuất tập trung nếu phù hợp.
- Giảng viên chiếu SLIDE đáp án tổng kết bài học 10 để so sánh kết quả của các nhóm
 - (1) Sàng lọc; (2) Phổ biến; (3) Đưa; (4) Hướng dẫn;
 - (5) Giám sát; (6) Cảnh báo; (7) Loại bỏ; (8) Tổ chức.

Bài tập tình huống

(Sản phẩm nông sản)

Tình huống 21: Tổng công ty TNHH một thành viên ABC

Công ty TNHH một thành viên ABC tại Biên Hòa – Đồng Nai là một doanh nghiệp chuyên sản xuất chế biến và xuất khẩu các loại sản phẩm hạt điều và hồ tiêu. Công ty có 156 công nhân làm việc trực tiếp thường xuyên tại nhà máy. Ngoài ra, công ty còn hợp tác với các đơn vị vệ tinh để thu mua nguyên liệu, sản xuất và gia công sản phẩm cho công ty trên các địa bàn thuộc tỉnh Bình Phước, Đắk Lắk và Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty đã có thời gian hoạt động 25 năm và 85% sản phẩm là xuất khẩu sang Nhật, Mỹ và các nước châu Âu. Do vậy, công ty đã sớm nhận thức vấn đề lao động trẻ em, công ty đã ban hành chính sách áp dụng cho công ty và chuỗi cung ứng hàng chục năm nay đồng thời thường xuyên duy trì các hoạt động kiểm soát cụ thể như sau:

- Yêu cầu các đơn vị cung ứng (trồng, thu hoạch và cung ứng hạt điều và hồ tiêu thô), các đơn vị vệ tinh gia công (tham gia vận chuyển, chế biến sản phẩm hạt điều và hồ tiêu), cam kết phổ biến và thực hiện chính sách về lao động trẻ em;
- Thành lập bộ phận giám sát tuân thủ các tiêu chuẩn lao động, trong đó có lao động trẻ em, đảm bảo giám sát tới các nhóm hộ thuộc khu vực trồng nguyên liệu, đặc biệt là thời gian thu hoạch nông sản (nguyên liệu) 1 lần/tháng theo định kỳ hoặc đột suất, báo cáo về công ty theo định kỳ 1 lần/tháng;
- Tập huấn cho toàn bộ cán bộ giám sát và các trưởng nhóm thu mua nguyên vật liệu tại các tỉnh, các đơn vị vệ tinh, chuỗi cung ứng về tuân thủ thực hiện chính sách liên quan đến lao động trẻ em;
- Công ty cung cấp địa chỉ toàn bộ các đơn vị cung ứng và gia công cho các khách hàng để đáp ứng nhu cầu kiểm tra độc lập của các khách hàng;
- Công ty cũng liên hệ với chính quyền địa phương nơi có các nhóm/hộ gia đình tham gia chuỗi cung ứng và sản xuất hàng cho công ty về việc tuân thủ chính sách đồng thời yêu cầu địa phương hỗ trợ giám sát;

Câu hỏi:

1. Theo các anh/chị, những vấn đề khó khăn trong việc kiểm soát chuỗi cung ứng là gì?
2. Theo các anh/chị, công ty TNHH một thành viên ABC cần bổ sung thêm những hoạt động cụ thể nào, để việc kiểm soát chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn?

Bài tập tình huống

(Sản phẩm thủ công mỹ nghệ)

Tình huống 22: Tổng công ty TNHH một thành viên HLC

Công ty TNHH một thành viên HLC tại Thường Tín – Hà Nội là một doanh nghiệp chuyên sản xuất và xuất khẩu các loại sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Công ty có 156 công nhân làm việc trực tiếp thường xuyên tại xưởng. Ngoài ra, công ty còn hợp tác với các đơn vị vệ tinh để sản xuất, gia công sản phẩm cho công ty trên các địa bàn thuộc tỉnh Hà Nam, Thái Bình và Ninh Bình với quy mô hàng nghìn hộ dân tham gia theo các đầu mối vệ tinh. Công ty đã có thời gian hoạt động 25 năm và 85% sản phẩm là xuất khẩu sang Nhật, Mỹ và các nước châu Âu. Do vậy, công ty đã sớm nhận thức vấn đề lao động trẻ em, công ty đã ban hành chính sách áp dụng cho công ty và chuỗi cung ứng hàng chục năm nay đồng thời thường xuyên duy trì các hoạt động kiểm soát cụ thể như sau:

- Yêu cầu các đơn vị cung ứng, các đơn vị vệ tinh gia công, cam kết phổ biến và thực hiện chính sách về lao động trẻ em;
- Thành lập bộ phận giám sát tuân thủ các tiêu chuẩn lao động, trong đó có lao động trẻ em, đảm bảo giám sát tới các nhóm/các hộ 1 lần/tháng theo định kỳ hoặc đột suất, báo cáo về công ty theo định kỳ 1 lần/tháng;
- Tập huấn cho toàn bộ cán bộ giám sát và các trưởng nhóm thu mua nguyên vật liệu/trưởng nhóm gia công sản phẩm trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng về tuân thủ thực hiện chính sách liên quan đến lao động trẻ em;
- Công ty cung cấp địa chỉ toàn bộ các đơn vị cung ứng và gia công (trong chuỗi sản phẩm của công ty) cho các khách hàng nước ngoài để đáp ứng nhu cầu kiểm tra độc lập của các khách hàng;
- Công ty cũng liên hệ và thông báo với chính quyền địa phương nơi có các nhóm/hộ gia đình tham gia chuỗi cung ứng và sản xuất hàng cho công ty về việc tuân thủ chính sách đồng thời yêu cầu địa phương hỗ trợ giám sát;

Câu hỏi:

1. Theo các anh/chị, những vấn đề khó khăn trong việc kiểm soát chuỗi cung ứng là gì?
2. Theo các anh/chị, công ty TNHH một thành viên HLC cần bổ sung thêm những hoạt động cụ thể nào, để việc kiểm soát chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn?

Đáp án bài tập tình huống

Đáp án tình huống 21: Tổng công ty TNHH một thành viên ABC

Những khó khăn trong việc kiểm soát chuỗi cung ứng là:

Thứ nhất: số lượng các tổ chức/cá nhân trồng, cung ứng nguyên liệu/gia công sản phẩm hàng hóa rộng và không tập trung (họ ở phân tán trong các thôn/bản);

Thứ hai: quan hệ lao động giữa người chủ và người làm công tại các tổ chức/cá nhân trồng, cung ứng nguyên liệu/gia công sản phẩm hàng hóa là quan hệ phi chính thức;

Thứ ba: người làm công cho các cơ sở trồng, cung ứng/gia công sản phẩm hàng hóa lại thường không tập trung tại địa điểm của các cơ sở này, hơn nữa họ có thể làm không thường xuyên các ngày trong tuần, trong tháng;

Thứ tư: các tổ chức/cá nhân trồng, cung ứng/gia công sản phẩm hàng hóa cho công ty cũng không hẳn là các đơn vị ổn định, họ có thể thay đổi bất cứ lúc nào, vì thế khó có sự cam kết bền vững;

Thứ năm: lao động làm công cho các tổ chức/cá nhân thuộc chuỗi cung ứng nhiều khi lại không phải là người bản địa, nên khó xác định về độ tuổi lao động;

.....

Để các hoạt động kiểm soát đạt hiệu quả tốt hơn, công ty TNHH ABC có thể bổ sung thêm các hoạt động như:

Lập sơ đồ các khu vực trồng nông sản (trồng điều, hồ tiêu) của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung ứng nguyên liệu cho công ty, để thuận lợi hơn cho quá trình giám sát, kiểm tra;

Đưa các quy định vào điều khoản hợp đồng mua bán nguyên liệu (nông sản), hợp đồng hợp tác sản xuất gia công chế biến hàng hóa;

Yêu cầu các tổ chức/cá nhân trong chuỗi cung ứng cung cấp danh sách, hồ sơ lao động của người lao động hàng tháng;

Loại bỏ nhà cung cấp/đối tác gia công không tuân thủ;

Tổ chức trồng thành vùng nguyên liệu tập trung nếu có thể.

.....

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 10)

Nhiệm vụ số 1: (thời gian 10 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Các nhóm bốc thăm thảo luận 2 câu hỏi trong “Hộp 3: Xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng- danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện” Sách hướng dẫn DN trang 29, cụ thể:
- Công cụ: Giấy A0, bút dạ
- Nội dung câu hỏi:
 1. Sàng lọc ban đầu đối với nhà cung cấp và đối tác tiềm năng gồm những nội dung/công việc gì? và làm như thế nào?
 2. Phổ biến cam kết chính sách của doanh nghiệp cho nhà cung cấp và đối tác mới về những nội dung gì? và bằng cách nào?
 3. Nên đưa các quy định nào vào hợp đồng mua bán, hợp đồng hợp tác?
 4. Hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn trong trường hợp nào? Nếu thực hiện việc hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn với nhà cung cấp thì cần thống nhất với họ những gì?
 5. Bạn hãy đưa ra các cách có thể thực hiện để giám sát đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với nhà cung cấp là gì?
 6. Bạn hãy nêu các cách có thể sử dụng để cảnh báo vi phạm, khi bị phát hiện vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm?
 7. Bạn loại bỏ nhà cung cấp và đối tác không tuân thủ trong những trường hợp nào?
 8. Bạn sẽ tổ chức sản xuất tập trung trong những trường hợp nào mà bạn cho là phù hợp? Làm thế nào để có thể tổ chức sản xuất tập trung đạt kết quả?

Nhiệm vụ số 2: (thời gian 20 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi trong bài tập tình huống
- Công cụ: Giấy A0, bút dạ



GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được nội dung, phạm vi và phương thức giám sát công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng; và
- Phân tích hệ thống giám sát đánh giá của doanh nghiệp cụ thể.



Thời gian dự kiến

90 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hành động 5: Giám sát đánh giá Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện Phương thức, nội dung, phạm vi giám sát đánh giá Các câu hỏi hướng dẫn trong giám sát đánh giá	Thuyết giảng Nhóm nhỏ Giấy giao việc	35'
2.	Bài tập tình huống: Hệ thống giám sát đánh giá của doanh nghiệp có mỹ nghệ xuất khẩu và dịch vụ du lịch	Nhóm nhỏ Bài tập tình huống Giấy giao việc	50'
3.	Tổng kết bài học	Nhóm nhỏ	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Hành động 5. Giám sát đánh giá
2. Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

3. Bài tập tình huống: Hệ thống giám sát đánh giá của doanh nghiệp có mỹ nghệ xuất khẩu và dịch vụ du lịch – 2 tình huống và bộ đáp án (TH 23, 24)
4. Giấy giao việc cho nhóm
5. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
6. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
7. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hành động 5: Giám sát đánh giá

- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu mục tiêu và những nội dung chính có trong hành động 5: Giám sát đánh giá
 - Phương thức giám sát đánh giá
 - Nội dung giám sát đánh giá
 - Phạm vi giám sát đánh giá
 - Các câu hỏi hướng dẫn trong giám sát đánh giá.
- Giảng viên thuyết giảng kết hợp với chiếu SLIDE mục tiêu kép của giám sát đánh giá và khái niệm giám sát đánh giá

Giám sát đánh giá trong vấn đề lao động trẻ em có mục tiêu kép: i) kiểm chứng xem trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng có lao động trẻ em hay không và đến mức độ nào để củng cố biện pháp phòng ngừa và nâng cao hiệu quả của biện pháp khắc phục; và ii) chứng minh cho bên ngoài thấy doanh nghiệp không vi phạm về lao động trẻ em hoặc đang cải thiện vấn đề này.

Một cuộc đánh giá đơn lẻ thì gọi là đánh giá hoặc kiểm toán xã hội. Một loạt các cuộc đánh giá liên tục lặp đi lặp lại thì gọi là giám sát. Trong tài liệu này ta coi là “giám sát đánh giá” và “giám sát” có nghĩa như nhau. Để đạt mục tiêu, doanh nghiệp cần tổ chức giám sát đánh giá một cách liên tục và có hệ thống.

- Giảng viên chia lớp thành 5 nhóm nhỏ để làm bài tập trong giấy giao việc - bài 11 (nhiệm vụ số 1), cụ thể mỗi nhóm bốc thăm để trả lời một trong năm câu hỏi:
- (1) Hãy nêu các phương thức/cách giám sát đánh giá và giải thích từng phương thức? Nêu cách áp dụng?

- (2) Hãy nêu các nội dung một cuộc giám sát đánh giá trong doanh nghiệp hay chuỗi cung ứng cần phải thực hiện? Cần lưu ý gì khi thực hiện các nội dung này?
 - (3) Những phạm vi có thể thực hiện trong giám sát đánh giá là gì? Hãy trình bày về các nội dung trong mục “Giám sát đánh giá trong doanh nghiệp”?
 - (4) Những phạm vi có thể thực hiện trong giám sát đánh giá là gì? Hãy trình bày những nội dung trong mục “Giám sát đánh giá trong chuỗi cung ứng”
 - (5) Hãy trình bày tóm tắt “Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: giám sát đánh giá từ các điểm tập kết hàng hóa gia công và nhóm sở thích?
- Thời gian thảo luận: 10 phút/nhóm; Thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm
 - Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 1); tài liệu Hoạt động 5. Giám sát đánh giá; giấy A0, băng dính và bút dạ
 - Các nhóm bốc thăm 01 câu hỏi, thảo luận và trình bày kết quả
 - Giảng viên tổng hợp ý kiến của học viên, chiếu SLIDE kết hợp với thuyết giảng kết luận về các nội dung sau phần trình bày của mỗi nhóm

Phương thức giám sát đánh giá

Có nhiều phương thức giám sát: giám sát nội bộ, giám sát của khách hàng, giám sát bên ngoài và giám sát độc lập.

Giám sát nội bộ, còn gọi là giám sát bên thứ nhất, là quá trình chính người của doanh nghiệp tiến hành giám sát đánh giá. Đó có thể là kiểm toán nội bộ, giám sát vệ sinh an lao động, cán bộ quan hệ lao động hoặc tiêu chuẩn lao động và môi trường (SEA), cán bộ nhân sự, cán bộ mua hàng, công đoàn cơ sở, khảo sát người lao động. Chúng ta đã nói về cơ chế khiếu nại trong Hành động 1. Cơ chế này cũng có thể sử dụng trong giám sát nội bộ.

Giám sát của khách hàng, còn gọi là giám sát bên thứ hai, là quá trình khách hàng giám sát nhà cung cấp của mình. Cách này được cả doanh nghiệp đa quốc gia sử dụng trong giám sát doanh nghiệp sản xuất thành phẩm ở các nước để cung cấp cho mình, doanh nghiệp sản xuất giám sát nhà cung cấp linh kiện, nguyên vật liệu, dịch vụ, và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước giám sát các đơn vị gia công, thầu phụ, cung cấp nguyên vật liệu.

Giám sát bên ngoài là giám sát bên thứ ba. Đây là quá trình tổ chức hoặc chuyên gia bên ngoài do doanh nghiệp thuê tiến hành giám sát đánh giá. Bên giám sát bên ngoài thường là những công ty kiểm toán, công ty đánh giá, tổ chức chuyên môn có uy tín, hoặc nhóm chuyên gia có uy tín và chuyên môn phù hợp.

Giám sát độc lập cũng là giám sát bên thứ ba giống như giám sát bên ngoài nhưng bên tiến hành giám sát đánh giá không được doanh nghiệp trả tiền thuê. Bên giám sát độc lập thường là tổ chức phi chính phủ hoặc hiệp hội doanh nghiệp, họ có thể sử dụng cán bộ có chuyên môn, thuê chuyên gia hoặc kết hợp cả hai.

Cả bốn phương thức đều có thể thực hiện với cả giám sát đánh giá trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp thường linh hoạt chọn một hay kết hợp một vài phương thức tùy theo nguồn lực, đối tượng, nhu cầu và mục đích của mình cũng như thời điểm, quy mô và tính chất phức tạp của vấn đề.

Nội dung giám sát đánh giá

Một cuộc giám sát đánh giá trong doanh nghiệp hay chuỗi cung ứng đều bao gồm các nội dung sau:

- Kiểm tra hồ sơ tài liệu liên quan, như cam kết chính sách hoặc quy tắc ứng xử, hồ sơ nhân sự và bản chấm công của người lao động;
- Kiểm tra tại chỗ, cả báo trước và đột xuất;
- Phỏng vấn quản lý và người lao động, trong đó có người dưới 18 tuổi, công đoàn;
- Một số trường hợp phỏng vấn thêm các bên khác như gia đình của trẻ, tổ chức phi chính phủ, đại diện cộng đồng có liên quan;
- Chỉ ra các vi phạm và nguy cơ vi phạm;
- Thống nhất biện pháp và thời gian khắc phục;
- Dự kiến thời gian giám sát đánh giá lại.

Doanh nghiệp có thể tham khảo một công cụ đơn giản thể hiện các nội dung giám sát đánh giá trong Phụ lục 4. Cần sử dụng các chỉ số định tính và định lượng phù hợp để đo lường hiệu quả phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em. Ngoài các chỉ số định lượng đã thể hiện, nội dung định tính có thể tập trung vào các nguyên nhân khiến các em lao động sớm và khả năng khắc phục, ví dụ như hoàn cảnh và thu nhập của gia đình, cơ hội giáo dục và học nghề tại chỗ... để có thể đề ra và tiếp tục cải thiện các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu. Để làm được việc này, cần giao trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng cho người phụ trách đánh giá.

Phạm vi giám sát đánh giá

Giám sát đánh giá về lao động trẻ em cần thực hiện cả trong doanh nghiệp và hệ thống cung ứng. Nếu có điều kiện, doanh nghiệp có thể ủng hộ và tham gia một dự án có nội dung giám sát cộng đồng nhằm hướng tới xóa bỏ lao động trẻ em trong xã hội, chứ không phải chỉ trong hệ thống hoặc ngành kinh doanh của mình, ví dụ như Dự án ENHANCE của ILO ở Việt Nam²³.

Giám sát đánh giá trong doanh nghiệp

Lồng ghép vào các hệ thống giám sát vận hành thường xuyên: Doanh nghiệp thường có nhiều hệ thống giám sát vận hành thường xuyên như kiểm toán nội bộ, kiểm toán mua hàng, giám sát vệ sinh an toàn lao động, giám sát sản xuất, giám sát quan hệ lao động phối hợp với công đoàn, khảo sát người lao động hoặc các bên liên quan độc lập. Giám sát đánh giá về lao động trẻ em trong doanh nghiệp có thể lồng ghép vào một vài hệ thống phù hợp. Cần đảm bảo phổ biến, hướng dẫn và tập huấn đầy đủ cho các cán bộ phụ trách về các cam kết chính sách của doanh nghiệp, phương thức và công cụ giám sát đánh giá, giao nhiệm vụ và quyền hạn chính thức để họ có thể triển khai hiệu quả. Lý tưởng là những cán bộ này được tham gia từ khi xây dựng cam kết chính sách của doanh nghiệp về lao động trẻ em.

Cơ chế khiếu nại: Hiếm có doanh nghiệp nào bố trí cán bộ giám sát toàn thời gian về lao động trẻ em tại nơi làm việc. Chính những người có mặt thường xuyên tại nơi sản xuất như công nhân, tổ trưởng, quản lý các bộ phận sản xuất là người biết rõ nhất tình hình. Nếu được trang bị kiến thức đúng họ có thể phát hiện và phản ánh các nguy cơ và vi phạm về lao động trẻ em tại nơi làm việc. Doanh nghiệp cần có một cơ chế khiếu nại phù hợp để huy động nguồn thông tin này cho giám sát đánh giá và cả đề ra biện pháp khắc phục, ví dụ như qua các tổ công đoàn, các cuộc họp quản lý – công nhân...

Kết hợp các phương thức giám sát khi cần: Giám sát thường xuyên trong doanh nghiệp sử dụng giám sát nội bộ là chủ yếu. Tuy nhiên, tùy mục tiêu và thời điểm cụ thể bạn có thể áp dụng thêm các phương thức khác cho hiệu quả.

Ví dụ, khi đánh giá lần đầu về tình hình lao động trẻ em, doanh nghiệp có thể thuê giám sát bên ngoài để nhận định chính xác bức tranh toàn cảnh. Họ cũng có chuyên môn về lao động trẻ em tốt hơn doanh nghiệp và có thể nâng cao năng lực cho cán bộ của doanh nghiệp khi phối hợp làm việc chung. Nếu doanh nghiệp

²³ https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Projects/WCMS_428372/lang--vi/index.htm

tham gia vào một dự án phát triển, bạn có thể tranh thủ giám sát độc lập của dự án đó, thường là vào đầu, giữa và cuối dự án để đánh giá tình hình ban đầu và đo lường hiệu quả các biện pháp triển khai sau một thời gian. Đánh giá độc lập của một dự án uy tín hoặc đánh giá bên ngoài của công ty và nhóm chuyên gia có uy tín cũng có độ tin cậy rất cao đối với khách hàng tiềm năng, người tiêu dùng và truyền thông.

Đương nhiên là doanh nghiệp phải tiếp nhận giám sát của khách hàng đối với cả hoạt động trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng của mình. Kết quả giám sát của khách hàng rất có ích cho doanh nghiệp để liên tục cải thiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục của mình.

Giám sát đánh giá trong chuỗi cung ứng

Phương thức giám sát đánh giá trong chuỗi cung ứng: Đây là hoạt động giám sát đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với nhà cung cấp và đối tác kinh doanh của doanh nghiệp. Có nhiều cách thực hiện như cử cán bộ phụ trách tiêu chuẩn lao động và môi trường (SEA) giám sát, huấn luyện cán bộ mua hàng trực tiếp giám sát, phối hợp giữa cán bộ tiêu chuẩn lao động và cán bộ mua hàng, thuê giám sát bên ngoài hoặc dựa vào giám sát độc lập của hiệp hội doanh nghiệp, chương trình dự án hoặc tổ chức phi chính phủ tại địa phương. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thường sử dụng giám sát nội bộ còn các doanh nghiệp lớn, có số lượng nhà cung cấp lớn thì thường kết hợp cả giám sát nội bộ và giám sát bên ngoài. Tất nhiên là trong mọi trường hợp, khách hàng của doanh nghiệp cũng có thể tiến hành giám sát đánh giá đối với nhà cung cấp của doanh nghiệp.

Một số vấn đề thường gặp khi giám sát đánh giá chuỗi cung ứng là:

- Khó xác định tuổi thật của trẻ
- Hồ sơ tài liệu không chính xác
- Khả năng trẻ bị giấu đi hoặc tạm thời chuyển chỗ làm việc trong thời gian giám sát đánh giá

Để tránh những vấn đề này, ngoài giám sát đánh giá định kỳ và có báo trước, nên kết hợp kiểm tra đột xuất và kiểm tra tất cả các xưởng, địa điểm làm việc của nhà cung cấp. Khi tiếp xúc với trẻ và gia đình nên hỏi tuổi âm lịch để so sánh với tuổi ghi trong hồ sơ, kết hợp quan sát và các kỹ thuật khác.

- Giảng viên chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn cho hoạt động GSĐG

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp đang sử dụng phương thức và hệ thống nào để giám sát hiệu quả phòng chống lao động trẻ em trong doanh nghiệp? Trong chuỗi cung ứng?
- ☐ Nội dung giám sát có đầy đủ và dựa vào các chỉ số định lượng và định tính phù hợp để đánh giá hiện trạng, nguyên nhân và đề ra giải pháp hay không?
- ☐ Hoạt động giám sát có thu được thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài doanh nghiệp, và từ các trẻ em bị ảnh hưởng hay không?
- ☐ Kết quả giám sát đánh giá có được sử dụng để đề ra và thúc đẩy các biện pháp cải thiện liên tục hay không? Bằng cách nào?
- ☐ Doanh nghiệp có vận dụng cơ chế khiếu nại hiệu quả giúp hỗ trợ phát hiện và giải quyết các trường hợp lao động trẻ em tại nơi làm việc hay không?

- Giảng viên trao đổi về

Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: giám sát đánh giá từ các điểm tập kết hàng gia công và nhóm sở thích

Công ty TNHH một thành viên ABC là một doanh nghiệp quy mô vừa có uy tín chuyên sản xuất và xuất khẩu sản phẩm cói mỹ nghệ ở Ninh Bình. Ngoài số công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng, doanh nghiệp hợp tác gia công đơn sản phẩm cói mỹ nghệ với khoảng 1.000 hộ dân của hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Nga Sơn (Thanh Hóa). Để đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em theo đúng chính sách của doanh nghiệp, đáp ứng quy định pháp luật Việt Nam cũng như yêu cầu của khách hàng Mỹ, Nhật Bản và châu Âu, doanh nghiệp đã áp dụng một hệ thống giám sát đánh giá lồng ghép chặt chẽ với hệ thống quản lý gia công như sau:

Tổ chức 10 điểm tập kết hàng gia công, mỗi điểm có 2 cán bộ giám sát, đồng thời là cán bộ kiểm định chất lượng thành phẩm và xuất cói nguyên liệu;

Tổ chức hơn 1.000 hộ dân thành 100 nhóm sở thích, trung bình mỗi nhóm có 10 hộ dân và cử ra một trưởng nhóm có uy tín và tay nghề tốt;

Cứ 10 nhóm sẽ nhận cói nguyên liệu và giao thành phẩm đơn cho một điểm tập kết, cứ 5 nhóm với khoảng 50 hộ dân sẽ do một cán bộ giám sát phụ trách;

Tập huấn toàn bộ cán bộ giám sát và trưởng nhóm về tuân thủ các tiêu chuẩn lao động, trong đó có lao động trẻ em, cũng như giám sát chất lượng;

Trưởng nhóm hướng dẫn lại cho hộ thành viên và chịu trách nhiệm giám sát tiến độ, chất lượng cũng như việc tuân thủ yêu cầu không sử dụng lao động trẻ em trong nhóm, báo cáo cho cán bộ giám sát phụ trách nhóm. Ngoài ra, nhóm cử ra thư ký để phụ trách ghi chép danh sách lao động, biên bản các cuộc họp nhóm hàng tháng và sổ sách xuất nhập nguyên liệu sản phẩm cho các hộ;

Cán bộ giám sát đảm bảo mỗi hộ được kiểm tra ít nhất 1 lần/ tháng, giám sát mỗi nhóm ít nhất 2 lần/ tháng, bằng cả hai hình thức định kỳ và đột xuất;

Việc kiểm tra chéo được tiến hành hàng tháng. Hai cán bộ giám sát cùng một điểm sẽ kiểm tra chéo nhóm và hộ dân của nhau. Tương tự giữa các điểm sẽ luân chuyển ngẫu nhiên để kiểm tra đột xuất với nhóm và hộ của điểm khác;

Cán bộ giám sát báo cáo về công ty kết quả giám sát hàng tháng trong vùng của mình cũng như vùng của điểm tập kết khác, và phải cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả;

Đại diện công ty kiểm tra đột xuất mỗi quý một lần theo mẫu ngẫu nhiên lấy từ danh sách nhóm sở thích và hộ gia công của các điểm tập kết;

Các hộ gia công tự nguyện tham gia nhóm sở thích theo tiêu chí và quy định của nhóm, đăng ký danh sách với UBND xã và được UBND xã xác nhận.

2. Bài tập tình huống: Hệ thống giám sát đánh giá của doanh nghiệp có mỹ nghệ xuất khẩu và dịch vụ du lịch

- Giảng viên yêu cầu các nhóm thực hiện giấy giao việc (nhiệm vụ số 2): Các nhóm bốc thăm để thảo luận và trả lời các câu hỏi trong bài tập tình huống, mỗi bài tập tình huống có hai nhóm thực hiện

Tình huống 22. Công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng

- Những vấn đề khó khăn thường gặp trong việc giám sát đánh giá chuỗi cung ứng là gì?
- Công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng cần bổ sung thêm những hoạt động cụ thể nào, để việc giám sát đánh giá chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn?

Tình huống 23. Công ty cổ phần Hồng Sơn

- Doanh nghiệp đang sử dụng phương thức và hệ thống nào để giám sát hiệu quả phòng chống lao động trẻ em trong doanh nghiệp? trong chuỗi cung ứng?
- Hoạt động giám sát có thu được thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài doanh nghiệp, và từ các trẻ em bị ảnh hưởng hay không?

- Thời gian: 20 phút thảo luận cho mỗi nhóm; thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm
- Công cụ: giấy giao việc (nhiệm vụ số 2); giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên tổng hợp kết quả và trao đổi về đáp án của bài tập tình huống

3. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 11 được chiếu trên SLIDE
 - (1) Giám sát bên thứ nhất còn có tên gọi là gì?
 - (2) Giám sát bên thứ hai còn có tên gọi là gì?
 - (3) Giám sát bên thứ ba còn có tên gọi là gì?
 - (4) Hãy nêu tên của một phương thức giám sát khác đã được học?
- Giảng viên chiếu SLIDE đáp án để so sánh ý kiến phát biểu của các nhóm

Đáp án tổng kết bài học 11

- (1) Giám sát nội bộ; (2) Giám sát của khách hàng; (3) Giám sát bên ngoài;
- (4) Giám sát độc lập

Bài tập tình huống

Tình huống 23: Công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng

Công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng đóng trên địa bàn huyện Kim Sơn – tỉnh Ninh Bình, là một doanh nghiệp có uy tín và bề dày hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu sản phẩm cói mỹ nghệ. Ngoài số lao động làm việc tập trung tại xưởng, công ty còn có hàng nghìn hộ dân trên địa bàn 05 xã của huyện Kim Sơn nhận gia công sản phẩm cho công ty. Để đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em theo luật pháp Việt Nam và công ước quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu của khách hàng, công ty đã áp dụng một hệ thống giám sát đánh giá như sau:

- Phân khu vực có các hộ gia công theo địa bàn dân cư, trung bình 10 hộ gia công vào một nhóm, mỗi nhóm cử ra một người có uy tín và tay nghề tốt để làm trưởng nhóm triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất đồng thời giám sát các vấn đề liên quan đến lao động trẻ em.
- Công ty thành lập bộ phận tuân thủ, chuyên giám sát về chất lượng sản phẩm cũng như các chính sách về lao động. Đảm bảo, cứ khoảng 50 hộ gia công sẽ có một cán bộ giám sát phụ trách.
- Công ty tiến hành tập huấn cho toàn bộ cán bộ giám sát và trưởng nhóm về tuân thủ các tiêu chuẩn lao động, trong đó có lao động trẻ em.
- Cán bộ giám sát đảm bảo mỗi hộ được kiểm tra ít nhất 1 lần/tháng, giám sát mỗi nhóm ít nhất 2 lần/tháng, bằng cả hai hình thức định kỳ và đột xuất.
- Việc kiểm tra chéo cũng được tiến hành hàng tháng. Hai cán bộ giám sát của hai khu vực sẽ kiểm tra chéo nhóm và hộ dân của nhau.
- Cán bộ giám sát báo cáo về Công ty kết quả giám sát hàng tháng trong vùng của mình và phải cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả. Đại diện Công ty kiểm tra đột xuất mỗi quý một lần theo mẫu ngẫu nhiên lấy từ danh sách hộ gia công.

Câu hỏi:

1. Theo các anh/chị, những vấn đề khó khăn thường gặp trong việc giám sát đánh giá chuỗi cung ứng là gì?
2. Theo các anh/chị, công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng cần bổ sung thêm những hoạt động cụ thể nào, để việc giám sát đánh giá chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn?

Tình huống 24: Công ty cổ phần Hồng Sơn

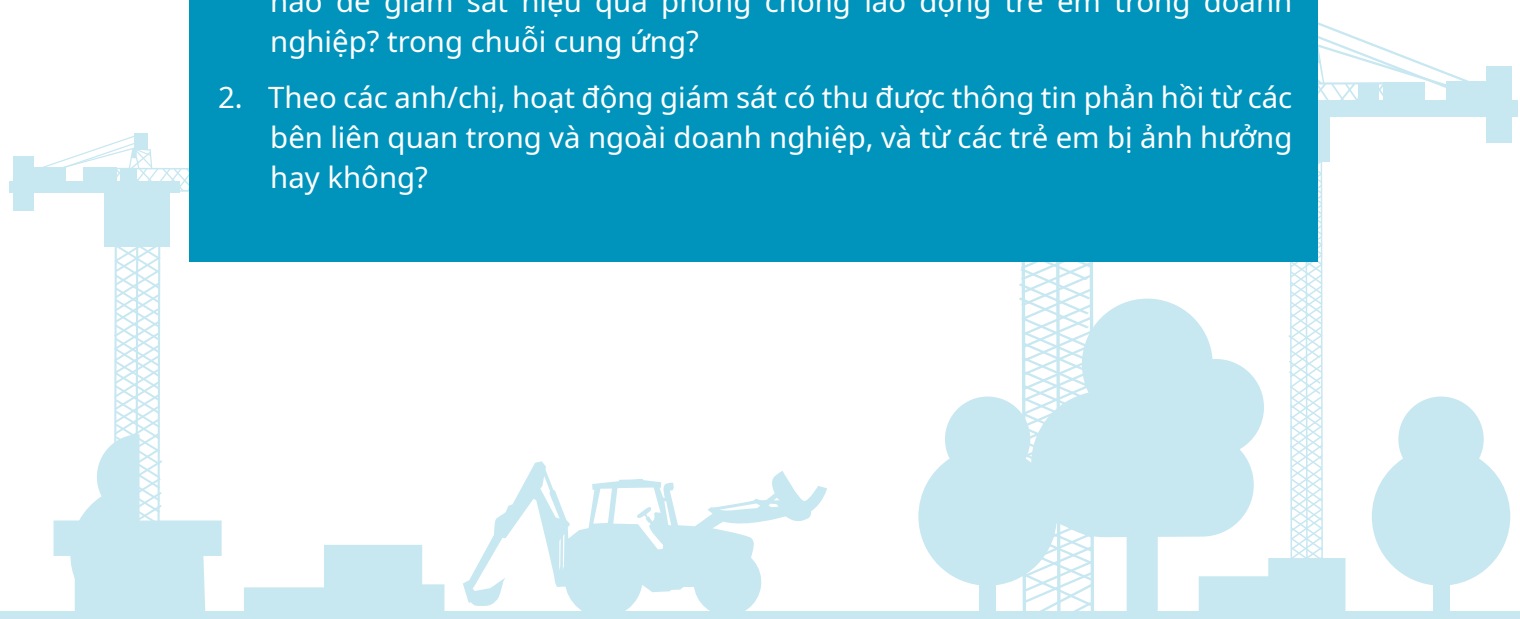
Công ty cổ phần Hồng Sơn thuộc huyện Hoa Lư – tỉnh Ninh Bình, là một doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ phục vụ khách thăm quan du lịch tại khu Tam cốc Bích động. Công ty có khoảng 100 phương tiện thuyền vận tải khách, ngoài ra còn có khoảng 600 phương tiện thuyền của các Hợp tác xã, các cơ sở nhỏ, các hộ dân khác trong khu vực đăng ký tham gia thương hiệu vận tải khách của công ty và cam kết tuân thủ theo điều hành của công ty.

Để đảm bảo không sử dụng lao động trẻ em theo luật pháp Việt Nam và công ước quốc tế, công ty đã áp dụng một hệ thống giám sát đánh giá như sau:

- Ban hành bộ quy tắc ứng xử về phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em, phổ biến đến toàn thể cán bộ công nhân viên chính thức của công ty và các tổ chức cá nhân hợp tác tham gia vận tải hành khách theo công ty;
- Phân chia số phương tiện vận tải khách theo các đội, trung bình mỗi đội khoảng 50 phương tiện, cử một người làm đội trưởng quản lý, điều hành và kiểm tra giám sát các vấn đề có liên quan đến tuân thủ các quy định của công ty trong đó có nội dung về lao động trẻ em;
- Công ty thuê một tổ chức phi chính phủ tại địa phương thực hiện việc giám sát sử dụng lao động trẻ em trên các phương tiện vận tải khách du lịch của công ty, hàng tháng đơn vị thực hiện giám sát báo cáo kết quả về công ty một lần;

Câu hỏi:

1. Theo các anh/chị, doanh nghiệp đang sử dụng phương thức và hệ thống nào để giám sát hiệu quả phòng chống lao động trẻ em trong doanh nghiệp? trong chuỗi cung ứng?
2. Theo các anh/chị, hoạt động giám sát có thu được thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài doanh nghiệp, và từ các trẻ em bị ảnh hưởng hay không?



Đáp án bài tập tình huống

Đáp án bài tập tình huống 23. Công ty TNHH MTV Hồng Nhung

1. Những vấn đề khó khăn thường gặp trong việc giám sát đánh giá chuỗi cung ứng là:

Thứ nhất: Khó xác định tuổi thật của trẻ (trong thực tế thường xảy ra các trường hợp trẻ em tham gia lao động tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nhưng các em không phải là người bản địa, thậm chí giấy tờ tùy thân không đầy đủ, tự kê khai, dẫn đến việc khó xác định tuổi thật của trẻ);

Thứ hai: Hồ sơ tài liệu không chính xác (có thể trong nhiều trường hợp các chủ cơ sở sản xuất kinh doanh vô tình hay cố ý thỏa thuận che giấu thông tin thật về trẻ em lao động bằng cách tạo hồ sơ không chính xác về trẻ);

Thứ ba: Trẻ em sẽ không xuất hiện vào thời điểm giám sát đánh giá (nhiều khi chủ cơ sở sản xuất kinh doanh được biết trước lịch giám sát đánh giá và đã cho trẻ em nghỉ việc ngày hôm đó hoặc chuyển chỗ làm việc cho trẻ em tại thời điểm giám sát đánh giá).

.....

2. Để các hoạt động giám sát đánh giá chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tốt hơn, công ty TNHH MTV Hồng Nhung Hoàng có thể bổ sung thêm các hoạt động như:

Kiểm tra hồ sơ tài liệu liên quan, như cam kết chính sách hoặc quy tắc ứng xử, hồ sơ nhân sự và bản chấm công của người lao động;

Tiến hành các cuộc phỏng vấn riêng đối với người quản lý và người lao động để có thể phát hiện những vấn đề liên quan đến lao động trẻ em;

Thuê tổ chức hoặc chuyên gia bên ngoài tiến hành giám sát đánh giá, thường các tổ chức hoặc chuyên gia họ có chuyên môn, có uy tín phù hợp sẽ đem lại kết quả tốt;

Cung cấp tên, địa chỉ các tổ chức/cá nhân tham gia chuỗi cung ứng để khách hàng có thể chủ động giám sát đánh giá các vấn đề có liên quan;

Loại bỏ nhà cung cấp/đối tác gia công không tuân thủ;

....

Đáp án bài tập tình huống 24. Công ty cổ phần Hồng Sơn

1. Công ty cổ phần Hồng Sơn đã sử dụng phương thức và hệ thống giám sát cụ thể là:

- Giám sát nội bộ: Công ty đã ban hành và phổ biến bộ quy tắc ứng xử về phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em tới tất cả cán bộ công nhân viên chính thức của công ty, các tổ chức và cá nhân hợp tác kinh doanh với công ty;
- Công ty đã lồng ghép vào hệ thống quản lý, điều hành thường xuyên của các đội vận tải khách du lịch để giám sát đánh giá về lao động trẻ em trong doanh nghiệp;
- Giám sát bên ngoài: Công ty đã thuê tổ chức bên ngoài thực hiện việc giám sát sử dụng lao động trẻ em trên các phương tiện vận tải khách du lịch của công ty.

2. Hoạt động giám sát của công ty cổ phần Hồng Sơn có thu được thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài doanh nghiệp, và từ các trẻ em bị ảnh hưởng vì:

- Việc ban hành, phổ biến và yêu cầu tất cả các cán bộ công nhân viên, các tổ chức, cá nhân hợp tác kinh doanh tuân thủ các nội dung của bộ quy tắc ứng xử về phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em đã nâng cao nhận thức cho cán bộ và các đối tác kinh doanh về lao động trẻ em, nếu có vướng mắc trong thực hiện thì các tổ chức và cá nhân liên quan sẽ có thông tin phản hồi với công ty;
- Việc thuê tổ chức bên ngoài thực hiện việc giám sát sử dụng lao động trẻ em sẽ có những lợi thế là: Tổ chức bên ngoài thường có trình độ chuyên môn và các kỹ năng tốt để thực hiện các hoạt động tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích, đánh giá đúng và khách quan về tình trạng lao động trẻ em tại doanh nghiệp;
- Việc giám sát đánh giá về lao động trẻ em trong doanh nghiệp được lồng ghép với hệ thống quản lý, điều hành của các đội phương tiện vận tải khách du lịch của công ty, các cán bộ quản lý điều hành các đội thường xuyên sẽ có được thông tin từ các phương tiện vận chuyển khách và các tổ chức, cá nhân có liên quan hợp tác kinh doanh với công ty.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 11)

Nhiệm vụ số 1: (thời gian 10 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Công cụ:

Tài liệu phát tay 1: Hoạt động 5 - Giám sát đánh giá

Giấy A0, bút dạ, băng dính

- Nhiệm vụ: các nhóm bốc thăm thảo luận 1 câu hỏi phiếu giao việc, cụ thể

1. Hãy nêu các phương thức/cách giám sát đánh giá và giải thích từng phương thức? Nêu cách áp dụng?
2. Hãy nêu các nội dung một cuộc giám sát đánh giá trong doanh nghiệp hay chuỗi cung ứng cần phải thực hiện? Cần lưu ý gì khi thực hiện các nội dung này?
3. Những phạm vi có thể thực hiện trong giám sát đánh giá là gì? Hãy trình bày về các nội dung trong mục “Giám sát đánh giá trong doanh nghiệp”?
4. Những phạm vi có thể thực hiện trong giám sát đánh giá là gì? Hãy trình bày những nội dung trong mục “Giám sát đánh giá trong chuỗi cung ứng”?
5. Hãy trình bày tóm tắt “Cách làm thiết thực của doanh nghiệp: giám sát đánh giá từ các điểm tập kết hàng hóa công và nhóm sở thích?

Nhiệm vụ số 2: (thời gian 20 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Các nhóm bốc thăm để thảo luận trả lời các câu hỏi trong bài tập tình huống 23, 24. Mỗi bài tập tình huống có 2 nhóm thực hiện
- Công cụ: Giấy A0, bút dạ, băng dính



CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Mô tả được đối tượng, nội dung, hình thức và tần suất cung cấp thông tin về công tác phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em của doanh nghiệp;
- Xây dựng được chiến lược cung cấp thông tin cho doanh nghiệp trong nhóm.



Thời gian dự kiến

90 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hành động 6: Cung cấp thông tin về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho các bên liên quan	Thuyết giảng Nhóm nhỏ Giấy giao việc	45'
2.	Xây dựng chiến lược cung cấp thông tin cho doanh nghiệp trong nhóm	Nhóm nhỏ Giấy giao việc	40'
3.	Tổng kết bài học	Nhóm lớn	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Hành động 6. Cung cấp thông tin
2. Giấy giao việc cho nhóm
3. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
4. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
5. Giấy A0, băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hành động 6: Cung cấp thông tin về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho các bên liên quan

- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu mục tiêu, những nội dung chính có trong hoạt động 6
- Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm nhỏ để làm bài tập trong giấy giao việc (nhiệm vụ số 1)
- Các nhóm hãy đọc tài liệu phát tay: Hoạt động 6. Cung cấp thông tin và trả lời các câu hỏi:
 1. Hãy nêu các đối tượng được nhận thông tin cung cấp và các hình thức và tần suất cung cấp thông tin? (hãy nêu cụ thể những đối tượng đó, và những lưu ý cho nội dung này..)
 2. Nội dung cung cấp thông tin cho từng đối tượng cụ thể là gì?
 3. Hãy giải thích về “Cân bằng giữa đảm bảo minh bạch và phòng tránh rủi ro khi cung cấp thông tin”?
 4. Hãy nêu các câu hỏi hướng dẫn trong hoạt động 6: Cung cấp thông tin? Các nguyên tắc hợp tác với truyền thông được các công ty có bề dày xử lý các vấn đề về truyền thông đã rút ra?
- Các nhóm bốc thăm 01 câu hỏi thảo luận và trình bày kết quả
- Thời gian thảo luận: 10 phút/nhóm; Thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm
- Giảng viên phát cho các nhóm: giấy giao việc (nhiệm vụ số 1); tài liệu phát tay 1. Hoạt động 6. Cung cấp thông tin; giấy A0, băng dính và bút dạ
- Các nhóm thảo luận và trình bày
- Giảng viên tóm tắt nội dung các nhóm đã trình bày và chiếu SLIDE đáp án “nhiệm vụ số 1” đồng thời giải thích.

1.1 Đối tượng, hình thức và tần suất cung cấp thông tin

Đối tượng cung cấp thông tin

Cần cung cấp thông tin cho tất cả các đối tượng trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng cũng như cho các bên liên quan ngoài hệ thống để giảm thiểu rủi ro về uy tín và ủng hộ nỗ lực của doanh nghiệp khi giải quyết vấn đề về LĐTE.

Trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng cần cung cấp thông tin cho những đối tượng:

- Toàn thể người lao động
- Tất cả các cán bộ quản lý và nhân viên các phòng ban triển khai thực hiện
- Công đoàn cơ sở
- Những trẻ em chịu ảnh hưởng và gia đình các em
- Các nhà cung cấp và đối tác trong chuỗi cung ứng

Đối với bên ngoài, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin cho những đối tượng sau:

- Khách hàng;
- Nhà đầu tư;
- Cộng đồng và chính quyền địa phương nơi trẻ em và gia đình sinh sống; và nên cung cấp thông tin cho
- Truyền thông và tổ chức phi chính phủ nếu họ quan tâm đến vấn đề LĐTĐTE trong khu vực hay trong ngành.

Lưu ý: Trong doanh nghiệp, không chỉ dừng ở cung cấp thông tin mà còn:

- Các cán bộ chịu trách nhiệm cần được tập huấn kỹ để thực hiện;
- Nhà cung cấp và đối tác trong chuỗi cung ứng có thể cần được hỗ trợ, khuyến khích hợp lý hoặc yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nội dung của cam kết.

Hình thức và tần suất cung cấp thông tin

- Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vấn đề cũng như yêu cầu triển khai thực hiện.
- Thông tin cho các bên thực hiện cần cung cấp ngay sau khi xây dựng và phê duyệt để triển khai.
- Định kỳ theo tiến độ giám sát đánh giá. Thông tin ra bên ngoài thường được cung cấp định kỳ một năm một lần, hoặc thường xuyên hơn nếu vấn đề nghiêm trọng.
- Trong trường hợp đặc biệt, khi vấn đề khẩn cấp đột ngột xuất hiện do truyền thông, tổ chức phi chính phủ phát hiện hoặc khách hàng và nhà đầu tư chất vấn thì có thể phải công bố tiến độ và kết quả giải quyết hàng ngày, hàng tuần đến khi xử lý xong khủng hoảng truyền thông.

1.2 Nội dung cung cấp thông tin

Cho các đối tượng bên trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

- Các cam kết chính sách của doanh nghiệp về LĐTĐTE;
- Các chính sách và quy trình vận hành khác đã được điều chỉnh đồng bộ;
- Các biện pháp, chiến lược cụ thể mà doanh nghiệp triển khai để phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ và khắc phục tác hại trong cả doanh nghiệp và chuỗi cung ứng;
- Ai phụ trách làm việc gì, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của họ;
- Yêu cầu đối với nhà cung cấp và đối tác kinh doanh, các hỗ trợ nếu có để nâng cao nhận thức và năng lực giúp họ tuân thủ;
- Cơ chế giám sát đánh giá và khiếu nại;
- Tiến độ và kết quả triển khai hàng năm trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng;
- Tiến độ và kết quả giải quyết các vấn đề khẩn cấp.

Cho các đối tượng bên ngoài

- Các cam kết chính sách của doanh nghiệp về LĐTE;
- Tiến độ và kết quả giải quyết các vấn đề khẩn cấp
- Kết quả giám sát đánh giá tích cực đối với doanh nghiệp và ảnh hưởng của doanh nghiệp dẫn cải thiện tích cực trong chuỗi cung ứng
- Toàn bộ hoặc tóm tắt nội dung đánh giá của bên thứ ba về những biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng để xử lý vấn đề LĐTE trong điều kiện nguy cơ cao;
- Đơn vị mà doanh nghiệp hợp tác để khắc phục các trường hợp LĐTE đã phát hiện, chuyên môn của họ và phương thức hợp tác;
- Kết quả hoạt động hàng năm của doanh nghiệp và tác động nhiều năm lên các nguyên nhân gốc rễ của LĐTE (như xóa đói giảm nghèo, giáo dục dạy nghề, nâng cao nhận thức).
- Chia sẻ những nghiên cứu điển hình giúp lý giải nguyên nhân phát sinh LĐTE trong những ngành nghề, bối cảnh nhất định.

Cần lưu ý về nội dung cung cấp thông tin

- Giúp các bên liên quan đánh giá hợp lý các nỗ lực và kết quả của doanh nghiệp trong phòng chống LĐTE.
- Thông tin cung cấp trong nội bộ doanh nghiệp và chuỗi cung ứng phải giúp hướng dẫn thực hiện và xác định trách nhiệm.
- Khi đưa thông tin ra bên ngoài, nên tập trung về các biện pháp và nỗ lực của doanh nghiệp, chứ không chỉ là có hay không có lao động trẻ em

1.3 Cân bằng giữa đảm bảo minh bạch và phòng tránh rủi ro khi cung cấp thông tin

- Giảng viên phát biểu và chiếu SLIDE.

Khi cung cấp thông tin, doanh nghiệp nên đảm bảo công khai minh bạch tối đa. Đồng thời, trong nhiều trường hợp nên cân nhắc một số giới hạn hợp lý. Đó là khi cung cấp thông tin có thể gây rủi ro cho trẻ em, người lao động hoặc các bên liên quan, do yêu cầu về bảo mật thương mại và thông tin cá nhân. Nội dung giới hạn²⁴ có thể bao gồm những thông tin quan trọng khi đàm phán kinh doanh đang diễn ra, thông tin được pháp luật bảo vệ không cho phép tiết lộ cho bên thứ ba như danh tính và nhân thân.

²⁴ Hướng dẫn về trách nhiệm của doanh nghiệp và quyền con người của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về Nhân quyền (OHCHR)

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp có cung cấp đầy đủ thông tin để hướng dẫn và đánh giá việc thực hiện cho các cá nhân, phòng ban và nhà cung cấp chịu trách nhiệm thực hiện hay không?
- ☐ Doanh nghiệp có cung cấp thông tin cho các trẻ em chịu ảnh hưởng và gia đình, cộng đồng, chính quyền địa phương, khách hàng, nhà đầu tư hay không?
- ☐ Doanh nghiệp có chủ động cung cấp thông tin chính thức về cách xử lý các vấn đề lao động trẻ em nghiêm trọng với truyền thông và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực này hay không?
- ☐ Thông tin chính thức được cung cấp có bao gồm những nghiên cứu, nhận định và kết quả giám sát từ bên thứ ba nhằm tăng mức độ tin cậy hay không?
- ☐ Bằng cách nào doanh nghiệp xác minh được thông tin tới được đối tượng dự kiến?
- ☐ Doanh nghiệp làm thế nào để đảm bảo minh bạch tối đa đồng thời phòng tránh rủi ro đối với các bên bị ảnh hưởng (trẻ em và gia đình, các đối tác đang đàm phán) khi cung cấp thông tin?

- Giảng viên chiếu SLIDE tóm tắt về các nguyên tắc hợp tác với truyền thông. Nói rõ rằng đây là một số kinh nghiệm của các công ty có bề dày xử lý các vấn đề về truyền thông đã rút ra không chỉ hữu ích đối với vấn đề LĐTE mà còn liên quan đến nhiều các lĩnh vực khác nữa trong doanh nghiệp
 - Minh bạch thông tin;
 - Mang tính xây dựng;
 - Có một chiến lược rõ ràng đối với truyền thông;
 - Đưa thông tin thống nhất trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước khi công bố cho truyền thông;
 - Xác định một số diễn đàn, hội nhóm phù hợp để có thể tham gia cung cấp hoặc đính chính thông tin khi cần.

2. Xây dựng chiến lược cung cấp thông tin cho doanh nghiệp trong nhóm

- Giảng viên yêu cầu mỗi nhóm sẽ làm một bài thực hành trong giấy giao việc (nhiệm vụ số 2), cụ thể:

Các nhóm hãy áp dụng những kiến thức đã học để xây dựng chiến lược cung cấp thông tin cho một doanh nghiệp trong nhóm

Thời gian thảo luận nhóm: 20 phút; Thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm

Công cụ: tài liệu phát tay Hành động 6. Cung cấp thông tin; giấy giao việc (nhiệm vụ số 2); giấy A0, băng dính và bút dạ

- Các nhóm thảo luận và trình bày, các nhóm còn lại đưa ra những ý đóng góp cho nhóm trình bày để có chiến lược hoàn thiện hơn.
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên phát biểu ý kiến chung về việc áp dụng kiến thức của các nhóm trong xây dựng chiến lược cung cấp thông tin về LĐTE cho doanh nghiệp.

3. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 12 được chiếu trên SLIDE.

Hãy điền vào chỗ trống (...) để hoàn thiện năm nguyên tắc hợp tác với truyền thông:

(1)thông tin;

(2) Mạng tính;

(3) Có mộtrõ ràng đối với truyền thông;

(4) Đưa thông tintrong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước khi công bố cho;

(5) Xác định một số diễn đàn, hội nhóm phù hợp để có thể tham gia cung cấp hoặcthông tin khi cần.

- Giảng viên chiếu SLIDE đáp án để so sánh ý kiến phát biểu của các nhóm
- Các nguyên tắc hợp tác với truyền thông:

(1) **Minh bạch** thông tin;

(2) Mạng tính **xây dựng**;

(3) Có một **chiến lược** rõ ràng đối với truyền thông;

(4) Đưa thông tin **thống nhất** trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước khi công bố cho truyền thông;

(5) Xác định một số diễn đàn, hội nhóm phù hợp để có thể tham gia cung cấp hoặc **đỉnh chính** thông tin khi cần.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 12)

Nhiệm vụ số 1: (thời gian 10 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Các nhóm bốc thăm thảo luận 1 câu hỏi phiếu giao việc
- Công cụ:
 - Tài liệu phát tay 1: Hoạt động 6 - Cung cấp thông tin
 - Giấy A0, bút dạ, băng dính
- Nhiệm vụ: các nhóm hãy đọc tài liệu phát tay 1. Hoạt động 6 - Cung cấp thông tin và trả lời các câu hỏi sau:
 5. Hãy nêu các đối tượng được nhận thông tin cung cấp và các hình thức và tần suất cung cấp thông tin? (hãy nêu cụ thể những đối tượng đó, và những lưu ý cho nội dung này..)
 6. Nội dung cung cấp thông tin cho từng đối tượng cụ thể là gì?
 7. Hãy giải thích về “Cân bằng giữa đảm bảo minh bạch và phòng tránh rủi ro khi cung cấp thông tin”?
 8. Hãy nêu các câu hỏi hướng dẫn trong hoạt động 6: Cung cấp thông tin? Các nguyên tắc hợp tác với truyền thông được các công ty có bề dày xử lý các vấn đề về truyền thông đã rút ra?

Nhiệm vụ số 2: (thời gian 20 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Công cụ: Giấy A0, bút dạ hoặc giấy A4, băng dính.
- Các nhóm hãy chọn một doanh nghiệp trong nhóm để làm bài tập thực hành.
- Nhiệm vụ: Các nhóm hãy áp dụng các kiến thức đã học để xây dựng chiến lược cung cấp thông tin cho một doanh nghiệp trong nhóm.



HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA TRONG PHÒNG NGỪA VÀ GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Xác định được các bên liên quan và mức độ tham gia cần huy động trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em;
- Xác định được các mục tiêu và lợi ích cụ thể khi huy động sự tham gia của từng bên; và
- Xây dựng được chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em đối với doanh nghiệp trong nhóm.



Thời gian dự kiến

90 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hành động 7: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện Tham vấn ý kiến đối tượng chịu ảnh hưởng Huy động sự tham gia của gia đình và phối hợp với các bên liên quan khác Xem xét tác động với các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề Các câu hỏi hướng dẫn	Thuyết giảng Nhóm nhỏ Giấy giao việc	40'
2.	Xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE đối với doanh nghiệp trong nhóm	Nhóm nhỏ Giấy giao việc	45'
3.	Tổng kết bài học	Nhóm lớn	5'



Tài liệu và giáo cụ

1. Hành động 7. Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
2. Hành động 3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp (tham khảo mục 3.2)
3. Giấy giao việc cho nhóm
4. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
5. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
6. Băng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ
7. Kéo
8. Thẻ ZOPP các màu



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hành động 7: Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em

- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu mục tiêu, những nội dung chính có trong hành động 7.
- Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm nhỏ để làm bài tập trong giấy giao việc - Bài 13 (nhiệm vụ số 1)
 - Câu hỏi thảo luận:
 1. Nêu rõ các đối tượng chịu ảnh hưởng? Có những cách nào để tham vấn ý kiến của đối tượng chịu ảnh hưởng?
 2. Có cần huy động sự tham gia của gia đình các em không? Nếu có thì trong trường hợp nào? cần hỗ trợ gia đình ra sao? tại sao cần có sự tham gia đó?
 3. Để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp cần huy động sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, đối tượng nào?
 4. Các bên liên quan đóng vai trò gì trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em?

Thời gian: 15 phút thảo luận cho mỗi nhóm, thời gian trình bày tối đa 3 phút/nhóm

Công cụ: tài liệu phát tay 1 - Hành động 7. Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em; tài liệu phát tay 2 - Hành động 3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp (tham khảo mục 3.2); giấy giao việc (nhiệm vụ số 1); giấy A0, bút dạ, băng dính

- Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả
- Giảng viên tổng hợp ý kiến của các nhóm, chiếu SLIDE và phát biểu:

Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em không phải chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp. Để đảm bảo hiệu quả doanh nghiệp cần huy động sự tham gia của trẻ em, gia đình, nhà trường, chính quyền, các chương trình, dự án phi chính phủ hay tổ chức thiện nguyện, và huy động chuyên gia nếu cần. Doanh nghiệp cũng cần sự ủng hộ của đội ngũ người lao động, công đoàn và tổ chức giới sử dụng lao động

Các đối tượng chịu ảnh hưởng

- Trẻ em và người chưa thành niên đang lao động;
- Những em chưa tham gia lao động nhưng ở trong những khu vực, cộng đồng nguy cơ cao có thể bị ảnh hưởng từ hoạt động của mình;
- Gia đình các em.

Các cách tham vấn

- Nếu tiếp xúc trực tiếp với các em, doanh nghiệp cần tế nhị và nên hỏi trước chuyên gia các hành xử phù hợp.
- Nếu không thể tiếp xúc trực tiếp, doanh nghiệp cần tham vấn các chuyên gia và các tổ chức cá nhân ở địa phương có thể liên hệ được với các em để phản ánh chính xác ý kiến của các em
(thường xảy ra đối với các em có nguy cơ trở thành LĐTE).

Huy động sự tham gia của gia đình

- Khi giải quyết các trường hợp vi phạm hoặc có nguy cơ trở thành LĐTE.
- Là điều kiện tiên quyết để giải quyết tận gốc các nguyên nhân dẫn tới LĐTE và đảm bảo vi phạm không tái diễn trong doanh nghiệp, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp cũng như nơi khác.
 - Một số giải pháp hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho các em tham gia học tập đào tạo, như: (1) Hỗ trợ việc làm cho gia đình; (2) Hỗ trợ vật chất có điều kiện; (3) Hỗ trợ tín dụng và sinh kế.

Phối hợp với các bên liên quan khác

- Nhà trường, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo và dạy nghề tại địa phương khi tạo cơ hội giáo dục đào tạo cho các em.
- Cộng đồng, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, các cá nhân; và
- Tổ chức thiện nguyện tại địa phương khi kết nối các hỗ trợ tín dụng và sinh kế cho gia đình cũng như giám sát các gia đình đã nhận hỗ trợ không cho con em đi làm trở lại.
- Đội ngũ người lao động, công đoàn và tổ chức giới sử dụng lao động;

- Bên giám sát bên ngoài và độc lập để phát hiện các vi phạm và vi phạm mới, thực hiện và chứng minh cho nỗ lực thực hiện các giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.

Vai trò của các bên liên quan

- Là nguồn thông tin quan trọng hoặc là đối tác phối hợp hành động nhằm phòng ngừa và xử lý vấn đề lao động trẻ em.
- Thuyết giảng kết hợp với chiếu SLIDE về việc

Xem xét tác động với các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề

Đó có thể là:

- Trẻ khuyết tật, trẻ dân tộc thiểu số và con em các gia đình lao động nhập cư từ nơi khác
- Trẻ em gái thường dễ bị tổn thương hơn trẻ em trai

Cần lưu ý đặc biệt đến những nhóm này khi doanh nghiệp xem xét nguyên nhân và đề ra biện pháp giải quyết, và nên phối hợp với các tổ chức chuyên môn phù hợp.

- Giảng viên chiếu SLIDE các câu hỏi hướng dẫn để thực hiện hoạt động huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE

Các câu hỏi hướng dẫn:

- ☐ Doanh nghiệp có tiếp xúc trực tiếp với những trẻ em đã hoặc có thể bị ảnh hưởng và gia đình các em, hoặc người đại diện và các chuyên gia nếu không tiếp xúc được trực tiếp, để tham vấn ý kiến hay không?
- ☐ Doanh nghiệp có làm theo hướng dẫn của chuyên gia khi lập kế hoạch và triển khai tiếp xúc trực tiếp với trẻ em hay không?
- ☐ Doanh nghiệp xác định các bên liên quan nhằm phối hợp hành động bằng cách nào? Phối hợp như thế nào và bao lâu một lần?
- ☐ Mục tiêu phối hợp là gì và trên thực tế đã đạt được những mục tiêu này hay chưa? Nếu chưa, tại sao?
- ☐ Doanh nghiệp có xem xét tác động đối với trẻ em thuộc các nhóm có dễ bị tổn thương hoặc gạt ra ngoài lề cao hay không? Bằng cách nào?

2. Xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE đối với doanh nghiệp trong nhóm

- Nhiệm vụ cho các nhóm trong giấy giao việc – bài 13 (nhiệm vụ 2), cụ thể

Các nhóm Hãy chọn một doanh nghiệp trong nhóm để xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE

- Thời gian: 20 phút thảo luận cho mỗi nhóm; thời gian trình bày tối đa 5 phút/nhóm
- Công cụ: giấy A0, bút dạ, băng dính, kéo, thẻ ZOPP các màu
- **Lưu ý:** Các nhóm hãy minh họa bằng tranh vẽ. Phần trình bày của các nhóm được chấm điểm thi đua theo 3 tiêu chí: (1) Hình vẽ đẹp; (2) Người trình bày ấn tượng; (3) Nội dung.
- Các nhóm thảo luận và trình bày, các nhóm còn lại đưa ra những ý kiến đóng góp cho nhóm trình bày để có chiến lược hoàn thiện hơn.
- Kết thúc phần trình bày của các nhóm, giảng viên phát biểu ý kiến chung về việc áp dụng kiến thức của các nhóm trong “xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE”.

3. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu các nhóm trả lời các câu hỏi tổng kết bài học 13 được chiếu trên SLIDE
 Hãy điền vào chỗ trống (...) để hoàn thiện các tên/(tiêu đề) nội dung chính trong chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE:
 - (1)ý kiến đối tượng chịu ảnh hưởng;
 - (2)sự tham gia của..... và phối hợp với các bên liên quan khác;
 - (3)sự tác động với các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề.
- Giảng viên chiếu SLIDE đáp án tổng kết bài học 13 để so sánh kết quả của các nhóm
 Các nội dung chính trong chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE:
 - (1) Tham vấn ý kiến đối tượng chịu ảnh hưởng;
 - (2) Huy động sự tham gia của gia đình và phối hợp với các bên liên quan khác;
 - (3) Xem xét sự tác động với các nhóm dễ bị tổn thương và bị gạt ra ngoài lề.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 13)

Nhiệm vụ số 1: (thời gian 15 phút thảo luận, 3 phút trình bày/nhóm)

- Công cụ:
 - Tài liệu phát tay 1: Hành động 7- Huy động sự tham gia trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
 - Tài liệu phát tay 2: Hành động 3: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp (tham khảo mục 3.2)
 - Biểu mẫu gợi ý “Ma trận huy động sự tham gia”
 - Giấy A0, bút dạ, băng dính
- Nhiệm vụ: Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi:
 5. Nêu rõ các đối tượng chịu ảnh hưởng? Có những cách nào để tham vấn ý kiến của đối tượng chịu ảnh hưởng?
 6. Có cần huy động sự tham gia của gia đình các em không? Nếu có thì trong trường hợp nào? cần hỗ trợ gia đình ra sao? tại sao cần có sự tham gia đó?
 7. Để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp cần huy động sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, đối tượng nào?
 8. Các bên liên quan đóng vai trò gì trong phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em?

Nhiệm vụ số 2: (thời gian 20 phút thảo luận, 5 phút trình bày/nhóm)

- Công cụ:
 - Giấy A0, bút dạ, băng dính giấy, kéo
 - Thẻ ZOPP các màu
- Nhiệm vụ: Các nhóm hãy chọn một doanh nghiệp trong nhóm để “xây dựng chiến lược huy động sự tham gia của các bên trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE”.

Lưu ý:

- Các nhóm hãy minh họa bằng tranh vẽ.
- Phần trình bày của các nhóm được chấm điểm thi đua theo 3 tiêu chí: (1) Hình vẽ đẹp; (2) Người trình bày ấn tượng; (3) Nội dung.

MA TRẬN HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA

.....	Ai?	Việc gì?	Khi nào?	Như thế nào?	Kết quả gì?



TỔNG KẾT CÁC BƯỚC HÀNH ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Hệ thống hóa được các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng của mình; và
- Hình ảnh hóa được các bước thực hiện theo sơ đồ tư duy.



Thời gian dự kiến

45 phút



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hệ thống hóa các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng	Thuyết giảng Nhóm nhỏ	20'
2.	Vẽ sơ đồ tư duy cho các bước thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng	Nhóm nhỏ Sơ đồ tư duy Giấy giao việc	20'
3.	Tổng kết bài học	Thuyết giảng	5'

Tài liệu và giáo cụ

1. Hành động 3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp
2. Hành động 4. Kiểm soát chuỗi cung ứng
3. Phụ lục 6. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến LĐTE
4. Giấy giao việc cho nhóm
5. Khung vẽ sơ đồ tư duy trên giấy A3.

6. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
7. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
8. Bảng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh, màu đỏ và kéo



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hệ thống hóa các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng

- Giảng viên chiếu SLIDE giới thiệu mục tiêu, những nội dung chính có trong bài học 14
- Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm nhỏ để làm bài tập chiếu trên SLIDE

Các nhóm trả lời 1 trong 2 câu hỏi:

Câu 1: Hãy nêu các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em?

Câu 2: Trong “Các biện pháp trong chuỗi cung ứng nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em”. Hãy nêu nội dung chi tiết của “Hộp 3” và “Hộp 4” ?

- Thời gian thảo luận: 10 phút/nhóm; Thời gian trình bày 2 phút/nhóm
- Giảng viên phát cho các nhóm:
 - Bảng dính, giấy A3, bút dạ
 - Tài liệu phát tay 1: Hành động 3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp
 - Tài liệu phát tay 2: Hành động 4. Kiểm soát chuỗi cung ứng
 - Tài liệu phát tay 3: Phụ lục 6. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến LĐTE
- Các nhóm thảo luận và bốc thăm trình bày
- Giảng viên tóm tắt ý kiến trình bày của các nhóm và chiếu SLIDE đáp án của bài tập

CÂU 1: Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

4 yếu tố của phương pháp 4T cần làm ngay

- Tuyển dụng - Chấm dứt việc tuyển dụng trẻ em;
- Tồi tệ - Xóa bỏ LĐTE làm các công việc nguy hiểm, độc hại;

- Thời giờ - Giảm thời gian làm việc về đúng mức quy định theo nhóm tuổi.
- Thông báo - Thông báo ngay cho UBND xã/phường hoặc đường dây nóng 111.

Các hình thức hỗ trợ gia đình để tạo điều kiện cho lao động chưa thành niên tham gia học tập, đào tạo

- Hỗ trợ việc làm cho gia đình
- Hỗ trợ vật chất có điều kiện
- Hỗ trợ tín dụng và sinh kế

Đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn của khách hàng (tham khảo danh mục kiểm tra-phụ lục 6 để nắm vững nhu cầu khách hàng):

- Tuổi tối thiểu đối với công việc thông thường (nếu cao hơn luật Việt Nam) tuổi
- Tuổi tối thiểu đối với công việc nguy hiểm độc hại và các hình thức lao động “tồi tệ nhất” (nếu cao hơn luật Việt Nam)tuổi
- Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, theo quy định của luật Việt Nam:.....
- Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, theo quy định của khách hàng (nếu khác luật Việt Nam):.....
- Quy định của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em:.....

CÂU 2: Các biện pháp trong chuỗi cung ứng nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Nội dung chi tiết của “Hộp 3”

Hộp 3: Xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng- danh mục gợi ý các biện pháp cần thực hiện

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Sàng lọc ban đầu đối với nhà cung cấp và đối tác tiềm năng | ☐ |
| 2. Phổ biến cho nhà cung cấp, đối tác cam kết chính sách của doanh nghiệp | ☐ |
| 3. Đưa các quy định vào hợp đồng mua bán, hợp đồng hợp tác | ☐ |
| 4. Hướng dẫn hỗ trợ khắc phục và nâng cao tiêu chuẩn | ☐ |
| 5. Giám sát đánh giá, kiểm tra thường xuyên và đột xuất | ☐ |
| 6. Cảnh báo vi phạm | ☐ |
| 7. Loại bỏ nhà cung cấp và đối tác không tuân thủ | ☐ |
| 8. Tổ chức sản xuất tập trung nếu phù hợp | ☐ |

Hộp 4: Sử dụng ảnh hưởng để tạo ra sự thay đổi trong chuỗi cung ứng

Ảnh hưởng là khả năng tạo ra sự thay đổi của một doanh nghiệp đối với những thực hành sai trái của một bên khác làm phát sinh hoặc góp phần làm phát sinh lao động trẻ em.

Đây là khái niệm trung tâm, đóng vai trò then chốt đối với công tác phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp sử dụng ảnh hưởng với đối tác kinh doanh trực tiếp và bên thứ ba. Nếu doanh nghiệp thấy mình chỉ có ảnh hưởng hạn chế đối với bên thứ ba do không ký hợp đồng trực tiếp hoặc lý do nào đó thì có thể chủ động gia tăng ảnh hưởng thông qua hợp tác với đơn vị khác.

Những hình thức gây ảnh hưởng chính bao gồm:

Ảnh hưởng thương mại truyền thống: là ảnh hưởng qua những hoạt động thông thường trong quan hệ thương mại như ký hợp đồng;

Ảnh hưởng kinh doanh mở rộng: là ảnh hưởng doanh nghiệp tự tạo ra qua những hoạt động không thường xuyên trong quan hệ thương mại như xây dựng năng lực, nâng cao nhận thức;

Ảnh hưởng kết hợp với các đối tác kinh doanh: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động chung với các doanh nghiệp trong cùng ngành hoặc một vài ngành;

Ảnh hưởng qua hợp tác hai bên: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hợp tác với một hoặc một vài chủ thể khác như chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế;

Ảnh hưởng thông qua hợp tác nhiều bên: là ảnh hưởng được tạo ra thông qua hành động tập thể với tất cả các bên gồm chính phủ, đối tác kinh doanh, công đoàn, tổ chức giới sử dụng lao động, tổ chức phi chính phủ/ tổ chức quốc tế;

2. Vẽ sơ đồ tư duy cho các bước thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng

- Nhiệm vụ cho các nhóm có trong giấy giao việc, cụ thể
- Các nhóm hãy vẽ 01 sơ đồ tư duy mind-mapping cho các bước thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng
- Thời gian: 20 phút thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy mind-mapping cho mỗi nhóm
- Công cụ: giấy A0; bút dạ; băng dính giấy; kéo

Lưu ý: Kết thúc phần thảo luận và vẽ sơ đồ, các nhóm gắn sơ đồ của nhóm lên bảng để bình chọn sơ đồ có: 1) Hình vẽ đẹp nhất; và 2) Nội dung chính xác và đầy đủ nhất.

- Kết thúc phần chấm điểm của các nhóm, giảng viên phát biểu ý kiến và chiếu SLIDE tổng hợp 7 bước hành động của doanh nghiệp để phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em.

3. Tổng kết bài học

- Giảng viên yêu cầu mỗi học viên nhắc lại các tiêu đề trong 7 hành động đã học (ý kiến phát biểu của người sau không trùng với ý kiến phát biểu trước đó).
- Giảng viên tổng hợp các ý kiến phát biểu của học viên trên bảng lật.

GIẤY GIAO VIỆC CHO NHÓM (BÀI 14)

Thời gian: 10 phút thảo luận và vẽ sơ đồ, 2 phút trình bày/nhóm

Công cụ, tài liệu:

- Tài liệu phát tay 1: Hành động 3. Triển khai các biện pháp trong doanh nghiệp
- Tài liệu phát tay 2: Hành động 4. Kiểm soát chuỗi cung ứng
- Tài liệu phát tay 3: Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình LĐTE trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng
- Giấy A3
- Bảng dính giấy và bút dạ đầu to đầu nhỏ loại không xóa được, màu xanh và đỏ

Nhiệm vụ:

Các nhóm hãy vẽ 01 sơ đồ tư duy mind-mapping cho các bước thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong doanh nghiệp và trong chuỗi cung ứng

Lưu ý:

- Kết thúc phần thảo luận và vẽ sơ đồ, các nhóm gắn sơ đồ của nhóm lên bảng để bình chọn sơ đồ có: 1) Hình vẽ đẹp nhất; và 2) Nội dung chính xác và đầy đủ nhất.

MÔ-ĐUN 3. Sáng kiến cụ thể của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Mục tiêu: Sau khi kết thúc mô-đun này học viên có thể:

- Đề ra và lập kế hoạch triển khai sáng kiến giúp doanh nghiệp của mình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

Mô-đun này gồm bài tập huấn sau đây:

Bài 15: Hội thi sáng kiến của doanh nghiệp về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Dưới đây là thiết kế các bài tương ứng.



HỘI THI SÁNG KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP VỀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM



Mục tiêu

Sau khi kết thúc bài học này, học viên có khả năng:

- Đề ra các sáng kiến thực tiễn để áp dụng cho doanh nghiệp và chuỗi cung ứng của mình nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; và
- Thể hiện theo hình thức sáng tạo và trả lời được các câu hỏi về sáng kiến của mình nhằm phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em theo hình thức hội thi.



Thời gian dự kiến

1,5 ngày



Phương pháp (gợi ý)

TT	Nội dung	Phương pháp	Thời lượng
1.	Hướng dẫn doanh nghiệp đề ra sáng kiến và chuẩn bị nội dung thi	Nhóm nhỏ Tư vấn nhóm	240'
2.	Tiến hành hội thi	Hội thi	300'
3.	Tổng kết và công bố kết quả hội thi	Hội thi	30'
4.	Kết thúc và ôn tập kiến thức	Nhóm nhỏ	30'



Tài liệu và giáo cụ

1. Tài liệu phát tay
2. Phần thưởng nhỏ cho hội thi (tùy điều kiện trao 1 hay nhiều phần thưởng)
3. Slide, máy tính, máy chiếu và màn hình
4. Bảng trắng, bút dạ viết bảng loại xóa được, màu xanh và đỏ, giẻ lau bảng
5. Toàn bộ văn phòng phẩm và dụng cụ để các nhóm chuẩn bị phần thi
6. Flip chart



Nội dung bài giảng và các bước tiến hành

1. Hướng dẫn doanh nghiệp đề ra sáng kiến và chuẩn bị nội dung thi

- Chiều slide giới thiệu mục tiêu của mô-đun và bài học.
- Chia lớp thành các nhóm theo doanh nghiệp. Nếu cùng một doanh nghiệp có quá ít học viên thì ghép học viên của các doanh nghiệp tương tự nhau vào một nhóm, sao cho có 6 nhóm trong lớp. Mời các nhóm đặt tên.
- Nêu thể lệ cuộc thi trên power point. Nêu rõ lịch trình thi:
 - Các nhóm sẽ đề ra một sáng kiến nhằm phòng ngừa và giảm thiểu LĐTE trong chính doanh nghiệp và chuỗi cung ứng của mình. Sáng kiến có thể tập trung cải thiện một hoặc một vài lĩnh vực mà doanh nghiệp quan tâm nhất.
 - Các nhóm thảo luận và thống nhất cách thể hiện sáng kiến trong vòng 30 phút trong hội thi. Hình thức có nhiều, như đóng vai, hoạt cảnh, tiểu phẩm, làm thơ, hùng biện, hỏi đáp, tấu hài...
 - Các nhóm có buổi chiều để đề ra sáng kiến, làm đạo cụ, trang trí và diễn tập phần dự thi. Có thể tư vấn với giáo viên bất kỳ lúc nào.
 - Phần dự thi sẽ diễn ra vào ngày hôm sau. Thứ tự thi sẽ do các nhóm bốc thăm.
 - Lời khuyên: Các nhóm nên đọc kỹ ba-rem chấm điểm để thể hiện sáng kiến của mình cho tốt.
- Tư vấn và hỗ trợ các nhóm trong quá trình đề ra sáng kiến và chuẩn bị thi.
- Cuối buổi chiều, cho các nhóm đăng ký chủ đề, bốc thăm thứ tự thi và công bố giờ thi ngày hôm sau. Có thể xếp giờ cho 5 nhóm như sau:

8:30 – 9:00	Nhóm 1	10:45 – 11:45	Nhóm 4
9:15 – 9:45	Nhóm 2	13:30 – 14:00	Nhóm 5
10:00 – 10:30	Nhóm 3	14:15 – 14:45	Nhóm 6

15 phút giữa các giờ thi: nhóm thi trả lời câu hỏi từ BGK, nhóm tiếp theo chuẩn bị đạo cụ và bố trí sân khấu.

- Yêu cầu các nhóm thi có mặt đầy đủ đúng giờ để cổ vũ và nghe hỏi đáp phần thi của nhóm khác. Nhóm thi đầu tiên trong buổi sáng và chiều cần có mặt sớm trước phần thi đầu 30' để chuẩn bị sẵn sàng.

2. Tiến hành hội thi

- Giáo viên có mặt sớm để kiểm tra công tác chuẩn bị và ổn định tổ chức. Mời đại diện ban tổ chức khóa học phát biểu khai mạc và tham gia ban giám

khảo chấm điểm các phần thi; giải thích cho người đại diện BTC cách chấm điểm. Chiếu slide phong nền chào mừng hội thi để tạo không khí như hội thi thật. Có thể bật bài nhạc phù hợp.

- 10' trước phần thi đầu, mời đại diện BTC lớp học tuyên bố bắt đầu hội thi. Giáo viên nhắc lại thể lệ bằng power point.
- Mời lần lượt từng nhóm lên thi.
- Tiến hành hỏi đáp sau mỗi phần thi để làm rõ sáng kiến của DN theo các tiêu chí chấm điểm, đặc biệt là hiệu quả và tác động. Chú ý rằng:
 1. Hiệu quả: được hiểu là sáng kiến mà nhóm đề ra hữu ích đến mức nào trong việc phòng ngừa và xử lý vấn đề cụ thể của doanh nghiệp về LĐTE.
 2. Tác động: được hiểu là số lượng trẻ em và vị thành niên được giúp đỡ và mức độ cải thiện tình trạng của các em sau khi sáng kiến được thực hiện.
- Chuyển tiếp nhóm sau đến hết. Chúc mừng các nhóm đã hoàn thành phần thi.

3. Tổng kết và công bố kết quả hội thi

- Sau giờ giải lao, trong lúc BGK tổng kết điểm và thống nhất nhóm nào được nhận phần thưởng, giao cho 6 nhóm nhiệm vụ tổng kết lại các kiến thức đã học trong khóa học để lên điều hành lớp ôn tập 5 phút theo các chủ đề như sau:

1. Khái niệm “lao động trẻ em” và các khái niệm cơ bản liên quan	Nhóm 1
2. Bốn tiêu chí xác định lao động trẻ em	Nhóm 2
3. Pháp luật quốc tế về lao động trẻ em	Nhóm 3
4. Pháp luật Việt Nam về lao động trẻ em	Nhóm 4
5. Thực trạng và nguyên nhân của LĐTE, vai trò và lợi ích của DN trong phòng ngừa, giảm thiểu	Nhóm 5
6. Bảy hành động khuyến nghị DN áp dụng để phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Nhóm 6

- Sau khi thống nhất xong, BGK công bố kết quả và trao phần thưởng cho nhóm được giải.

4. Kết thúc

- Hỏi học viên từ hội thi rút ra được điều gì thú vị, điều gì có thể áp dụng khi trở về doanh nghiệp của mình. Phân tích các phần dự thi để học viên nhận thấy những sáng kiến hiệu quả và những điểm có thể làm tốt hơn.
- Chuyển qua phần tổng kết: Mời 6 nhóm lên điều hành phần ôn tập kiến thức theo chủ đề đã giao. Khuyến khích các nhóm đặt câu hỏi và tương tác với học viên các nhóm khác trước khi đưa ra câu trả lời mình đã tổng kết.
- Cuối cùng, giáo viên củng cố lại những điểm quan trọng nhất, chúc mừng học viên đã hoàn thành khóa học và nhấn mạnh điều chủ yếu bây giờ là triển khai những sáng kiến hành động đã nêu tại doanh nghiệp và hệ thống cung ứng của mình.



Phần 4. Các phụ lục



Phụ lục 1. Các khái niệm cơ bản và tiêu chí xác định lao động trẻ em

B1. Thế nào là trẻ em

Trong luật pháp quốc tế, trẻ em được định nghĩa là những người dưới 18 tuổi. Các quy định cụ thể như sau:

- Trẻ em là những người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn. (Điều 1, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, 1989)
- Trong Công ước này, thuật ngữ “trẻ em” sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi. (Điều 2, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999)

Pháp luật Việt Nam quy định:

- Trẻ em là người dưới 16 tuổi. (Điều 1, Luật Trẻ em, 2016)

Bên cạnh khái niệm trẻ em, pháp luật Việt Nam còn có khái niệm “người chưa thành niên”. Theo Khoản 1, Điều 21 Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì “Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi”.

Gắn với khái niệm “người chưa thành niên” là khái niệm “người lao động chưa thành niên”.

- Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi Khoản 1, Điều 143 Bộ luật Lao động 2019.

B2. Thế nào là lao động trẻ em

Trong luật pháp quốc tế, “lao động trẻ em”¹ là thuật ngữ thường dùng để chỉ tình trạng một người dưới 18 tuổi phải làm các công việc có hại đến tinh thần, thể chất, trí tuệ, đạo đức và nhân cách của các em; hoặc phải làm việc từ độ tuổi nhỏ khiến cho các em mất đi cơ hội học tập và phát triển.

Lao động trẻ em là công việc khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, và có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường. Nó bao gồm những công việc:

- **Nguy hiểm và gây hại** cho trẻ em về mặt tinh thần, thể chất, xã hội hay đạo đức; và
- **Cản trở việc học tập** của trẻ em do:
 - Lấy đi của các em cơ hội học tập;
 - Buộc các em phải nghỉ học sớm; hay
 - Buộc các em phải kết hợp việc học với làm việc nặng nhọc và trong nhiều giờ.

¹ Tiếng Anh là “child labour”

Lao động trẻ em được nhận diện thông qua các tiêu chí về độ tuổi, thời giờ làm việc, loại công việc và nơi làm việc được xem là nguy hại cho người dưới 18 tuổi theo hai công ước của ILO là Công ước số 138 năm 1973 về tuổi lao động tối thiểu và Công ước số 182 năm 1999 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Cụ thể, nó bao gồm những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, những công việc nguy hại và công việc không được phép thực hiện bởi trẻ em dưới tuổi lao động tối thiểu theo luật từng nước.

Pháp luật Việt Nam chưa có định nghĩa chính thức về lao động trẻ em, nhưng có nhiều quy định có liên quan đến lao động trẻ em. Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam quy định “Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Khoản 1, khoản 2, Điều 144 Bộ Luật lao động năm 2019 quy định “Lao động chưa thành niên chỉ được làm công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách” và “Người sử dụng lao động” Người sử dụng lao động khi sử dụng lao động chưa thành niên có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động về các mặt lao động, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động”... Căn cứ vào pháp luật quốc tế và quốc gia, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xác định lao động trẻ em như sau:

“Lao động trẻ em” được hiểu là **trẻ em và người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động**, tham gia lao động mà hoạt động lao động đó cản trở hoặc tác động tiêu cực đến sự phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách và sự phát triển toàn diện của các em.”²

Xét về nội dung, hai khái niệm nêu trên cơ bản là giống nhau.

B3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến lao động trẻ em

Để xác định chính xác khi nào một công việc do trẻ em thực hiện là lao động trẻ em, doanh nghiệp cần nắm vững một số khái niệm sau:

1. Tuổi lao động tối thiểu

Tuổi lao động tối thiểu không được thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc và do luật quốc gia quy định.

Công ước số 138 của ILO quy định tuổi lao động tối thiểu, bao gồm tuổi tối thiểu cơ bản, tuổi tối thiểu áp dụng với công việc nguy hại; tuổi tối thiểu áp dụng với công việc nhẹ. Có mức tuổi lao động tối thiểu áp dụng chung cho mọi quốc gia, đồng thời Công ước 138 cũng có những quy định ngoại lệ phù hợp với các nước đang phát triển, như tóm tắt trong Bảng 1.

Ở Việt Nam, Bộ luật Lao động 2019 quy định về tuổi lao động tối thiểu như sau:

- Tuổi tối thiểu chung: Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động (Khoản 1, Điều 3, Bộ luật Lao động năm 2019).

² ILO - IPEC <http://www.ilo.org/ipecc/facts/lang--en/index.htm>

- Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành (Khoản 1 và 2, Điều 147, Bộ luật Lao động năm 2019).
- Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ: Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Khoản 3, Điều 143, Bộ luật Lao động năm 2019).

Bảng 1. Tuổi lao động tối thiểu theo Công ước 138 của ILO và theo quy định của pháp luật Việt Nam

Tuổi lao động tối thiểu	Tuổi lao động tối thiểu theo Công ước 138		Tuổi lao động tối thiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam
	Áp dụng chung cho mọi quốc gia	Quy định ngoại lệ	
Tuổi tối thiểu chung	Không dưới 15 tuổi	Không dưới 14 tuổi (cho các nước đang phát triển)	Đủ 15 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (NNĐHNH)	Không dưới 18 tuổi	Không dưới 16 tuổi (Nhưng an toàn và phẩm hạnh của các em phải được đảm bảo)	Không dưới 18 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với các công việc nhẹ	13 - 15 tuổi	12-14 tuổi (cho các nước đang phát triển)	Từ 13- dưới 15 tuổi

2. Công việc nhẹ

Công việc nhẹ là công việc trẻ em có thể thực hiện mà không ảnh hưởng tới sức khỏe và sự an toàn, hoặc không cản trở việc học tập hoặc đào tạo nghề của các em. Việt Nam đã ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH trong đó quy định:

- Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc; và
- Danh mục công việc được sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm việc. (Phụ lục II)

3. Công việc nguy hại

Công việc nguy hại là một trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Đây là những công việc có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của

thanh thiếu niên do tính chất nguy hiểm độc hại (như tiếp xúc thường xuyên với hóa chất, khí gas, chất nổ, thú dữ, nhiệt độ cao) hoặc được tiến hành trong những điều kiện có nguy cơ đặc biệt cao đối với các em (như làm việc dưới lòng đất, trên công trường xây dựng, trong quán bar, phòng hát karaoke). Theo Công ước số 138 của ILO, không được phép giao cho người dưới 18 tuổi thực hiện loại công việc này, trừ một số trường hợp ngoại lệ do luật quốc gia quy định.

Luật pháp Việt Nam quy định không được sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách của các em. Danh mục các công việc đó được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 147 Bộ luật Lao động năm 2019, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và Thông tư liên tịch số 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT (Phụ lục 2) và không có văn bản pháp lý nào quy định các trường hợp ngoại lệ.

4. Những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác

Bên cạnh những công việc nguy hại đã nêu ở trên, những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác theo Điều 3, Công ước 182 của ILO gồm mọi hình thức nô lệ, buôn bán và vận chuyển trẻ em, gán nợ, lao động nô lệ và lao động cưỡng bức, trong đó có tuyển mộ cưỡng bức trẻ em tham gia vào các xung đột vũ trang; sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất các sản phẩm phim ảnh khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm; các hoạt động bất hợp pháp, như ăn xin có tổ chức hoặc sản xuất, tàng trữ, buôn bán và vận chuyển chất ma túy. Không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi làm những công việc này.

B4. Khi nào công việc do trẻ em thực hiện bị coi là lao động trẻ em

Không phải công việc nào do trẻ em thực hiện cũng là lao động trẻ em. Hàng triệu thanh thiếu niên dưới 18 tuổi đang làm những công việc hợp pháp và phù hợp với độ tuổi và mức độ trưởng thành của các em, để chuẩn bị bước ra xã hội và chuyển tiếp từ nhà trường sang việc làm. Thông qua lao động, các em xây dựng được ý thức làm việc và tinh thần trách nhiệm, rèn luyện kỹ năng, tạo thu nhập cho bản thân và gia đình, và góp phần phát triển kinh tế quốc gia.

Tuy nhiên, khi người chưa thành niên làm các công việc trái quy định pháp luật về lao động thì bị coi là lao động trẻ em. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước số 138 và 182 của ILO và nội dung của hai công ước này đã được chuyển hóa vào các điều khoản của Bộ luật Lao động 2012 và pháp luật có liên quan. Phù hợp với khung khổ pháp lý đó, có thể xác định trẻ em và người chưa thành niên là lao động trẻ em nếu vi phạm bất kỳ một tiêu chí nào trong các tiêu chí sau đây.

1. Loại công việc

Loại công việc được giới hạn theo 3 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc theo nhóm tuổi) như sau:

Dưới 13 tuổi	Làm những công việc ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật lao động năm 2019 và “Danh mục công việc được sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc” quy định tại khoản 6 Điều 3, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH và “Các trường hợp ngoại trừ” theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4).
Đủ 13 – dưới 15 tuổi	Làm những công việc ngoài “Danh mục công việc nhẹ người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm” quy định tại Phụ lục II Thông tư số 11/2013/TT-LĐTBXH và “Các trường hợp ngoại trừ” theo Công ước số 138 của ILO (Phụ lục 4).
Đủ 15 – dưới 18 tuổi	Tham gia mọi công việc và hoạt động kinh tế mà vi phạm quy định tại Khoản 1, Điều 147 Luật Lao động năm 2019 và “Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên”

Tuy nhiên, nếu những CÔNG VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công ước 138 của ILO (Phụ lục 4), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Nơi làm việc

Giới hạn theo nơi làm việc như sau:

- a) Những nơi làm việc bị cấm quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ Luật Lao động năm 2019, cụ thể:
 - Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
 - Công trường xây dựng;
 - Cơ sở giết mổ gia súc;
 - Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
 - Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.
- b) Những nơi làm việc bị cấm quy định tại “Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên” Phụ lục IV, Thông tư số 09/2020/TT-LĐTBXH.

Tuy nhiên, nếu những NƠI LÀM VIỆC cấm sử dụng người chưa thành niên này rơi vào các trường hợp ngoại trừ theo Điều 6 Công ước 138 của ILO (Phụ lục 4), và các em được bảo vệ đầy đủ, được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng (theo Khoản 3 Điều 1 của Công ước 138 của ILO), thì các em có thể tham gia trong khuôn khổ chương trình giáo dục, đào tạo hoặc hướng nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Không được phép sử dụng người dưới 18 tuổi vào những công việc sau đây:

- a) Mọi hình thức nô lệ hoặc tương tự nô lệ, như buôn bán trẻ em, gán nợ, lao động khổ sai, lao động cưỡng bức, bao gồm tuyển mộ cưỡng bức hoặc bắt buộc trẻ em để phục vụ trong các cuộc xung đột vũ trang;
- b) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia vào hoạt động mại dâm, sản xuất văn hóa phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm;
- c) Sử dụng, dụ dỗ hoặc lôi kéo trẻ em tham gia các hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là hoạt động sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các chất ma túy như đã được xác định trong các điều ước quốc tế có liên quan;
- d) Những công việc mà tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ.

(Theo Điều 3 Công ước 182 của ILO năm 1999)

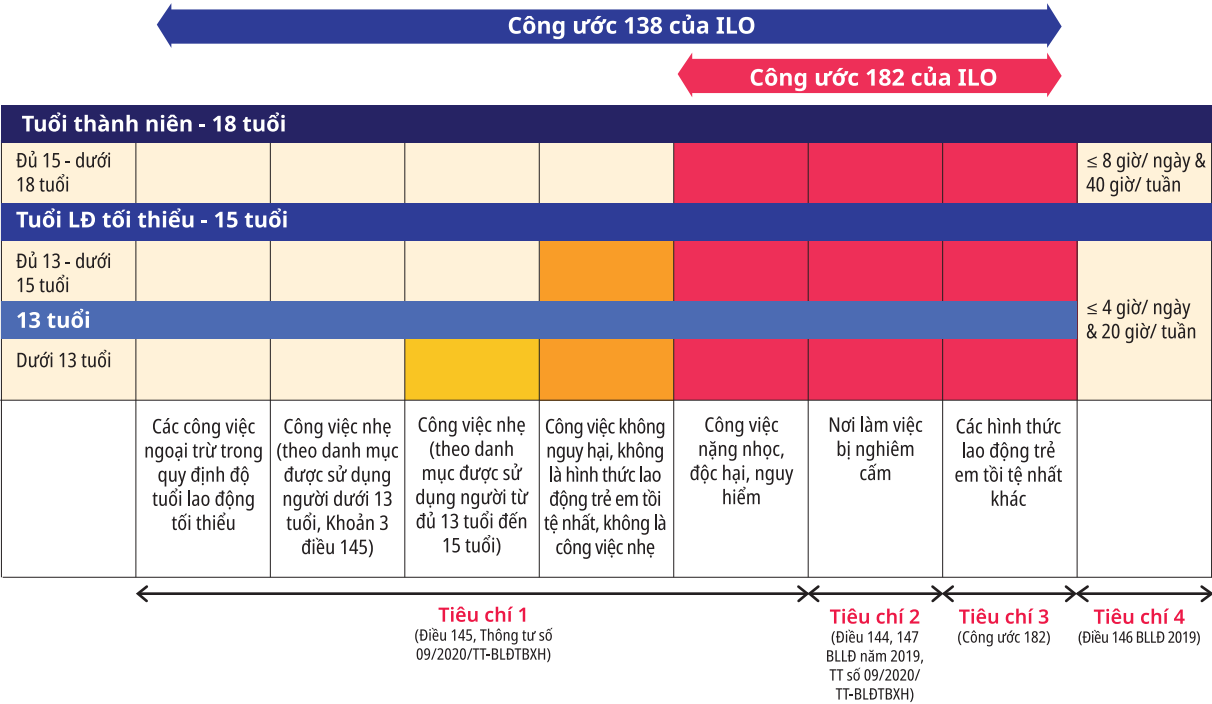
4. Thời giờ làm việc

Giới hạn theo ngày và theo tuần cho 2 nhóm tuổi (đồng thời thỏa mãn tiêu chí thời giờ làm việc quy định tại Điều 146 Luật lao động năm 2019) như sau:

Dưới 15 tuổi	Không quá 4 giờ/ ngày và 20 giờ/ tuần
Đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi	Không quá 8 giờ/ ngày và 40 giờ/ tuần (mọi công việc trừ công việc vi phạm tiêu chí thứ hai và ba)

Hình 1 dưới đây tóm tắt cách áp dụng các tiêu chí xác định lao động trẻ em phù hợp với các công ước quốc tế và pháp luật lao động của Việt Nam. Các ô trắng thể hiện những công việc do trẻ em và người chưa thành niên thực hiện mà không bị coi là lao động trẻ em. Đó là khi cả bốn tiêu chí cùng được thỏa mãn. Các ô tối màu thể hiện lao động trẻ em cần phải phòng ngừa và giảm thiểu. Đó là khi có một hoặc nhiều hơn một tiêu chí bị vi phạm.

Hình 1. Đây là lao động trẻ em cần xóa bỏ



(Nguồn: Hiệu chỉnh theo các công ước quốc tế và luật quốc gia của Việt Nam, dựa trên hình gốc từ Báo cáo toàn cầu của ILO: A future without child labour, Report I(B) ILO 90th, 2002)

Phụ lục 2. Danh mục các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên

Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

1. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc sau đây:

- a) Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;
- b) Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;
- c) Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;
- d) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- đ) Phá dỡ các công trình xây dựng;
- e) Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;
- g) Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;
- h) Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

2. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở các nơi sau đây:

- a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;
- b) Công trường xây dựng;
- c) Cơ sở giết mổ gia súc;
- d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;
- đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục tại điểm h khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

B. Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH.

DANH MỤC CÔNG VIỆC GÂY TỔN HẠI ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LỰC, TRÍ LỰC, NHÂN CÁCH CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM H KHOẢN 1 ĐIỀU 147 CỦA BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thuỷ ngân, kẽm, bạc).
2. Đốt và ra lò luyện cốc.
3. Đốt lò đầu máy hơi nước.
4. Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa, trấu) và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h).
5. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar.
6. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).
7. Lắp đặt khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).
8. Thu gom bã thải sản xuất cón công nghiệp.
9. Vận hành máy hồ vải sợi.
10. Nhuộm, hấp, vải sợi.
11. Chủ nhiệm kho, thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm.
12. Khai thác đá, đập đá thủ công, cày bẫy đá trên núi.
13. Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.
14. Tuyển quặng chì.
15. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atmotphe trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn

động không bình thường cho thân thể người).

16. Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.
17. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.
18. Cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công.
19. Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.
20. Vận xuất gỗ lớn, xeo bần, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.
21. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.
22. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.
23. Lái máy kéo nông nghiệp.
24. Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.
25. Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.
26. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ (trừ máy cầm tay).
27. Trực tiếp nuôi, huấn luyện thú dữ hoặc động vật có nọc độc.
28. Sơ chế tre, nứa, mây và cói, nếu có sử dụng hóa chất độc hại.
29. Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.
30. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m.
31. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.
32. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.
33. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện.
34. Khảo sát đường sông.
35. Các công việc trên tàu đi biển, trừ trường hợp đủ 16 tuổi trở lên.

36. Lắp đặt giàn khoan.
37. Làm việc ở giàn khoan trên biển.
38. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triều đà.
39. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
40. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.
41. Cán ép tấm da lớn, cứng.
42. Tráng paraffin trong bể rượu.
43. Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.
44. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.
45. Đốt lò sinh khí nấu thuỷ tinh, thổi thuỷ tinh bằng miệng.
46. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/h.
47. Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vác, gá đặt vật gia công có trọng lượng từ 20kg trở lên.
48. Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.
49. Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.
50. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
51. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.
52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.
53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; trên 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện đó.
54. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

55. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hóa chất.
56. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.
57. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen:
 - 57.1. Hóa chất: 5 Flioro- uracil;
 - 57.2. Hóa chất: Benzen.
58. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):
 - 58.1. Estrogen;
 - 58.2. Axít cis-retinoic;
 - 58.3. Cacbaryl;
 - 58.4. Dibromuaclo propan(DBCP);
 - 58.5. Toluendiamin và dinitrotoluen;
 - 58.6. Polyclorin biphenyl (PCBs);
 - 58.7. Polybromua biphenyl (PBBs).
59. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm các khâu: sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:
 - 59.1. Hóa chất: 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
 - 59.2. Hóa chất: 4 aminnobiphenyl;
 - 59.3. Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crosidolit;
 - 59.4. Asen (hay thạch tín), canxi asenat;
 - 59.5. Dioxin;
 - 59.6. Diclorometyl-ete;
 - 59.7. Các loại muối cromat không tan;
 - 59.8. Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;

- 59.9. Xyclophotphamit;
- 59.10. Diethylstilboestol;
- 59.11. Hóa chất: 2, Naphtylamin;
- 59.12. Hóa chất: N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;
- 59.13. Thori dioxyt;
- 59.14. Theosufan;
- 59.15. Vinyl clorua, vinyl clorid;
- 59.16. Hóa chất: 4- amino, 10- metyl folic axít;
- 59.17. Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
- 59.18. Nitơ pentoxyt;
- 59.19. Hóa chất: 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;
- 59.20. Hóa chất: 2- alphaphenyl-beta axetyletyl;
- 59.21. Axety salixylic axít;
- 59.22. Asparagin;
- 59.23. Benomyl;
- 59.24. Boric axít;
- 59.25. Cafein;
- 59.26. Dimetyl sunfoxid;
- 59.27. Direct blue-1;
- 59.28. Focmamid;
- 59.29. Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
- 59.30. Iod (kim loại);
- 59.31. Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
- 59.32. Mercapto, purin;
- 59.33. Kali bromua, kali iodua;

- 59.34. Propyl- thio- uracil;
- 59.35. Ribavirin;
- 59.36. Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
- 59.37. Tetrametyl thiuram disunfua;
- 59.38. Trameinnolon axetonid;
- 59.39. Triton WR-1339;
- 59.40. Trypan blue;
- 59.41. Valproic axít;
- 59.42. Vincristin sunfat;
- 59.43. Khí dụng Vinazol.

60. Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây

- 60.1. Oxyt cacbon (CO): trong vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
- 60.2. Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
- 60.3. Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);
- 60.4. Phốt pho và các hợp chất P₂O₅, P₂S₅, PCl₃, H₃P;
- 60.5. Trinitro toluen (TNT);
- 60.6. Mangan dioxyt (MnO₂);
- 60.7. Photgein (COCl₂);
- 60.8. Disunfua cacbon(CS₂);
- 60.9. Oxit nitơ và axít nitric;
- 60.10. Anhydrit sunfuaric và axít sunfuaric;
- 60.11. Đất đèn (CaC₂) như vận hành lò đất đèn dạng hở, thải xỉ.

61. Làm việc trong thùng chìm.

62. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước
bắn hơi thổi.

63. Sản xuất photpho vàng.

- 64. Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mồ mả, các công việc trong nhà xác.
- 65. Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.
- 66. Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.
- 67. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo.
- 68. Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên:

Tuổi của lao động chưa thành niên	Công việc không thường xuyên (kg)		Công việc thường xuyên (kg)	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15

- 69. Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì.

C. Theo Thông tư liên tịch 21/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT, 2004 (về việc hướng dẫn, quy định danh mục chỗ làm việc, công việc không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm)

- 1. Tại các cơ sở dịch vụ lưu trú: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, biệt thự kinh doanh du lịch, căn hộ cho thuê và cơ sở lưu trú khác.
 - 1.1. Chỗ làm việc:
 - Phòng bảo vệ;
 - Quầy bar, lễ tân;
 - Bộ phận phục vụ buồng;

1.2. Công việc:

- Bảo vệ;
- Lễ tân;
- Phục vụ buồng, phòng;
- Phục vụ bàn, bar.

2. Tại các cơ sở dịch vụ văn hoá: vũ trường, karaoke; hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát, quán bar, quán cà phê; đại lý cung cấp dịch vụ truy cập Internet.

2.1. Chỗ làm việc:

- Phòng hát;
- Sàn nhảy;
- Sân khấu;
- Nơi trực tiếp phục vụ khách hàng truy cập Internet.

2.2. Công việc:

- Điều khiển thiết bị âm thanh, ánh sáng;
- Hát với khách;
- Khiêu vũ cùng khách;
- Nhảy trình diễn nghệ thuật;
- Nhảy trình diễn không nghệ thuật;
- Biểu diễn nhạc sống;
- Điều hành các hoạt động trực tiếp tại sàn khiêu vũ;
- Phục vụ khách truy cập Internet.

3. Tại các cơ sở dịch vụ trị liệu phục hồi sức khoẻ: xoa bóp/massage, tắm hơi, tắm quất bấm huyết, vật lý trị liệu.

3.1. Chỗ làm việc:

- Phòng tắm hơi;
- Phòng xoa bóp/massage, tắm quất.

3.2. Công việc:

- Xoa bóp/massage;
- Các công việc khác tại phòng xoa bóp/massage, phòng tắm.

4. Tại các cơ sở dịch vụ khác: tắm nóng lạnh, hớt tóc, gội đầu thư giãn, cơ sở kinh doanh vận chuyển khách du lịch, lữ hành.

4.1. Chỗ làm việc:

- Phòng cắt tóc gội đầu kín;

- Phòng chơi game (trò chơi điện tử có thưởng, bi-a, đánh cờ, bowling);
- Nơi dịch vụ thể thao trong nhà, ngoài trời, trên biển, leo núi.

4.2. Công việc:

- Phục vụ khách tắm;
- Cắt tóc;
- Gội đầu;
- Xoa bóp/massage;
- Hướng dẫn du lịch;
- Lái xe xích lô và các phương tiện thô sơ chuyên dùng vận chuyển khách du lịch.

D. Theo Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH, 1999

(về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm)

D1. Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Cơ khí, luyện kim:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Khai thác lộ thiên quặng kim loại màu, Crôm	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thiếu dưỡng khí, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc.
2	Vận hành máy nghiền, trộn quặng kim loại màu	Chịu tác động của tiếng ồn cao, bụi độc vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép nhiều lần.
3	Tuyển trọng lực quặng kim loại màu, Crôm	Công việc thủ công, chịu tác động của Asen và các ôxyt kim loại.
4	Vận hành cầu trục trong phân xưởng tuyển, luyện quặng và sản phẩm kim loại màu	Thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi, hơi và khí độc.
5	Đóng bao, bốc xếp quặng và sản phẩm kim loại màu	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, chịu tác động của hóa chất độc trong quặng.
6	Chế biến thủ công quặng kim loại màu	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với các chất độc như: asen, chì...
7	Làm việc trên sàn đúc luyện gang, thép	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
8	Làm việc trước lò luyện gang, thép, cốc	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của nóng, bụi, hơi và khí độc.
9	Vận hành máy hút khí (thượng tầng) nhà máy luyện cốc	Thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, hơi khí độc và bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép nhiều lần.
10	Chưng cất đầu cốc và các sản phẩm sau cốc	Thường xuyên tiếp xúc với nóng và hóa chất dễ gây bệnh da nghề nghiệp.
11	Xử lý thải xỉ lò cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, rất nóng, bụi vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép rất nhiều lần.
12	Nấu, sửa chữa lò nấu gang Quy bi lò	Công việc rất nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi, CO và CO2.
13	Sấy bàn khuôn, cần nút	Công việc rất nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao, hơi và khí độc.

2. Giao thông vận tải:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Bốc xếp thủ công dưới các hầm tàu vận tải biển	Công việc rất nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó.
	Điều kiện lao động loại V	
2	Sản xuất vỏ tàu và các sản phẩm từ Composit	Tiếp xúc với các hóa chất độc như: butanol, axetol, bông thủy tinh...
3	Làm việc trên đốc nổi	Thường xuyên làm việc trong hầm chật hẹp, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của nóng và tiếng ồn cao
4	Lặn kiểm tra tàu, vệ sinh lòng bến, đặc goong phục vụ hạ thủy	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.

3. Sắt tráng men, nhựa, tạp phẩm, da, giày, giấy, gỗ, diêm

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Pha chế mực viết	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với Asen
2	Nấu men	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm thường xuyên chịu tác động của bức xạ nhiệt rất cao và hơi khí độc.

4. Xây dựng:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Xây dựng ống khói, lò cao, xi lô bằng phương pháp bê tông cốt pha trượt và áp dụng lực	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của bụi nồng độ cao.

5. Thủy sản:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy tàu kiểm ngư, tàu nghiên cứu nguồn lợi hải sản	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rúng và ồn rất cao.
2	Lặng bắt các loại hải sản tự nhiên dưới đáy biển	Công việc rất nặng nhọc và rất nguy hiểm.
3	Bốc xếp thủ công ở dưới các hầm tàu đánh cá biển	Công việc rất nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó.
	Điều kiện lao động loại V	
4	Cán bộ, thuyền viên làm việc trên tàu kiểm ngư, tàu nghiên cứu nguồn lợi hải sản	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm chịu tác động của sóng gió, ồn, rung.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
5	Bốc dỡ đá cây, thùng đá lên xuống tàu đánh cá biển	Công việc rất nặng nhọc, nơi làm việc chật trội, tư thế làm việc gò bó.
6	Làm việc thường xuyên trong hầm, kho đông lạnh.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc chật hẹp, rất lạnh.
7	Khai thác nguyên liệu, sản xuất thuốc kích dục cá đẻ.	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc như: H2SO4, Axêton, Axít Benzoic.
8	Lắp đặt, sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh, đường ống, van kết trong hầm tàu đánh cá biển.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động rất gò bó, tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.

6. Dầu khí

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Làm việc ngoài trời, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc, sóng, gió.
2	Sửa chữa giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, hóa chất độc.
3	Chống ăn mòn các công trình dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm chịu tác động của bụi, hóa chất độc, ồn, rung, sóng và gió.
4	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy tàu chứa dầu	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của rung và ồn cao.
5	Thợ lặn dầu khí	Công việc rất nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của áp suất cao.
6	Địa vật lý (Karota, định lượng xạ) giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của chất phóng xạ, ồn, rung.
	Điều kiện lao động loại V	
7	Bơm trám xi măng, dung dịch khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
8	Bốc mẫu giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung.
9	Xử lý vùng đáy giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của các loại hóa chất độc, ồn, rung.
10	Gọi dòng dầu khí trên các giàn khoan dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung.
11	Khảo sát, thử vữa giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan ngoài biển	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung.
12	Karota khí trên các giàn khoan dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của hóa chất độc, ồn, rung.
13	Bắn nổ mìn giếng khoan dầu khí trên các giàn khoan dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của hơi khí độc.
	Điều kiện lao động loại V	
14	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác, xử lý dầu khí trên các giàn khoan, khai thác dầu khí ngoài biển.	Nơi làm việc nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung và hóa chất độc.
15	Vận hành, sửa chữa các thiết bị, máy móc trên tàu chứa dầu và trên các công trình dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung, thường xuyên tiếp xúc với dầu, mỡ
16	Phòng ngừa và xử lý sự cố dầu khí trên các giàn khoan, khai thác dầu khí ngoài biển	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung.
17	Móc cáp treo hàng trên các công trình dầu khí ngoài biển	Công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, ồn và rung.
18	Vận hành máy Xray, máy quang phổ Auger	Thường xuyên chịu tác động của các tia xạ.
19	Lắp ráp, sửa chữa các công trình dầu khí	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, bụi nồng độ rất cao.
20	Khảo sát thực địa biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của điện từ trường, ồn, rung và sóng gió.
21	Vận hành cầu nổi từ 600 tấn trở lên	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của sóng gió, ồn và rung.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
22	Bác sỹ sinh lý lặn	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của áp suất cao.
23	Phân tích các chỉ tiêu đặc biệt (P, V, T) của lưu thể và dầu thô	Thường xuyên tiếp xúc với thủy ngân, và các dung môi hữu cơ.

7. Thể dục, thể thao

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Vận động viên quyền anh, võ vật, cử tạ, lặn	Cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng rất lớn, nguy hiểm và căng thẳng thần kinh tâm lý.
2	Vận động viên bóng đá, đua ô tô, mô tô, ca nô, máy bay, tàu lượn, nhảy dù, đua ngựa	Thường xuyên làm việc ngoài trời, cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng rất lớn, rất nguy hiểm và căng thẳng thần kinh tâm lý.
	Điều kiện lao động loại V	
3	Huấn luyện viên bóng đá, quyền anh, võ vật, lặn, đua ô tô, mô tô, máy bay, nhảy dù, đua ngựa	Cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng lớn, nguy hiểm và căng thẳng thần kinh tâm lý.
4	Vận động viên bóng rổ, bóng ném, điền kinh, đua xe đạp, bơi lội, bơi nghệ thuật, bơi thuyền, bóng nước, nhảy cầu, lướt ván, thể dục dụng cụ	Cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng lớn, nguy hiểm và căng thẳng thần kinh tâm lý.

8. Thương binh và xã hội

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Trực tiếp khám, điều trị, xét nghiệm, phục vụ bệnh nhân phong, lao, tâm thần, liệt, chấn thương cột sống, sọ não tại các cơ sở điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng	Công việc nặng nhọc, độc hại, thường xuyên tiếp xúc với phân, mủ, nước tiểu bẩn thỉu hôi thối.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
2	Đổ, nặn nhựa tổng hợp lỏng làm các chi tiết để sản xuất chân, tay giả bằng phương pháp thủ công	Tư thế làm việc gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các dung môi hữu cơ và các hóa chất độc khác.

D2. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Cơ khí, luyện kim:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại V	
1	Thủ kho, giao nhận quặng và các sản phẩm kim loại màu	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi độc.
2	Bảo vệ bãi khai thác quặng, Crôm	Thường xuyên phải đi lại, chịu tác động của ồn và bụi.
3	Trực tiếp chỉ đạo sản xuất trong khai thác, tuyển, luyện quặng kim loại màu và Crôm.	Thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi và hơi, khí độc.
4	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác, tuyển, luyện quặng kim loại màu	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của các yếu tố ồn, bụi.
5	Vệ sinh công nghiệp phân xưởng, nhà máy tuyển, luyện quặng kim loại màu	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi và hơi khí độc.
6	Vận hành quạt gió lò cao, lò cốc	Chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi và khí độc.
7	Vận hành xe hứng liệu luyện gang	Thường xuyên chịu tác động của bụi và khí độc.
8	Đốt lò gió nóng	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nhiệt độ cao và bụi.
9	Sản xuất xỉ bông, xỉ hạt	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng và bụi nồng độ rất cao.
10	Thủ kho dầu cốc	Chịu Tác động của nóng, hơi và khí độc.
11	Nạp liệu lò cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi CO và CO2

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
12	Coi nước lò cao	Phải đi lại nhiều, chịu tác động của nhiệt độ cao, CO và CO2
13	Vận hành băng truyền cấp liệu cốc và thiêu kết	Phải đi lại thường xuyên, nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của bụi nồng độ cao.
14	Điều chỉnh hệ thống nhiệt luyện cốc (Giao hoán)	Chịu tác động của nhiệt độ cao, bụi.
15	Vận hành, sửa chữa đồng hồ lưu lượng	Tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi và thủy ngân.
16	Phối liệu thiêu kết	Chịu tác động của nóng và bụi nồng độ cao
17	Sửa chữa, bơm mỡ bảo dưỡng thiết bị luyện kim	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với nóng, bụi.
18	Vận hành máy, van hơi thiêu kết	Công việc rất nặng nhọc, tiếp xúc với nhiệt độ cao, CO, CO2.
19	Bơm nước dập lửa than cốc	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với nóng và bụi nồng độ rất cao.
20	Sấy, phân loại quặng	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi.
21	Vận hành máy nghiền bùn để luyện, đúc gang thép	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung.
22	Thao tác phễu thành phẩm thiêu kết	Chịu tác động của nóng, bụi nồng độ cao.
23	Vận hành máy lọc bụi quặng thiêu kết	Chịu tác động của nóng và bụi nồng độ rất cao.
24	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật luyện gang, thép, cán thép	Thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, bụi, CO và CO2.
25	Làm việc trên sàn nguội, cắt, bó sản phẩm thép cán.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi.
26	Sản xuất, sửa chữa khuôn kéo dây thép	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với bụi, nóng.
27	Tu sửa đường ống khí than, khí nén, nước nhà máy luyện kim	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của bụi, nóng.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
28	Vệ sinh công nghiệp nhà máy luyện kim	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi.
29	Nghiền sàng Đolômít và vôi	Chịu tác động của rung, ồn và bụi.
30	Xuống than và gom than	Công việc thủ công nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao.
31	Thủ kho dầu cốc	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hơi dầu cốc nóng và độc.
32	Bảo quản kim khí	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với dầu, mỡ.
33	Vận hành máy nghiền, sàng bột xây dựng	Chịu tác động của ồn, rung và bụi có nồng độ rất cao.
34	Vận hành máy mài, băng dũa	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, bụi.
35	Nhiệt luyện kim loại bằng lò tôi cao tần	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng và bụi.
36	Vận hành máy cắt phôi dũa, máy cán mũi và chuôi dũa	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung.
37	Nung kim loại bằng lò trung tần	Công việc nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao.
38	Đốt, vận hành lò ủ kim loại	Công việc nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao, CO và CO2.
39	Tẩy rửa, nhuộm đen kim loại và các sản phẩm kim loại bằng hóa chất	Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, xút....
40	Mạ Niken, Crôm.	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc hại.
41	Chà sàng, cạo rỉ, đánh bóng kim loại	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi nồng độ cao.
42	Vận hành máy dập, dũa, mài bi kim loại	Thường xuyên tiếp xúc với rung, ồn và hóa chất độc
43	Vận hành máy quay, đánh bóng bi kim loại	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi, ồn

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
44	Cà đá mài bi	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, ồn.
45	Đúc chì để gắn đá mài bi	Thường xuyên tiếp xúc với nóng và hơi chì.
46	Chọn bi kim loại (đường kính dưới 1cm) bằng mắt	Công việc nặng nhọc, đơn điệu, rất căng thẳng thị giác, tư thế lao động gò bó.
47	Hàn bằng phương pháp nung chảy	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi.
48	Hàn cao áp.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và khí độc.
49	Nguội sửa chữa xe cơ giới loại từ 10 tấn trở lên và các loại xe chạy bằng bánh xích.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ.
50	Vệ sinh công nghiệp nhà máy cơ khí	Công việc thủ công nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với bụi, hóa chất.

2. Giao thông vận tải:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật đóng, sửa chữa tàu, thuyền ở các bến cảng	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó.
2	Sản xuất Matít để xăm vỏ tàu gỗ	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.

3. Sắt tráng men, nhựa, tạp phẩm, da, giày, giấy, gỗ, diêm

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Đốt lò nung men	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng, bụi.
2	Pha trộn bột men thủ công	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với bụi độc nồng độ cao.
3	Sản xuất keo để gắn các sản phẩm nhựa PVC	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
4	Vận hành máy xẻ ống nhựa PVC	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với bụi nồng độ cao.
5	Vận hành máy xay, nghiền, trộn, cán, đùn, ép nhựa PVC, PE	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với bụi, hơi và khí độc.
6	Viền mép sản phẩm sắt tráng men	Công việc đơn điệu, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường nóng.
7	Tráng men thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.
8	Cán nhôm lạnh	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao.
9	Hấp, ủ nhôm	Công việc nặng nhọc, thường xuyên làm việc trong môi trường nóng, bụi.
10	Căng sấy da, ty da	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với vi sinh vật gây bệnh.
11	Hấp da chân không	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.
12	Mài nhẵn mặt da, lạng da.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với bụi nồng độ cao.
13	Vận hành máy gò giấy.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với ồn và nhiệt độ cao.

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
14	Sơn, in da và pha chế hóa chất để sơn, in da	Công việc độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
15	Phết keo đế và mũ giày.	Công việc thủ công, rất độc hại, thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ.
16	Vệ sinh công nghiệp nhà máy thuộc da	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc và vi khuẩn gây bệnh.
17	Hấp lưu hóa giày, dép cao su	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc trong môi trường nhiệt độ cao.
18	Cán, luyện cao su trong sản xuất giày dép	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao, ồn, bụi, khí độc SO2 và H2S
19	Sàng, sấy hóa chất phối liệu cao su	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.
20	Hóa nghiệm, phân tích chất lượng hóa chất, các sản phẩm trong sản xuất giấy	Thường xuyên tiếp xúc với các loại hóa chất độc như: HCl, H2SO4, HNO3, HF, CH3COOH...
21	Bảo quản bè gỗ trên sông	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của các vi sinh vật gây bệnh.
22	Bảo quản, ngâm, vớt gỗ trong hồ	Công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với nước bẩn có nhiều vi sinh vật gây bệnh.
23	Vận hành máy cưa, xẻ gỗ làm diêm	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn cao.
24	Làm sạch gỗ ngâm.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, tư thế lao động gò bó.
25	Vận hành máy bào, chặt, sấy, sàng, chọn que diêm	Thường xuyên tiếp xúc với ồn và bụi nồng độ cao.
26	Pha chế axit, H3PO4 để tẩm que diêm và thuốc mặt phấn	Tư thế làm việc gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc.
27	Vận hành máy khuấy, chầm hóa chất đầu que diêm.	Công việc nặng nhọc, Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn và hóa chất độc.

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
28	Vận hành máy sắp que diêm mộc	Chịu tác động của tiếng ồn cao, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.
29	Sấy que diêm thuốc và diêm phấn.	Công việc bán thủ công, nặng nhọc, làm việc trong môi trường nóng và độc.
30	Vận hành máy xay, nghiền, tán muối KCl2O3	Tiếp xúc với hóa chất dễ cháy nổ, ồn và bụi.
31	Tinh chế muối KCl2O3	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất dễ cháy, nổ, bụi.
32	Vận hành máy quét mặt phấn	Công việc bán thủ công, đơn điệu, tiếp xúc với hóa chất độc.

4. Thủy sản:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Chế biến thủy, hải sản đông lạnh	Phải đứng suốt ca làm việc, thường xuyên tiếp xúc với nước lạnh, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt.
2	Vận hành hệ thống thiết bị chế biến thủy, hải sản	Tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng, ồn, nơi làm việc ẩm ướt.
3	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống lạnh, kho lạnh, hệ thống sản xuất đá cây, đá vảy.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với lạnh.
4	Chế biến chượp, mắm tôm, mắm kem, nước mắm, thủy, hải sản khô; xúc rửa bao bì, bể chượp.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt.
5	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật sản xuất thuốc kích dục cá đẻ.	Chịu tác động của các hóa chất độc như: H2SO4, Axêton, axit Benzoic.
6	Sửa chữa thiết bị đánh bắt hải sản	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó thường xuyên tiếp xúc với vi sinh vật gây bệnh.
7	Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ở sông, hồ, đầm.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với vi sinh vật gây bệnh.

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
8	Căng hấp, nhuộm lưới	Công việc rất nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất độc.
9	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị sản xuất, tái sinh cước	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn và hóa chất độc.
10	Đánh đĩa sang chỉ trong sản xuất sợi đan lưới	Công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác, tiếp xúc với tiếng ồn và bụi.
11	Đánh dây lưới bằng máy và thủ công	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn.
12	Hóa nghiệm, phân tích chất lượng sản phẩm thủy, hải sản	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc.
13	Sản xuất thức ăn cho tôm, cá.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi và ồn.
14	Sản xuất Chitin, Chitozan, Gelatin Alginat, Aga-aga	Công việc nặng nhọc, làm việc ngoài trời, thường xuyên tiếp xúc với kiềm, axit và thuốc tẩy zaven.
15	Pha trộn các hợp chất Pasta làm gioăng nắp hộp; tráng véc ni thân nắp hộp đồ hộp	Thường xuyên tiếp xúc với NH3, sơn và dung môi hữu cơ.
16	Sản xuất, trực tiếp chỉ đạo sản xuất giống tôm, cá, nhuyễn thể và các thủy, hải sản khác.	Công việc nặng nhọc, làm việc ngoài trời, trong đầm, sông, hồ...
17	Lấy mẫu và phân tích mẫu nước, mẫu sinh vật; xử lý mẫu tiêu bản	Thường xuyên tiếp xúc với H2SO4, HCl...
18	Vận hành máy dệt lưới	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn.
19	Sấy, pha chế, kiểm mẫu viên dầu cá	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, cồn và Axeton.
20	Vệ sinh công nghiệp nhà máy chế biến thủy, hải sản	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh.

5. Dầu khí:

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật trên các giàn khoan, khai thác dầu khí	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung.
2	Nấu ăn và phục vụ trên các công trình dầu khí ngoài biển.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn và rung.
3	Thu gom dầu tràn.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung.
4	Giám thị lặn	Thường xuyên chịu tác động của ồn, rung, sóng, gió.
5	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị vận hành khí và đường ống dẫn khí	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, rung và hóa chất độc.
6	Trực và xử lý sự cố cháy, nổ các trạm bơm khí và đường ống dẫn khí.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn.
7	Sửa chữa thiết bị khoan, khai thác dầu khí	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu và ồn.
8	Sửa chữa thiết bị địa vật lý giếng khoan dầu khí	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của chất phóng xạ.
9	Trực tiếp chỉ đạo sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các công trình dầu khí.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, bụi.
10	Sản xuất hóa phẩm dầu khí	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, rung, bụi và các hóa chất độc như: axit đậm đặc, xút...
11	Nấu mỡ từ sản phẩm dầu mỏ	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nóng, dầu, mỡ và các hóa chất phụ gia.
12	Sản xuất, pha chế dầu nhờn.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, dầu, mỡ và các hóa chất phụ gia.
13	Vệ sinh công nghiệp các phân xưởng pha chế dầu nhờn, nấu mỡ, sản xuất hóa phẩm dầu khí	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu, bụi, ồn và các hóa chất độc.
14	Bơm thử áp lực cần, ống khoan dầu khí	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn cao.

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
15	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị nấu mỡ, pha chế dầu nhờn, sản xuất các hóa phẩm dầu khí.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu, bụi, ồn và các hóa chất độc.
16	Gia công mẫu lõi	Chịu tác động của bụi, ồn và các hóa chất độc.
17	Tách lọc, phân tích địa - hóa, cơ - lý dung dịch khoan, dầu thô và các sản phẩm dầu khí	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất, xăng và dầu.
18	Chụp ảnh dưới ánh sáng tia cực tím.	Thường xuyên chịu tác động của tia cực tím.
19	Phân tích mẫu vi cổ sinh, thạch học và nước vỉa ô nhiễm.	Thường xuyên tiếp xúc với dung môi hữu cơ, axit HF, HCl, HNO3, CH2COOH
20	Tinh chế dung môi hữu cơ và các chất phụ gia.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng và các hóa chất độc như: Clorofooc, izopropanol...

6. Thể dục, thể thao:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Vận động viên đá cầu, bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông, quần vợt, cầu mây, bắn súng, bắn cung, nỏ, đấu kiếm, cờ vua, cờ tướng.	Cường độ làm việc cao, rất căng thẳng thần kinh tâm lý.
2	Huấn luyện viên bóng rổ, bóng ném, điền kinh, đua xe đạp, bóng nước, bơi, nhảy cầu, lướt ván, đá cầu, bóng chuyền, cầu mây, bắn súng	Thường xuyên làm việc ngoài trời, cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng lớn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
3	Giáo viên dạy thể dục, thể thao tại các khoa, trường chuyên thể dục, thể thao.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, cường độ làm việc cao, tiêu hao năng lượng lớn, căng thẳng thần kinh tâm lý.

7. Hóa chất

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Lấy mẫu, phân tích chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất...	Thường xuyên tiếp xúc với các hóa chất độc, ồn và bụi.
2	Vận hành, sửa chữa đồng hồ đo áp lực trong dây chuyền sản xuất hóa chất	Thường xuyên phải đi lại, tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của bụi và hóa chất độc.
3	Sửa chữa ắc quy	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc chì và axit.
4	Thí nghiệm, kiểm tra chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm ắc quy	Công việc thủ công, thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì và axit.
5	Nạp điện ắc quy trong dây chuyền sản xuất ắc quy	Công việc thủ công, tiếp xúc với hơi, bụi chì và axit.
6	Bốc xếp, vận chuyển hóa chất và các sản phẩm hóa chất trong công nghệ sản xuất hóa chất.	Công việc thủ công, nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với các loại hóa chất độc.

8. Sản xuất vật liệu xây dựng:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Xây, vá lò nung Clinker	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi.
2	Chọc kết than.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi, CO và CO2.
3	Vận hành máy xay, nghiền vật liệu chịu lửa	Thường xuyên chịu tác động của tiếng ồn, bụi có hàm lượng SiO2 rất cao.
4	Đốt, vận hành lò nung vật liệu chịu lửa	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của nóng, bụi có hàm lượng SiO2 rất cao.

9. Thông tin liên lạc:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
2	Trực tiếp chỉ đạo xây dựng cột cao ăngten.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của mưa, nắng, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
3	Sửa chữa thiết bị đầu cuối thuê bao (điện thoại, Fax, máy nhắn tin...)	Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
4	Tuần tra bảo vệ các tuyến cáp quang	Làm việc ngoài trời, thường xuyên phải đi tuần tra không kể ngày đêm, mưa, nắng.
5	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến cáp quang	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc ngoài trời không kể ngày đêm, mưa, nắng.
6	Chuyên khảo sát, đo đạc và lắp đặt các công trình thông tin	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
7	Vận hành khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng các tổng đài cửa quốc tế, tổng đài có dung lượng từ 10.000 số trở lên, các đài, trạm thông tin vệ tinh mặt đất, các trung tâm công nghệ, kỹ thuật cao và cáp biển	Công việc đơn điệu, thường xuyên chịu tác động của điện từ trường.
8	Hộ tổng viên kiêm lái xe ô tô bưu chính có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên hoặc trên các tuyến đường thư thuộc mạng cấp II ở các tỉnh miền núi	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc.
9	Hộ tổng bưu chính trên phương tiện tàu hỏa tuyến Bắc - Nam	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, rung, xóc.

10. Sản xuất bánh kẹo

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Vận hành máy sản xuất giấy tinh bột	Nơi làm việc chật hẹp, nóng, thiếu dưỡng khí, độ ẩm vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép, tư thế làm việc gò bó
2	Nấu kẹo thủ công	Công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên chịu tác động của nóng, CO, CO2
3	Nấu kẹo bằng hơi	Công việc nặng nhọc, làm việc trong môi trường nóng, tư thế lao động gò bó.
4	Làm nguội kẹo và quặt kẹo thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng.
5	Nướng bánh quy và kem xoắn thủ công	Công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng.

11. Du lịch

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Nấu ăn trong các nhà hàng, khách sạn, các bếp ăn tập thể có từ 100 suất ăn trở lên	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt, thường xuyên chịu tác động của nóng.
2	Cứu nạn ở các bãi tắm biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của sóng gió.

12. Thương binh và xã hội:

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Làm việc trong các cơ sở điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng bệnh nhân phong, lao, tâm thần, liệt, chấn thương cột sống, sọ não	Thường xuyên làm việc trong môi trường lây nhiễm cao, rất căng thẳng thần kinh tâm lý.
2	Sản xuất các dụng cụ chỉnh hình (chân, tay giả, giày, nẹp, áo chỉnh hình...)	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, ồn rất cao.

E. Các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo các thông tư và quyết định khác:

- Thông tư số 36/2017/TT-BLĐTBXH, 2017
- Thông tư số 15/2016/TT-BLĐTBXH, 2016
- Thông tư số 36/2012/TT-BLĐTBXH, 2012
- Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH, 2003
- Quyết định số 1580/2000/QĐ-BLĐTBXH, 2000
- Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ, 1996
- Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ, 1996
- Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ, 1995

Phụ lục 3. Các trường hợp ngoại trừ theo Công ước số 138 của ILO

Điều 5.

3. Phạm vi áp dụng Công ước này ít nhất phải bao gồm: các ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu; công nghiệp chế tạo; công nghiệp xây dựng; công nghiệp điện, khí đốt và nước; các dịch vụ vệ sinh; dịch vụ vận tải; kho bãi; thông tin liên lạc; đồn điền và các cơ sở nông nghiệp khác mà sản phẩm chủ yếu nhằm mục đích thương mại; song loại trừ những cơ sở sản xuất nông nghiệp mang tính chất gia đình hoặc có quy mô nhỏ, sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở địa phương và không thường xuyên thuê mướn lao động.

Điều 6.

Công ước này không áp dụng với những hình thức lao động do trẻ em hoặc người chưa thành niên thực hiện ở các trường phổ thông, giáo dục nghề nghiệp hoặc kỹ thuật hay trong các cơ sở đào tạo khác; hoặc với những công việc do những người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện trong các cơ sở kinh doanh, nếu được thực hiện theo đúng những điều kiện mà nhà chức trách có thẩm quyền quy định sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan, và là một phần không tách rời của:

- (a) một chương trình giáo dục hoặc đào tạo nghề mà trách nhiệm trước hết thuộc một trường hoặc một cơ sở đào tạo nghề;
- (b) một chương trình đào tạo nghề được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và được tiến hành chủ yếu hoặc toàn bộ tại một doanh nghiệp;
- (c) một chương trình hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn một nghề hoặc một hướng đào tạo nào đó.

Phụ lục 4. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
Vi phạm hành chính theo Bộ luật lao động 2019 được xử lý theo quy định tại Nghị định 95/2013/NĐ-CP		
16.	Không lập sổ theo dõi riêng khi sử dụng LĐ chưa thành niên hoặc không xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
17.	Sử dụng người dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng LĐ bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
18.	Sử dụng LĐ chưa thành niên làm việc quá thời giờ làm việc quy định	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
19.	Sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo
20.	Sử dụng LĐ là người chưa thành niên làm công việc, tại nơi làm việc bị cấm	Phạt tiền: 20-25 triệu đồng
21.	Sử dụng người dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép	Phạt tiền: 20-25 triệu đồng
Vi phạm hành chính theo Luật trẻ em 2016 được xử lý theo quy định tại Nghị định 144/2013/NĐ-CP		
22.	Cha, mẹ, người giám hộ, người nuôi dưỡng bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí và sự phát triển của trẻ em	Phạt tiền: 1-3 triệu đồng Chế tài khác: Xử phạt bổ sung; Khắc phục hậu quả
23.	Sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng hóa, hàng giả, hàng trốn thuế, tiền tệ trái phép	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Xử phạt bổ sung; Khắc phục hậu quả
24.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học	Phạt tiền: 1-3 triệu đồng Chế tài khác: Cảnh cáo; khắc phục hậu quả
25.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ nhà đi lang thang	Phạt tiền: 3-5 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý
26.	Cha, mẹ, người giám hộ ép buộc trẻ em đi lang thang kiếm sống; lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi	Phạt tiền: 5-10 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
27.	Tổ chức, ép buộc, cho thuê, cho mượn, sử dụng trẻ em để xin ăn	Phạt tiền: 10-15 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
28.	Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tham gia phục vụ đánh bạc, chứng kiến việc đánh bạc hoặc việc sử dụng trái phép chất ma túy	Phạt tiền: 3-5 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
29.	Đưa hình ảnh của trẻ em vào sản phẩm văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung khiêu dâm, bạo lực, kinh dị	Phạt tiền: 40-50 triệu đồng Chế tài khác: Khắc phục hậu quả
Nếu hành vi vi phạm cấu thành tội hình sự sẽ bị xử lý theo quy định trong Bộ luật Hình sự 2017		
30.	Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi	Phạt tiền: 30-200 triệu đồng Chế tài khác: Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm; Phạt tù từ 06 tháng đến 07 năm; Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 – 50 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 1-5 năm.

Phụ lục 5. Kết quả đánh giá tình hình lao động trẻ em trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng

Lao động trong doanh nghiệp

1. Số LĐ từ 15-dưới 18 tuổi đang làm việc: em
Số giờ LĐ trung bình: giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....
2. Số LĐ từ 13-dưới 15 tuổi đang làm việc: em
Số giờ LĐ trung bình:..... giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....
3. Số LĐ dưới 13 tuổi đang làm việc: em
Số giờ LĐ trung bình:..... giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....
4. Số con em trong gia đình đang tham gia LĐ và số giờ LĐ:
Dưới 13 tuổi:em
Từ 13-dưới 15 tuổi:em Từ 15-dưới 18 tuổi: em
5. Số em dưới 18 tuổi đang làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các hình thức lao động “tồi tệ nhất”:.....em
Công việc và nơi làm việc
.....
6. Số em vừa làm việc vừa đi học: em Số em đã bỏ học: em
Bỏ học vì những lý do gì:

Lao động trong chuỗi cung ứng

7. Tình hình lao động chưa thành niên đang làm việc tại nhà cung cấp, cơ sở vệ tinh, hộ gia công (chia theo nhà cung cấp/ cơ sở vệ tinh)

Số LĐ từ 15 - dưới 18 tuổi:..... em Số giờ LĐ: giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....

Số LĐ từ 13 - dưới 15 tuổi: em Số giờ LĐ: giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....

Số LĐ dưới 13 tuổi: em Số giờ LĐ: giờ/ngày (tuần)
Công việc và nơi làm việc
.....

Kết luận

8. Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong doanh nghiệp:
.....
.....
.....
.....

9. Biện pháp và thời gian khắc phục, người thực hiện:
.....
.....
.....
.....

10. Các vi phạm và nguy cơ vi phạm trong chuỗi cung ứng:
.....
.....
.....
.....

11. Biện pháp và thời gian khắc phục, người của doanh nghiệp phụ trách đánh giá lại:
.....
.....
.....
.....

Phụ lục 6. Ví dụ cam kết chính sách về lao động trẻ em của doanh nghiệp

TẬP ĐOÀN PENTLAND

- 4: Không sử dụng lao động trẻ em
- 4.1: Không tuyển dụng lao động trẻ em.
- 4.2: Nếu vi phạm về lao động trẻ em được xác định trong cơ sở hoặc khu vực của một nhà cung cấp, nhà cung cấp đó sẽ phải khởi động hoặc tham gia một chương trình để chuyển các trẻ em tham gia vào lao động trẻ em sang môi trường học tập có chất lượng cho đến khi các em đến tuổi thành niên.
- 4.3: Không một người nào dưới 18 tuổi được sử dụng làm việc vào ban đêm, làm công việc độc hại nguy hiểm hoặc trong điều kiện độc hại nguy hiểm.
- 4.4: Trong cam kết này, “trẻ em” nghĩa là người dưới 15 tuổi, trừ trường hợp luật quốc gia hoặc địa phương quy định một độ tuổi phổ cập giáo dục cao hơn tuổi lao động tối thiểu cao hơn. Trong trường hợp đó độ tuổi cao hơn sẽ được áp dụng. “Lao động trẻ em” nghĩa là bất kỳ công việc nào được thực hiện bởi một trẻ em hoặc một người trẻ tuổi, trừ khi công việc đó được coi là chấp nhận được theo Công ước số 138 của ILO về tuổi tối thiểu 1973.

(Nguồn: Pentland Group, www.pentland.com)

Phụ lục 7. Các yêu cầu của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em

1. Tuổi tối thiểu đối với công việc thông thường: tuổi
(nếu cao hơn luật Việt Nam)

2. Tuổi tối thiểu đối với công việc nguy hiểm độc hại tuổi
và các hình thức lao động “tồi tệ nhất”: (nếu cao hơn luật Việt Nam)

3. Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh
của doanh nghiệp, theo quy định của luật Việt Nam:
.....
.....

4. Các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại trong lĩnh vực kinh doanh
của doanh nghiệp, theo quy định của khách hàng (nếu khác luật Việt Nam):
.....
.....

5. Quy định của khách hàng liên quan đến lao động trẻ em:
i)
.....
ii)
.....
iii)
.....
.....

Văn phòng ILO Việt Nam

Tòa nhà Xanh Một Liên Hợp Quốc
304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

 +84 24 38 500 100

 hanoi@ilo.org

 www.ilo.org/hanoi

 [Vietnam.ILO](https://www.facebook.com/Vietnam.ILO)



ISBN: 9789220320426 (web pdf)